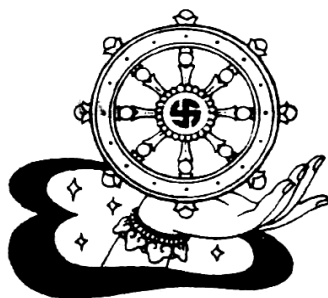


GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



GIÁO LÝ CƠ BẢN TẬP 1 VÀ 2

(Tài Liệu H- ớng Dẫn Phật Tử Tu Học)



Biên soạn: TT. Thích Thiện Ph- ơng

Chùa Tam Bảo

An Sơn - Tam Kỳ - Quảng Nam

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DẪN NHẬP	6
A. VU LAN	7
NHỮNG BÀI THƠ VỀ MẸ.....	15
QUAN ĐIỂM NGHIỆP TRONG ĐẠO PHẬT	20
CÔNG NĂNG CỦA GIỚI THỂ	25
Lúc chưa thành Phật.....	29
VÀI Ý NGHĨA CỦA ĐẠO ĐỨC	29
ÁC MA	30
TẶNG BAN TRONG THỜI LÝ TRẦN.....	33
NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO.....	34
NHỮNG NGỘ NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỜI ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO	37
ĐƯỜNG LỐI TU HỌC	43
NỀN TẢNG VIỆC TU TRÌ	44
PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ.....	47
CÁI GÌ SẼ LÀM CHO CON NGƯỜI TIẾP ĐỜI SAU ?.....	51
MỤC ĐÍCH TU HỌC	51
LỊCH TRÌNH HỌC PHẬT	53
CÁCH LOẠI SUY GIÁO PHÁP CỦA VUA BA TƯ NẶC.	55
BẢY PHÁP KHÔNG SUY THOẢI	58
ÁP DỤNG ĐẠO ĐỨC TRONG CHÍNH TRỊ.....	62
LÒNG BAO DUNG CỦA CÔ GIÁO CHỦ NHIỆM.....	65
PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH VỚI DÂN TỘC	70
CHÍNH SÁCH NỘI TRỊ VÀ NGOẠI GIAO CỦA NHÀ TIỀN LÊ.....	74
VAI TRÒ ĐẠO PHẬT TRONG XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI	78
Ý NGHĨA XUẤT GIA.....	83
ÂM NHẠC TRONG NGHI LỄ PHẬT GIÁO.	91
HIẾU LÀM.....	94
NHÂN NÀO QUẢ NẤY	95
NĂM ĐIỂM TÔN GIÁO CÓ ĐƯỢC	97

NĂM ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO KHÁC BIỆT	99
TOÀN CẢNH TÔN GIÁO CÓ MẶT TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM.....	109
NGŨ PHÚC LÂM MÔN (5 phước vào cửa).....	111
THÍ THỰC ĐƯỢC 5 LOẠI PHƯỚC BÁO.....	112
PHÚ QUÝ	115
TRƯỜNG THỌ	117
NĂM PHÁP KHÓ TÌM ĐƯỢC Ở ĐỜI.....	122
LỜI NÓI DỐI CHÂN THÀNH.....	126
THƯ VIẾT VỀ CHO VỢ.....	128
QUẢ THẬT LÀ KHÓ, QUẢ THẬT LÀ KHỔ	129
LỢI HẠI CỦA CÁI LƯỜI.....	131
NGŨ PHẦN KHẢO	132
SỐNG VÀ CHẾT	135
CHỮ NHẪN TRONG KINH PHẬT	137
LY VÀ TÀN.....	141
TRỤ TRÌ HOÀNG DƯƠNG CHÁNH PHÁP.....	153
VAI TRÒ NGƯỜI TRỤ TRÌ TRONG THỜI HIỆN ĐẠI	155
HIẾU ĐẠO	160
QUY Y TAM BẢO	168
Bài đọc thêm : TƯ CÁCH NGƯỜI PHẬT TỬ	175
TÍN NGƯỠNG PHẬT GIÁO CÓ NHẤT ĐỊNH PHẢI QUY Y TAM BẢO HAY KHÔNG	176
VỊ TRÍ NGƯỜI TẠI GIA TRONG PHẬT PHÁP	179
NGƯỜI TẠI GIA LÀ THỂ NÀO ?	180
Bài đọc thêm: NHỮNG ĐIỀU TIẾN BỘ ĐẠO ĐỨC.....	181
MỤC ĐÍCH NGƯỜI TẠI GIA.	182
NGƯỜI TẠI GIA HIỂU ĐỨC PHẬT	184
ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA NHƯ SAU.....	184
ĐẠI CƯƠNG GIÁO LÝ CỦA NGƯỜI TẠI GIA	187
Ý NGHĨA TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI.....	187
TRÁCH NHIỆM NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA	189
NHIỆM VỤ HỘ PHÁP CỦA NGƯỜI TẠI GIA	194

QUAN NIỆM PHẬT TỬ ĐỐI VỚI CÁI CHẾT	198
NHỮNG ĐIỀU BÊN KIA CỦA TỬ	203
LY BIỆT KHÔNG DỪNG	207
NHỮNG ĐIỀU NGƯỜI PHẬT TỬ CẦN BIẾT	208
KHÁI NIỆM VỀ GIỚI LUẬT	210
VẤN ĐỀ DUY NHẤT	212
VỊ TRÍ VÀ TƯ THẾ NGỒI TRONG CÔNG PHU TU THIỀN VÀ NIỆM PHẬT.....	212
CẢM NIỆM VU LAN PL :2539 (1995).....	217
PHÁP ỨNG XỬ.....	219
NGHE PHÁP LÀ HẠNH LÀNH	229
NGHIỆP VÀ NHÂN QUẢ	230
BA ĐIỀU KHIÊM KHUYẾT	232
TÁI SANH LÀM NGƯỜI LÀ RẤT KHÓ	238
ĐIỀU KHÔNG THỂ	241
NGHĨ VỀ TU TÂM	242
PHÁT TÂM.....	245
TỘI TỔ TÔNG (phải chết).....	247
PHÁP SÁM HỐI.....	249
CÁC BÀI NHẠC ĐẠO.....	259
CUNG NGHINH HÀNH XỨ NHƯ LAI.....	260
MẾN THẦY.....	261
MẸ TỬ BI	261
SEN VẪN NỞ TRÊN MIỀN TÂY PHƯƠNG	262
BÀI XÜNG TÁN THẦN CHÚ ĐẠI BI	263

DẪN NHẬP

Một hành giả tu tập chập chững từng bước từ bờ mê qua bến giác, phải có ba phần cơ bản không thể thiếu, đó là “ Văn, Tư, Tu ” . Bước đầu là “ Văn ” văn có nghĩa là nghe. Nghe để rồi suy nghĩ điều mình đã nghe, nghe rồi chọn lọc những điều hay lẽ phải trong việc đã nghe gọi là “ Tư ”, là suy tư. Sau khi suy tư, kể đến đem điều mình đã nghe và suy nghĩ áp dụng vào cuộc sống hằng ngày đó gọi là “Tu” . Sự nghe hiểu áp dụng vào cuộc sống hằng ngày làm thế nào không trái với đạo và không trở ngại cho đời. Nó phải được vận dụng chọn lọc của sự suy tư. Vậy bước đầu là “ Văn ” nghe từ đâu ? Nghe từ thầy, từ bạn, từ kinh và từ sách.

Trong thời buổi bôn chen vật chất nặng hơn tinh thần, tình cảm nặng hơn lý trí, tìm thầy tìm bạn là việc rất khó. Kinh sách có nhiều loại, tìm loại sách thích ứng với trình độ căn cơ của mình lại càng không dễ. Vả lại thầy hay bạn tốt nếu có cũng không thường xuyên với mình được. Duy có kinh sách nào thích hợp với tâm lý và đời sống của mình thì là người bạn đồng hành tốt cho ta nên chọn.

Với lý do đó, chúng tôi gộp nhặt, chọn lọc những bài trong các kinh, các báo, những ý hay lời đẹp kết nẹp lại thành tập, đồng thời cũng phụ họa vào đôi lời để cho mỗi bài thêm chút phần sung mãn để tiện việc học và đọc cho các vị hành giả ham tu thích đọc có tài liệu nghiên cứu và rút ra những ý niệm tốt áp dụng trong việc tu học của mình càng thăng tiến hơn.

Với mục đích trên không ngoài cùng mong cho nhau đồng nguyện vãng sanh, đồng diện kiến Phật Di Đà, đồng ngộ vô sanh, đồng thành Phật đạo. Trong sự kết tập không sao tránh khỏi sự thiếu sót, mong rằng đạt ý quên lời mà tùy hỷ những điều sơ sót có thể xảy ra.

Đầu hạ PL 2555. 5- 2011

Kết tập

Thích Thiện Phương

A. VU LAN

Suốt đời ai cũng cần phải có một chữ “tình” để tồn tại và vươn lên, có những thứ tình thoáng qua nhẹ nhàng và trôi mất, nhưng có một thứ tình mà đến tận cuối đời người mà vẫn thường ca tụng và nhắc nhớ mãi về sau. Đó là tình yêu cha mẹ

Tình yêu thương của cha mẹ bao la và bất diệt. Tình yêu ấy có ngay từ lúc lọt lòng mẹ, vừa cất tiếng khóc chào đời, chúng ta đã cảm nhận ân đức sâu dày của cha mẹ đã tác thành và yêu thương mình. Chúng ta ngưng khóc khi có bàn tay ấm áp của cha mẹ vỗ về an ủi. Cũng chính tình yêu thương đó đã làm nền tảng đạo đức xây dựng cho ta lớn lên thành người.

Tình cha ấm áp như vàng thái dương,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Đây là một ân huệ cao quý nhất mà cuộc đời đã trao tặng cho chúng ta, hãy trân trọng, quý báu ngay còn sống bên cha mẹ. Rồi mai đây, một ngày nào đó, tôi cùng quý vị, mọi người ai cũng có lúc xa cha mẹ, thì có lẽ nào chúng ta không quan tâm và hiếu kính cha mẹ. Dù bạn có thành nhân chi mỹ, đứng trên danh lợi cao tốt của xã hội mà cha mẹ không còn thì bạn sẽ cảm thấy cuộc đời này trống vắng và thiếu ý nghĩa. Dù bạn có được nhiều người ca ngợi tán dương nhưng cha mẹ không còn thì cuộc sống của bạn có phần thiếu thốn. Rồi ai cũng vậy, thế thì ngay bây giờ chúng ta hãy làm tròn bổn phận của người con hiếu thảo, để rồi một ngày nào đó vô thường đến phải xa cha mẹ chúng ta không cảm thấy ăn năn hối hận và bớt đi sự xót xa.

Hơn thế, sự báo hiếu không chỉ dừng lại trong đời này, mà cha mẹ ở trong vô lượng kiếp quá khứ nữa. Cho nên chỉ có con đường duy nhất là làm theo lời Phật dạy, tu tập giải thoát ra khỏi luân hồi, chúng ta mới có cơ hội báo đáp được thâm ân của cha mẹ trong muôn một.

Vì thế có nhiều thứ hiếu trong cuộc sống hằng ngày mà ta đang và sẽ tiếp cận như : Hiếu dưỡng, hiếu kính, hiếu đạo, hiếu thuận, hiếu thảo, hiếu nghĩa, hiếu hoà, hiếu trung, hiếu đễ, hiếu học, hiếu khách. . . .

Nhân mùa Vu Lan chúc các người con làm tròn chữ hiếu, chúc các người cha người mẹ hiện còn sức khoẻ, nuôi con tốt dạy con ngoan. Cầu nguyện những người cha người mẹ đã quá vãng siêu sanh tịnh độ.

Công cha nghĩa mẹ rất cao dày, đã lo cho con từ trong bụng mẹ, cho nên ca dao VN có câu : “ Đặt con vô dạ mẹ đi tu ”. Khi mang thai con vào lòng, người mẹ không còn ham chơi, vui đùa như khi còn trẻ, phải kiên cử đủ thứ, đi đứng nằm ngồi người mẹ phải nhẹ nhàng khoan thai . . . Mọi hành động nói năng, ăn uống, suy nghĩ, vui buồn đều ảnh hưởng đến thai nhi. Vì thế thời gian mang thai người mẹ không những tu thân mà còn phải tu tâm. Không làm những việc nặng nhọc, không buồn lo đau khổ, mà phải sống vui vẻ lạc quan thì đứa con sinh ra mới khoẻ mạnh và ngoan hiền. Ca dao VN cũng có câu : “ Cơm sôi bớt lửa, người chữa bớt lời ”. Chứng tỏ rằng sự hạn chế về thân, về tâm của người mẹ trong khi mang thai rất cao độ mới bảo toàn được đứa bé. Cho nên Phật nói mẹ sinh ra thân ta được an toàn là một phước đức lắm vậy.

Ngày nay, người ta quan tâm thai dưỡng, mà ít quan tâm đến thai giáo như ngày xưa. Do những yếu tố chủ quan và khách quan tác động mà ngày nay có nhiều đứa trẻ béo phì, trầm cảm, hung hăng tiềm ẩn mầm mống bạo lực về tệ nạn.

Vì thế muốn có người con có hiếu, ngoan hiền cha mẹ phải biết tu thân, tề gia để làm gương cho con. Đồng thời cha mẹ hiền là bài học muôn đời cho con cháu. Hiền đức là cội gốc của phước lành, trong kinh nói :

Điều lành cao tốt chẳng gì bằng hiếu,
Điều cực ác chẳng gì bằng bất hiếu.

Kinh Nhẫn Nhục

Thờ cúng trời đất quý thần chẳng bằng hiếu thảo với cha mẹ,
Cha mẹ là hai vị thần sống cao tốt vậy.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương

Trong lịch sử tôn giáo thế giới, chúng ta không thể tìm thấy một vị giáo chủ nào mà lại dạy đệ tử mình phải kính trọng cha mẹ ngang hàng với mình:

Gặp đời không có Phật, nếu biết kính phụng cha mẹ tức là thờ kính Phật vậy (Kinh Đại Tập)

Trong kinh Báo Ân Phật đã dạy thâm thiết nhất là hình ảnh của mẹ chín tháng cưu mang, ba năm nhũ bộ, nhường ráo nằm ướm, nuốt đắng nhả ngọt, thương mến nâng niu, trông nom , dạy dỗ,. Được Đức Phật dạy trong kinh qua 10 ân như sau :

- 1- *Ân chín tháng 10 ngày mang thai nặng nhọc khổ sở.*
- 2- *Ân gần ngày sinh nở, mẹ lo lắng bồi hồi không yên*
- 3- *Ân khi sinh nở, đau đớn , khổ sở vạn trạng.*
- 4- *Ân sinh con rồi, lo nuôi con ăn đắng nhả ngọt.*
- 5- *Ân nằm chỗ ướm nhường chỗ khô con nằm,*
- 6- *Ân nuôi nấng, bú mớm,*
- 7- *Ân Tắm gội, gặt giữ,*
- 8- *Ân con đi xa lòng mẹ nhớ thương không nguôi*
- 9- *Ân vì con mà mẹ cam đành làm các việc ác,*
- 10- *Ân mẹ trọn đời yêu thương.g con*

Quan niệm về chữ hiếu của Trung quốc cũng đề cao công lao của người mẹ bằng chín chữ cù lao. Từ lúc mẹ đẻ ta ra cho đến khi khôn lớn, chữ không nói cạn kể như Đức Phật đã diễn tả trạng thái tâm lý, vật lý của người mẹ từ khi mang thai đến lúc sanh nở nuôi nấng con

cho đến trọn đời, vì lo cho con mà lòng mẹ theo dõi con như bóng theo với hình.

Trong kinh Thi Đức Khổng nói : “ Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, phủ ngã, súc ngã, trưởng ngã. dục ngã, cố ngã, phục ngã, xuất nhập phúc ngã.”

(Cha vậy sanh ta, mẹ vậy cho ta, bú , ẵm , nuôi, giữ, dạy, trông nom, săn sóc, ra vào nâng niu ta, người đời gọi chín chữ cù lao.

Mỗi người có mỗi hoàn cảnh khác nhau nhưng tất cả đều có chung một hạnh phúc đó là được đắm mình trong bầu trời thương yêu tuyệt vời của tình mẹ.

Mẹ hiền là người suốt đời đã quên mình vì con, hy sinh tất cả cho con. Đó là bà mẹ đã chưa một lần đến trường để học chữ nhưng đã biết nuôi con, biết lo cho con lớn lên trở thành những người có học thức, có địa vị cao trong xã hội. Những người mẹ quê mùa không biết chữ nhưng giỏi nuôi con thành những người tài đức. Những người mẹ thức trắng đêm để lo cho con khi con đau ốm, những người mẹ buôn tảo bán tần, chịu thương chịu khó để nuôi cho con khôn lớn ăn học trưởng thành. Dù cực dù khổ mẹ vẫn không hề kêu ca, mẹ vẫn vui khi con khôn lớn nên người.

Lại có những bà mẹ vừa có tài vừa có đức sanh thành dưỡng dục con cái trở nên những con người vĩ đại lưu danh hậu thế. Những người mẹ này họ chú trọng khi còn mang thai như mẫu thân của Đức Khổng Tử, bà Mạnh Mẫu sinh ngài Mạnh Tử.v. v.. Những bậc vĩ nhân như thế đều ảnh hưởng sự nuôi dưỡng của người mẹ.

Nhân loại sung sướng và tự hào khi có những bậc hiền mẫu đã sinh ra những bậc vĩ nhân như vậy. Tình mẹ muôn đời bất diệt, lòng mẹ dành cho con muôn thuở vẫn vô biên, bất tận.

Ngày xưa khoa học chưa phát triển, kinh tế eo hẹp, giao thông không thuận, ngành y tế chưa phát triển, mọi sinh hoạt đều hạn chế

vấn đề nuôi con rất vất vả trăm bề. Ngày nay khoa học phát triển kinh tế, y tế, giáo dục, giao thông mọi tiện nghi đều đầy đủ, do đó sự nuôi dưỡng con có phần bớt cơ cực vất vả hơn. Nhưng ngược lại chính những tiện nghi, tiện dụng của thời đại mới lại sản sinh ra những người mẹ thiếu bốn phần nuôi con, đánh mất đi cái thiêng chức làm mẹ. Nhiều người nữ có thai trước tuổi thành niên, trước hôn nhân, ngày càng nhiều phụ nữ đi nạo phá thai, nhiều người mẹ sau khi sinh nỡ đem con quẩn bờ quẩn bụi v.v.. Từ những phương pháp kế hoạch hoá gia đình, hạn chế sinh đẻ bằng những biện pháp của khoa học, y học đã gia tăng cho người nữ nhiều chứng bệnh và tách hư tật xấu vì trông chờ vào sự can thiệp của ngành y tế. Và cũng từ những biện pháp xử lý hạn chế sinh đẻ lại sinh ra những đứa con không lành mạnh về thể xác, ngày ngày có rất nhiều em bé ra đời với thân thể không tròn vẹn do ảnh hưởng phương pháp trừ phá thai.

Chúng ta thấy lời dạy của Phật rất lợi ích cho cuộc sống bình thường của con người, nhưng con người không tin lại cho rằng những người tin Phật là mê tín. Đức Phật vì cái đau khổ của kiếp nhân sinh, mà Ngài thị hiện ra cõi đời này để chỉ cho chúng sanh biết được cái khổ và đề ra phương pháp diệt khổ, thế mà con người không tin. Thí như Đức Phật đưa ra năm giới cấm cho người tại gia hành trì, tức là sự bảo vệ hạnh phúc cho con người và đem lại an ninh trật tự cho xã hội. Phần đông các gia đình VN nói riêng toàn thế giới nói chung, đều mất hạnh phúc bắt nguồn từ hai giới tà dâm và rượu chè cờ bạc mà ra.

Mong rằng những người nào đàn ông, hay đàn bà muốn có hạnh phúc cho gia đình mình, cho xã hội thì nên thực hành hai giới cấm phật đã dạy là tà dâm và rượu chè, cờ bạc. Hai giới này không những bảo vệ bản thân mình, hạnh phúc gia đình mình mà còn góp phần xây dựng an ninh trật tự xã hội một cách thiết thực. Hằng ngày không biết

mấy vụ tai nạn giao thông, đánh lộn, cướp giật xảy ra đều phát nguồn từ say rượu, cờ bạc và hút sách mà ra.

Vậy muốn một có một gia đình hạnh phúc, một xã hội an vui trật tự, người tin Phật, người làm theo lời Phật dạy, thì cực lạc trần gian sẽ hiện tiền, và dâu hiền rể hiếu, cháu ngoan không cầu mà có, của cải không lo mà dư, nhà nhà ban đêm ban ngày không then cài khoá chốt mà không mất của. Cha mẹ, vợ, chồng không thức trắng đêm mà chờ .

..

Người con, người chồng đi uống rượu, đánh bạc chưa về. Vợ con chờ cơm bắt nguội mà chưa thấy người chồng, người cha về cùng ăn .
.. Những vụ đánh nhau vì ghen tuôn, những vụ ly dị càng ít đi. Những trẻ em lang thang đầu đường xó chợ cũng ít đi v.v... Nếu mọi người biết tuân giữ hai giới tà dâm và rượu chè.

Muốn làm tròn đạo nghĩa vợ chồng. con cái trong gia đình mọi người nên thực hành luân lý đạo đức. Nói đạo đức tức là thực hành giới đức, có giới mới phát sinh ra đức. Giới là sự ngăn ngừa hành vi sai quấy con người, giới bảo vệ sức khỏe và tinh thần con người được lành mạnh trong sáng. Giới không phải sự ràng buộc mà là sự tự do, vì sao thế ? Vì người không làm những việc xấu, không vi phạm pháp luật thì được mọi người kính trọng tin cậy, ngược lại người thiếu giới đức thì không ai tin cậy là người thiếu tự do. Mà người được trọng dụng tin cậy là người có khả năng báo hiếu đền ơn và làm việc lợi ích cho nhiều người. Người như thế là người có hiếu, người biết đền ơn nhớ ơn.



Trong các tôn giáo trên thế giới chúng ta chưa thấy một giáo chủ nào mà khuyên dạy đệ tử mình một cách tử mỹ và khoa học như Đức Phật. Đức Phật được tôn xưng là bậc “ nhất thiết trí ” là người có trí biết tất cả pháp, không có việc gì không biết, biết một cách rành rẽ sự

việc như trái cam trên bàn tay, dù việc đó ở xa hàng bao nhiêu cây số, hay việc đã qua lâu rồi, hoặc việc sẽ đến thời gian trăm năm, ngàn năm đến. Đức Phật nói đã như vậy, sẽ như vậy không sai. Vì thế đạo Phật không những đi trước khoa học mà còn vượt trên khoa học, Vì sao thế, vì khoa học chỉ khảo sát trên hiện tượng giới, chứ không thể tìm hiểu được gì trong nguồn tâm thức của con người. Sau đây kinh Vu Lan, kinh Báo Ân sẽ cho ta thấy điều đó .

Trong kinh Báo Ân Phật kể mười ân khó nhọc khi người mẹ mang thai, sinh nở cho đến nuôi con, lo cho con trọn đời. Trong đó Phật nói ân cưu mang đưa con trong bụng, từ khi bắt đầu cho đến sanh ra, Phật mô tả sự hình thành của một thai nhi trong 10 tháng, qua mười giai đoạn: Trong 10 tháng mang thai này Phật nói tâm lý của người mẹ thật khổ sở cùng cực mới sanh được ta.

- 1- *Thai tháng thứ nhất như sương trên ngọn cỏ.*
- 2- *Thai tháng thứ nhì như váng sữa.*
- 3- *Thai tháng thứ ba như cục huyết động*
- 4- *Thai tháng thứ tư hơi thành hình*
- 5- *Thai tháng thứ năm mới có đầu và hai chân , hai tay,*
- 6- *Thai tháng thứ sáu mới có 6 giác quan:mắt,tai, mũi, lưỡi và ý mới khai tượng*
- 7- *Thai tháng thứ bảy gân cốt, lông da mới đủ,*
- 8- *Thai tháng thứ tám đủ lục phủ ngũ tạng*
- 9- *Thai tháng thứ chín mới thành đứa bé hấp thụ nguyên khí của mẹ mà sống.*
- 10- *Thai tháng thứ mười mới bắt đầu sanh.*

Đến khi sanh nếu đứa bé sanh xuôi thì đỡ bị tổn thương người mẹ, còn đứa bé sanh ngược nó cào cấu tâm can, phá đập thai bào làm cho người mẹ phải đau đớn vạn trạng. Cho nên sanh được thân này là may mắn phước đức lắm vậy.

Các nước trên thế giới, nước nào cũng có công nhận công lao của người phụ nữ về vấn đề sinh đẻ, nuôi con. Nhưng chưa nước nào có một sự khuyến dạy kỹ càng như Phật phải biết ơn nhớ ân người mẹ như Phật dạy. Nếu mọi người biết ơn nhớ ơn người phụ nữ, thì giới đàn ông không coi thường giới nữ, để đến nỗi xem giới nữ như một công cụ để người nam sai khiến, phục vụ. Từ cái thành kiến trọng nam kinh nữ mà người đàn ông xưa và nay họ dành quyền gia trưởng, người nữ phải thủ phận không dám kêu ca. Nhiều người nam bất tài vô dụng mà người nữ phải suốt đời trung thành phục vụ, dù bị đánh bị đày cũng cam lòng chịu không dám lên tiếng.

Trong chế độ phong kiến ngày xưa, người nữ chỉ làm nhiệm vụ sinh đẻ và nuôi con, họ không biết gì về việc ngoài xã hội, không học không tham gia những việc gì trong xã hội. Tất cả quan chức từ thượng tầng đến hạ tầng cơ sở đều là nam giới cả. Thời đại ngày nay thì có thay đổi nhưng chưa cân bằng, số nữ giới tham gia ngoài xã hội trên bộ máy hành chính chưa có nhiều. Trên cả thế giới có khoảng chừng trên dưới 10 người nữ làm thủ tướng, con số còn khiêm tốn. Nhưng trong đạo Phật, Phật đã cho thành lập giáo đoàn ni giới có sự hoạt động ngang hàng với nam giới, có đầy đủ quyền và lợi như nam. Bên nam giới có hoà thượng nam, thì bên nữ cũng có hoà thượng nữ, bên nam có độ đệ tử thì bên ni giới cũng có quyền độ đệ tử. Bên nam đăng đàn thuyết pháp, làm chủ một tu viện, v.v thì bên ni cũng vậy. Bên nam có chứng đắc đến A La hán quả thì bên ni cũng có người chứng quả như bên nam giới. Để cho ta thấy vấn đề bình đẳng giới trong đạo Phật rất rõ ràng và công khai từ xưa đến nay. Với tinh thần bình đẳng này Đức Phật đã cứu khổ cho nữ giới ra khỏi cái thành trì kiên cố mà chưa có ai làm được. Thứ nữa đức Phật đưa ra năm giới cấm, trong đó có giới dâm và tà dâm nó cũng đã cứu thoát cho người nữ ra khỏi cái khổ cái nạn của người đàn ông áp đặt cho đàn bà.

Giới của Phật chế ra không phải là sự ràng buộc, mà là sự bảo vệ cá nhân mỗi người nam giới hay nữ giới. Bảo vệ không những cơ thể sức khỏe mà cả tinh thần, trong đó có sự lợi ích cá nhân gia đình và xã hội nữa. Người đời không hiểu cho giới luật Phật là một sự kiềm chế không tự do, ngược lại khi chấp nhận giới luật Phật chế người đó là kẻ không những tự do mà vượt lên trên cái tự do bình thường mà con người quan niệm.



NHỮNG BÀI THƠ VỀ MẸ

Đôi Lời Về Mẹ

Dẫu biết rằng cuộc đời như giấc mộng Nam Kha, ai cũng phải một lần ra đi vĩnh viễn, nhưng với tình mẫu tử thiêng liêng, giòng máu của mẹ lưu đọng trong thân thể của mỗi đứa con, làm sao các con quên được.

Hôm nay nhân ngày tuần chung thất để tỏ tấm lòng hiếu kính, các đứa con tề tựu về đây làm lễ kỳ siêu hồi hướng cho mẹ nhẹ gót siêu sanh tịnh độ.

Những đứa con của mẹ làm sao quên được hình ảnh của người mẹ thân thương.

“Cánh cò công nắng công mưa

Mẹ con công cả sớm trưa cuộc đời”

Mẹ bước vào đời với tuổi đôi mươi, lấy chồng rồi sinh con, 9 lần sinh nở là 9 lần ruột đau. Khi con biết đòi ăn, mẹ là người mớm cho con muống cháo, khi con đòi ngủ mẹ là người thức hát ru con, dòng sữa mẹ nuôi lớn con từng ngày, từng tháng, từng năm, chúng con lớn lên trong vòng tay của mẹ. Đâu biết rằng mẹ phải một nắng hai sương, nơi đường xa phố vắng, nơi đồng cạn đến đồng sâu, vất vả sớm trưa

mà không hề than vãn, miễn sao mong cho các con mạnh khỏe nên người, các đứa con của mẹ bây giờ đã tròn bē gia thất.

Vẫn biết rằng tình mẫu tử thiêng liêng, mỗi lần một đứa đi xa là một lần mẹ để lòng trông ngóng . Mỗi lần về thăm mẹ, tự tay mẹ nấu chén cháo miếng cơm, ôi ăn thấy sao mà ngon thế, tấm lòng của mẹ là vậy đó. Chúng con vẫn biết thương mẹ, nhưng chẳng biết đáp đền làm sao. Cuộc đời của mẹ 80 năm là một chuỗi ngày dài đầy lo âu và trông đợi, nào chồng nào con. Mẹ vẫn canh cánh bên lòng một điều mong sao cho các đứa con đều mạnh khỏe bình an vô sự làm ăn phát đạt. Mấy đứa con lớn lên, mỗi đứa một nơi tìm kế sinh nhai, mẹ một mình ở nhà sớm hôm quanh quẩn trông chờ từng đứa.

Thật là : *Mẹ già tóc bạc bao lòng khóc*

Đã bao lần khóc chuyện cháu con

Dẫu biết rằng vô thường là lẽ thật, nhưng dòng máu của mẹ đang chảy trong thân thể chúng con, chúng con làm sao quên được. Hôm nay nhân ngày chung thất trai tuần của mẹ, chúng con mạo muội bệch bạch đôi lời tỏ lòng với mẹ, mong mẹ về đây với chúng con, chứng giám lòng chúng con mà nhận lãnh trai diên. Ngưỡng mong chư tôn đức, chư đạo hữu chùa . . .

Đồng âm di khẩu nhất cú nhất kệ hộ niệm cho mẹ chúng con được nhẹ gót tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Nam mô A Di Đà Phật.

ÂN CƯU MANG

Thân trọng như non Thái
Động tịnh tự phong tai
Áo the đành xóc xếch
Gương sáng biếng trang đài

★♥★

ÂN NHƯỜNG KHÔ MẸ NÀM ƯỚT

Tự mình nằm chỗ ướt
Chỗ ráo để cho con
Hai vú phòng đói khát

Cho con cuộc sống nụ cười đầu tiên

Không còn gì để dành riêng,
Mẹ là nắng ấm dịu hiền bao dung
Mẹ ơi nói mấy cho cùng
Giữa con với mẹ thơ chung một tờ
Thầm nghe tiếng vọng ầu ơ
Kiếp tầm đẩu hết dây tơ còn vàng.

★♥★

Thuở lên ba con tập đi tập đứng
Mẹ dìu con chập chững bước trên giường

Hai tay ử gió sương
Thâu đêm nằm chẳng ngủ
Nâng niu tựa ngọc vàng
Những mong con vui vẻ
Lòng mẹ mới được yên

★♥★

ÂN ĐI XA MẸ THƯƠNG NHỚ

Đi xa lòng mẹ thương nhớ
Từ hết lòng khôn nhẫn
Sinh ly dạ đáng thương
Con đi đường xa cách

Lòng mẹ chôn tha phương
Mẹ cho con trọn cả thân người

MẸ VÔ CÙNG

Mẹ là biển thăm bao la
Mẹ là dòng suối mẹ là gương trong
Mẹ là nghĩa cử vô cùng,
Mẹ là một khối tình chung đời đời
Mẹ là đất mẹ là trời,
Mẹ là hơi thở không rời thân con
Sông dầu cạn núi dầu mòn
Mẹ thương từ thuở con còn trong nôi
Khi chưa biết đứng biết ngồi
Bao cơn đói lạnh trở trời mẹ lo
Thịt xương này của mẹ cho,
Mẹ thương không hạn bến bờ mẹ ơi !

MẸ

Con không đợi ngày kia khi mẹ mất
Mới giật mình khóc lóc,
Những dòng sông trôi đi,
Có trở lại bao giờ,
Con hoảng hốt trước thời gian khắt
nghịch,
Chạy điên cuồng qua tuổi mẹ già nua,
Mỗi ngày qua đi, mỗi giờ đi qua,
Con bỗng thấy ngẩn ngơ,
Ai níu nổi thời gian, ai níu nổi ?
Con mỗi ngày một lớn lên,
Mẹ mỗi ngày thêm già cỗi,
Cuộc hành trình thâm lặng phía hoàng
hôn
Con không đợi đến ngày kia

Gối tay bèo dựng kín một chân tường
Sợ con té trầy da non gót nỏn,
Con dợm bước đi mẹ cười mon trớn
Giỏi đi cùng bước nửa đi cùng,
Bước thứ hai từng bước nhỏ ngập ngừng,
Sợ con té vịn chùng con trẻ,
Bước ba bước mẹ cười như nút nẻ,
Con cũng cười rồi quy té trên giường,
Thành gôi ôm sụp đổ trên giường,
Mẹ hoảng hồn ôm con rồi ve vuốt.

DÃ TRĂNG XE CÁT

Vo vo cát trắng , trắng tròn vo
Xe cát làm chi mãi diễn trò,
Thân phận dã tràng sao luống bặt
Năm năm tháng tháng nhọc nhằn vo
Năm năm tháng tháng nhọc nhằn vo
Phô diễn công năng chỉ một trò
Cát trắng vo tròn huren cát trắng
Ngày ngày sao cứ mãi lo vo,
Ngày ngày sao cứ mãi lo vo,
Chẳng biết công phu chẳng đổi trò
Giác tỉnh nhìn qua con giả mộng
Nhọc chi kiếp kiếp mãi lo vo.
Nhìn tổ quốc đẹp thiên thu.

★♥★

KIỆN BÒ MIỆNG CHÉN

Miệng chén bò quanh kiến khó phân thân
Tiếc đâu chân mỗi mãi ân cần
Tưởng rằng lui tới nên công nghiệp
Nào biết lại qua luống nhọc thân
Để lại miệng đời câu nhắc khéo
Còn ghi người thế chuyện cười rân !
Đây gương ngôn ngữ xưa hàm ẩn
Nhấn khách nhàn du thử lượng cân.

★♥★

CÔNG CHA

Cha tôi tuy đã già rồi
Vẫn còn cặm cuội để nuôi cả nhà
Canh năm vừa dứt tiếng gà
Cha tôi lại vác cuốc ra ngoài đồng

Có người cài lên áo cho con một bông
 hồng,
Mới thoáng thốt nhận ra mình mất mẹ
Mỗi ngày đi qua đang cài giùm con một
 cái bông hồng
Hoa thì đẹp có sao lòng hoảng sợ.

ĐÔI MẮT CỦA MẸ CHO CON

Mẹ cho con đôi mắt sáng ngời,
 Để nhìn đời và để làm duyên,
 Đời cho em đôi mắt màu đen
 Để thương để nhớ để ghen để hờn,
 Đôi mắt em là cửa sổ tâm hồn
 Là bài thơ hay nhất là lời ca không viết
 Là tuyệt tác của thiên nhiên
 Mẹ cho em đôi mắt tuyệt vời,
 Giữa dòng đời nhìn rõ đục trong
 Nhìn non cao gọi bóng biển đông
 Sáng như tia nắng rọi trong sương mù
 Đôi mắt em để nhìn rõ quân thù
 Nhìn tình bạn tươi thắm,
 Nhìn người thương thân thiết

Bích Vân

Đức Phật có danh hiệu là người chinh phục, là người chiến thắng. Chinh phục điều lành chiến thắng điều ác.

Công cha bằng biển cha ơi !
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn
chảy ra .

BA LÀ GÌ ?

Người ta ví Mẹ là thân cò lặn lội
Ba là gò, con nghĩ mãi chưa thông
Ba ơi ba ! tận sâu thẳm đáy lòng
Con kiêu hãnh Ba là một nhà vĩ đại
Ba nào phải nhà thiên tài thông thái
Nông dân thôi, nhưng sỏi đá cũng thành
com,
Gắn bó quê hương, vui với ruộng vườn
Thầm ước mong con “công thành danh
đạt ”
Mùa Vu Lan về chợt nghe lòng se thắt
Phận làm con chữ hiếu trả chưa xong
Ngày tháng trôi qua ba tóc bạc lưng còng
Con sợ lắm Ba ơi có một ngày sẽ đến !

SÁM NGUYỆN
Trước bàn Tam Bảo
Đèn rạng hương bay
Cúi đầu chấp tay
Con xin lạy Phật
Lòng con thành thật
Chí nguyện theo Ngài
Lánh cõi trần ai
Mong về Tịnh độ
Thấy đời đau khổ
Lắm kẻ điêu tàn
Sống kiếp lầm than
Vì chưa giác ngộ
Nay con đã rõ
Dầu trẻ hơn không
Cố sức gắng công
Xả thân cầu đạo
Lánh vòng phiền não
Núp bóng Từ bi
Mạn, tham, sân, si
Con nguyện từ khước
Lỗi lầm từ trước
Vì tánh con mê
Nay con xin thề
Thành tâm sám hối
Lấy công chuộc tội

Con quyết tu hành
Lánh dữ làm lành
Vun trồng cội phúc
Nước nay tuy đục
Lọc mãi phải trong
Con nguyện hết lòng
Bồ đề kiên cố
Lợi danh căm dỡ
Chẳng chút động tâm
Mùi tục bụi trần
Con nguyện rửa sạch
Cho lòng thanh bạch
Cho trí thanh bình
Chánh niệm phân minh
Cầu xin chư Phật
Khi con nhắm mắt
Liên phóng hào quang
Rước thần thức con
Đưa về Tịnh độ
Nguồn mê bể khổ
Nghịch chướng luân hồi
Giải thoát đặng rồi
Con xin thề nguyện
Nguyện thành chánh giác
Nguyện độ chúng sanh
Đồng thành Phật đạo.

Trong cuộc đời nhiều lúc ta đi xa nhà cách vòng tay của mẹ, có khi ta lạc đường được người chỉ lối trở về, hoặc khát nước, đói cơm hoặc được ai đó tốt bụng cho một bữa cơm một giấc ngủ qua đêm, qua cơn đói khát ta xúc động cảm ơn người ấy vô cùng. Cái ấn tượng được khát cho uống đói giúp cho ăn, lạc đường chỉ lối ấy ta nhớ suốt trong cuộc đời và thầm cảm ơn. Nhưng cha và mẹ cả cuộc đời cho ta cái hình hài và sự ăn, mặc ở v.v thế mà ta chưa hề cảm ơn và nhớ ơn, mà

còn nhiều lúc trách mắng oán hờn cha mẹ nữa. Cha mẹ còn sống mà đã thế , cha mẹ đã qua đời ta làm sao đây ? ? ?

QUAN ĐIỂM NGHIỆP TRONG ĐẠO PHẬT

Nghiệp không phải là cố định. Nó có thể được thay đổi tùy theo sự tác động của nhân duyên. Nhân xấu cũng có thể trở được quả tốt và ngược lại, chứ không nhất thiết là nhân nào quả nấy, hoặc có nhân nhưng không có quả . Cho nên quan niệm của nhà Phật về nghiệp là một quan niệm mới mẻ và đạo đức. Quan niệm mới mẻ này là một cuộc cách mạng tầng lớp nông nô vốn bị đè nặng bởi bàn tay giai cấp thống trị vịn vào quyền lực của thần linh .

Khi nói đến nghiệp là người ta có hàm ý là xấu, là không tốt. Bởi lẽ con người chỉ ý thức sâu sắc về nghiệp, chỉ khi con người rơi vào một hoàn cảnh bi đát đau thương, một hoàn cảnh trái ngang, chua chát, chứ ít ai sung sướng mà có ý thức về nghiệp dù đó là nghiệp Thiện .

Đạo Phật nói nghiệp là bao hàm cả 2 lãnh vực Thiện và ác. Là nghiệp thiện và nghiệp ác. Thường người ta hiểu lầm nói đến nghiệp là nghĩ đến ác. Cho nên trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thường nghe người ta thốt lên : " Ôi nghiệp tôi nặng quá, " hay " Âu đó cũng là cái nghiệp của mình ". Và khi nói đến nghiệp là người ta nghĩ là một cái gì khó tránh như câu thơ của Nguyễn Du .

" Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa ".

Có nghĩa đã gây ra nghiệp ác rồi thì không có cách gì thay đổi được. Đây là những tư tưởng cục bộ, phản lại giáo lý Nghiệp của Phật giáo. Mục đích của đạo Phật là giải phóng con người ra khỏi đau khổ

từ tâm lý đến vật lý, chứ không phải dẫn con người đến chỗ bế tắc đường cùng, là an phận thủ thường .

Nói đến Nghiệp thì ai cũng biết, nhưng để hiểu đúng về Nghiệp thì có lẽ không mấy ai, ngay cả những nhà trí thức, những nhà làm văn hoá vẫn có cái hiểu sai lầm về chữ Nghiệp, như trong cuốn văn hoá Tâm linh, tác giả Nguyễn Đăng Duy đã viết: " ... Đó là những lẽ sống hay, nhưng cũng có những lẽ sống không hay mà lâu nay là từ Phật giáo. Đó là Định mệnh nghiệp kiếp, đã mang lấy nghiệp vào thân, "đời là bể khổ", khiến con người dễ an phận, dễ cam chịu nhẫn nhục, không khuyến khích con người vươn lên sáng tạo ".

Qua nhận định trên có thể có nhiều người gật gù cho là đúng, nhưng hiểu chữ Nghiệp thuần túy theo đạo Phật thì chúng ta sẽ có cái nhìn khác hơn, mới mẻ hơn, tích cực hơn và lạc quan hơn. Sở dĩ chúng tôi nói hiểu chữ Nghiệp theo thuần túy Phật giáo là vì có nhiều người đánh đồng chữ " Nghiệp" với chữ " Định mệnh ", " Thiên mệnh" hay " Số phận" " Tiên định" của một vài tư tưởng khác, không phải của Phật giáo.

Định mệnh hay tiên định là những mệnh lệnh thiêng liêng nào đó áp đặt lên con người, lên thân phận con người, hay nói cách khác, mỗi người sinh ra trên đời đều bị qui định bởi một hoàn cảnh sống nào đó, do một vị thần linh nào đó định đoạt. Con người hoàn toàn bất lực và thụ động trước hoàn cảnh số phận: " Bất phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao". Con người chủ trương thuyết định mệnh, tin có một năng lực thiêng liêng nào đó mà họ không thể hiểu nổi đã chi phối cuộc đời họ, xuất phát từ ý tưởng này, con người dễ dàng buông xuôi đời mình, mặc cho đời mình ra sao cũng được và cũng từ ý tưởng này, thuyết định mệnh trở thành điểm tựa cho những người thiếu quyết tâm, thiếu nghị lực và thiếu hân ý

chí. Định mệnh hay tiền định là vậy, còn Nghiệp theo Phật giáo thì sao ?

" Nghiệp " theo Phật giáo là những hành động có tác ý. Thực ra những hành động không có tác ý không phải không tạo thành nghiệp, nhưng mức độ nghiệp quả của nó rất yếu, có khi không đủ sức để tạo thành nghiệp quả. Hơn nữa, đạo Phật rất chú trọng đến ý tưởng con người. Theo Phật giáo, ý là quan trọng, ý làm chủ mọi hành động và lời nói của con người, cho nên trong 3 nghiệp, ý nghiệp là nặng nhất. Kinh Pháp cú nói : *"ý hết sức tối cao, ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo tác, nếu với ý thanh tịnh, nói lên hay hành động an lạc bước theo sau như bóng không rời hình; nếu với ý ô nhiễm, nói năng hay hành động, khổ não bước theo sau, như bánh xe đi theo chân con vật kéo xe"*.

Hành động có tác ý rất quan trọng, hoàn cảnh sống của mỗi người đều bị quy định bởi hành động có tác ý của chính mình: " Là cùng đinh không phải do sinh trưởng, là Bà la môn không phải do sinh trưởng. Do hành động người này là cùng đinh, do hành động người kia là Bà la môn ". Theo Phật giáo, trái ngược với quan niệm về " Thiên mệnh " "định mệnh " hay " số phận " của một vài học thuyết khác. Nếu như quan niệm về Thiên mệnh và định mệnh tư duy thần quyền và huyền bí thì quan niệm về nghiệp của Phật giáo mang tư duy nhân quyền và cụ thể. Nếu như thiên mệnh và định mệnh khước bỏ mọi nỗ lực và trách nhiệm về hoàn cảnh sống của con người thì nghiệp, theo Phật giáo đã khích lệ họ nỗ lực và đặt họ vào những trách nhiệm về hoàn cảnh sống của họ. Hoàn cảnh sống của mỗi người ra sao thì chính mỗi con người phải chịu trách nhiệm về hoàn cảnh sống đó mà không phải đổ lỗi cho bất cứ ai, bất cứ quyền lực nào, một đẳng tối cao nào hay một vị thần linh nào. Hoàn cảnh sống của mỗi người ra sao thì do chính mỗi người tự tạo lấy, hoặc là hành động trong quá

khứ, hoặc là hành động trong hiện tại. Hành động trong quá khứ có thể là những hành động trong nhiều kiếp trước. Tuy nhiên, cuộc sống của con người trong kiếp hiện tại không hoàn toàn bị quy định bởi kiếp trước, bởi nếu hoàn toàn bị quy định bởi kiếp trước thì người ngu dốt mãi mãi ngu dốt, người hung ác mãi mãi hung ác, người nghèo khổ mãi mãi là nghèo khổ, người nô lệ mãi mãi là nô lệ sao ?

Hơn nữa, Nghiệp không phải là cố định. Nó có thể được thay đổi tùy theo sự tác động của nhân duyên. Nhân xấu cũng có thể trở được quả tốt và ngược lại, chứ không nhất thiết là nhân nào quả nấy, hoặc có nhân nhưng không có quả . Cho nên quan niệm của nhà Phật về nghiệp là một quan niệm mới mẻ và đạo đức . Quan niệm mới mẻ này là một cuộc cách mạng tầng lớp nông nô vốn bị đè nặng bởi bàn tay giai cấp thống trị vin vào quyền lực của Thần thánh .

Trở lại thời Đức Phật, ta thấy xã hội Ấn Độ bấy giờ có 4 giai cấp: Bà la môn, Sát đế lợi, Phệ xá và Thủ đà la . Chính đức Phật là người lên án chế độ ấy và kêu gọi bình đẳng cho con người: " Là cùng đinh không phải do sinh trưởng, là Bà la môn không phải do sinh trưởng. Do hành động người này là cùng đinh, do hành động người kia là Bà la môn". Đức Phật nói thêm : " Người nào đủ trí đức thì người đó tối thắng giữa nhơn thiên ". Do vậy, bảo rằng Phật giáo nêu lên quan điểm về nghiệp là để an ủi con người, khuyên con người chịu đựng là không đúng. Đành rằng, trong cuộc sống, có những lúc con người rơi vào hoàn cảnh " lực bất tòng tâm " thì họ cũng cảm thấy dễ chịu hơn với thuyết nghiệp này. Tuy nhiên, không phải vì những trường hợp cá biệt như vậy mà cho rằng quan điểm về nghiệp của nhà Phật là tiêu cực. Nét chủ đạo trong thuyết nghiệp của nhà Phật luôn khích lệ con người nỗ lực vươn lên, chuyển hoá hoàn cảnh, chuyển hóa đời mình, làm cho đời mình ngày một hoàn thiện hơn. Nếu có ai đó vì ý chí yếu kém, không nỗ lực hành động để chuyển hoá hoàn

cảnh, chuyển hoá đời mình, mà cam chịu đổ lỗi cho nghiệp quá khứ đời trước thì đó là lỗi tại họ, chứ thuyết nghiệp của nhà Phật không dạy họ như thế. Một người nghèo khổ, với sự nỗ lực, cần cù làm lụng của họ, cũng có thể trở nên giàu có. Tương tự vậy, một người ít thông minh nhưng với sự chăm chỉ học tập thì anh ta cũng có thể trở nên một người thông minh. Ngược lại, một người giàu có nhưng anh ta suốt ngày chơi bời nhậu nhẹt, cờ bạc thì cũng trở nên người nghèo khó, một người sinh ra có bẩm tính thông minh nhưng nếu không chịu học tập, nghiên cứu thì cũng không thể trở nên người tài, người giỏi được .

Vì thế, nghiệp theo Phật giáo ta có thể chuyển hoá được, làm chủ được. Ta chuyển hoá được bằng cách phải nỗ lực ý chí mạnh mẽ, phải có sự cố gắng mạnh mẽ, do đó, trong sự báo ứng của nghiệp, sự cố gắng và sự thiếu cố gắng giữ một vai trò chính yếu. Có thể nói, tất cả những thành công đều phải trải qua một sự cố gắng nhất định nào đó, một khi có sự cố gắng thì nghiệp bắt đầu thay đổi. Tuy rằng, có những trường hợp " lực bất tòng tâm" như nói ở trên. Ở những trường hợp này, có thể nghiệp nhân quá lớn, có đủ thời gian cho nhân duyên hội tụ để trở quả, do đó, người thọ loại quả báo này không đủ sức để chuyển nó nữa, vì quá lớn và quá cận kề .

Do đó, chúng ta phải luôn nỗ lực sống hướng thiện khi tuổi còn xuân, khi sức còn khoẻ, đừng bao giờ đợi nước đến chân mới nhảy, như thế thì không kịp. Khi trong tâm có sự bao dung, rộng lượng, nhân từ thì dù nghiệp quả có đến, sức ảnh hưởng của nó lên cuộc sống của chúng ta không đáng kể. Ngược lại, trong tâm có sự ích kỷ, xấu xa nhỏ mọn thì khi nghiệp quả đến, dù là nghiệp quả nhỏ, cũng tác động lên cuộc sống của chúng ta đáng kể .

Đức Phật ví dụ :cùng một nắm muối, nếu bỏ vào trong một ly nước thì nước trở nên mặn đáng kể, nếu bỏ vào trong một thau nước

thì nước mặn tương đối ít hơn, còn nếu bỏ vào một hồ nước thì độ mặn của muối trở nên không đáng kể, nước có thể dùng uống được. Do đó, vấn đề khích lệ con người là phải tạo cho mình một hồ nước bao dung, khoan hoà, rộng lượng và nhân từ. Mỗi người tạo được cho mình một hồ nước khoan dung, rộng lượng, vị tha và nhân từ như thế thì xã hội này sẽ vui đi nghiệp quả khổ đau, bất hạnh nhiều lắm.

Tóm lại, chữ Nghiệp theo Phật giáo, là những yếu tố do chính con người tạo ra và dĩ nhiên, con người thừa hưởng, đối với những hành động tốt, hoặc chịu lấy, đối với những hành động xấu, kết quả của nó. Tuy nhiên, con người không hẳn phải gặt hái hết những gì mình đã tạo ra, bởi nghiệp mang tính chất duyên sinh. Vì nghiệp mang tính chất duyên sinh cho nên ở nghiệp ta không thể tìm đâu ra một nguyên lý định tính nào của nghiệp. Con người thay đổi thì nghiệp thay đổi, cho nên Phật giáo bảo tu là chuyển nghiệp là vì vậy .

Hoàn Nguyên (Nội San Pháp luân PL : 2548)

CÔNG NĂNG CỦA GIỚI THỂ

Công năng của giới thể giúp cho hành giả tu tập ngăn trừ các việc ác phát sanh các hạnh lành, giúp hành giả luôn luôn sống đúng với giới luật. Sau khi thọ giới nếu gặp phải hoàn cảnh nhân duyên gần như phá giới, công năng của giới thể giúp cho hành giả có thể tự đấu tranh tự bảo vệ sự thanh tịnh. Hoặc giả đã vi phạm có khả năng ngăn gượng vươn lên để phục hồi sự thanh tịnh.

Giới thể là một mạch truyền thừa vô biểu sắc pháp của chư sư truyền thọ cho nhau đó là công đức sở huân. Nghĩa là khi phát tâm lãnh thọ giới pháp, trong thâm tâm người ấy phát sinh tư niệm về việc giữ giới, tư niệm ấy chuyển thành một nguồn năng lượng tiềm tàng trong tâm lý người tu học, năng lượng này gọi là vô biểu sắc pháp, là

một loại pháp biểu hiện trong tâm lý con người mà không có màu sắc hình tướng. Nhưng nó có công năng hoạt bát giúp hành giả phòng phi chỉ ác , tức nó có công năng giúp người tu học từ bỏ các việc ác phát triển các hạnh lành- Cái năng lượng này gọi là giới thể.

Muốn có giới thể phải phát đại tâm, thọ trì giới pháp. Khi phát tâm thọ trì giới pháp, giới tử phải chí thành tha thiết cầu được thọ giới (như đói cầu ăn, khát cầu uống)đối trước giới sư nói lên lời phát nguyện, giới sư phải thanh tịnh, đạo tràng trang nghiêm, tăng thêm tâm lý cho người thọ giới, đủ 3 yếu tố, giới tử chí thành, giới sư thanh tịnh, đạo tràng trang nghiêm, giữa lúc thầy truyền trò thọ, nó sẽ phát sinh trong cơ thể giới tử tư niệm về việc thọ giới giữ giới, ngay lúc ấy một nguồn năng lượng phát sinh và vận chuyển trong tâm lý giới tử từ đây về sau, sau khi thọ giới rồi năng lượng này làm cho giới tử trở thành một con người khác; không phải khác hẳn nhưng nó đã thay đổi quan điểm tâm tư thái độ và quan điểm về cuộc sống của giới tử, nguồn năng lượng này gọi là giới thể.

Giới thể này được truyền thừa trực tiếp từ Đức Phật, chư sư truyền thọ cho nhau mà có, khi ta thọ giới là thọ cái giới thể này, thọ nhận giới thể là thọ nhận pháp thân Phật (hay nạp thọ pháp thân Phật) vào trong tâm tánh của mình. Pháp thân Phật hoà nhập với pháp thân của ta tạo nên giới thể, giới thể này gọi là vô biểu sắc pháp còn gọi là vô tác sắc pháp.Từ giới thể vô biểu này mà khẩu nghiệp, thân nghiệp của hành giả biểu hiện thành giới hạnh.Khi giới thể đã thành tựu tự nhiên các oai nghi đều phù hợp với luật nghi.Sao gọi giới thể vô tác.Vì khi giới thể đã thành tựu rồi, mọi suy nghĩ mọi hành động đều được giới thể âm thầm chi phối phù hợp với giới luật với chánh pháp.Không nghĩ việc thiện mà mọi việc làm đều thiện, không nghĩ ác mà mọi việc làm đều không tổn hại.

Pháp thân Phật tiếp thông với pháp thân sẵn có của mình, là dẫn đạo sư phát minh hoặc chứng ngộ tự tánh của mỗi người, cho nên người thọ giới rồi lại phá giới là đồng với phá pháp thân Phật, vì thế tội lỗi rất lớn. Người không có thọ giới tuy làm ác nhưng chẳng gọi là phá giới, bản thân người làm ác tuy có tội nhưng mức độ tội lỗi không nặng bằng người thọ giới mà phá giới.

Trên con đường tu học không thể không có giới thể, vì giới thể là năng lượng giúp hành giả phòng phi chỉ ác, nguồn năng lượng này nó có sức giúp con người giữ giới mạnh hơn, nhờ đó mà được thanh tịnh. Từ giới thanh tịnh phát sinh ra Định và Tuệ, có trí tuệ mới giác ngộ giải thoát thành Phật. Nhờ có giới thể mà hành giả kiềm chế được các điều ác hoá giải được những nghiệp báo oan khiên. Nhờ có giới thể mà các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi đều phù hợp với luật nghi. Nhờ có giới thể kiến tạo con người có một tư cách đáng kính, đáng thương. Nhờ có giới thể mà phòng hộ các tánh tội được thanh tịnh, có giới thể mới có giác ngộ thành Phật.

Các tôn giáo khác không có giới thể vì không có sự truyền thừa, không có tu chứng như Phật thừa. Họ chỉ tuân giữ giới luật theo hình thức hoặc tuân giữ theo mệnh lệnh của đấng Thượng đế, thần linh, không hình thành được một sự luân lý như Phật thừa. (ví dụ: giới pháp, giới thể, giới hạnh, giới tướng). Nếu không có giới thể phòng hộ thì hành giả sẽ dễ dàng phá giới, không có giới thể hành giả khó ngăn ngừa các điều tội lỗi và đình chỉ các việc ác của thân nghiệp khẩu ý. Không có giới thể hành giả không điều chỉnh được hành vi của mình đúng với luật nghi và sự trì giới của hành giả sẽ không tha thiết, không sâu sắc, rủi như phá giới hành giả sẽ không ân hận, không tâm sợ hãi, không tâm sám hối. Vì vậy trên đường tu học hành giả cần phải có giới thể.

Các tôn giáo khác giữ giới để cầu sự sung ái của Thượng đế, vì mục đích cầu sanh thiên quốc sau khi chết.

Hành giả tu học giữ giới trước hết mong ra khỏi lưới mê của ngũ dục là thoát khổ được vui chân thật, mong thoát khỏi nghiệp báo luân hồi cuối cùng đạt mục đích thành Phật. Vậy thọ giới của Phật, giữ giới của Phật là để làm Phật chứ không việc gì khác, cho nên nơi thọ giới, đàn tràng thọ giới gọi là "tuyển Phật trường" là cái trường tuyển chọn người làm Phật vậy.

Năng lực giới thể còn giúp hành giả ngăn ác sanh thiện, tạo phước giải toả mọi phiền trược, hoá giải được ác nghiệp không may rơi vào hoàn cảnh gần như phá giới, giới thể sẽ giúp tự điều phục được sự thanh tịnh, giới thể sẽ hướng dẫn nghiệp thức con người lúc lâm chung an vui tự tại, sau khi chết nhờ thế đời sống kế tiếp có sự thanh tịnh có sự thanh thoát và cao thượng hơn, không rơi vào khổ thú, mà hưởng cảnh giới Niết bàn thanh tịnh.

Cho nên giới kinh nói rằng người mà giữ giới thanh tịnh thì được hưởng những điều vui.

Người trí nhiều Định Huệ.
Thọ trì được pháp này
Lý chưa thành Phật
Được hưởng 5 điều lợi
Một là thập phương Phật
Thương tưởng hộ trì luôn
Hai là lúc lâm chung
Chính niệm lòng vui vẻ
Ba là sinh ở chỗ nào
Cùng Bồ Tát làm bạn
Bốn là những công đức
Giới độ đều thành tựu.
Năm đời này và đời sau
Đủ giới và phước Huệ
Đây là các Phật tử
Người trí khéo nghĩ lường
Kẻ trước tướng chấp ngã
Không thể được pháp này.
Giới kinh lại nói rằng

Kẻ trí khéo hộ giới
Sẽ được 3 điều vui
Danh thơm và lợi dưỡng
Sau khi chết sanh thiên
Hãy quán sát điều này
Bậc trí siêng hộ giới
Giới tịnh sanh trí tuệ
Thành tựu đạo tối thượng.
Như chư Phật quá khứ
Và chư Phật vị lai
Các Thế Tôn hiện tại
Đẳng chiến thắng khổ đau
Thấy đều tôn kính giới
Đây là pháp chư Phật,
Nếu ai vì tự thân
Mong cầu nơi Phật đạo
Hãy tôn trọng chánh pháp
Đây là lời chư Phật.

VÀI Ý NGHĨA CỦA ĐẠO ĐỨC

Đạo đức là yêu cầu ban đầu của sự tu hành, và cũng là sự biểu hiện cuối cùng của một vị thánh. Nói đến đạo đức trong đó nó có thể làm cho ta đau nhứt khi vài điều chạm phải đến tim mình và cũng có thể vui như gặp hội, khi một vài điều trong đây nâng bước chân mình.

Chúng ta cuối đầu đánh lễ các vị thánh đã cho ta những câu chuyện đẹp về cuộc đời các ngài. Một câu chuyện được kể trong 5-10 phút lại chính là kết quả của suốt một cuộc đời khổ nhọc của các ngài. Những tấm gương cao cả ấy đã sưởi ấm biết bao trái tim con người qua nhiều thời đại. Qua sự học tập đạo đức khiến cho con người phấn khởi loại trừ những tập khí xấu, hối hận khi thấy lỗi, hoặc vui mừng khi tìm thấy được hướng đi.

Trong đạo Phật nói đến đạo đức tức là nói đến tinh thần giới luật. Vậy đạo đức là gì, đạo đức là những khuynh hướng tốt trong tâm

lý con người, mà những khuynh hướng đó biểu hiện qua lời nói và hành vi bên ngoài khiến cho mọi người xung quanh ta được chuyển hoá, được an vui được lợi ích.

Như vậy đạo đức là một loại tâm lý tốt được ẩn núp bên trong con người, nhưng được đánh giá bằng sự biểu hiện ra ở bên ngoài. Chúng ta khẳng định đạo đức không phải là hành vi hay lời nói bên ngoài. Đạo Đức chỉ phối hành vi và lời nói bên ngoài, đạo đức là gốc của những hành vi, lời nói tốt đẹp bên ngoài.

Người có nội tâm tràn đầy đạo đức thì luôn luôn bị thúc đẩy phải đối xử tử tế với mọi người, phải đem an vui lợi ích đến cho mọi người. Nếu chúng ta không thấy mình xấu, như không hề bị thúc đẩy phải cư xử tốt với mọi người thì hãy biết rằng mình chưa có đạo đức sâu sắc. Khuynh hướng vị tha được xem là khuynh hướng đạo đức, vì khuynh hướng đó luôn khiến chúng ta quan tâm đến những người khác, thậm chí còn hơn bản thân mình nữa.

Có nhiều người bảo rằng đạo Phật là hư vô chủ nghĩa, là ảo huyền sống bám xã hội. Không làm ra của vật chất, không an ban tế thế, có giá trị gì mà phải quan tâm. Đạo Phật đã đóng góp gì cho đời?

Đạo Phật đã đóng góp cho đời bằng việc giáo hoá đạo đức và sự bình an nội tâm. Đó là cách để đạo Phật khẳng định vị trí của mình trong xã hội, là cách để mọi người thấy rằng cái lợi ích mà đạo Phật đem đến cho cuộc đời, tuy vô hình nhưng giá trị thật lớn lao, không thể đem so sánh với của cải vật chất được.

ÁC MA

“**Ác ma**” là kẻ ác ý hay tâm lý xấu ác được nói trong kinh Phật như là một năng lượng đen tối xấu xa, đối lập với sự thật, đối lập với sự hiền thiện giác ngộ, đi ngược với đường hướng giải thoát an lạc,

chúng tồn tại dựa trên tà kiến và dục vọng. Theo những gì mô tả thì ác ma có hai loại, ác ma bên ngoài và ác ma bên trong. Ác ma bên ngoài là kẻ ác ý hay một năng lượng xấu ác tồn tại ở bên ngoài con người. Ác ma bên trong tức là tâm lý xấu ác (tham,sân, si) tiềm ẩn bên trong mỗi người. Do cùng tính chất là một dòng năng lượng xấu ác, ác ma bên ngoài có thể gặp gỡ hoà nhập với ác ma bên trong hay ngược lại. Khi cả hai cùng bắt nhịp và hoà nhập với nhau, thì năng lực xấu ác của chúng càng tăng lên gấp bội.

Do bản chất mê lầm xấu ác của nó, sự hiện diện của ác ma là tai hoạ lớn cho con người. Nó đe dọa sự sống ổn định, quấy rầy tâm tư, làm cho con người trở nên mê loạn rơi vào tà đạo dẫn đến các kết cục khổ đau. Trong kinh Phật nói cho chúng ta biết ác ma rất tinh khôn trong việc đi tìm đồng minh của nó để làm hại người hiền lành. Nó biết rõ không thể nào xâm hại người khác nếu nó không bắt tay được với đồng minh của nó ở bên trong người ấy, tức là tâm lý xấu ác tiềm ẩn bên trong mỗi người. Vậy nó thường dùng các chiêu bài khác nhau để kích thích khiến cho kẻ đồng minh ở bên trong của nó vực dậy cùng bắt nhịp với nó. Khi nào nó làm được điều đó thì nó đắc thắng, nghĩa là khi nào nó khiến cho tâm tư người nào đó trở nên dao động mê loạn rơi vào tham dục hay sân hận thì bấy giờ nó có cơ hội chi phối và làm hại người ấy. Nhưng khi nào nó không làm lay động được tâm tư của người khác thì nó thất vọng bỏ đi.

Ác ma thường dùng hia chiêu bài thuận và nghịch để quấy phá người tu học người hiền đức. Hai chiêu bài mà ác ma thường dùng để nhiễu hại người khác đó là dùng lời lẽ chọc tức, nói xấu khiến người khác nổi giận đi đến phản nộ mất hết tự chủ, hoặc dùng lời ngon tiếng ngọt tán thán ca ngợi khiến người ấy sinh tâm hoan hỷ thoả mãn mà rơi vào tự kiêu tự đại phóng dật. Đây là hai chiêu bài tấn công của ác ma, rất dễ khiến cho người khác trở nên mê loạn thay đổi tâm tánh,

nghĩa là khiến cho người ấy rơi vào bức tức phẫn nộ, bất mãn hoặc rơi vào tham đắm tự mãn không giữ được tâm tỉnh táo sáng suốt. Khi người nào không nhận ra ý đồ xấu xa của ác ma mà rơi vào một trong hai trạng thái như là tự rơi vào cạm bẫy đen tối của ác ma, bị ác ma xâm nhập chinh phục phải làm theo ý ác ma muốn.

Trái lại người nào giữ được tâm sáng suốt an tịnh không khởi tham lam hay sân hận trước các chiêu bài tấn công của ác ma thì ác ma không có cơ hội xâm nhập chinh phục, không rơi vào cạm bẫy của ác ma.

Để đối trị với ý đồ đen tối mà ác ma xâm nhập và tổn hại. Đức Phật dạy hãy sống tỉnh thức, sống quán bất tịnh trên thân, nhằm chán bất khả lạc đối với tất cả thế gian, quán tánh vô thường đối với tất cả hành. Thứ đến nhằm đối trị với sức tấn công của ác ma, là phải thực tập tu hạnh từ bi hỷ xả để đối trị tâm giận dữ bất mãn trong trường hợp bị ác ma chỉ trích nói xấu và thực hành các phép quán bất tịnh, nhằm chán, bất lạc, vô thường vô ngã đối với tự thân và hết thảy mọi thứ trên thế gian này, nhằm đối trị chứng tham dục, tự mãn trong trường hợp được ác ma dùng lời ngon ngọt tán thán ca ngợi. Các pháp tu trên có tác dụng giữ cho tâm được thăng bằng, thanh tịnh, sáng suốt, không bị tham hay sân chi phối, nên được gọi là pháp môn “ làm cho ác ma không thấy đường đi lối về ” (nghĩa là ác ma không tìm thấy dấu vết nhiễm ô của tâm thức tham hay sân, để có cơ hội xâm nhập nhiều hại).

Nhìn chung, chúng ta khó nhận diện và chuyển hoá ác ma bên ngoài, nhưng mỗi người có thể nhận diện và hoá giải ác ma bên trong mình. Nghĩa là có thể nhận ra các tâm lý xấu ác, tham đắm hay sân giận dấy khởi đều do điều kiện thuận duyên hay nghịch cảnh đến từ bên ngoài và nỗ lực hoá giải các tâm lý xấu ác bằng các phương pháp thích hợp. Ác ma bên ngoài là đáng sợ nhưng không nguy hiểm bằng

ác ma bên trong. Dù có nhiều ác ý và thủ thuật ác ma bên ngoài không làm gì được, nếu nó không tìm được kẻ đồng minh là ác ma bên trong cùng bắt nhịp với nó. Ác ma hiện hữu và lớn mạnh dựa vào tà kiến và dục vọng, nghĩa là một năng lượng xấu ác do nhân duyên sinh cần có thức ăn là tà kiến và dục vọng làm duyên mới tồn tại và hành hoạt. Vì vậy nó không tìm được nguồn năng lượng duy trì thoả đáng, tham, sân, si thì nó không có khả năng tồn tại để gây nhiều hại. Nhờ học hỏi Phật pháp, người con Phật hiểu rõ nguyên lý sinh diệt này của hết thảy mọi sự kiện và hiện tượng nên không thắc mắc hay phản ứng trước các điều kiện thuận duyên hay nghịch cảnh do vô minh và dục vọng (ác ma) tạo nên, chỉ lo giữ tâm cho trong sáng sạch để thấy rõ bộ mặt thật của ác ma và để không tiếp tay cho ý đồ xấu ác của nó. Nhận diện các tâm lý xấu ác, tham, sân, si tiềm ẩn trong chính mình, để khắc phục và hoá giải chính là nhận ra bộ mặt không thân thiện của ác ma và ngăn chặn được ý đồ xấu ác của nó.

(Kinh Trung Bộ -Phẩm Hàng Ma) VHPG số: 116- 11/2010.

TĂNG BAN TRONG THỜI LÝ TRẦN

Các bộ máy nhà nước trước thời Lý tuy biết cách trọng dụng tài năng của các bậc tu hành, nhưng chưa biết tập hợp họ vào một tổ chức hẳn hoi, cho nên trí tuệ của họ chưa thực sự được khơi dậy mạnh và chưa được khai thác hết . Đó là hạn chế chung- hạn chế tất yếu của buổi ban đầu thiết lập nền tự chủ, hạn chế bao trùm với toàn bộ đội ngũ quan lại và xuyên suốt nhiều đời trị vì. Hạn chế này được nhà Lý và nhà Trần khắc phục đem lại hiệu quả rất tốt. Đây là bước phát triển nổi bật nhất của quan chế thời Lý Trần.

Sự ra đời và tồn tại trong nhiều thế kỷ qua của Tăng ban thực sự là một bước tiến. Triều đình không những chỉ bày tỏ thái độ trọng vọng đối với các bậc tu hành mà còn biết tập hợp họ và biết trân trọng

lắng nghe tiếng nói chân thành của họ, biết khôn khéo tìm cách khai thác tài năng đa dạng của họ, ích nước lợi dân quả thật không nhỏ. Như sự nhận định của Bảng Nhãn Lê Văn Hưu (1230-1322) : “ thì trong điều lợi lại có thêm điều lợi nữa”.

Tăng ban gồm có cả nhà sư và đạo sĩ, nhưng trên thực tế thì tỷ lệ nhà sư luôn chiếm tỷ lệ cao hơn. Vai trò và vị trí của Tăng ban trong bộ máy nhà nước như thế nào ?

- *Tăng ban là cơ quan chuyên trông coi các hoạt động của đời sống tâm linh.*
- *Tăng ban là cơ quan chịu trách nhiệm truyền giảng kinh sách và phép giữ đức*
- *Tăng ban là cơ quan quản lý các hoạt động của GHPG và đạo giáo.*
- *Tăng ban là cơ quan quy tụ các cố vấn của triều đình.*

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO

Phật giáo như ánh sáng mặt trời chiếu khắp thế gian mà không trở ngại, tất cả chúng sanh nương nhờ ánh sáng mà phát triển mà tồn tại. Chúng ta có thể căn cứ vào một số điều sau mà biết được những đặc điểm của Phật giáo .

Đặc điểm thứ nhất : Là “ in như sự thật ”, trong Phật giáo từ lý thuyết, phương pháp và kết quả đều hợp lý, đều như thật. Phật giáo không chen chủ quan của mình vào trước hay trong khi suy nghiệm sự thật, và chân lý của đạo Phật là lời kết luận sau sự suy nghiệm chung thực ấy. Đạo Phật chỉ thấy và chỉ nói sự thật và sự vật, không thêm không bớt, cho nên đạo Phật cũng gọi là Đạo Như thật.

Đặc điểm thứ hai: “ Tôn trọng sự sống ”. Không sát sanh và ăn chay là những điều tượng trưng cụ thể cho những đặc điểm ấy. Đạo Phật xem sự sống trên tất cả. Giết sự sống để nuôi sự sống là mê muội, vì tham sống nên hại sự sống gọi là vô minh. Đạo Phật đặc biệt chú

trọng và nêu cao chủ nghĩa lợi tha, nhưng chữ lợi ấy là phải hướng về mục đích tôn trọng sự sống.

Đặc điểm thứ ba: Là thừa nhận : “ sự tương quan sinh tồn ”. Đạo Phật dạy cho người ta thấy ở đời phải tự lập chứ không phải biệt lập. Vũ trụ là một lò tương quan, không có gì là trung tâm, không có gì là phụ thuộc, hay ngược lại.

Đặc điểm thứ tư : Đạo Phật xác nhận “ con người là trung tâm điểm của xã hội loài người ”. Đạo Phật không nói duy tâm, không nói duy vật, mà tất cả đều do con người phát sanh và đều phát sinh vì con người. Trên thế giới loài người này không có gì tự nhiên sinh ra hay từ hư không rơi xuống, mà đều do năng lực hoạt động của con người tạo thành. Năng lực hoạt động của con người tạo tác chi phối tất cả. Tất cả khổ hay vui, tiến hóa hay thoái hóa, là đều do con người , dã man hay văn minh, con người là chúa tể của xã hội loài người, xã hội loài người không thể có chúa trời thứ hai.

Đặc điểm thứ năm : Mục tiêu của đạo Phật là chú trọng “ đối trị tâm bệnh con người trước hết ”. Con người là trung tâm điểm của xã hội loài người, xã hội ấy tiến hoá hay thoái hoá là hoàn toàn do hoạt động con người chi phối, mà hoạt động con người lại do tâm trí con người chủ đạo, vậy xã hội phản ánh trung thành của tâm trí con người. Cho nên muốn cải tạo xã hội, căn bản là phải cải tạo con người, cải tạo tâm bệnh con người. Tâm bệnh con người nếu còn độc hại, tham lam, thì xã hội loài người là địa ngục. Tâm bệnh con người được đối trị rồi thì hoạt động con người rất sáng suốt, mà xã hội con người kết quả của hoạt động ấy cũng rất an lạc hạnh phúc.

Đặc điểm thứ sáu : Mục đích đạo Phật là “ đào luyện con người thành Bi, Trí, Dũng ”. Bi là tôn trọng quyền sống của người khác. Trí là hành động sáng suốt lợi lạc. Dũng là quyết tâm quả cảm hành động. Dũng mà không có Bi và Trí thì sẽ thành tàn ác và manh động. Trí mà

không có Bi và Dũng thì trở thành gian xảo và mộng tưởng. Bi mà không có Trí và Dũng thì sẽ thành tình cảm nhút nhát. Bi là tư cách tiến hoá, Trí là trí thức tiến hoá. Dũng là năng lực tiến hoá. Con người như thế là con người mới, căn bản của xã hội mới.

Đặc điểm thứ bảy : Đường hướng của đạo Phật là “ kiến thiết một xã hội mới ” mà căn bản là con người mới, cho nên muốn cải tạo một xã hội mới, là phải chiến thắng chính mình trước hết. Con người tự chiến thắng con người, nghĩa là cái nhân cũ (bóc lột, đàn áp, độc tài, xâm lược, bất công) không còn nữa, thì kết quả là một xã hội mới. Trong xã hội ấy quyền sống tuyệt đối bình đẳng như sự sống, bình đẳng trong nhiệm vụ, bình đẳng trong hưởng thọ v.v.

Đặc điểm thứ tám : Mục tiêu của đạo Phật là tiến lên “ Vô thượng giác”. Đào luyện một con người mới, kiến thiết một xã hội mới rồi, không phải là mục đích của đạo Phật cứu cánh ở đó, cao và xa hơn nữa đạo Phật hướng dẫn con người lên đến chóp đỉnh của sự tiến hoá là địa vị Vô thượng giác. Địa vị vô minh toàn diệt, trí tuệ toàn giác, là địa vị Phật đà.

Đặc điểm thứ chín : Đạo phải dạy con người phải “ tự lực giải thoát ” Đây là tinh thần tuyệt đối cần thiết. Đức Phật chỉ là một đạo sư dẫn đường cho chúng ta, còn chúng ta phải tự thấp đuốc trí tuệ của mình mà soi đường, phải tự động bằng đôi chân của mình mà đi. Con người mới là phải tự rèn luyện xã hội mới là phải tự kiến thiết, Vô thượng giác là phải tự tu chứng.

Đặc điểm thứ mười : đạo Phật là “ hiện chứng thể nghiệm ”. Đức Phật là bậc đạo sư, nhưng trí giác không phải là thứ ai dạy khôn cho ai, cho nên đối với chân lý tối cao, ta phải tự lực thể nghiệm. Sự tự lực thể nghiệm ấy, không những áp dụng với tinh thần tự lực giải thoát mà thôi, mà còn đặc biệt chú ý đến sự hiện chứng.

Do tất cả những đặc điểm trên đây, chúng ta thấy đạo Phật không phải chỉ là một tôn giáo, đạo Phật là tất cả, đó là một đặc điểm vừa cuối cùng vừa trước hết của đạo Phật. Cho nên Phật tử không thực hành đạo Phật bằng cách để hoạt động của mình một phần chính vào sự lễ bái cầu nguyện. Phật tử thực hành đạo Phật là áp dụng vào đời sống, áp dụng vào tất cả mọi hành động. Căn bản của đạo Phật là như thật, tinh thần của đạo Phật là Bi, Trí, Dũng. Sống trong căn bản và tinh thần ấy, Phật tử tự nhiên không thể phủ nhận sự tàn sát, manh động và sự nô lệ cho nên phải tự lực hành động để hướng thượng tăng tiến. Và hành động ấy không giới hạn trong không gian thời gian, không có phạm vi trong tổ chức, không có khu phân trong trường hợp, ở đâu và lúc nào, với ai và cảnh nào, Phật tử cũng áp dụng căn bản và tinh thần Bi, Trí, Dũng của đạo Phật vào để tác động và chi phối, hầu tạo thành một thể giới tịnh độ, cho nên đạo Phật bao trùm tất cả. Hay nói cách khác tất cả có tinh thần đạo Phật thì mới có tốt đẹp.

(Trích từ tài liệu của HT Trí Quang).

Mười Đặc Điểm :

1- In như thật 2- Tôn trọng sự sống. - 3 Thừa nhận sự tương quan sinh tồn . 4- Con người là trung tâm điểm của xã hội loài người. 5- Chú trọng : đối trị tâm bệnh con người trước hết. 6- Mục đích đạo Phật đào luyện con người thành Bi Trí Dũng. 7-Kiến thiết một xã hội mới. 8-Mục đích của đạo hật tiến đến Vô thượng giác. 9- đạo phật dạy con người tự lực giải thoát . 10- Hiện chứng thể nghiệm.

NHỮNG NGỘ NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỜI ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO

Trước kia, có thời gian người ta nhận định tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng là liều thuốc phiện làm say mê lòng người. Họ cho rằng Phật giáo là mê tín, là dị đoan, là tiêu cực, yếm thế, những người

tu là người chán đời, thất tình, thất nghiệp, tránh trốn trách nhiệm .v v. Đặc biệt, thành phần trí thức thường lấy tư tưởng này để chụp mũ Phật giáo.

Tại sao hàng trí thức lại là thành phần chính chụp mũ Phật giáo ? Bởi vì, mới vừa cấp sách đến trường, họ đã bị nhồi sọ những tư tưởng này. Họ chỉ biết Phật giáo qua những vần thơ hủ bại, những vở diễn điên cuồng với ý không tốt, chứ họ nào được giới thiệu, vị thiền sư nhà Lý có công chính đưa Lý Công Uẩn lên ngôi, sau đó dời đô về Thăng Long, vị Phật Hoàng nhà Trần đầy mưu lược yêu nước thương dân, thành lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, hay ngọn lửa bất diệt giữa lòng thành phố Sài Gòn đã góp phần đánh đuổi chế độ độc tài họ Ngô. Do nhãn quan của họ chỉ chăm chăm vào đốt mía sâu, không nhìn thấy cả đám mía tốt, nên họ đã thành kiến với Phật giáo trong lòng họ càng ngày càng sâu .

Vậy chúng ta phải làm gì để thành phần trí thức có cái nhìn mới về Phật giáo ? xoá đi những tư tưởng bị cài đặt ? bị nhồi sọ ? .

Thứ nhất: Chúng ta chứng minh cho được Phật giáo không phải là thuốc phiện, không phải là mê tín dị đoan, không xấu xa như họ tưởng. Một tôn giáo muốn thành lập phải có đầy đủ ba điều kiện: 1-/ Giáo chủ, là người chủ trương, người sáng lập. 2- Giáo thuyết, là giáo lý, là những quy định, quy tắc, điều lệ do vị giáo chủ đó đề xuất (tư tưởng của vị giáo chủ). 3- Tín chúng, tức tín đồ, là những người thực hành những tư tưởng đó. Cũng vậy các đảng phái thành lập cũng không ngoài ba điều kiện này. Nếu ai đó nói Phật giáo là mê tín dị đoan thì đồng nghĩa với những đảng phái, tư tưởng hiện có trên thế gian này cũng như vậy nốt.

Thứ hai : Nỗ lực hoằng dương phương pháp giải thoát của Phật đà, thực hành tinh thần con đường Bồ tát , thiết lập tịnh độ tại nhân gian.

Thứ ba : Xây dựng tăng thân gương mẫu, sống phạm hạnh, thiếu dục tri túc, nhằm xoá bỏ những thành kiến trong tâm lý của họ.

Người đời hiểu lầm Phật giáo, có người cố ý, có người vô tình có mấy trường hợp như sau :

1- Thành phần kỳ thị Phật giáo : Có hai hạng, 1/ Hạng thứ nhất cố ý, 2/ Hạng thứ hai bị dụ dỗ nghe theo. Hạng thứ nhất trong lòng họ chất chứa thành kiến, cho nên cố ý huỷ báng, chê trách. Hạng thứ hai: người ta nói sao mình nghe theo vậy, đúng cũng ừ, sai cũng gật. Hạng thứ nhất không phân biệt trắng đen, cho nên cố tình gáng cho Phật giáo những từ như lạc hậu, mê tín, tiêu cực, chán đời, trốn trách nhiệm v.v để nhằm biểu thị tư tưởng của họ đang theo là tiến bộ. Còn hạng thứ hai là những người không có lập trường, người khác nói sao thì nghe vậy. Mọi người không lạ gì khi người ta cho Phật giáo là mê tín, lạc hậu. Song nếu hỏi Phật giáo lạc hậu chỗ nào ? mê tín ra sao ? Thì họ không nói được. Bởi vì vốn dĩ họ có hiểu gì về Phật giáo đâu.

Cái mà người ta hay lầm tưởng Phật giáo cùng với các tôn giáo khác trên phương diện thờ phụng như các tôn giáo đa thần và nhất thần. Xét ra Thần là Thần, Phật là Phật không có vấn đề giống nhau. Phật dạy con người hãy tin tưởng vào sức mạnh của chính mình, hết thấy chúng sanh đều có đầy đủ bản tánh Phật, bất kỳ ai, nếu thật tâm tu hành đều có khả năng thành Phật

2-Thành phần hiểu sai Phật pháp : Hạng người này, phần lớn không có tâm phản đối Phật giáo, nhưng không có nhận thức rõ về Phật giáo, cho rằng Phật giáo là hình thức tín ngưỡng, lễ bái thần linh, cúng bái ma quỷ của Phật giáo, điều này đưa đến rất nhiều sự hiểu lầm cho người đời. Đặc biệt có những người, trộn lẫn thần với Phật, qua những hình thức bà đồng ông cốt nào đó, không dính liếu gì đến Phật giáo, cũng đều xem là sản phẩm của Phật giáo. Đây là sự hiểu lầm

không thể chấp nhận được, phần đông những người không hiểu giáo lý Phật họ xem thần đạo và Phật giáo là một.

3-Thành phần bờ ngõ với Phật giáo : Trong xã hội có một số người, do bôn ba với kế mưu sinh, suốt ngày bị tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, ăn uống, ngủ nghỉ chiếm hết thời gian, trong đầu họ hầu như chẳng có chút ấn tượng nào về tôn giáo. Trong kinh nói: làm người được là khó: “ thân người khó được, 6 căn khó đủ, Phật pháp khó nghe, chúng tăng khó gặp, lòng tin khó sanh, trung quốc khó gặp ” là vậy. Phật giáo đã lưu truyền trên 2500 năm, phong trào Phật giáo được xuất hiện từ Nam chí Bắc, có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến văn hoá, chính trị của đất nước trong mọi thời đại. Ấy thế, ngày nay vẫn còn nhiều người hết sức bờ ngõ khi nói đến Phật giáo. Điều này không chỉ buồn cho Phật giáo mà càng buồn cho nền văn hoá dân tộc một đất nước.

4- Thành phần tự xưng đệ tử Phật mà chẳng biết Phật pháp là gì. Hạng người này mặc chiếc áo Phật giáo, tự xưng Phật tử. Họ cũng đốt hương niệm Phật, song xin xăm bói quẻ. Họ thấy những người dân chất phát, hiền lành không có cơ hội tiếp cận với văn hoá, do đó thừa lúc đục nước thả câu. Trên bàn thờ có cả Phật, Bồ Tát, Tiên cô tiên cậu. Phương pháp thực tập gồm cả vận khí đạo dẫn và niệm chú. Loại pháp môn tổng hợp này, nếu ai không hiểu Phật pháp thì cho là Phật giáo, do đó không thể kêu oan cho Phật giáo được.

5- Thành phần không phải đệ tử Phật muốn hiểu Phật pháp mà không có cơ duyên : Hạng người này tương đối nhiều trong xã hội. Phần lớn họ là thành phần trí thức, đã có ý thức về sự rộng lớn cao sâu của giáo nghĩa Phật giáo, giáo nghĩa ấy nó có mối quan hệ mật thiết với nền văn hoá nước nhà. Họ rất muốn tìm hiểu, am tường một chút đại ý của Phật pháp, nhưng chẳng có duyên phần. 1- Họ không có cơ hội diện kiến với những vị thiện tri thức lãnh đạo Phật giáo. 2- Họ

tìm không được những cuốn sách phù hợp với sự tìm hiểu, song nhất thời cũng không biết đâu là đầu mối. Vì không có cơ hội tìm hiểu Phật giáo, nên không thể phát sinh tín ngưỡng.

Do vì những lý do trên, mà phần đông người ta hiểu lầm Phật giáo và bỏ ngỡ với Phật giáo rất nhiều. Vậy chúng ta làm cách nào để thành phần trí thức nhận thức được chính xác về Phật giáo ?

Phật pháp cao sâu, viên dung, rộng lớn tinh vi, điều này được nhiều học giả trên thế giới công nhận, ngay cả những người không cùng tín ngưỡng Phật giáo, họ cũng đều thừa nhận lý luận chính xác và vĩ đại của Phật giáo. Nhưng vì do Phật giáo quá vi diệu, nên khó lãnh hội, do quá cao sâu nên không dễ gì hiểu thấu. Ba tạng 12 bộ kinh, bao la như biển lớn, tên gọi cũng nhiều, nghĩa lại cao sâu. Điều này đối với người mới biết đạo, nếu không có người giảng giải, mà muốn tìm hiểu hàm ý trong đó, quả thật khó hơn lên trời.

Trong kinh điển Phật giáo có nhiều loại, có loại chuyên giới thiệu về tịnh độ, có loại chuyên giới thiệu về thiên, về Mật chú, về nhân quả, khuyên về làm lành lánh dữ, nhân quả v.v lại thêm từ ngữ Hán và Ba ly khiến người tìm hiểu càng khó đến gần với Phật giáo một cách trọn vẹn, họ bỏ ngỡ như đứng trước chân núi cao không biết hướng về đâu ?

Phần đông khi không hiểu chỗ thâm sâu của đạo Phật, người ta cho rằng Phật giáo tiêu cực tránh đời, không tạo ra của cải vật chất. Vì vậy tôn giáo là Phật giáo không có công hiến gì cho quốc gia xã hội ! Luận điệu này mới nghe qua cứ ngỡ như thật, song người ta không biết đệ tử Phật gồm có hai thành phần, thành phần tại gia và thành phần xuất gia. Thành phần xuất gia có nhiệm vụ giữ ngôi nhà đạo đức, còn thành phần tại gia, làm các công việc như, sĩ nông, công, thương, v.v để duy trì kinh tế và phát triển xã hội. Như vậy tín ngưỡng Phật giáo chẳng trở ngại công ăn việc làm, ngược lại còn giúp cho nghề

nghiệp của họ phát triển. Còn nếu nói hàng xuất gia không làm ra của cải vật chất thì không có cống hiến cho xã hội. Vậy trong xã hội ngoài những người trực tiếp làm cày cấy, làm thợ v.v.. còn một số bộ phận không trực tiếp làm ra của cải vật chất như giáo viên, bác sĩ, kỹ sư . . . họ không trồng lúa, may vá thì không lẽ họ là những người ăn không ngồi rồi, không đóng góp gì cho xã hội ư ? Như thế nên biết đệ tử xuất gia, tuyệt chẳng phải là những người ăn không ngồi rồi, không có lợi ích gì cho nhân quần xã hội ? Các vị xuất gia có trách nhiệm hộ quốc an dân, bằng cách đem lời dạy đạo đức của Phật khuyến hoá mọi người bỏ ác hành thiện, khiến cho quốc thái dân an há không phải là vô tích sự sao ? Luật pháp trong xã hội chỉ hạn cục ở chỗ ngăn chặn con người khi đã phạm tội mà thôi, còn đạo đức nhà Phật có khả năng cảm hoá con người ngăn chặn những tội lỗi chưa phát sanh.

Đệ tử Phật phải có trách nhiệm với xã hội, gia đình và tự thân. Đối với đất nước phải trung thành, đối với cha mẹ , ông bà thân quyến phải hiếu thảo, đối với bạn bè phải giữ chữ tín. Tuân giữ 5 giới cấm và các điều lệ trên, đều là nhân tố để trở thành một công dân tốt, sau đó tiến lên thực hành pháp xuất thế. Đức Phật dạy đệ tử luôn phải báo đáp tứ trọng ân. Tứ trọng ân là 4 ân lớn, là ân quốc gia, ân cha mẹ, ân chúng sanh, và ân Tam bảo, Phật pháp Tăng. Điều này nói lên Phật giáo không phải là tôn giáo dạy người quên ơn bỏ nghĩa, quên đất nước, cội nguồn và vứt bỏ tổ tiên giòng giống.

Năm nguyên tắc sống hạnh phúc và an lạc mà Phật đã dạy cho người đệ tử đầu tiên là ý thức được sự khổ đau của việc giết hại, xin học hạnh đại bi không sát sanh để bảo vệ sự sống. Ý thức về sự khổ đau do lường gạt, trộm cắp gây ra, xin nguyện không trộm cắp, gian xảo bóc lột, lừa đảo người khác. Ý thức được sự khổ đau khi gia đình mất hạnh phúc chung thủy, và những sự nguy hại về bệnh tật, nghèo đói, thất học của con cái v.v do tà dâm gây ra xin nguyện không tà

dâm, sống cuộc đời trong sạch, nguyện giữ mình tinh khiết. Ý thức được sự khổ đau do lời nói không chân thật gây ra xin nguyện nói những lời chân thật và nhẹ nhàng, không gây tổn hại người khác trên lời ăn tiếng nói. Ý thức được sự khổ đau do rượu bia và các chất gây say nghiện gây ra xin nguyện không dùng những chất gây say nghiện.

Con người đau khổ xã hội bất ổn bất an là do con người không giữ được 5 điều, sát sanh, trộm cắp, nói dối, tà dâm và rượu chè cờ bạc. Năm điều quy chế của Phật đưa ra cho người Phật tử chính là những nhân tố góp phần ổn định trật tự xã hội một cách có hiệu quả mà không gây tác hại và tổn kém về người và của, mà làm cho gia đình, xã hội có được sự an lạc hạnh phúc thật sự.

Cho nên tiên sinh Tôn Tung Sơn nói “ chính trị có khả năng đối trị bên ngoài, tôn giáo có khả năng đối trị tâm người, Tôn giáo có khả năng hỗ trợ cho chính trị, chính trị có trách nhiệm hộ trì tôn giáo ”.Nhà bác học thông thái Enstien nói: “ Khoa học không có tôn giáo khoa học què quặt. Tôn giáo không có khoa học tôn giáo mù quán ” Qua đây chúng ta thấy được, chính trị và tôn giáo là hai nền tảng vững chắc để ổn định và duy trì xã hội. Muốn được như thế thì, đòi hỏi mục tiêu của chính trị và tôn giáo phải nhất trí với nhau, mới có khả năng đạt được lợi ích thiết thực. Hai lãnh vực cùng hỗ trợ lẫn nhau để cùng thành tựu./.

ĐƯỜNG LỐI TU HỌC

Đệ tử của Phật phân làm hai thành phần, tại gia và xuất gia. Cả hai đều nguyện sống đời tỉnh thức. Các vị xuất gia sống cuộc đời xa lìa gia đình thế tục, chuyên tâm thực tập tịnh hạnh của người xuất gia. Còn tại gia cư sĩ, có công việc làm ăn sinh sống, có trách nhiệm đối với cha mẹ vợ con, thân quyến và tham gia những việc xã hội, song lại

dành thời gian cùng tham gia học tập và thực hành phương pháp giải thoát của Phật với người xuất gia.

Gia đình, quyền thuộc và danh lợi làm cho tâm trí người tại gia nhiều loạn khó tu, như người chèo thuyền đi trên dòng nước ngược chảy mạnh, cư sĩ tại gia gây tạo lỗi lầm quá dễ, giống như xe xuống dốc. Người xuất gia sống đời tỉnh thức, thực tập các nguyên tắc đạo đức và phương pháp giải thoát của Phật dễ dàng như thuyền lướt trên nước lại xuôi gió. Tuy cũng là hai thuyền nhưng hoàn cảnh bất đồng, nên kết quả nhanh hay chậm có khác nhau, khó dễ cũng thế. Nếu biết sanh tử dễ nhiễm, thiện pháp khó thành, thì hãy sớm cầu tự độ, mong ngày giải thoát khỏi lưới mê bể khổ. Cho nên muốn tu hành rốt ráo và mau đạt, chỉ có con đường nguyện sống đời tỉnh thức.

Đầu tiên trở về với con đường tỉnh thức là lãnh thọ Tam quy và thực hành 5 nguyên tắc đạo đức. Ba quy y như đôi mắt sáng dẫn đường, 5 nguyên tắc đạo đức như đôi chân dẫn người đi đến kho báu, đưa người ra khỏi đường mê lối hiểm đến chỗ an vui chân thật.

NỀN TẢNG VIỆC TU TRÌ

Tam vô lậu học, là Giới, Định và Tuệ là nền tảng của việc học Phật. Thực hành tam học một cách tinh chuyên thì chắc chắn có khả năng đoạn trừ phiền não, sẽ siêu phàm nhập thánh.

1- Giới học : gọi là giới luật, tức là những nguyên tắc để hành giả tu thân và điều phục tâm. Những nguyên tắc đạo đức, nhằm giúp hành giả tịnh hoá thân tâm, dừng chỉ hành động, lời nói và ý nghĩ xấu ác, đồng thời có những việc làm, lời nói, ý nghĩ thiện lành.

Trong ba môn học Giới, Định, Tuệ được cô đọng và tóm tắt bằng một bài kệ :

Đừng làm các việc ác - Hãy làm các việc lành

Giữ tâm ý trong sạch - Ấy là lời Phật dạy.

Bỏ ác làm lành, giữ tâm ý trong sạch tức là đoạn trừ phiền não. Thực tập trọn vẹn ba điều này gọi là tu Đạo.

Căn bản phiền não của con người là ba độc, tham, sân, si. Ba độc này lấy ý làm chủ, có bài kệ rằng :

Trong các pháp tâm làm chủ

Tâm dẫn đầu tạo đủ mọi duyên

Tâm như tạo nghiệp chẳng hiền

Như xe lăng bánh khổ liền theo sau.

Năm nguyên tắc đạo đức của Phật giáo là, không sát, không trộm, không dâm, không dối, không rượu chè. Năm nguyên tắc đạo đức này thuộc về phần ngăn ngừa điều xấu ác, muốn giải thoát chứng quả, cần phải nỗ lực thực tập những điều lành. Làm lành có nghĩa là thay thế 10 điều xấu ác tham lam, sân giận, si mê, sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói lời thô ác, nói lưỡi đôi chiều, bằng những việc làm lành thiện, như quán từ bi, quán bất tịnh, quán nhân duyên, phóng sanh, bố thí, nói lời chân thật, lời nhu hoà , hỷ xả v.v

2- Định học : Định còn gọi là thiên định, dùng để điều phục tâm. Tu tập thiên định giúp cho tâm được an định, ngăn ngừa sự tán loạn của tinh thần. Quả khổ mà thân tâm của ta cảm thọ là do nghiệp và phiền não kết tập mà ra. Do đó, muốn giải trừ phiền não, việc trước hết là phải đoạn trừ nhân phiền não. Nguyên nhân sinh ra nhân khổ, chính là vọng tâm phát sinh trong ý thức. Vọng tâm của chúng ta, niệm đầu đã diệt niệm sau đã phát sinh liên tục không ngừng nghỉ. Vọng niệm là phiền não, được diễn ra ngay trên ý niệm và hành vi của thân, miệng và ý là nghiệp. Do phiền não mà tạo nghiệp, vì có nghiệp nên phải chịu khổ, đây là điểm chính của vòng luân hồi sanh tử. Do đó hành giả học tập và thực hành phương pháp giải thoát của Phật đã cần phải điều phục tâm mình. Giới là để ngăn ngừa những hành vi và lời

nói xấu ác của thân và miệng, còn định để điều phục và đoạn trừ những vọng niệm trong tâm, cần phải nương giới tu định, nhân định mới phát huệ.

3- Huệ học : Tuệ còn gọi là trí tuệ, trí tuệ này chẳng phải thể trí biện thông của trí thể gian, mà là đại trí tuệ, trí tuệ vô lậu chứng đắc thông qua định lực. Trí tuệ phiên âm từ Bát nhã, chỉ tạm phiên âm như thế, chữ chữ trí tuệ không đủ sức chuyên chở hết hàm ý của từ Bát nhã.

Chân như Phật tính, mọi người ai cũng đều đầy đủ, song do vọng tưởng che lấp nên mình không thấy được nó, như vàng ở trong quặng, gương dính đầy bụi, vàng nằm trong quặng, bản chất nó không hao tổn, gương bị dính bụi, ánh sáng của nó vốn không mất. Nếu đãi bỏ đất cát, lau sạch bụi, bản chất thuần vàng và ánh sáng của thể gương liền hiển lộ ra. Cũng như thế, chân tâm của chúng ta bị vọng niệm che lấp từ vô lượng kiếp đến nay, song nếu dùng định lực lâu dài, quét trừ sạch vọng niệm, phiền não, hướng tâm về chánh niệm tỉnh giác, lâu ngày chầy tháng, vọng niệm sẽ rơi rụng, chân tâm liền hiển lộ, đây chính là chứng đắc được “Bát nhã”.

Ba lãnh vực Giới, Định, Tuệ là nền tảng của việc tu học Phật pháp. Tất cả giáo pháp như Bát chánh đạo, Tứ đế, 12 nhân duyên, Lục độ v.v của Phật thuyết đều hàm chứa trong đây. Cho nên hành giả học tập và thực hành Tam vô lậu học, là học tập và thực hành phương pháp giải thoát của Phật đà, cũng chính là đang thực hành Lục độ Ba La Mật.

Lục độ : Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn thuộc về Giới. Thiền định thuộc về Định học, còn Trí tuệ thuộc về Tuệ học ./.

PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

Chúng sanh đa bệnh nhiều phiền não, căn cơ lợi độn khác nhau, vì thế đức Như lai nói ra có nhiều pháp môn để thích hợp cho mọi căn cơ. Cả thầy có 84.000 pháp môn để đối trị phiền não của chúng sanh. Trên thực tế đường về không hai lối, phương tiện có nhiều môn.

Người phát tâm học tập và thực hành phương pháp giải thoát của Phật, thì tùy theo khả năng của mình mà chọn lựa một pháp môn, không nên tham nhiều pháp môn, hãy nỗ lực am tường và chuyên sâu vào một pháp môn. Khi đã chọn cho mình một pháp môn, sau đó phân định thời gian sao cho thích hợp với hoàn cảnh, công việc của mình làm thời khoá tu tập. Ngày nào cũng công phu tu tập đều đặn như vậy, một thời gian tự nhiên sẽ cảm nhận được sự thanh thoát và tự tại trong cuộc sống hằng ngày. Đó là đã đạt được một phần chứng đắc trên bước đường tu tập. Nhiều pháp môn tu ta thường nghe và thường gặp như:

Tham thiền : Nói đến thiền là người ta nghĩ ngay đến đạo Phật. Đức Phật đạt được sự chứng ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác là từ việc tham thiền nhập định mà ra. Thiền là cơ bản, là cốt lõi của các pháp môn tu trong đạo Phật. Thiền có nhiều loại ta cần phải biết lựa chọn , để thích hợp với căn cơ và sức lực của mình. Như Đại thừa thiền, tối thượng thiền, tiểu thừa thiền, tổ sư thiền. Trong thiền tổ sư lại có thiền công án và thiền thoại đầu . Đó là các loại thiền nằm trong Phật giáo dành cho các căn cơ từ cao đến thấp. Nhưng tu thiền cần phải có vị thầy tu thiền đắc pháp thiền để ta nương tựa tu tập, nếu không có ta dễ bị lạc thiền. Ngoài thiền Phật ra còn có ngoại đạo thiền và phàm phu thiền. Nếu người tu thiền không có sự chỉ dẫn sẽ bị lạc vào con đường thiền phàm phu và ngoại đạo khó có con đường đi ra. Cho nên tu thiền cần phải thận trọng, trước hết chọn pháp tu để thích hợp với căn cơ và sức lực của mình, thứ hai phải có vị thầy hướng dẫn

bên mình, thứ ba giữ giới thanh tịnh, thứ tư phải có trí tuệ để quán sát chánh tà, chơn nguy, thứ năm phải có môi trường thích hợp, thanh tịnh không ồn ào náo nhiệt. v.v những điều kiện tất yếu này giúp cho việc tu thiền mau tiến bộ và không bị sai lạc và thối lui.

Tu Mật : là pháp môn chuyên trì thần chú, pháp tu đòi hỏi tam mật tương ưng, nghĩa là miệng trì niệm chân ngôn, tay bắt ấn, ý khởi quán vi diệu. Pháp môn trì chú này cả ba phương diện thân, miệng, ý đều có quy luật nhất định. Mỗi khi trì chú dùng tay bắt ấn là thân mật, miệng đọc chú, từng câu từng chữ rõ ràng, tuyệt không thiếu sót, là khẩu mật. Mỗi câu chú đều có chư Phật, Bồ Tát làm đối tượng, trong tâm phải quán chủng tử tự của thánh hiệu Phật hoặc Bồ Tát (lấy mỗi mẫu tự của thánh hiệu Phật, Bồ Tát thay thế cho bản thể của chư vị, gọi là chủng tử tự) là ý mật. Nếu tam mật được tương ưng như thế, tự nhiên những vọng niệm trong tâm thức hành giả sẽ vắng bật. Muốn tu trì theo mật tông, cần phải có vị thầy mô phạm dùng thân khẩu truyền thọ, mới có hiệu lực, bằng không tất cả chỉ nói bằng miệng chứ không thể thực hành, do đó khó đạt đến quả vị giải thoát.

Niệm Phật : Niệm Phật là pháp môn của tông tịnh độ, pháp môn này phổ cập ba căn, thâm nhiếp lợi độn, là pháp dễ thực hành trong các môn dễ hành. Phương pháp tu trì chỉ cần nhất tâm trì niệm sáu chữ hồng danh Phật hiệu A Di Đà, quả thật phương pháp tu đơn giản dễ phổ biến cho mọi người cùng thực tập. Là pháp tu dễ tu dễ đạt ít rớt không nguy hiểm, một đời thành công. Vì lý do đó nên rất được nhiều người thực tập tu có nhiều kết quả lúc hiện tiền.

Đề mục tu niệm danh hiệu Phật là một trong 40 đề mục tu thiền quán trong pháp môn tu thiền của Phật giáo nguyên thủy. Niệm Phật là một trong pháp tu lục niệm. Lục niệm là : niệm Phật, niệm Pháp, Niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, và niệm thiên . Lại pháp tu niệm Phật gồm có bốn pháp : 1- Trì danh niệm Phật, 2-Quán tượng niệm

Phật, 3-Quán tướng niệm Phật và 4- thật tướng niệm Phật. Trong pháp quán tướng niệm Phật lại có 16 pháp quán. Nhưng chỉ có pháp trì danh niệm Phật là dễ hành nhất, các pháp kia khó hành. Tuy là pháp dễ hành nhưng khi thành công rồi các pháp kia đã có đủ trong pháp này.

Trong tất cả pháp môn, nếu tìm ra pháp môn thông cả ba căn, thấu nhiếp cả lợi căn và độn căn, thích hợp với căn tính chúng sanh trong thời mạt pháp này, duy chỉ có pháp môn tịnh độ trì danh niệm Phật là đáp ứng được.

Vì sao pháp môn niệm Phật là pháp môn thông cả ba căn, thấu nhiếp cả lợi căn và độn căn. Vì các pháp môn khác, lúc bước vào căn phải am tường giáo lý một cách rõ ràng thâm sâu, theo pháp tu hành, khi công phu thâm hậu, đoạn trừ phiền não, chứng đắc chân lý mới có thể thành tựu. Nếu không thông giáo lý, thực hành một cách mù quáng, thì sẽ điên cuồng rối loạn, cho dù thâm hiểu giáo lý, tinh tấn không giải đãi, nhưng vẫn còn chút phiền não chưa đoạn tận cũng vẫn không thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Những pháp môn này, gọi là nương vào sức của mình để tu tập gọi là pháp tự lực.

Trong khi đó, pháp môn niệm Phật, bất luận người thông minh, lợi căn hay độn căn, lanh lợi hay ngu dốt, chỉ cần có thể trì danh niệm Phật, cầu sanh tịnh độ. Cho dù không thông hiểu giáo lý, chưa có khả năng đoạn sạch phiền não nghiệp chướng, chỉ cần tín nguyện thâm sâu tha thiết, đến lúc lâm chung, nương vào sự gia trì của Đức Phật tiếp dẫn mình về Tây phương. Cho nên pháp môn tịnh độ là pháp môn vừa tự lực vừa tha lực. Pháp môn tự lực cũng giống như người đi du lịch, đi bằng bộ, không đi xe, tàu gì cả, tất nhiên đi rất chậm. Còn pháp môn niệm Phật nương vào tha lực của Phật và tự lực của mình, ví như người đi du lịch, đi bằng xe, bằng tàu thì mau đến đích.

Đức Phật A Di Đà phát ra 48 nguyện độ chúng sanh, trong đó phải kể đến nguyện thứ 18, 19, 20. Ngài phát nguyện : “ Nếu tôi thành Phật, chúng sanh trong 10 phương, chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước tôi, cho đến 10 niệm, nếu không được sanh, thề không lấy ngôi chánh giác”.

“ Nếu tôi thành Phật, chúng sanh trong 10 phương, phát tâm Bồ đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về nước tôi, cho đến lúc sắp mạng chung, tôi và thánh chúng không hiện ra trước người ấy vây quanh tiếp dẫn, thề không lấy ngôi chánh giác ”.

“ Nếu tôi thành Phật, chúng sanh trong 10 phương, nghe danh hiệu tôi, nhớ nghĩ đến nước tôi, gieo trồng nhiều công đức, chí tâm hồi hướng, muốn sanh về nước tôi, nếu không được sanh, thề không lấy ngôi chánh giác ”.

Thế giới Tây phương Cực lạc, đất nước thanh bình an lạc, khí hậu ôn hoà dễ chịu, vạn vật xinh đẹp, cung điện trang nghiêm, ngày đêm sáu thời có nhạc trời có mưa hoa, các âm thanh vi diệu, tiếng pháp luôn luôn tuyên lưu..... là một thế giới thanh tịnh vi diệu. Chúng sanh ở cõi này về tinh thần vật chất đều không khổ, thân tướng đoan nghiêm, thọ mạng lâu dài, đầy đủ lực thông, luôn ở trong chánh định, trí tuệ biện tài, đắc vô sanh pháp nhẫn. Đạo tâm không thoái, không bị đoạ vào đường xấu ác. Đây chính là lý do mà thế giới này gọi là Cực lạc, cũng gọi là Tịnh độ./.

Tông phái tịnh độ lấy việc vãng sanh Tịnh độ làm mục đích. Tịnh độ là cõi nước được trang nghiêm bằng các công đức thanh tịnh. Tịnh độ tông còn gọi là liên tông, vì người tu tịnh độ lấy ý nghĩa vãng sanh Tây phương đều hoá sanh trong hoa sen, nên nước Cực lạc cũng gọi là Liên bang. Tông này đặc biệt lấy việc xưng niệm thánh hiệu Phật làm pháp tu, chủ yếu nương vào tha lực của bản nguyện đức Phật A Di Đà, cầu nguyện được sanh về Tịnh độ Cực lạc ở Tây Phương.

Hành giả tu Tịnh độ gọi là liên hữu, đạo tràng tu tịnh nghiệp gọi là Liên xã, pháp tu gọi là Liên tông./.

CÁI GÌ SẼ LÀM CHO CON NGƯỜI TIẾP ĐỜI SAU ?

Cái mà làm cho con người nối tiếp đời sau, đạo Phật gọi là Nghiệp. Nghiệp nhân hiện tại dẫn dắt chúng sanh đi thọ sanh đời sau, lại đi thọ báo, lại đi tạo nghiệp, lại thọ quả, vòng tuần hoàn này nó vẫn liên tục lưu chuyển trong sinh mạng và kéo dài đến vô tận.

Nghiệp và luân hồi : Nghiệp tiếng Phạn gọi là Kamar, nghĩa là tạo tác. Nghiệp có ba loại, chia làm ba thứ , nghiệp đen và nghiệp trắng, tức ác nghiệp và thiện nghiệp và nghiệp vô ký, tức không thiện không ác, đó là đứng trên tính chất mà nói. Còn về hình tướng có ba thứ nghiệp, thân nghiệp khẩu nghiệp, ý nghiệp.

Trên ba nghiệp, thân, khẩu, ý. Thì ý nghiệp quan trọng hơn cả, vì ý làm chủ, còn hai nghiệp thân và nghiệp khẩu chỉ chịu sự chi phối của ý mà thôi. Bởi vì ý niệm đầu nếu không phải là ý niệm tham lam, sân hận và si mê, chắc chắn sẽ không dẫn đến hành vi xấu ác, như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối v.v

Nói đến nghiệp, người ta rất khó thấu triệt, bởi vì nó không có hình tướng, không chất không lượng, nhưng chúng ta khởi tâm động niệm, đều tạo thành hạt giống nghiệp, vả lại hạt giống nghiệp đó vĩnh viễn không tiêu mất, tồn tại mãi mãi với thời gian, khi gặp duyên thích hợp, liền sanh trưởng và phát triển.

MỤC ĐÍCH TU HỌC

Mục đích của người tu học học trong Phật giáo là “ chuyển mê khai ngộ , lìa khổ được vui ”. Mê cái gì? Là mê mờ chân lý vũ trụ nhân sinh gọi là mê. Thế gian vô thường, đất nước nguy thủy, tứ đại

khô không, ngũ uẩn vô ngã.. Mà chúng ta quen theo vọng chấp, ngộ nhận vạn pháp huyền diệu cho là thường, thân thể do năm uẩn hoà hợp cho là chân ngã, tất cả những ngộ nhận này đều gọi là mê.

Mê phân ra Lý và Sự. 1- Mê Lý : chấp vào 5 kiến : thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, 2- Mê sự : Khởi các lậu hoặc, tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, nghi ngờ v.v Hai thứ này phần trước gọi là kiến hoặc, phần sau gọi là tư hoặc hay gọi chung là thập sử. (10 thứ sai khiến con người tạo nghiệp).

- Thân kiến : Chấp thân là thật có, là sở hữu của mình.

- Biên kiến : Chấp một bên, cho rằng sau khi chết vẫn thường còn không mất, gọi là thường kiến, hay hữu kiến. Hoặc cho rằng sau khi chết thì hết hẳn, gọi là đoạn kiến gọi là vô kiến.

- Tà kiến : Kiến giải phủ nhận đạo lý nhân quả.

- Kiến thủ : Chấp trước kiến giải sai lầm cho là đúng.

- Giới cấm thủ : Chấp thủ những giới điều phi lý.

Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tham, sân, si, mạn, nghi ... đều là mê hoặc (phiền não). Người học Phật muốn chuyển mê thành ngộ, việc trước hết cần phải đoạn trừ phiền não này. Chỉ có đoạn trừ phiền não mới có khả năng đạt đến chỗ chân thật giải thoát, mới hiển lộ bản tánh chân như của chúng sanh.

Những phiền não trong tâm thức của chúng ta là nguyên nhân chính gây tạo các nghiệp xấu ác. Một khi đã tạo nghiệp, nhất định phải chịu quả khổ, do đó khẩn định cảnh mê tức là cảnh khổ. Phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng, không có gì khác hơn là đoạn trừ phiền não, đoạn trừ phiền não đồng nghĩa với chuyển mê thành ngộ, vừa khai ngộ liền có thể lìa khổ được vui. Cho nên mục đích của người học Phật là không ngoài việc mong cầu “ chuyển mê khai ngộ, lìa khổ được vui ”. Sau cùng đạt đến mục tiêu thành Phật để cứu độ chúng sanh. Nếu ai

có tâm lý học Phật như thế, thì gọi là chân chính, còn đi ngược lại với tiêu chí trên, xem như đã đang lạc lối lầm đường.

Song muốn học Phật, hay muốn đạt được mục tiêu giác ngộ giải thoát và thành Phật độ chúng sanh cần phải có phương pháp và đường lối, dựa vào phương pháp và đường lối đó tu tập, mới có khả năng đạt được nguyện vọng của người học Phật.

LỊCH TRÌNH HỌC PHẬT

Muốn học tập và thực hành phương pháp giải thoát của Phật cần phải trải qua 4 giai đoạn là : Tín, Giải, Hành và Chứng. Tín là Tín thọ, nếu đối với hết thảy sự vật mà chúng ta khởi ý niệm nghi ngờ, nhất định sẽ không bỏ công tìm hiểu nghiên cứu. Phương pháp giải thoát của Phật vi diệu sâu xa, nếu không có đầy đủ tín tâm, nghiên cứu sâu xa, thì hoàn toàn không có khả năng lãnh hội nghĩa lý nhiệm mầu ấy. Đương nhiên cũng không được lợi ích thiết thực, cho nên lịch trình học Phật bắt đầu phải sinh khởi từ tín tâm.

Tiếp theo là Giải : Sau khi sinh khởi tín tâm rồi, cần phải thấu hiểu nội dung của nó. Sau khi thật sự thấu hiểu nội dung Phật pháp, tín tâm mới thật sự vững chắc và không một thế lực nào làm lay chuyển. Trong kinh nói : “ y pháp bất y nhân ”, chân lý không phải là người, không phải thần, hoặc thần tượng. Chúng ta phải tuyệt đối chọn con đường thông qua sự suy xét của lý trí. Dùng trí để tìm cầu chân lý, khai mở trí tuệ, thì bước đường học Phật mới không bị thối tâm và trở ngại.

Sau khi khởi tín tâm và lý giải được rõ ràng, tiếp theo là Hành. Hành nghĩa là thực hành, tự thân mình thực tập để cảm nhận được điều mình tin và lý giải là đúng. Có nhiều người học cũng thừa nhận sự uyên bác, cao siêu thâm diệu của Phật pháp, song thừa nhận chỉ là

thừa nhận chứ họ không tin theo. Lại có một số người nghiên cứu, song họ chỉ làm công tác học thuật, nghiên cứu, nhận định mà thôi, chứ không thực hành, như vậy có thể nói giải mà không hành. Những người này trong kinh gọi là “ muỗng mức canh, cả đời không cảm nhận được mùi vị của canh ” hay “ nhân viên ngân hàng, suốt ngày đếm tiền, nhưng khi chiều về không đem theo được đồng nào về nhà ”.

Người học Phật và thực hành phương pháp giải thoát của Phật đà, sau khi liễu triệt giáo pháp, cần phải ra sức thực hành. Dựa vào pháp tu hành, chánh niệm từng lời nói, việc làm và ý nghĩ, làm cho hành vi ngay thẳng, diệt trừ vọng niệm trong tâm, như thế mới có thể minh tâm kiến tánh, chuyển mê thành ngộ, đạt được lợi ích của việc học Phật.

Giai đoạn cuối cùng của việc học Phật là chứng đắc được sự bình an tự tại ở ngay trong cuộc sống hằng ngày này. Đối với một sự việc nào đó, nếu có đầy đủ tín tâm, hiểu giải rõ ràng và thực hành một cách nghiêm cẩn, thì sẽ được thành quả như đã mong đợi. Vấn đề học Phật cũng như thế, hành giả học tập và thực hành phương pháp giải thoát của Phật đà, nếu tín tâm kiên định, thấu triệt nghĩa lý, thực tập tinh cần không thôi chuyển, nhất định sẽ có được sở đắc nào đó, đây gọi là chứng. Còn về cảnh tượng của sự chứng đắc như thế nào, thì giống như người uống nước tự biết nóng lạnh, không thể diễn tả bằng lời được, không thể làm cho người chưa chứng mà hiểu nổi, chỉ có người tự chứng đắc mới lãnh hội như thế nào.

Hành tức thực hành, gọi là tu trì. Bước đầu của người học Phật là vào nhà phật pháp phải trải qua ngưỡng cửa Tam quy và nhận lãnh 5 nguyên tắc đạo lý. Tam quy và 5 nguyên tắc đạo lý là hành trang đưa hành giả đi đến chỗ an vui hạnh phúc của thân phận kiếp người./.

CÁCH LOẠI SUY GIÁO PHÁP CỦA VUA BA TƯ NẶC.

Ba Tư Nặc là vị vua xứ Câu Tát La (Kosala). Ông sống cùng thời với đức Phật và có những hỗ trợ tích cực đối với Đức Phật và Tăng đoàn. Tên tuổi của ông được nhắc đến nhiều trong kinh điển, và có một vài bài kinh không những đề cập đến ông như một người nhiệt tâm bảo hộ Tăng đoàn mà còn cho thấy cách nhìn của ông về giáo pháp của Đức Phật. Điển hình nhất về điều này là trong bài kinh Pháp Trang Nghiêm, thuộc Trung A Hàm. Suốt bài kinh này, ta có thể thấy cách đánh giá, hay nói đúng hơn là cách loại suy khá đặc biệt của ông về giáo pháp của Đức Phật. Cách loại suy của ông được dựa trên đời sống thực tế mà ông trải nghiệm và cái nhìn của ông về đời sống của Đức Phật và Tăng đoàn.

Trong một lần Thế Tôn du hoá và cư trú tại ấp của Thích gia. Bấy giờ vua Ba Tư Nặc cũng có một số việc cần làm nên cũng đến thị trấn nọ. Khi vua nghe Đức Thế Tôn trú tại đô ấp của Thích gia, ông bèn tìm đến đánh lễ Ngài. Thấy nhà vua tìm đến đánh lễ mình, Thế Tôn hỏi rằng ông đã thấy ở Ngài có những giá trị gì mà cúi đầu đánh lễ cung kính như vậy. Nhà vua đáp : Từ cách loại suy của ông, ông nhận thấy giáo pháp của Đức Phật là toàn thiện, chúng đệ tử của Ngài áp dụng nó một cách trọn vẹn, vì thế ông tìm đến cung kính đánh lễ.

Trước hết, vua Ba Tư Nặc cho rằng, giáo pháp của Đức Thế Tôn là giáo pháp toàn thiện, giáo pháp đó đưa đến vô tranh, vô tham đem lại hoà hợp và tương kính lẫn nhau. Giáo pháp ấy được chúng đệ tử của Phật áp dụng một cách trọn vẹn.

Vua Ba Tư Nặc ngồi trên ngai vàng suy nghĩ rằng: Trong đời, cha mẹ tranh chấp với con cái, con cái tranh chấp với cha mẹ, anh em thân bằng quyến thuộc tranh chấp lẫn nhau, nói xấu nhau v.v là những người thân trong gia đình mà còn như vậy, thì những người không thân thích với nhau lại còn tệ hại hơn. Ngoài thân quyến ra ở xã hội,

nào là thầy với trò, chủ với tớ, quan với quân, bạn với bè v.v luôn luôn có nhiều mối tranh chấp không khoan nhượng. Trong khi ấy, chúng đệ tử của Phật sống phạm hạnh, sống hoà hợp không tranh chấp. Nếu có vị nào không sống được với Tăng đoàn bỏ đạo thôi tu, họ không nói xấu Phật, nói xấu Tăng đoàn, mà tự trách mình thiếu phước không duyên. Chúng đệ tử Phật sống phạm hạnh suốt đời, sống hoà hợp tương kính lẫn nhau. Với những thầy biết như vậy vua Ba Tư Nặc đem lòng kính ngưỡng.

Giáo pháp của Phật xem như là con đường sống, con đường đem lại an bình lợi lạc, thoát khỏi các tranh chấp, từ bỏ hận thù. Như vậy, những đệ tử của Đức Phật, nếu người nào vẫn còn ưa thích tranh chấp, nói xấu, chỉ trích, giận hờn, thù hận lẫn nhau, thì đã đi ngược lại lời dạy của Phật. Vị ấy không còn là đệ tử của Phật nữa.

Thứ đến, nhà vua lại nghĩ rằng : Giáo pháp của Phật toàn thiện vì giáo pháp ấy đưa đến xả ly các dục, xa rời chấp thủ, đem lại đời sống phạm hạnh, không bị nhiễm ô bởi dục vọng, không dính trước dục, không bị dục trói buộc, không kiêu ngạo chấp thủ. Bạch đức Thế Tôn, ở đây con thấy các tỳ kheo tự nguyện sống phạm hạnh trọn đời, nguyện xuất ly khỏi tham dục. Ngoài ra con không thấy ở đâu có phạm hạnh thanh tịnh như vậy, như mái nhà của Thế Tôn. Do đó con nghĩ rằng, Pháp của Đức Như Lai, bậc vô sở trước, Đẳng chánh giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Phật thật khéo thực hành.

Xả ly các dục, xa rời chấp thủ là một trong những điều kiện cần thiết để thực hành đời sống phạm hạnh. Vì dục và chấp thủ được xem là một sự chướng ngại trên con đường thực hành để phát triển tâm linh. Vật chất là điều kiện cần thiết để duy trì đời sống, nhưng trong hành trình tu tập, đặc biệt với người xuất gia, việc quá tham đắm vật

chất, đam mê các dục lạc là điều làm chướng ngại cho việc thực hiện đời sống phạm hạnh để phát triển tâm linh.

Tiếp đến vua lại nghĩ rằng : giáo pháp của Đức Thế Tôn toàn thiện, vì giáo pháp ấy đem lại sự bình an hoan hỷ tự tại cho người thực hành nó. Vua thấy các tỳ kheo sống hân hoan, sắc diện vui tươi, đoan trang, vô vi vô cầu, sống đời thanh tịnh, tri túc giản dị, ông cho rằng các tỳ kheo khéo sống đúng theo giáo pháp của Phật và đã có sở đắc trong việc tu tập của mình.

Vua lại suy nghĩ giáo pháp của Phật thật là toàn thiện, vì nó có công năng hàng phục được những sa môn phạm chí. Đức Phật không bao giờ tham gia vào những cuộc tranh luận về giáo thuyết. Nhưng có rất nhiều giáo thuyết của phạm chí Bà la môn muốn tranh luận với Phật. Vì thế những sa môn Phạm chí dù có nhiều thông minh trí tuệ, có danh tiếng đến đâu, khi gặp Đức Phật vẫn không dám tranh luận. Nhưng mỗi khi họ nghe được Đức Phật trả lời thì đã vui mừng cúi đầu kính lễ, và đã có nhiều người quy y theo, cũng có nhiều người đã xuất gia thành tỳ kheo và đắc quả thánh. Chính vì thế mà vua Ba Tư Nặc đã cho rằng giáo pháp của Phật là toàn thiện có công năng hàng phục người khác.

Nhà vua lại cho rằng giáo pháp của Phật thật là toàn thiện vì nó có sức mạnh cảm hoá mọi người. Ông nghĩ rằng, ở địa vị một bậc đế vương, có quyền quyết định mọi việc. Nhưng mỗi lần ngồi trên ngai vàng để giải quyết mọi quốc sự. Ông vẫn không thể điều hành và dàn xếp ổn thoả hết sự tranh cãi của các triều thần được. Vẫn có nhiều người không theo ý ông. Trong khi đó, ông thấy, Đức Thế Tôn thuyết pháp, đại chúng đệ tử vây quanh, mọi người ai cũng như ai không một tiếng ồn ào khởi lên, Ông nghĩ rằng Đức Thế Tôn là bậc Điều ngự, vì Ngài không cần dùng đến đao trượng, hình phạt, nhưng tất cả đều

đúng như pháp nà được an ổn phúc lạc. Giáo pháp như vậy có công năng hy hữu và giáo pháp ấy là toàn thiện.

Vua lại nghĩ rằng giáo pháp của Như Lai là toàn thiện vì dù không dùng quyền lực vẫn khiến người khác cung kính tuân thủ. Nhà vua thấy rằng quan quân của ông được ban phát bổng lộc, đời sống của họ tùy thuộc vào vua, nhưng ông vẫn không khiến họ cung kính phụng hành như đệ tử của Phật cung kính với Phật. Ông cho rằng giáo pháp của Phật là toàn thiện, đáng trân trọng và chúng tỳ kheo của Ngài thật đáng quy hướng.

Trên đây là những cách suy nghĩ của vua Ba Tư Nặc đã loại suy những điều đề cập trong giáo pháp của Phật, khi ông ở độ tuổi 80, độ tuổi mà người ta có thể cảm nhận sâu sắc về bản chất cuộc đời, sau khi đã trải qua sanh , lão, bệnh và đang đến giai đoạn cuối cùng là tử. Cách loại suy của ông thuần túy dựa trên kinh nghiệm thực tế. Giáo pháp của Đức Phật là con đường sống mà vua Ba Tư Nặc đã cảm nhận một cách sâu sắc và tường tận ./.

- **Loại suy** : 1-Vô tranh, hoà hợp 2-/ Xả ly các dục, xa rời chấp thủ. 3-/ Đem lại sự an bình tự tại cho người thực hành. 4-/ Có công năng hàng phục người khác . 5-/ Có sức mạnh cảm hoá mọi người. 6-/ Không dùng quyền lực mà vẫn khiến mọi người tuân theo.

BẢY PHÁP KHÔNG SUY THOÁI

Khi Phật còn tại thế, vua A Xà Thế nước Magadha có ý muốn chinh phạt dân nước Vajji. Vua phái đại thần Vassākara đến gặp Đức Phật và dận dò ông ta. Này Bà La Môn, hãy đi đến Đức Thế Tôn và nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ dưới chân Ngài, và vãn an sức khoẻ Ngài. Và khanh bạch tiếp: “ Bạch Đức Thế Tôn, vua A Xà Thế nước Magadha muốn chinh phạt dân nước Vajji, vua tự nói ta quyết chinh

phật dân Vajji này, dầu họ có uy quyền, có hùng mạnh, ta quyết làm cỏ dân Vajji. Ta sẽ tiêu diệt dân Vajji. Ta sẽ làm cho dân Vajji bị hoại vong. Thế Tôn trả lời khanh thế nào hãy ghi nhớ rõ và nói lại cho ta biết. Các bậc Như Lai không bao giờ nói sai sự thật .”

Trước khi quyết định một sự kiện lớn, những người lãnh đạo cần phải tham khảo ý kiến của các vị có trí thức đúng đắn. Đây là điểm quan trọng cho những ai giữ các trọng trách lãnh đạo. Nếu không có sự tham vấn này mà quyết định theo ý riêng mình, hay tệ hơn, theo sự tham muốn riêng mình thì dễ đi đến sai lầm, vua A Xà Thế, dặn dò đại thần Vassakara rất kỹ, từ lời nói của Phật, ghi nhận các câu trả lời của Ngài để về thuật lại đúng ý của vua A Xà Thế.

Lúc bấy giờ tôn giả A Nan đứng hầu bên Phật. Thế Tôn nói với An Nan : Này A Nan ! Thầy có nghe dân nước Vajji thường hay hội họp và hội họp đông đủ với nhau không ?

Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajji thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

1-Này An Nan, khi nào dân Vajji thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này A Nam dân Vajji sẽ được lớn mạnh, không bị suy thoái.

Sự tụ họp mang đến lợi ích thiết thực, không làm phát sinh điều xấu mà chỉ phát sinh điều tốt, việc làm như vậy gọi là tự điều chỉnh. Khi gặp gỡ thảo luận, trao đổi với nhau, nêu lên những khuyết điểm, tìm cách khắc phục, và cũng có thể trao đổi với nhau để tăng cường các ưu điểm. Nhờ vậy mà người này có thể học hỏi người kia, để tự điều chỉnh bản thân mình và điều chỉnh tập thể mình, làm cho cá nhân và tập thể sung sướng, an lạc hơn. Với ý nghĩa này tập thể ấy không bị suy thoái.

2-Đức Phật lại hỏi An Nan, Này A Nan dân Vajji có tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết, thì sẽ được lớn mạnh không suy thoái.

Yếu tố đoàn kết rất quan trọng, để có sự đoàn kết, toàn xã hội cần phải có sự đồng thuận. Nếu cộng đồng bị chia thành nhiều nhóm lợi ích khác nhau, đấu tranh giành giật quyền lợi mà không có một định hướng chung thì không thể đoàn kết được. Sự đoàn kết đó chỉ có thể dựa trên sự ưu tiên cho lợi ích cộng đồng, lợi ích dân tộc phải đặt cao hơn lợi ích nhóm.

3-Đức Thế Tôn lại hỏi A Nan: Này A Nan. Dân Vajji không ban hành những luật lệ không nên được ban hành, không huỷ bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân tộc, như đã ban hành thưở xưa, thì đất nước sẽ lớn mạnh không suy giảm.

Thời bao cấp “ Trí, phú, địa, hào đào tận gốc, tróc tận rễ ” đã làm đảo lộn trật tự xã hội VN, là một minh chứng cho điều này.

Luật lệ không được ban hành là những luật lệ gây rối loạn xã hội, những luật lệ này đem lại lợi ích cho một nhóm người, nhưng gây thiệt hại cho cả một xã hội, cộng đồng lớn. Những luật lệ như vậy không nên ban hành. Huỷ bỏ các luật lệ cũ đang còn có tác dụng tốt, các luật này đang được sự đồng thuận của xã hội

4-Đức Thế Tôn lại hỏi A Nan, Này A Nan ! Khi nào dân Vajji tôn sùng kính trọng, đánh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão, và nghe theo lời dạy của những vị này, thời A Nan, dân Vajji sẽ được lớn mạnh không suy giảm.

Các bậc trưởng lão là những vị đã có nhiều sự đóng góp tích cực cho cộng đồng và tinh thần phục vụ, có tư cách đạo đức tốt, có nhiều kinh nghiệm, là những người có sự hiểu biết sâu rộng, có trí tuệ. Sự tôn trọng đối với những người như vậy rất quan trọng. Họ là những người có nhiều kinh nghiệm và sáng kiến thích đáng trong việc điều

hành cộng đồng. Một khi tham hỏi ý kiến với những vị này, họ sẽ góp ý cho những kinh nghiệm để tạo sự đồng thuận của toàn xã hội và tránh được sự sai lầm do thiếu kinh nghiệm.

5-Phật lại hỏi: Nay A Nan ! khi nào dân Vajji không bắt cóc và cưỡng ép những người phụ nữ và thiếu nữ dân Vajji phải sống với mình, thời này A Nan, dân Vajji sẽ được lớn mạnh không suy giảm

Gây bất ổn cho nữ giới sẽ ảnh hưởng đến toàn xã hội, mất an ổn một nhà, tức mất an ổn một xóm, một xóm mất an ổn xã hội mất quân bình. Những sự ép buộc phụ nữ, như buôn bán phụ nữ, môi giới hôn nhân v.v sẽ gây ra những hậu quả trầm trọng trong xã hội ở hiện tại và tương lai. Nếu những người nữ bất ổn lo sợ, buồn giận, đau khổ sẽ tác hại đến tâm lý con cái của họ. Kết quả cha mẹ đau khổ con cái của họ cũng khổ đau, xã hội suy thoái là điều không tránh khỏi.

6- Nay A Nan ! Khi nào dân Vajji tôn sùng, kính trọng các đền đài, chùa miếu của đất nước Vajji, không bỏ phước các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp. Nay A Nan đất nước Vajji sẽ lớn mạnh.

Các đền đài chùa miếu, là nơi dân chúng sinh hoạt tâm linh và thông qua đó duy trì nếp sống tốt đẹp đã có. Nhờ nếp sống ấy mà cộng đồng không bị ảnh hưởng các tác nhân xấu.

7- Nay A Nan ! khi nào dân Vajji bảo hộ che chở đúng pháp các vị A La Hán. Khiến các vị A La Hán, chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A La Hán đã đến được sống an lạc, thời này A Nan dân Vajji sẽ được lớn mạnh không suy giảm.

Các vị A La Hán có đạo cao đức trọng, có trí tuệ, sự có mặt của các A La Hán sẽ góp phần điều chỉnh xã hội, xã hội phát triển tốt đúng hướng. Ngoài ra, nếu môi trường xã hội tốt đẹp sẽ khiến cho các vị A La Hán ở được lâu. Đạo đức và trí tuệ của các vị A La Hán có sự ảnh hưởng tốt cho việc an dân trị nước, là hàng rào ngăn chặn những sự

thối hoá trong xã hội. Hàng ngũ Tăng già bị thối hoá , suy yếu thì hàng rào bảo vệ đất nước cũng bị báo động đưa đến suy vong.

Đại thần Vassakàra kết luận khi nghe phân tích những điều trên: Thừa Thế Tôn Gotama, nếu dân chúng Vajji chỉ hội đủ một điều không suy thoái này, thời dân Vajji nhất định lớn mạnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ bảy điều không suy thoát. Thừa Tôn Giả Gotama, vua A Xà Thế nước Magadha không thể đánh bại dân Vajji ở chiến trận, trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián./.

ÁP DỤNG ĐẠO ĐỨC TRONG CHÍNH TRỊ

Xưa vua Trần Thái Tông lúc 20 tuổi đã phải chịu đựng rất nhiều đau khổ. Thái sư Trần Thủ Độ là một nhà chính trị gần như không có trái tim. Lúc Trần Thái Tông mới có 20 tuổi, Hoàng Hậu Lý Chiêu Hoàng mới có 19 tuổi, mà Trần Thủ Độ nói rằng nếu không có con gấp thì thế nào cũng bị loại ra, không được làm Hoàng Hậu nữa. Phải có con gấp để nhà Trần có thể bảo đảm được sự tiếp nối. Trần Thủ Độ đã ép vua Trần Thái Tông phế Chiêu Thánh, giáng Chiêu Thánh xuống chức công chúa để gả cho một người khác, và phải cưới liền vợ cho anh ruột mình là Trần Liễu. Người chị dâu đó là công chúa Thuận Thiên, chị ruột của Chiêu Thánh. Lý do là Thuận Thiên đã có mang, nếu cưới thì trong 7,8 tháng sẽ có con nối dõi. Một nhà chính trị không có đạo đức thì có thể hành động một cách dã man như vậy. Chàng thanh niên làm vua lúc đó 20 tuổi vì có quá nhiều khổ đau như vậy, không muốn làm vua nữa, và bỏ hoàng cung lên núi Yên Tử để đi xuất gia. Ngày hôm sau Trần Thủ Độ lên núi buộc vua phải về làm vua. Vua khóc và không chịu về, Trần Thủ Độ nói vua không về ông sẽ cho xây đền đài cung điện tại đây. Vua đem nỗi buồn đau khổ tâm sự với quốc sư Viên Chứng trụ trì trên núi. Quốc sư Viên Chứng nói:”

Bây giờ đã là vua rồi thì không thể làm theo ý riêng của Bệ Hạ được? Vua phải theo ý dân, dân muốn Bệ hạ về làm Vua thì Bệ Hạ phải về để làm Vua thôi “. Nhưng tôi có vài lời muốn nhắc với Hoàng Thượng :“dù làm Vua nhưng Bệ Hạ có thể tu học được. Vậy xin Bệ Hạ đừng có ngày nào mà không học hỏi và thực tập đạo lý giải thoát”. Vì nghe lời an ủi đó của Quốc Sư Vua Trần Thái Tông đã chấp nhận trở về kinh đô để làm Vua. Đêm nào Vua cũng thức khuya để học thêm. Học thêm đạo nho để giỏi thêm về chính trị. Học Đạo Phật để có một chiều hướng tâm linh đạo đức. Đủ để ôm ấp và chuyển hoá những nỗi khổ niềm đau của mình_ Vua mới 20 tuổi mà đã thành công trên con đường chính trị, thành một nhà cầm quyền giỏi đó là nhờ có chiều hướng tâm linh và tu học. Trong sử ghi lại nhà Vua đã hành trì một nghi thức gọi là Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi, mỗi ngày Vua thực tập bài sám và ngồi thiền 6 lần, mà vẫn còn thời giờ để làm chính trị, và làm quân sự. Trong khi đó người anh ruột của Vua là Trần Liễu phản uất vì đã bị cướp vợ đã triệu tập binh sĩ tổ chức hải quân để chống lại triều đình. Nhưng vì Vua Trần Thái Tông đã biết tu học rồi nên Vua đã tìm những phương pháp bất bạo động để giúp cho anh mình đầu hàng mà không trị tội. Cuối cùng Trần Liễu được ân xá, được cấp ruộng đất để sống một cách yên lành(185)và được ban cho chức hiệu An Sinh Vương. An Sinh Vương Trần Liễu có 3 người con. Trước khi qua đời An Sinh Vương gọi 3 người con tới bên giường và dặn các con phải trả thù cho cha, mỗi thù không thể nào quên được. Nhưng 3 người con đã tu theo Phật, nên tất cả đều không nghe theo lời cha dặn, mà lại dùng đạo đức để hoá giải với gia đình của người chú. Người con lớn là Hưng Ninh Trần Quốc Trung đã từng tham dự vào việc cầm quân chống lại cuộc xâm lăng của quân Nguyên và cũng đã từng tu học thành công để trở thành một vị thiền sư, cư sĩ gọi là Tuệ Trung Thượng Sĩ. Ông không những đã đóng góp cho chế độ bằng

chiến công cứu nước dựng nước của mình mà còn đóng góp cho đất nước bằng chiều hướng tâm linh của mình. Tuệ Trung Thượng Sĩ đã trở thành một thiền sư giảng dạy trong triều đình và làm thầy dạy kèm cho Vua Trần Nhân Tông sau này. Trần Nhân Tông sau này sẽ đi xuất gia, trở thành Trúc Lâm Đại Sĩ. An Sinh Vương Trần Liễu có một người con gái sau này trở thành Hoàng Hậu của Trần Thánh Tông. Đó là Hoàng Hậu Thánh Thiên Cảm. Một người anh đóng góp về phương diện quốc sự và đạo đức, một người em gái đóng góp về phương diện bồi đắp gia đình, sinh con cho chế độ. Có một người em trai nữa sau này là một vị đại tướng có công đánh quân Nguyên, đó là tướng Trần Hưng Đạo, Trần Hưng Đạo là em trai của thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ. Sở dĩ 3 anh em không báo thù mà còn đem hết tất cả sức mình để yểm trợ cho nước nhà vì họ đã được đạo đức của Vua Trần Thái Tông cảm hoá và chinh phục. Nếu không tu học thì Vua Trần Thái Tông làm sao cảm hoá được 3 anh em ? 3 anh em con của Trần Liễu cũng được hướng dẫn tu học rất sâu sắc, cho nên yếu tố đạo đức, yếu tố tâm linh đã làm cho vững mạnh triều đại nhà Trần, cũng như đã làm vững mạnh triều đại nhà Lý. Những nhà chính trị trong đời Lý-Trần đều có nếp sống tâm linh rất sâu sắc. Cho nên mới có được triều đại huy hoàng vững mạnh như thế. Điều này cho ta thấy chiều hướng tâm linh và đạo đức vô cùng quan trọng trong mọi lĩnh vực đời sống con người về phương diện tôn giáo và chính trị, kinh tế giáo dục vv...

Thời nay, tướng Võ Nguyên Giáp cũng đã từng thực tập thiền mỗi ngày. Và cựu Thủ Tướng Phạm Văn Đồng cũng đã từng tới chùa Đậu Quy Y. Nhưng các vị này tuổi đã lớn. Trần Thái Tông đã biết tu năm 20 tuổi và nhờ đó hoá giải được khó khăn cho bản thân mình, cho gia đình và cho xã hội. Và đã có thể đối phó với hận thù, chia rẽ và tham nhũng. Chúng ta có thể làm gì để giúp nước an dân. Nếu mỗi người chúng ta không có chiều hướng tâm linh và đạo đức, chúng ta

không tự thanh lọc, không biết truyền thông thì chúng ta không có hạnh phúc, chúng ta không có hạnh phúc thì chúng ta không thể có khả năng đem lại hạnh phúc và an lạc cho nhau trong mọi tình huống.

Phỏng theo” Thông điệp tình huynh đệ” Hoà Thượng Nhất Hạnh 10-2008

LÒNG BAO DUNG CỦA CÔ GIÁO CHỦ NHIỆM

Vào thời bao cấp tại trường quê miền núi thuộc địa phận Quảng Nam, cuộc sống giáo viên và học sinh rất vất vả, việc học rất cần như cơm ăn áo mặc. Một chuyện đáng thương và đầy sự thán phục được xảy ra trong một lớp học 11B do cô giáo tên H... làm chủ nhiệm . Đó là một sự việc một học sinh bị mất tiền ngay trong lớp học, khiến cô chủ nhiệm H phải chọn tình thế xử lý tìm ra nhân sự cấp tiền để trả lại cho em học sinh bị mất thật thông minh và đầy nhân hậu.

Cô giáo H kể rằng : Sau buổi trưa nọ, khi đi dạy buổi mai về cơm nước xong định nghỉ một chút, vừa nằm chưa nóng lưng thì bỗng có em học sinh chạy đến mời cô đến trường gấp để giải quyết một việc mất tiền trong lớp do thầy giám thị gọi. Cô ta vội vã thay đồ và cùng đi với em học sinh đến trường. Cô đến trường gặp thầy giám thị cho biết câu chuyện mất tiền, cô vào lớp 11B và gọi em bị mất tiền tên Long kể lại câu chuyện. Em Long thuật lại sự việc, chị em đưa em 120 ngàn đồng để mua cho chị một chiếc xe đạp, em Long định học xong rồi về mua. Trước khi học em Long đem khoe số tiền mua xe với các bạn. Học được một tiết ra chơi rồi trở lại lớp thì số tiền mua xe đã mất. 120 ngàn đồng ở thời điểm ấy rất là lớn, chiếc xe đạp là một gia sản lớn của nhiều gia đình nông thôn ở nơi vùng quê xa này.

Khi cô giáo chủ nhiệm vào lớp, thì cả lớp nhao lên “ yêu cầu cô lục soát từng bạn ”. Trước sự yêu cầu và phản ứng của lớp học, cô giáo chưa biết làm gì đây. Thế rồi cô lên bục giảng đứng nhìn một lượt

khắp cả lớp. Mắt cô nhìn từng đôi mắt của lũ học trò. Nhưng khi mắt cô vừa lướt nhìn qua đứa học trò tên là Luận, nó nhón nhác nhìn cô rồi lại cúi đầu ngay xuống lần tránh, giác quan thứ sáu mách bảo cô đây chính là đứa ăn cắp tiền, và cô lướt thêm một vòng để kiểm chứng. Đôi mắt ấy lại một lần nữa nhìn lên mắt cô giáo nhưng ánh mắt lạ lẫm. Nó như van xin cầu khẩn.

Một luồng khí lạnh chạy ngang cơ thể cô ta, cô rùng mình, tay nổi da gà. Rồi đột nhiên một luồng ý tưởng lạ chợt đến thúc giục cô tự quyết định ngay mà mấy giây trước cô chưa hề nghĩ đến. Cô vội đi nhanh về nhà lấy hết số tiền trong tủ, lẩm nhẩm đếm, may làm sao vừa đủ số tiền em Long đã mất, và cô trở lại lớp, cô đưa hết cho em Long và cô nói : “ Em Long mất 120 ngàn đồng, nay cô trả cho em, như vậy xem như em đã tìm lại được tiền. Từ nay không bàn luận gì nữa. Còn em nào đã lỡ cắp tiền của bạn, nay là tiền của cô giáo mình. Cô giáo từ ở xa đem đứa con nhỏ đến đây, lao động vất vả nhọc nhằn để giúp các em thành người có ý nghĩa cho cuộc sống, lẽ nào em lại đánh cắp hai tháng lương lao động đầy mồ hôi chất xám của cô mình. Nên cô tin chắc em sẽ trả lại. Cô sẽ bảo vệ danh dự cho em.”

Em Long khóc không chịu nhận tiền, nhưng cô giáo buộc phải cầm lấy. Cô giáo bước ra khỏi lớp trước sự phản ứng giận dữ của lũ học trò và nổi bần hoàng của thầy giám thị. Nhưng cô là cô giáo chủ nhiệm nên cô có quyết tối cao trong câu chuyện này.

Sau cái vụ việc mất tiền. Một ngày trôi qua rồi lại một ngày. . . trôi qua thật chậm, thật nặng nề. Cô giáo không còn một đồng dính túi vì cái nghĩa cử của mình. Đành lòng ngày ngày nấu cơm ăn với rau luộc hái ngoài rừng, có lúc cô cảm nghĩ mình xử sự đúng, nhưng đôi khi cô cũng cảm thấy nuối tiếc, vì sao mình lại anh hùng hảo hán ? Nếu kẻ cắp không đem tiền trả lại thì coi như mất toi hai tháng lương tiền đâu

nuôi thằng cu tý lúc này ? Cô ta đâm ra ngẩn ngẩn ngờ ngờ như kẻ mất sổ gạo. Một tuần trôi qua trong sự im lìm.

Sau hơn 10 ngày xảy ra biến cố ấy, cô ta gần như tuyệt vọng vì chẳng có ma nào đến thú nhận và trả tiền. Rồi một đêm trời mưa giông, mưa như trút kèm theo giông. Cô giáo ôm con vào lòng trong nỗi buồn da diết, bụng làm thì dạ chịu không dám phàn nàn cùng ai, sợ cha mẹ biết thì khen hay chê ? chồng mà biết được thì không khỏi trách móc, lòng lo bồi rối như tơ vò.

Nhưng trong nỗi buồn ấy hình ảnh người cha đã hiện ra rõ nét. Giọng ông văng vẳng bên tai: “ Đừng bao giờ vì quyền lợi cá nhân mà làm thương tổn linh hồn kẻ khác. Đừng bao giờ đánh kẻ cùng đường. Nếu khi con đang đứng trên bục giảng bài mà thoáng thấy một học sinh đi trễ thập thò bồi rối ở hành lang, con hãy gọi vào, vì nó là kẻ đang thật sự muốn học. Khi học trò làm điều sai thì hãy sửa cho nó và cho cả chính mình, vì nếu nó đã giỏi như con thì nó tìm con để học làm gì ? Đừng bắt chước những người thầy vô cảm xưa đuổi học trò ra khỏi lớp mà không cần biết nó sẽ đi về đâu con nhé ! ”.

Trong khi hồi tưởng lại lời dạy của cha, thì bên ngoài nhà có tiếng khua cửa, cô cứ tưởng là tiếng động của con mèo con chó ở làng xóm, nên cô đánh tiếng đuổi đi. Một lúc sau lại vang lên tiếng gõ cửa, rồi có tiếng thì thầm gọi tên cô giáo, tiếng được tiếng mất, cô ta vùng dậy gọi to: “ Ai thế ? ”

Có tiếng trả lời : “ Dạ em là Luận đây cô ”.

Cô ra mở cửa, bóng thằng con trai chạy xộc vào và quỳ gối dưới chân cô giáo khóc sụt sùi. “ Cô ơi ! em là kẻ ăn cắp, Em hiểu cô đã nhận ngay điều ấy khi mắt cô nhìn mắt em, nhưng cô đã ra sức bảo vệ em. Nếu hôm ấy cô theo lời yêu cầu của các bạn, rà soát từng học sinh một thì sẽ tìm thấy tiền em giấu trong người, chắc chắn em sẽ bỏ xứ ra đi. Lẽ ra em trả ngay tiền cho cô ngay đêm đầu tiên để cô khỏi lo âu

nhưng em sợ các bạn đang rình theo dõi để tố cáo em trước cả trường. Em không ngủ bao đêm nay vì em biết em là kẻ xấu. Em rất cần tiền nhưng không có khả năng kiếm nó. Bạn Long đã khoe tiền nên kêu gọi lòng tham của em. Một phút thiếu suy nghĩ em đã phạm lỗi. Nhưng cô đã hiện ra như một bà tiên trong truyện cổ tích để cứu em thoát khỏi nỗi ô nhục của một thanh niên có học. Đêm nay cô cho em gửi lại số tiền này và em xin thề với cô mãi mãi không bao giờ làm kẻ ăn cắp.

Cô giáo nhận lại số tiền từ tay học trò mà nước mắt rơi. Cô ta mừng vì đã có tiền để mua sữa cho con, mừng vì mình đã không vô tình tiếp tay xô đẩy học trò mình xuống vực thẳm.

Ba mươi năm trôi qua, cô giáo rời xa ngôi trường ấy trở về xứ Huế làm một nghề khác, nghề dạy ẩm thực du lịch, chưa có một dịp nào gặp lại học trò xưa ở xứ Quảng nên hầu như mọi học trò chẳng biết cô ở đâu nơi thành phố này.

Thế rồi, một hôm trong buổi sáng trời mưa, có một người đàn ông bận áo mưa bì bõm từ cổng đi vào, cô ta bước ra hiên để hỏi khách lạ tìm ai. Một giọng nói Quảng Nam khàn khàn cất lên : “ Xin hỏi đây có phải nhà cô giáo H không ? ”

Vâng ! thưa đúng ạ, xin mời bác vào nhà. Xin lỗi bác là phụ huynh của em nào ? Cô giáo nghĩ rằng người đàn ông này là phụ huynh của sinh viên đến thăm mình để nói lời cảm ơn đã dạy dỗ con họ như bao lần vẫn tiếp trong đời làm nhà giáo của mình .

Người đàn ông bước vào hiên, lấy cái mũ và áo ra rồi quỳ xuống ngay trước mặt, nắm chặt bàn tay cô giáo, nói trong cơn xúc động. “ cô ơi, em đây, em là thằng Luận ngày xưa đây ”. Qua một phút bối rối, cô giáo kéo người khách đứng dậy và cũng nói với giọng nghẹn ngào : “ Cô nhận ra em rồi, mà sao em lại ở Huế hôm nay ? và làm sao em biết nhà cô mà đến ? ”

Anh học trò Luận theo cô giáo vào trong nhà. Cô giáo đi pha trà mời ngồi, cô giáo hồi tưởng lại em Luận ngày xưa với ngày hôm nay nét mặt không thay đổi mấy, nhưng dáng dấp già hơn, đầu tóc lấm tấm muối tiêu. Nó là đứa học trò đầu đời của cô khi vừa tốt nghiệp Đại Học Sư phạm những năm 1976 rời Huế đi dạy học tại ngôi trường cấp ba miền núi. Hơn 30 năm trôi qua những dĩ vãng chìm lắng trong tâm trí, mà sao hôm nay nó lại lù lù hiện ra trước mặt mình thế nhỉ ? Ngắm mặt nó cũng đôi mắt như xưa nhưng mắt hằn nét nhón nhác van lơn hôm nào. Luận kể cô nghe, giờ đây cậu là một kỹ sư trưởng của một nhà máy có tên tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh. Đã có vợ con và đạt nhiều thành đạt cao quý trong nghề nghiệp.

Luận nói rằng, nếu ngày ấy bị phát hiện là kẻ ăn cắp thì chắc chắn hôm nay nó chỉ là kẻ du thủ du thực sống ngoài vòng pháp luật mà thôi. Nó luôn nghĩ về cô giáo của mình và mong ước một ngày nào đó tìm lại thăm cô. Nhân chuyến đi Huế nên Luận đã có ý định đi tìm đến thăm. Nó tìm được nhà cô là đã có lần nghe cô kể nhà cô ở phố Âm hồn. Cái tên kinh dị ấy do năm 1884 kinh đô Huế đã thất thủ, và đã biết bao người Huế chết oan nơi đây, nên những người còn sống sót, để tưởng niệm xây miếu âm hồn thờ cúng và gọi tên đường để nhắc nhở nỗi đau thương của một thời đất nước. Do đó mà Luận đã lần theo tìm ra nhà cô giáo. Phải chăng đây chính là món quà quý nhất mà người học trò năm xưa đã hiến tặng cho cô giáo hôm nay đã già từ mái trường trở về sống đời ẩn dật hơn 30 năm trôi qua./.

Lời bàn : Những tội lỗi, sai lầm của con người gây ra, phần đông do hoàn cảnh tạo, cũng có phần do thiếu giáo dục mà ra. Để đối trị tội lỗi có hai cách : Một là pháp trị , hai là đức trị. Pháp trị là dùng biện pháp, như tra khảo, đánh đập, tù đày, kiểm điểm, kiểm thảo vv.. ở đời người ta thường dùng. Nhưng dùng pháp trị thì phần đông tổn sức, thời gian

và tiền của mà sự khắc phục không cao, nhiều lúc gây tác dụng ngược lại. Còn dùng đức trị, tức dùng đạo đức để trị, thì không tốn kém thời gian, sức lực và tiền của mà kết quả nâng cao và dứt điểm, có lợi về lâu dài hơn.

Qua câu chuyện trên, cô giáo là một người Phật tử ảnh hưởng sự giáo dục của người cha cũng là người thầy giáo có tâm đạo đã huấn luyện con mình từ nhỏ, nên cô có được sự giáo dục một cách nhân đức. Nhờ đó cô đã cứu được cuộc đời học trò mình ra khỏi con đường tội lỗi để trở thành người có ích cho xã hội và gia đình. Đó là món quà vô giá mà cô không ngờ đã hơn 30 năm trôi qua mà nay cô nhận được.

Đây để minh chứng cho phương pháp tu tập trong nhà Phật là lòng từ bi và hỷ xả người đời họ không hiểu cho rằng đạo Phật dạy con người cái nhu nhược yếu hèn và yếm thế. Nơi đây câu chuyện được thực hiện bởi lòng từ bi và hỷ xả, chúng ta không thấy nhu nhược, yếu hèn yếm thế, mà là một sức mạnh, một sự dũng cảm, một sự tích cực nếu không phải là Phật tử ít ai có thể làm được như cô giáo H.

Câu chuyện được ghi lại từ Tạp chí VHPG số 118 -15-11-201

Dựa theo lời kể của Cô giáo Hoàng Thị Như Huy.

PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH VỚI DÂN TỘC

Việt Nam là dải đất có nhiều anh linh nhân kiệt từ thời ngàn xưa cũng như ngày nay. Chính những nhân vật anh linh nhân kiệt này đã góp phần tô điểm non sông đất nước VN càng ngày càng vững mạnh trên các mặt chính trị, văn hoá, kinh tế. Trong đó các nhân vật được un đúc và phát xuất từ cửa thiền mà ra, mang một sắc thái đặc biệt có thể nói không có nước nào mà có nhiều và giống như VN.

Phật giáo VN tuy là một tôn giáo chuyên về tu tập của đạo giải thoát sanh tử khổ đau cho kiếp nhân sinh. Sự giải thoát của Phật giáo VN khác với sự giải thoát trong kinh điển, nhưng không ngoài mục đích cứu khổ độ mê mà Đức Phật đã chỉ dạy. Phật giáo VN ngoài mục

đích giải thoát sanh tử, còn đề ra phương châm giải thoát ách nô lệ áp bức của các thế lực xâm lăng ngoại bang, giải thoát áp bức bất công của tầng lớp giai cấp, giải thoát bệnh tật đói nghèo, dốt nát, giải thoát mê tín dị đoan, lệ thuộc thần quyền v.v.. đó là đường hướng của GHPGVN xuyên suốt từ xưa đến nay.

Các ông vua Phật tử đã áp dụng tinh ba của lời Phật dạy vào trong việc trị nước an dân, đã không dùng đến sức mạnh quân sự, không dùng đến gươm đao, súng đạn, không dùng lực lượng đông người mà đã làm cho kẻ thù khiếp sợ quy hàng rút lui. Xưa cũng như nay VN luôn có những con người ưu tú như thế. Thời đại chúng ta có được hai nhân vật kiệt xuất bắt nguồn từ cửa thiền ra là Hoà Thượng Thích Quảng Đức và vị lãnh tụ Hồ Chủ Tịch. Để chống lại chế độ độc tài áp bức của Ngô triều, Hoà Thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu thân mình nguyện làm đuốc soi đường cho chế độ bị màng vô minh che lấp. Từ ngọn đuốc đó mà đã làm thay đổi cả một chế độ, cũng từ sự hy sinh thân mình làm đuốc là tiền đề và thế mạnh vươn lên cho phong trào giải phóng miền nam của Đảng Cộng Sản VN thừa thắng vươn lên cho đến lúc thành công. Nhân vật thứ hai là Hồ Chủ Tịch là người con ưu tú của xứ nghệ, là người Phật tử thuần thành đã áp dụng giáo lý vô ngã vị tha theo lời Phật dạy, quên mình vì mọi người, hy sinh cả đời mình cho công cuộc đấu tranh giành độc lập tự do cho đất nước, đã bao phen chỉ đạo toàn dân toàn quân chống Pháp, chống Mỹ thành công đưa đất nước đến nền độc lập tự do.

Như vậy hôm nay chúng ta thừa hưởng di sản của tiền nhân công đức, chúng ta phải biết bảo vệ và trân trọng cái tinh thần vì đạo vì đời nó gắn liền với nhau như lời Bác Hồ khi sinh thời đã nói : “Phật Giáo Việt Nam với dân tộc VN như hình với bóng tuy hai mà một”.

Cách đây 700 năm vua Trần Nhân Tông đã nhường ngôi quốc chủ lại cho con làm một người tu đi khắp nhân gian để cải hoá nhân

tâm. Vừa là nhà tu vừa là nhà ngoại giao, ông vua thầy tu này đã đến nước Chiêm Thành gặp gỡ Vua Chiêm là Chế Mân. Chế Mân kính phục đức độ và phong cách của ông vua thầy tu nước Việt và xin làm con rể của nước Việt. Vua Trần Nhân Tông có con gái út là Huyền Trân Công chúa, Ngài bèn lòng gả con cho vua Chiêm. Thế là tình hữu nghị hoà bình giữa hai nước được thắt chặt. Để tỏ lòng chân thành của vua Chiêm, Chế Mân đem hai châu Ô và Châu Rí làm sính lễ. Trong cuộc hôn nhân mang vẻ chính trị này, hai vùng đất được sát nhập vào lãnh thổ Việt Nam mà không tốn công chẳng tốn sức. Chúng ta thấy rằng Phật Giáo Việt Nam có màu sắc chính trị không dùng sức mạnh quân sự mà giữ vững được nền hoà bình và mở rộng bờ cõi. Không những thế ngày xưa mà ngày nay Phật giáo đã từng đồng hành với dân tộc trên mọi lãnh vực ích nước lợi dân, góp phần ổn định chính trị, kinh tế và văn hoá, ít tốn sức người sức của mà thành công.

Hiện nay chúng ta đang thừa hưởng những thành quả tốt đẹp, tất cả đều do sự hy sinh đóng góp của các bậc tiền nhân của nhiều thế hệ, chứ không phải trong nhất thời mà thành nên. Nhà nước Việt Nam đã sáng suốt thấy rõ tầm quan trọng của đất nước về sự khởi nguồn độc lập cho đến nay, đã phát động lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, không phải chỉ để gợi nhớ sự hào hùng của dân tộc, sự tự hào của dân tộc, mà là lật lại từng trang sử đầy oai hùng của cả nước mất mồ hôi và xương máu của cha ông chúng ta đã đổ xuống, để mọi người quân cũng như dân thức tỉnh trước tiền đồ cao quý của dân tộc, mà biết trân trọng gìn giữ bảo vệ và phát huy.

Chúng ta thiết nghĩ kỷ niệm ngày thành lập MTTQVN không phải chỉ để vinh danh những gì đã làm được, mà là để nhắc nhở mọi người phải có bổn phận và trách nhiệm đối với xã hội đất nước. Chúng ta đang hiện hữu thừa hưởng kế thừa thế nào cho tương xứng với công lao mà tiền nhân đã để lại. Đất nước VN tuy đã độc lập tự

do, không phải chúng ta luôn được yên thân an phận đâu. Với đà phát triển kinh tế và hội nhập văn hoá toàn cầu, chúng ta phải đối đầu nhiều thách thức hơn nữa. Nào là môi trường ô nhiễm, thời tiết thay đổi, mưa to lụt lớn bão gió diễn ra thường xuyên, tệ nạn xã hội gia tăng, tai nạn giao thông, bệnh tật gia tăng, dịch bệnh hoành hành trong các đàn gia súc thường xuyên đe dọa tính mệnh và sức khoẻ con người, kinh tế cũng bị khủng hoảng báo động. Đất nước chúng ta tuy đã qua cái nạn chiến tranh nhưng lại gia tăng các thứ nạn khác do chính chúng ta gây nên khiến cho đời sống con người trở nên bất an bất ổn. Trong gia đình nhiều cặp vợ chồng không chung thuỷ mất tin cậy lẫn nhau, con cái ngộ nghịch bất hiếu với cha mẹ ông bà, anh em bất hoà tạo nên các sự lo sợ nghi kỵ là mối đe dọa sự bình an và hạnh phúc con người. Chúng ta đã làm được nhiều việc, nhưng bên cạnh lại sinh ra nhiều thứ bất ổn nan giải. Khí hậu, môi trường, bệnh tật, dịch bệnh, tệ nạn v.v là những kẻ thù không hình không dáng đang luôn rình rập chúng ta từ cá nhân cho đến gia đình và xã hội, không lúc nào là không có mặt các thứ nói trên.

Vậy bây giờ chúng ta làm gì đây để đối phó với những điều đã và đang diễn ra đến với ta và bà con chúng ta ? Ở đây chúng ta nói không phải chủ quan, mà là sự thật, chỉ có con đường duy nhất là làm theo lời dạy của Phật, thực hành 5 điều làm nên hạnh phúc và hoà bình của Phật giáo thì có thể chấm dứt các mối lo nói trên. Năm điều làm nên hạnh phúc của Phật giáo là không sát, không trộm, không dâm, không dối, không rượu chè cờ bạc, cộng thêm pháp tri túc nữa. Tất cả mọi người thực hiện đủ năm điều thì từ gia đình cho đến xã hội đều hưởng thái bình an lạc.

Đối với Phật giáo, hạnh phúc và tự do không phải van xin mà được, Đức Phật chỉ cho chúng ta cách sống tự do, là hãy đứng bèn đôi chân và đi bèn đôi chân của chính mình, chứ không nên dựa dẫm vào

đâu khác. Tâm ta làm chủ đời ta, không một thần linh nào ban phước trừ hoạ cho ta.

Vậy muốn có an lạc trong cuộc sống trong dân cư, chúng ta phải biết đoàn kết như theo lời dạy của Phật và thực hành con đường đạo đức thì không những tự thân chúng ta, mà gia đình xã hội đều cùng hoà điệu trong cảnh thanh bình an lạc.

CHÍNH SÁCH NỘI TRỊ VÀ NGOẠI GIAO CỦA NHÀ TIỀN LÊ

Việt Nam là nước luôn luôn bị nạn xâm lăng từ phía phong kiến phương Bắc vẫn mang tính thường trực, trong đó các triều đại độc lập đầu tiên (Ngô-Đinh) đang còn non trẻ, chính sách cai trị, luật pháp, kỷ cương phép nước đang còn phôi thai, dễ dẫn đến nội bộ triều đình phân hoá mâu thuẫn.

Trước tình thế như vậy, vào buổi đầu khởi nghiệp, vua Lê Đại Hành đã mời thiền sư Đỗ Pháp Thuận tham gia vào việc trù định kế sách của triều đại. Thiền sư Đỗ Pháp Thuận là người được vua Lê Đại Hành kính trọng bậc nhất trong các thiền sư lúc bấy giờ. Không những vua Lê Đại Hành đã đặt hết niềm tin ở thiền sư Pháp Thuận , khi đem văn thư giao phó cho sư, đặc biệt vua Lê Đại Hành đã tham vấn sư về vận nước. Khi hỏi về vận nước thiền sư Pháp Thuận đã trả lời vua Lê Đại Hành bằng bài kệ :

Quốc toạ như đằng lạc	:	Vận nước như mây quán
Nam thiên lý thái bình	:	Trời nam hưởng thái bình
Vô vi cư điện các	:	Vô vi trên điện các
Xứ xứ tức đao binh	:	Chốn chốn dứt binh đao

Sự xuất ngôn của thiền sư Pháp Thuận với bài kệ trên đây đặt trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nguy cơ của cả thù trong lẫn

giặc ngoài, vận mệnh triều đại đang bị đe dọa nghiêm trọng. Bằng trí tuệ thiên tư, sự nhạy bén về chính trị, thiền sư Pháp Thuận đã khẳng định rằng, để đất nước được thái bình, triều đại trường tồn, điều quan trọng nhất là toàn dân đoàn kết (cuộn mây). Nếu từng cá nhân riêng rẽ giống như từng sợi mây tất sẽ trở nên yếu đuối không tránh khỏi bị tiêu diệt mỗi khi kẻ thù ngó tới, nhưng khi toàn dân đoàn kết như một cuộn mây thì không một kẻ thù nào địch nổi.

Về sau nhân dân ta có câu “ Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết ”, và cũng từ đó Hồ Chủ Tịch nhấn mạnh thêm ý đó :

“ Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công , đại thành công . ”.

Không chỉ toàn dân đoàn kết, mà hơn thế nữa, để toàn dân đoàn kết thiền sư Pháp Thuận đòi hỏi bậc nhân chủ phải hành xử vì quyền lợi nhân dân, tức là phải vô vi. Tức là cẩn thận không kiêu ngạo, là hạnh của học sĩ, bỏ lòng dơ ân ái, không lấm bụi của sáu tình, không để các ái nhỏ như tóc tơ che giấu, trong lòng thì các niệm lắng diệt. Vô vi mới tạo được niềm tin trong nhân dân, để từ đó họ xả thân bảo vệ đất nước vương triều.

Ý tưởng đoàn kết toàn dân, bậc nhân chủ phải vì quyền lợi của nhân dân mà hành động được thiền sư Pháp Thuận trả lời vua Lê Đại Hành cách đây hơn 10 thế kỷ được xem như là một luận điểm chính trị vượt thời gian và không gian. Đây chính là bí quyết để đất nước thái bình, nhân dân an lạc. Nó đã trở thành một di sản quý báu của dân tộc, được phát triển qua dòng thời gian và trở thành chiếc “ gươm thần ” để nhân dân ta quật đổ bao kẻ thù hung bạo, giữ vững được nền tự chủ của đất nước.

Trên mặt ngoại giao, sự đóng góp của Thiền sư Pháp Thuận cũng hết sức nổi bật. Mùa xuân năm Đinh Hợi (987)nhà Tống phái sứ thần Lý Giác qua VN. Vua mời thiền sư Pháp Thuận giả dạng làm

người chèo đò đón Lý Giác. Lý Giác là người rất giỏi văn chương. Nhân lúc trên sông nước có hai con ngỗng bơi trên mặt nước, Lý Giác vui ngâm:

Nga nga lưỡng nga nga : Ngỗng ngỗng cả bầy ngỗng

Ngưỡng diện hướng thiên nha : Ngựa mặt ngó ven trời.

Thiền sư Pháp Thuận đang cầm chèo liền nói vắn ngay :

Bạch mao phô lục thủy : Lông trắng phơi dòng biếc

Hồng trạo bãi thanh ba : Sóng xanh chân hồng bơi.

Lý Giác nghe hai câu của Pháp Thuận vô cùng thán phục, và Lý Giác làm một bài thơ tặng thiền sư Pháp Thuận với ý Lý Giác tôn trọng vua VN như chúa của Lý Giác không khác.

Sự ứng xử ngoại giao của thiền sư Pháp Thuận, đã khiến cho Lý Giác đi từ chỗ thán phục thần dân Đại Cồ Việt đến sự ngưỡng mộ vua Lê Đại Hành không khác hoàng đế triều Tống.

Trong ý sâu xa của bài thơ Lý Giác là một lời chơi chữ, mang tính cách kiêu ngạo của sứ thần nhà Tống, không chỉ riêng Lý Giác mà là thái độ phổ biến của sứ thần phương Bắc. Ý Lý Giác xem vua và thần dân nước Đại Cồ Việt như là bầy ngỗng đang ngẩng mặt hướng về thiên triều thần phục. Ngôn ngữ ngoại giao mà Lý Giác sử dụng thoát nhìn thật là nhẹ nhàng, bay bổng, song nhìn kỹ quả thực là một sự nhục mạ, một thách thức lớn lao đặt ra với thiền sư Pháp Thuận.

Với một trách nhiệm công dân, cao hơn là một thiền sư đối với nước đại Cồ Việt, thiền sư Pháp Thuận hiểu thâm ý của Lý Giác nhưng vẫn thái độ ung dung tự tại, nói vắn một cách sắc sảo, để từ hai câu thơ của Lý Giác thành một bài thơ hoàn chỉnh. Nhưng sự nói vắn của thiền sư Pháp Thuận ở đây không chỉ đơn thuần về mặt thi ca mà phải được hiểu đây là một thái độ ứng xử chính trị trên phương diện ngoại giao.

Lông trắng phô màu biếc

Sóng xanh chân hồng bơi.

Lông trắng ở đây được hiểu là sự công khai (bạch hoá). Một sự công khai được phô bày nơi công cộng (lục thủy). Ở đây thiền sư Pháp Thuận muốn tỏ cho sứ thần Lý Giác hiểu rằng Đại Cồ Việt đã giành được độc lập và công khai độc lập này đối với thiên triều qua Lý Giác. Và nếu có chẳng một thế lực nào đó , dù là thiên triều đi nữa, với âm mưu xâm phạm nền độc lập, nhân dân Đại Việt sẵn sàng đứng lên bảo vệ bằng sức mạnh của mình (hồng trạo) Hồng trạo ở đây hiểu là đôi chân hồng, thuyền lướt sóng được nhờ mái chèo, ngồng bơi được nhờ đôi chân. Có nghĩa là Đại Cồ Việt sẽ vững bước lướt qua mọi phong ba bão táp mà tiến lên bằng sức mạnh chính mình (màu hồng tượng trưng cho sức mạnh).

Qua một giai thoại câu chuyện ngoại giao trên, chúng ta thấy sự khôn khéo tinh anh của các bậc tiền nhân, không những giỏi về ngôn ngữ mà giỏi nắm bắt được thâm ý của đối phương khiến cho đối phương phải nể phục không còn khinh miệt con người VN và đất nước VN. Ở đây chúng ta thấy giá trị của văn học và ngôn ngữ đã khiến cho giặc thù phải kính nể không gây họa xâm lăng, đất nước thanh bình nhân dân an lạc.

Không những ngày xưa VN có nhiều chất xám giá trị không lường, mà ngày nay dân tộc VN luôn có rất nhiều con người như thế, nhưng chúng ta chưa khai thác và sắp đặt cho họ đứng đúng vị trí của họ mới có hiệu quả tốt. Hiện nay các công ty nước ngoài họ thừa cơ dân ta nghèo nên họ bỏ tiền mua hết chất xám của dân nước ta. Vậy đây cũng là cái nạn chảy hết chất xám, chất xám khô cạn con cháu chúng ta chỉ làm thuê làm mướn lại cho người khác trên mảnh đất thương yêu của mình. Vì thế để bảo vệ chủ quyền đất nước và sự thịnh vượng lâu dài chúng ta cần phải đầu tư cho những con người có chất

xám đặc biệt để góp phần giữ vững chính trị, kinh tế và văn hoá. Một đất nước văn hoá yếu kém thì kinh tế chính trị cũng yếu theo, cho nên cần phải đầu tư thật sự cho nền giáo dục nhân bản của nước nhà.

VAI TRÒ ĐẠO PHẬT TRONG XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

Nếu không có cuộc sống đau thương thì đã không có đạo Phật. Phật giáo xuất hiện vì thế gian và tồn tại cũng vì thế gian. Sứ mệnh của Phật giáo là làm nhẹ bớt những nỗi đau thương của mọi loài, và hơn thế nữa là hướng dẫn con người trong việc kiến tạo một đời sống an lạc căn cứ trên nền tảng Trí Tuệ và Từ Bi.

Những cảnh sanh, lão, bệnh, tử mà Thái Tử Tất Đạt Đa đã gặp ở bốn cửa thành Ca Tỳ La Vệ là những cảnh có thể tiêu biểu cuộc đời khổ đau ở muôn thời, muôn xứ. Những cảnh khổ ấy là động lực thúc đẩy vị hoàng tử con vua Tịnh Phạn muốn tìm chân lý cứu khổ. Ngày nay khổ đau của nhân loại đã tràn ngập, to rộng gấp mấy mươi lần khổ đau ngày xưa, ác nghiệp của chúng sanh đã cộng đồng kiến tạo nên ác quả, và trong thế giới hắc ám vì vô minh và dục vọng, đạo Phật càng phải nhận thức sứ mệnh quan trọng của mình.

Con người khi sinh ra, đã mang theo những bất mãn và thắc mắc. Những bất mãn và thắc mắc ấy, một khi chưa được thanh toán, vẫn là nguyên do của muôn ngàn đau khổ.

Đau khổ về thể chất : Với một xác thân, con người luôn luôn phải đòi hỏi nhu cầu. Hầu hết nhân loại đã bất mãn hoàn cảnh của mình ít ai bằng lòng trong những điều kiện hiện tại, ước muốn của con người đã là vô cùng thì sự khao khát thoả mãn cũng là vô tận.

Vấn đề cơm áo tưởng như có thể là vấn đề quan trọng nhất. Nó và ấm được người ta xem như là điều kiện căn bản của hạnh phúc. Nhưng không ngờ lịch sử của nhân loại, con người đã không bao giờ

chịu bèn lòng với điều kiện cơm áo, ước muốn thì phải được thoả mãn trong giây phút rồi tan biến. Nhường chỗ cho một ước muốn khác mới, vì thế suốt đời con người cứ mãi lận đận gian nan.

Trong khi chạy theo các ước muốn, con người có thể phạm vào các tội lỗi. Để thoả mãn tư dục, con người trở nên gian xảo, dối trá, can tâm cắt đứt tình nhân loại, tình huynh đệ, tình thân thuộc và đành lòng dẫm lên trên xương máu của đồng bào.

Nhân xấu gây thành quả xấu, vì thế ngọn lửa dục vọng vị kỷ từ con người phát sinh, nay trở lại thiêu đốt con người làm cháy bùng cả tam giới nhiễm ô. Đau khổ càng tăng cùng sự bất mãn của con người. Về phương diện sinh hoạt vật chất con người không tìm ra được hạnh phúc.

Đau khổ về tinh thần : Về phương diện sinh hoạt, những thắc mắc sâu xa trí óc càng làm cho con người càng đau khổ hơn nữa. Với một khối óc và một trái tim, con người sinh hoạt khác hẳn loài vô tình. Bao nhiêu lo âu giận ghét, bao nhiêu thương yêu, say đắm đã gây cho con người những cuộc khủng hoảng liên miên về đời sống tình cảm, thêm vào đó những câu hỏi về giá trị cuộc sống được đặt ra cấp bách và kiến thiết không khác gì vấn đề cơm áo. Nhìn những cảnh tượng thương đau, nhìn những cuộc bể dâu thay đổi của kiếp sống, con người bàng hoàng tự hỏi xem mình là ai, đâu là nguồn gốc tất cả các hiện tượng trước mình là những ai và sau mình sẽ có những gì ? Vì sao muôn loài tồn tại, tồn tại với tương tàn tương sát, tồn tại với chứng kiến bao nhiêu nỗi thảm sầu ? Tất cả những câu hỏi đó đến trong trí óc chúng ta như những ngọn gió lốc. Con người làm sao có được hạnh phúc trong trạng thái thắc mắc nghi ngờ do tâm tưởng ?

Bao nhiêu bất mãn thắc mắc thì có bấy nhiêu đau khổ, người ta cho rằng có thể hạnh phúc khi đã làm thoả mãn được những bất mãn và thắc mắc lớn lao kia, thế mà con người đã quan niệm hạnh phúc là

kết quả của sự thoả mãn. Một ít dục vọng : danh lợi , tiền tài, sắc đẹp địa vị v.v..

Ước vọng đã vô cùng thì sự “ thoả mãn hoàn toàn ” không bao giờ có thể thực hiện được, tự giam mình trong vô minh đen tối, trí thức con người không bao giờ giải quyết nổi những thắc mắc lớn lao về cuộc đời, thế là nhân loại quay cuồng trong mộng tưởng lầm lạc đau khổ không tìm được lối thoát.

Nhận thức được tình trạng đó, đạo Phật lạc quan và cương quyết chủ trương diệt khổ, đồng thời xây dựng hạnh phúc mọi loài.

Đạo Phật với sự khổ đau vật chất : Ngày xưa Thái Tử Tất Đạt Đa cũng vì những thắc mắc về cuộc đời và sự đau khổ ê chề của nhân loại mà đi xuất gia tìm đạo. Đạo lý của Ngài hẳn nhiên phải là những phương pháp thiết thực và hợp lý để diệt khổ và để giác ngộ.

Trước tiên giáo lý đạo Phật cho chúng ta thấy rằng dục lạc không phải là hạnh phúc. Dục lạc là nguồn gốc của đau khổ và chính bản thân của dục lạc cũng là đau khổ, muốn được hạnh phúc chân chính không những con người không chạy theo dục lạc mà còn phải diệt trừ tận gốc những ham muốn trong tâm mình.

Dục vọng bớt xuống hạnh phúc tăng lên. Muốn diệt trừ dục vọng trước tiên con người phải thực hiện pháp tri túc của đạo Phật. Tri túc là nhận những điều kiện vật chất mà mình sẵn có vốn là đủ cho mình rồi. Cuộc chạy đua theo dục vọng của mọi người chỉ là gây nên đau khổ, trầy chân, phỏng tráng đứt hơi. Tri túc là tự bảo mình dừng đứng lại, đừng nối tiếp cuộc chạy đua điên rồ kia nữa. Nhiều kẻ sẽ bảo rằng pháp tri túc sẽ chặn đứng mọi kỹ thuật tiến bộ và sản xuất mọi hoạt động của xã hội. Nhưng tri túc của đạo Phật không cản trở bước tiến của xã hội vẫn được tiếp tục chạy đều để phụng sự cho xã hội loài người. Tri túc chỉ có nghĩa là dừng hướng một hoạt động ấy về với mục đích. Phụng sự dục vọng, chịu theo dục vọng cá nhân như trong

kinh Di giáo Phật đã nói: “ Người biết tri túc thì dù có nằm trên đất cũng thấy an lòng sung sướng. Người không biết tri túc tuy dù có nằm trên (thiên đường) ngọc ngà châu báu cũng cảm thấy không vừa lòng xứng ý (khổ sở). ”

Vậy tri túc là ngăn cản không cho con người rơi xuống hố sâu diệt vong. Tuy chỉ là một thứ hạnh phúc tiêu cực, những thứ an ổn do tri túc đem lại sẽ là nền tảng cho hạnh phúc chân thật, tuyệt đối.

Đức Đạo sư dạy : Đời là đau khổ, chỉ cho ta thấy rằng không thể tìm hạnh phúc ở ảo giác. Con người chỉ có thể tìm hạnh phúc được trong sự tiến hoá, cất mình lên cao để một ngày kia thể nhập với chân lý muôn đời. Trên nền tảng tri túc con người sẽ thương yêu nhau. Xát cánh với nhau trên một hướng đường duy nhất: Đó là hướng giải thoát hoàn toàn.

Cuộc sống xát cánh để tiến bộ hay tương đối là một cuộc sống hạnh phúc.

Đạo Phật với sự đối trị đau khổ về tinh thần : Về phương diện tri thức, Phật giáo chủ trương trí óc con người vì vô minh và dục vọng che lấp, đã không thấy được ánh sáng của chân lý bất diệt, khả năng tri thức con người quá kém cỏi, nhưng suy luận trí thức của con người chỉ có thể đưa đến những biên giới siêu hình hư vọng. Con người phải căn cứ vào lời dạy của các bậc giác ngộ, để học tập và thật hành, trừ diệt tất cả những vô minh đen tối che lấp tâm trí. Một khi vô minh bị trừ diệt , trí tuệ Bát nhã sẽ hiện rõ, với khí cụ tri túc sáng tỏ vô song này, con người có thể trực nhận được chân lý phá tan được tất cả những nghi ngờ vi tế nhất mà trí phàm phu không thể có được. Lúc ấy bao nhiêu câu hỏi, bao nhiêu thắc mắc sâu xa của chúng ta về cuộc đời về bản ngã đều được giải đáp, và chỉ trong sự giác ngộ này, chúng ta mới tìm được hạnh phúc.

Vậy con đường hạnh phúc phải có con đường hướng thượng, con đường giải thoát giác ngộ mà phương tiện cần thiết để nhân loại có thể thương yêu nhau sát cánh nhau mà tiến trên con đường ấy là phương pháp tri túc là diệt dục như Phật dạy .

Tính cách cần thiết của công việc hoằng pháp trong giai đoạn hiện tại:

Thế giới ngày nay đang lâm vào một tình trạng bạo động quyền lợi giữa người và người, giữa giai cấp và giai cấp, giữa xã hội và xã hội, đó là nguyên do của tất cả những khủng hoảng, kinh hoàng tràn lan khắp cả địa phương từ Đông sang Tây.(người ta rùng mình khi nghĩ đến số diệt vong đang đón chờ nhân loại tiếng gọi thất thanh nhưng rồi rớt của một vài tâm hồn nhân loại đang vang lên đây đó không đủ để ngăn cản sức lôi cuốn của dòng quyền lợi). Bản thân mình, giai cấp mình, quốc gia mình, chủ nghĩa mình, quyền lợi mình “ xúi dục con người xúi đến chỗ rập rình nhau, thù nghịch nhau xem như là thù nghịch muôn đời ”. Hơn bao giờ hết, Phật tử toàn thế giới cần có ý nguyện thiết tha hoà bình bèn cách thực hiện sự đoàn kết rộng lớn, lấy sự sống làm căn bản, lấy tri túc làm phương châm và lấy giác ngộ làm cứu cánh. Cùng với tâm hồn nhân loại khác, chúng ta cố tâm xây dựng, không những cường quốc mạnh về binh bị, mà lại những quốc gia ham chuộng hoà bình, biết sống trong tinh thần tri túc và thương yêu, biết sống đời hướng thượng. Chúng ta tin tưởng rằng từ bi phải thắng cường bạo, hoà bình sẽ ở lại với loài người, nếu chúng ta thật tình mong muốn. Sự truyền bá tư tưởng Phật giáo trên thế giới, vì vậy trở thành vấn đề cấp tốc một phần nhân loại hầu như đã hết tin tưởng. Chúng ta phải nỗ lực đem ánh sáng Phật đà đến để gây nên tin tưởng cho họ. Tổ chức Phật giáo thế giới phải hoạt động mạnh hơn về phương diện hoằng pháp. Sự liên lạc hoằng pháp giữa các quốc gia đã được kiến lập và thực hiện kế hoạch tương tế tương trợ, giúp đỡ các

nước Phật giáo tiến nhanh trên các kế hoạch giáo hội nhất là về giáo dục và từ thiện phải chú trọng đến sự tác thành những nền Phật giáo quốc gia hiện giờ đang thiếu điều kiện kinh tế để trưởng thành.

Chúng ta nguyện cầu công cuộc hoằng pháp của Phật giáo chóng được thành tựu để đưa muôn loài về với ánh sáng chân lý Phật đà ./.

Ý NGHĨA XUẤT GIA

1-Tại sao gọi là xuất gia ? Xuất gia tiếng Phạn gọi là Pravrajya. Xuất gia là chỉ cho những người theo Phật giáo, từ bỏ gia đình sống đời phạm hạnh, không màng danh lợi hay dục lạc, chỉ mong cầu giải thoát, họ ở trong rừng hay ở những nơi thanh tịnh, xa rời đời sống thế tục. Ở Ấn Độ thời cổ đại cũng có những đạo sĩ Bà La Môn tu theo hạnh xuất gia, tuy có hình thức tương tự, nhưng chính đức Thích Ca Mâu Ni đã mang lại cho đời sống xuất gia theo đạo Phật một ý nghĩa đầy đủ và thực tiễn hơn.

Kinh Tăng Nhất A Hàm nói : “ Người xuất gia nên giữ bốn lời hoằng nguyện, là người xuất gia học đạo thì phải giữ niềm tin kiên cố, nếu không đủ ý nghĩa như tên gọi này chớ xưng là đệ tử của Đức Thích Ca ”.

Đệ tử xuất gia phải phát bốn hoằng thệ nguyện :

- 1- Nguyện cứu các khổ chúng sanh.
- 2- Nguyện trừ các chương hoặc chúng sanh,
- 3- Nguyện đoạn trừ các tà kiến của chúng sanh,
- 4- Nguyện độ chúng sanh ra khỏi vòng sanh tử.

Như thế xuất gia theo nghĩa đạo Phật không chỉ để giải thoát cho chính mình mà còn vì lợi ích cho mọi loài chúng sanh. Đã làm người

xuất gia thì phải luôn luôn tự kiểm điểm mình bằng bốn lời hoằng nguyện trên. .

Dựa vào hạnh nguyện của hành giả, cổ đức chia xuất gia có ba hạng:

a/ Thân và tâm đều xuất gia : Xuất gia là mỗi cá nhân tự nguyện, không ai và cũng không quyền lực nào có thể buộc một người phải xuất gia. Khi người xuất gia đã rời nhà vào ở trong chùa thì gọi là thân xuất gia, khi người đó tâm không còn hướng ra bên ngoài tham muốn các dục lạc, thú vui của năm dục, không còn màng đến danh lợi được mất, thì đó là tâm xuất. Thân và tâm của một người xuất gia đã đồng nhất, an bản lạc đạo, nên gọi là thân và tâm đều xuất gia. Đây chính là trường hợp lý tưởng nhất đối với một hành giả và cũng là bốn phận của người xuất gia.

b/ Thân xuất gia mà tâm không xuất gia : Đây là trường hợp của những người gởi thân trong chùa nhưng tâm của họ vẫn còn vọng tưởng, chạy đuổi theo cái vui của năm dục. Người như vậy chỉ xuất gia vì cuộc sống hưởng lạc, vì tiếng thơm để người khác ngưỡng mộ. Đức Phật đã cho biết, vào thời mạt pháp thường thấy nhiều hạng người xuất gia như vậy..

c/ Tâm xuất gia mà thân không xuất gia: Đây là hình thức xuất gia của các vị thánh hay các vị Bồ Tát. Những vị này hoặc vì sợ lộ hình tướng khiến chúng sanh ngưỡng mộ mà trở nên mê tín, hoặc vì họ không còn chấp vào hình tướng, mà chỉ chú trọng vào việc tu hành thực tiễn. Thân của họ không cần ở chùa, nhưng tâm họ không còn ham thích các thú vui của năm dục và cũng không màng danh lợi. Hình thức này rất đặc biệt, người phàm phu không thể thực hành được, vì vậy không thể làm mô phạm cho người xuất gia thông thường.

Ở đây chỉ đề cập đến hình thức xuất gia lý tưởng nhất, đó là hình thức xuất gia thứ nhất, thân và tâm đều xuất gia..

2- Xuất gia là trực tiếp đối mặt với sanh tử luân hồi :

Cái mà chúng ta gọi là “ nhà ” thì các bậc thánh gọi là lao ngục, là ràng buộc. Kinh Niết bàn dạy : “ sống trong nhà thì bị bức bách ràng buộc như lao tù, nó là nhân phát sinh ra các loại phiền não. Người ra khỏi nhà thì thoải mái như hư không, nó là nhân làm tăng trưởng tất cả thiện pháp ”. Sự thể hiện rất rõ của việc xuất gia là việc từ bỏ đời sống trong ngôi nhà thế tục và sống đời sống không nhà, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca sa, dùng tâm thành kính, thọ trì giới luật Phật đã chế. Nhưng đây chỉ mới là nghĩa đen, còn nghĩa bóng của nó là nhờ vào việc thành kính thọ trì giới luật của Phật mà có thể ra khỏi phiền não, ra khỏi nhà năm uẩn, ra khỏi nhà ba cõi, được giải thoát sanh tử luân hồi, chứng đắc giác ngộ, như thế mới gọi là xuất gia đúng nghĩa..

Kinh Hoa Nghiêm dạy : “ Người đời thường không hiểu biết gì về pháp của người xuất gia, chỉ ham thích cái vui rồi rơi vào sanh tử mà không biết cầu mong thoát khỏi. Còn Bồ Tát thì xả bỏ hết thảy thành quách tài sản, làm người xuất gia cầu mong giác ngộ. Như vậy, xuất gia không phải việc làm tiêu cực, mà ngược lại, chính là việc trực tiếp đối mặt với sanh tử luân hồi, tìm ra con đường giải thoát, gánh vác sứ mệnh cao cả tự độ độ tha, lợi lạc hữu tình, không bao giờ mỏi mệt..

3- Xuất gia là tích cực đối diện với cuộc đời :

Xuất gia là ra khỏi sự ràng buộc của đời sống gia đình. Khi xưa Đức Thích Ca còn là thái tử, đã thấy được cái khổ sanh già bệnh chết của cuộc đời, thế rồi Ngài quyết tâm từ giả cung vàng điện ngọc vợ đẹp con thơ... để xuất gia tìm cầu chân lý. Trải qua sáu năm khổ hạnh tìm cầu chân lý, và cuối cùng Ngài tự mình xác định lại con đường của mình và chứng đắc giác ngộ vô thượng Bồ đề. Như vậy xuất gia

không phải là một việc dễ làm, lại càng không đơn giản để cả thân và tâm đều cảm nhận được pháp lạc, cho nên xuất gia là việc khó, phải trải qua nhiều công đoạn tu tập thực hành mới thành tựu được, là việc làm của bậc xuất trần thượng sĩ, không phải người có quyền uy hoặc giàu có mà làm được. Xuất gia là ra khỏi ngôi nhà đang bốc cháy của ba cõi, là ra khỏi ngôi nhà luân hồi sanh tử, muốn làm được điều này người xuất gia cần phải chuẩn bị cho mình một chí nguyện vững chắc, một tấm lòng thành kính để trau dồi phước huệ, nâng cao tính thiện trong con người, tinh tấn thực hành từ bi hỷ xả để bước vào cảnh giới giác ngộ viên mãn..

Xuất gia phải tự mình tháo gỡ ràng buộc, dần dần thoát ly biên khổ, xả bỏ danh lợi cáme dể, chỉ một lòng tâm cầu chân lý giải thoát tối thượng. Xuất gia là việc làm siêu trần thoát tục, luôn luôn phải thức tỉnh nội tâm, tham học cầu tiến, giải trừ cho được cái khổ sanh già bệnh chết, tiêu trừ cho được mê hoặc, thăng cao quả vị chứng đắc. Làm được như thế thì việc xuất gia mới tích cực đối diện với cuộc đời. Người xuất gia phải luôn luôn tâm niệm rằng, xuất gia là để vượt ra khỏi ngôi nhà phiền não sanh tử, ra khỏi ngôi nhà tà tri tà kiến, ra khỏi ngôi nhà tự tư tự lợi, để rồi hoàn thiện nhân cách, liễu ngộ cuộc đời tạm bợ vô thường, lợi lạc quần sanh. Người xuất gia mỗi khi xuống tóc (thể phát) đọc bài kệ rằng : “ Cạo bỏ râu tóc, nên nguyện chúng sanh, xa rời phiền não, rốt ráo thanh tịnh ”. Tỳ Ni Nhựt Dụng nói về năm đức tính của một người xuất gia là : Một là phát tâm xuất gia, vì cảm bội Phật pháp. Hai là huỷ bỏ hình đẹp, vì thích ứng pháp y. Ba là cắt ái từ thân, vì không còn thân sơ. Bốn là không kể thân mạng, vì tôn sùng Phật pháp. Năm là chí cầu đại thừa, vì hoá độ chúng sanh..

Nhiều người quan niệm sai lầm cho rằng chùa chiền là nơi trốn tránh trách nhiệm xã hội hoặc vào chùa thì liền được thanh tịnh giải thoát. Nghĩ như vậy thì quá ư nông cạn. Vào chùa ngoài công việc bữa

củi gánh nước, tụng kinh niệm Phật hằng ngày, người xuất gia còn phải biết tự câu thúc từng hành vi cử chỉ, từng lời ăn tiếng nói, từng niệm khởi trong tâm, nhất nhất đều phải chấp trì nghiêm ngặt các nguyên tắc của thiền môn. Nếu người không đủ phước báo, thiếu quyết tâm hạ thủ công phu, hoặc không đủ thời gian tu tập và rèn luyện ngay từ đầu thì sẽ dễ dàng thất bại. Khi đó còn nói chi đến chuyện ngồi thiền, tĩnh tọa, kinh hành, nghiên cứu giáo nghĩa, thông thạo kinh điển, thuyết giảng độ sanh. Hoặc có người cho rằng vào chùa là trốn tránh được sự đời, có ngờ đâu trong tâm còn phiền não thì dù ở chùa phiền não lại càng tăng thêm. Có lời cảnh báo cho thấy rằng : “ Khi chưa khoác áo ca sa thì thấy cuộc đời này nhiều chuyện, nhưng khi đã khoác áo ca sa rồi thì chuyện càng nhiều hơn. ”. Thật ra đây là một bài học hai mặt, khi tâm tịnh thì thế giới tịnh, và khi tâm an thì thế giới an. Khi cái thấy biết của mình đã không đúng thì làm sao mà tịnh, đức hạnh tu tập chưa thuần thì thân làm sao mà an. Nếu không hiểu giáo lý thì dù có xuất gia đi chăng nữa tâm cũng không thể nào thanh tịnh, đó chỉ mới là hình thức thân xuất gia mà tâm không xuất gia. Mặt khác xuất gia là một chí nguyện, như người lập chí cho sự nghiệp của mình mà ra sức tập trung học hỏi trau dồi. Việc xuất gia mang ý nghĩa tiếp tục gánh vác trọng trách của đức Phật, nối tiếp dòng thánh, duy trì huệ mạng. Muốn được như vậy thì xuất gia phải phát tâm dũng mãnh, trên cầu Phật đạo dưới cứu chúng sanh, giúp chúng sanh rời khổ được vui, chứng ngộ chân lý, giải thoát sanh tử luân hồi.

4. Xuất gia là đại báo hiếu : Nếu bảo rằng chữ hiếu của đời thường là hiếu thuận cha mẹ, phụng dưỡng thì đạo hiếu của người xuất gia còn cao hơn nữa, vì xuất gia là một nghĩa cử cao đẹp hơn cả, chứ không như mọi người vẫn tưởng rằng xuất gia là đoạn tuyệt thân bằng quyến thuộc. Đức Phật dạy người xuất gia đoạn trừ có nghĩa là đoạn trừ chấp trước hoặc chấp thủ, nghĩa là không khởi vọng niệm về

chấp thủ tình cảm, chứ không phải là đoạn trừ thâm ân cha mẹ, thay vào đó người xuất gia đem cái tình cảm bình thường thăng hoa thành đại từ bi tâm. Nếu đoạn trừ theo cách nghĩ thông thường thì thành ra pháp tiêu diệt, mà pháp tiêu diệt thì tu hành không có ích gì, như cây khô không còn có ý nghĩa ..

Đức Phật dạy chúng ta phải tôn trọng hết thầy chúng sanh, cảm ơn hết thầy chúng sanh, lấy sự tu tập giải thoát mà báo đáp thâm ân của cha mẹ. Đức Phật sau khi thành Phật, Ngài trở về hoàng cung báo hiếu cho cha và bà mẹ kế. Vua cha lâm bệnh thì Ngài nói pháp cho vua nghe. Lúc vua lâm chung thì Ngài tự vai mình gánh thi hài vua cha đi mai táng. Người xuất gia báo đáp thâm ân cha mẹ bằng cách hướng dẫn cha mẹ tin ba ngôi Tam bảo, thực hành chánh nghiệp, làm lành lánh dữ, tạo phước đức. Chỉ có người không hiểu đạo lý mới cho Phật giáo không tôn trọng đạo hiếu. Trong Phật giáo nhấn mạnh “ Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật ”. Người xuất gia luôn lấy từ bi làm bản hoài, phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát hạnh. lợi mình lợi người, cứu độ chúng sanh, trên đền 4 ơn nặng dưới cứu khổ muôn loài, thương yêu tất cả côn trùng nhỏ bé. Người xuất gia dùng năng lực tu hành của mình để báo hiếu, nếu cha mẹ có khó khăn, giới luật của Phật cũng cho phép cúng dường cha mẹ, và cũng có thể đem cha mẹ về chùa để phụng dưỡng. Chúng ta nhiều kiếp luân hồi trong lục đạo thì cũng có rất nhiều cha mẹ, nếu kiếp này may mắn được xuất gia thì phải tinh tấn tu hành, hoá độ chúng sanh hữu duyên, trợ duyên hồi hướng cha mẹ nhiều đời.

Xuất gia phải biết cầu tiến, vượt ra ngoài ba cõi, dùng trí tuệ liễu ngộ của mình mà phục vụ chúng sanh, làm cho chúng sanh được lợi ích thiết thực, từ vô minh mà đi vào giác ngộ. Dùng Phật pháp để hướng dẫn chúng sanh, lấy lực độ để giáo hoá muôn loài, do đó người xuất gia trước hết phải vì lợi ích cho chúng sanh, thành tựu Phật đạo,

chỉ như thế mới là một người xuất gia chân chánh, không trốn tránh cuộc đời, không rời thế gian .

5. Ý nghĩa thực tiễn của người xuất gia.

Người xuất gia nhờ giữ gìn giới luật mà sinh được định, do định mà phát sanh trí tuệ, cuối cùng chứng đắc giải thoát giác ngộ. Nếu chúng ta dùng lòng tin chân chánh để áp dụng lời Phật dạy vào cuộc đời, đem lợi lạc cho cuộc đời thì chúng ta sẽ hoà hợp giữa mọi người, thế giới ta bà được an lạc thì đó là tịnh độ nhơn gian. Người xuất gia đi đến đâu cũng được tự tại, đó là một ý nghĩa cao quý của việc xuất gia.

Xuống tóc xuất gia là chính thức dẫn thân vào cuộc đời, vì cuộc đời đau khổ, chúng ta nguyện xin cứu khổ, lấy niềm vui của mọi người để làm niềm vui của mình, lấy hạnh phúc của người làm hạnh phúc của mình, thực hành hạnh Bồ Tát, không vì an lạc cá nhân mà nguyện giúp hết thảy chúng sanh hết khổ được vui. Như vậy, chính là đi vào thực tiễn của cuộc đời. Người xuất gia báo ân Tam Bảo bằng cách thông cảm và hoà nhập với mọi người, nhu hoà và hiểu được mọi người, dùng từ bi để đối với mọi người, cung kính tôn trọng hết thảy mọi người, cảm ơn hết thảy mọi người.

Ý nghĩa xuất gia đối với Phật giáo :

Phật giáo được lưu truyền trong thế gian là nhờ vào hàng ngũ tăng sĩ, thêm một người xuất gia chính là thêm một sức mạnh hoằng pháp, làm cho Phật pháp ngày thêm hưng thịnh. Phật pháp được hoằng truyền rộng rãi là nhờ sức mạnh của Tăng bảo. Kinh Tán Dương Công Đức Tăng bảo cho thấy người xuất gia có nhiệm vụ giữ gìn mạng mạch của Tam Bảo, tiếp tục ngọn đèn trí tuệ của chư Phật, kinh dạy : “ Người đệ tử xuất gia là người có thể đảm trách và kế tục chánh pháp của Như lai ở đời sau. Nếu đem tất cả công đức của người thế gian gộp lại cũng không thể sánh bằng một người xuất gia hoằng dương chánh pháp”.

Lịch sử truyền bá Phật giáo đã khẳng định vai trò to lớn của Tăng bảo trong việc duy trì chánh pháp ở thế gian. Ngày nay mặc dù kinh sách đầy đủ mà con người vẫn khó tiếp cận với Phật giáo, chướng ngại lớn nhất của họ là không hiểu được Phật pháp, vấn đề này liên quan đến sự giáo dục lâu dài, đồng thời phản ánh hoạt động hoằng pháp chưa hiệu quả. Hơn nữa, công việc hoằng pháp chưa song hành với nền giáo dục hiện hành, chưa có phương tiện nào có đầy đủ tính chính xác và toàn diện để đưa Phật pháp phổ cập quần chúng, cho nên công việc hoằng pháp lợi sanh là một trách nhiệm lớn lao mà người xuất gia phải gánh vác.

Ý nghĩa xuất gia đối với xã hội :

Xã hội phát triển không chỉ chú trọng văn minh vật chất mà còn phải kiến tạo văn minh tinh thần, nếu không sự phát triển của xã hội mất cân bằng. Hoằng dương Phật pháp là tích cực đóng góp văn minh tinh thần cho xã hội. Phật pháp là tâm pháp, thực hành Phật pháp là tự rèn luyện hoàn thiện nhân cách và bình đẳng với tất cả chúng sanh trong pháp giới. Xã hội hiện đại nhấn mạnh vai trò của sự hoà hài, điều này rất khế hợp với tinh thần Phật giáo. Phật giáo không bao giờ nói đến đối lập mà nói đến dung hoà. Mọi người có thể học hỏi ở Phật pháp, nếu thế gian này mọi người đều học hỏi Phật pháp thì thế giới không còn chiến tranh, người với người hoà hài thương yêu.

Xuất gia là gánh vác sự nghiệp của chư Phật, tiếp tục thắp sáng ngọn đèn chánh pháp. Sức mạnh của cá nhân tuy nhỏ bé, nhưng nếu có thể nói năng như chánh pháp, làm những điều Phật dạy thì có thể cảm động được tâm thức của nhiều người, cống hiến cho xã hội một giá trị hài hoà thân thiện. người xuất gia lấy việc lợi ích cho mọi người làm sự nghiệp, giúp xây dựng xã hội thanh bình, cải thiện nhân tâm, dùng từ bi mà bổ chính, hỗ trợ cho những thiếu sót của giáo dục, góp phần xây dựng một quốc độ an lành, hạnh phúc cho mọi chúng sanh.

Xuất gia là truyền thống tốt đẹp của Phật giáo, là sự cầu tiến của con người, tự tại giải thoát và chân thành sống với đời. Xuất gia là một sự tự nguyện cá nhân không có bất kỳ một sự gán ép nào. Xuất gia là sống với một đoàn thể tăng già hoà hợp, dung hoà một cá thể vào trong đại chúng, sống trong đại chúng để rèn luyện chất lượng bản thân, thực hiện lý tưởng giải thoát, đồng thời đem năng lượng từ bi và trí tuệ của đại chúng chuyển hoá thế gian, thúc đẩy cá nhân và cộng đồng không ngừng tinh tiến./.

Bài viết : Thích Thiện Chánh

VHPG số 110- 15-12-2010

ÂM NHẠC TRONG NGHI LỄ PHẬT GIÁO.

Theo Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh và của Thiệu Chử : “ Nghi là dáng vẻ bên ngoài như oai nghi. Lễ là khuôn mẫu, phép tắc, cung cách như lễ bái. ”.

Trong Sa Di Luật nghi yếu lược tăng chú quyển hạ: “ Oai nghi giả, vị hữu oai khả úy, hữu nghi khả kính ”. Bởi lẽ, có oai khá sợ, có nghi khả kính” và “ Nghi tại tướng, Lễ tại tâm ”.

Người xưa nói: “ Dân sở do sinh, lễ vi đại ”. Những điều cần cho dân yên mà sống Lễ là hơn hết. Vì thế cũng có câu: “ Hiếu, Đễ, Trung, Tín nhân chi bản. Lễ ,Nghĩa, Liêm, Sĩ nhân chi căn ”. Trong sách Luận Ngữ, Khổng Tử đã nói : “ Không học kinh lễ thì không biết cách đi đứng ở đời ”.

Nghi lễ như vậy có ý nghĩa rất rộng, bao trùm hành vi, thái độ, tín ngưỡng, văn hóa, ngôn ngữ, phong cách con người và xã hội. Trong nghĩa hẹp thì nghi lễ là nghi thức hành lễ tụng niệm mang tính tín ngưỡng thờ phụng của một tôn giáo.

Nghi lễ thường đi đôi với nhạc, lễ và nhạc là triết lý chủ yếu của Nho gia có tác dụng chuyển hóa con người và xã hội. Đức Khổng Tử coi Lễ rất quan trọng để kiểm soát hành vi, ước muốn bất thiện của con người, còn nhạc để điều hòa cảm hóa lòng người. Nhạc và Lễ của Nho giáo đã ăn sâu vào đường lối cai trị của quốc gia và quan niệm sống của xã hội thời xưa. Nó ảnh hưởng nhất định vào nếp sống của con người và xã hội Á Đông ngày nay.

Nghi lễ Phật giáo cũng có hai phần lễ và nhạc, tùy theo truyền thống văn hóa nghệ thuật của mỗi miền, mỗi vùng mà phần lễ nhạc Phật giáo ảnh hưởng và biểu hiện theo truyền thống của vùng, miền ấy. Nghi lễ Phật giáo mang màu sắc lễ nhạc cổ truyền của dân tộc, là một mảng của nền văn hóa truyền thống cần phải tôn trọng, phát huy và bảo tồn.

Theo định nghĩa truyền thống : “ Âm nhạc là một thực thể được nhìn từ nhiều góc độ khác nhau, hiểu khác nhau ”.

Đạo Phật đến với Việt Nam rất sớm, từ thời Hùng Vương khoảng từ thế kỷ thứ I, thứ II. Đạo Phật đi đến đâu như nước thấm vào đất, hòa vào dân tộc Việt như máu và thịt, như tim với óc của một cơ thể con người. Vai trò của Tăng, Ni đối với đạo Phật rất quan trọng. Tăng đoàn chính là những nghệ sĩ âm nhạc truyền thống Phật giáo, là nghệ sĩ sáng tác đồng thời cũng là nghệ sĩ biểu diễn. Thanh nhạc và khí nhạc của âm nhạc Phật giáo Việt Nam có nhiều loại khác nhau, nào là chuông , mõ, khánh, trống, ốc, tang, linh, bảng mộc, thủ xích, đại hồng chung, trống mỗi loại đều tạo một âm thanh trầm hùng thoát tục

Âm nhạc trong nghi lễ Phật giáo Việt Nam có thể chia ra làm mười thể loại đó là : Tụng, trì, niệm, tán, sám pháp, bạch, thỉnh, xướng, kệ, đọc. Tụng kinh A Di Đà khác với trì chú Đại Bi, niệm Phật “ Nam Mô A Di Đà Phật ” cũng khác với kệ chuông: “ Nguyễn

thử chung thỉnh siêu pháp giới . . .” Tán lại hoàn toàn khác với xướng. Đọc sớ cũng khác với thỉnh, tác bạch khác với truyền pháp ngữ v.v.. mỗi thể loại khác nhau, không thể loại nào giống thể loại nào.

Âm nhạc nghi lễ truyền thống Phật giáo Việt Nam có yếu tố truyền thừa, sáng tác mà đặc biệt là yếu tố truyền khẩu vô cùng quý giá. Từ các vị bổn sư, chủ sám, gia trì, chánh chúng, duy na truyền tụng và lần lượt các lớp hậu bối làm theo, dường như những tác phẩm của âm nhạc nghi lễ truyền thống Phật giáo Việt Nam không có tên tác giả là những tác giả dân gian.

Âm nhạc nghi lễ Phật giáo VN lại có nhiều nốt, nhiều âm đậm đà bản sắc dân tộc và rất đa dạng, rất phong phú mang yếu tố địa phương. Tán của miền Bắc khác với tán của miền Trung và tán của miền Nam. Tán tang năm, lại khác với tán tang sáu, và cũng khác với phạm lễ, tán tâu . . .

Tại các trường Phật học cần phải có chương trình giảng dạy về nghi lễ cho tăng ni sinh về âm nhạc nghi lễ truyền thống PGVN. Bởi vì người xưa đã khẳng định “ Tiên học lễ hậu học văn ”. Học lễ trước rồi sau đó mới học kiến thức văn hóa. Bởi vì lễ sẽ hoàn thiện con người, thành người có tâm, có đức, để “ Thiệu long thánh chúng, chấn nhiếp ma quân. Thượng báo tứ trọng ân, bạc tể tam hữu”.

Âm nhạc Phật giáo rất cần thiết trong đời sống cộng đồng xã hội đã trở thành một bộ phận văn hóa truyền thống của dân tộc như nước với sữa như tim với óc, do đó cần phải sưu tầm, tích lũy, phổ biến để không những Tăng Ni trong nước được biết âm nhạc nghi lễ Phật giáo từng miền, từng vùng, mà có phương pháp bảo tồn, duy trì và phát triển có hiệu quả.

Lời kết : Âm nhạc nghi lễ truyền thống Phật giáo VN vô cùng đa dạng và phong phú bởi đời sống của con người VN, ngôn ngữ VN

phong phú rất giàu và rất đẹp. Âm nhạc nghi lễ PGVN giàu bởi đời sống của người VN muôn màu, muôn vẻ, đời sống tư tưởng tình cảm dồi dào, phong phú. Âm nhạc nghi lễ Phật giáo do đó cũng đầy màu sắc và âm thanh và nhạc họa.

(Trích Đạo Phật ngày nay Tập 5 - 1-02-2011)

HIẾU LÂM

Hai anh em nhà nọ là một cặp song sinh, được người cha di chúc lại cho hai người một cửa tiệm rất đắt khách. Khi sinh tiền cha của cặp song sinh này khi cha qua đời hai con chung nhau ở ngôi nhà này mà duy trì sự sinh hoạt sự nghiệp của cha, hai con phải thương yêu nhau và đùm bọc nhau mà sống. Và sau khi cha mất hai anh em cũng đã thực hiện lời cha dạy, hai anh em sống chung rất thuận hòa êm ấm không có một việc gì xảy ra bất hòa cãi vã. Nhưng thế gian vô thường, hoàn cảnh thay đổi thì tâm người cũng vì thế mà cũng đổi thay. Một hôm nọ, người em để một tờ giấy bạc trên chiếc máy tính trong phòng rồi đi ra phía trước, một khoảng thời gian sau anh ta lại vào thì tờ giấy bạc trên chiếc máy tính không còn nữa. Người em nhỏ nhẹ hỏi người anh, anh có thấy tờ giấy bạc em để trên máy tính không ? Người anh trả lời anh không thấy ! Bắt đầu từ đó trong đầu óc người em suy nghĩ miên mang, tại sao tờ giấy bạc không cánh mà bay ? ngoài hai anh em ra không có người thứ ba ai vào đây ? và cứ thế sự thắc mắc nghi kỵ càng dâng cao trong tâm trí người em, và cũng từ đó sự thân thiện, sự giao tiếp nói năng giữa hai anh em không còn như xưa nữa. Thế là tờ giấy bạc nó trở thành cái hố sâu chia cách hai anh em nhà nọ, sự chia cách ngày càng lớn và ngôi cửa tiệm chung sống chung lòng được ngăn ra thành hai mỗi người ở một phần. Hai mươi năm hai anh em tuy gần nhau nhưng tâm lý xa cách, rồi một ngày đó, có một người

khách già nọ đến gõ cửa người em, hỏi rằng ông có biết cái người chủ nhà này còn ở đây hay đã đi đâu rồi không ? Người em trả lời : Tôi là người ở nhà này từ khi sinh ra cho đến lớn ở mãi cho đến nay chứ không có đi đâu. Người khách nói : “ Tôi đến đây xin lỗi một việc mà 20 năm trước tôi đã phạm phải mà chưa có cơ hội để trả lại và xin lỗi. Đó là lúc đó tôi đã ba ngày không có thứ gì để ăn, tôi vào nhà này bằng cửa sau có lấy trong nhà này một tờ giấy bạc, hôm nay tôi đến xin lỗi cái việc làm thất đức năm ấy và xin gởi lại số tiền đã lấy. Khi nghe người khách nói, người chủ nhà rơi lệ, ông ta rơi lệ không phải việc làm của người ăn cắp tờ giấy bạc, mà là rơi lệ thương xót cho cái sự nghĩ lầm của mình với người anh 20 năm qua. Người khách thấy người chủ nhà rơi lệ thì ngạc nhiên không biết chuyện gì. Và người chủ nhà hỏi người khách, ông có thể đem câu chuyện này kể lại cho người anh bên cạnh tôi nghe được không ? Người khách nghe vậy cũng thêm một lần ngạc nhiên nữa, và người khách đến kể lại câu chuyện của mình hai mươi năm về trước cho người anh nghe. Sau khi được người khách kể xong, hai anh em ôm nhau khóc, và cái hồ ngăn cách hai anh em trong hai mươi năm nay được sang bằng bởi sự thông cảm và bao dung tha thứ.

NHÂN NÀO QUẢ NẤY

Có một đạo hữu nọ, kể một câu chuyện xảy ra trong gia đình anh vào cuối mùa đông năm 2006 như sau :

Nhà anh ta sửa lại nhà, do đó gần đến tết phải chủng bị thu gom tiền về để trả tiền thợ cho họ lo tết. Vợ chồng mới đi hốt biếu được 25 triệu, vì hôm ấy trời mưa nên vợ chồng đi về là cả áo mưa và xách đồ vào phòng nhưng không kịp đóng cửa. Trong nhà có thuê một người

làm mới có hai ngày, người này là nữ trạc tuổi 30, cô giúp việc này biết được vợ chồng đang đi lấy tiền về nên cô ta lanh lẹ thừa lúc vợ chồng lo tắt bậc nhà cửa quên mất cái gói tiền đã đem về để lo thanh toán tiền thợ. Thế là cô ta nhanh tay tóm hết gói tiền đem chôn dưới đồng giải hạ phía sau nhà. Trong khi chưa di chuyển gói tiền thì trong nhóm thợ có anh làm công phụ ra phía sau để hốt giải hạ đã bắt gặp được gói tiền, anh ta liền thanh toán trọn gói bạc. Thế là gia đình mới nhờ công an giải quyết, nhưng cô ta khăng khăng không lấy và thực sự cô ta chẳng có đồng nào trong túi. Còn anh làm công phụ với số tiền này anh về sửa lại nhà mình và mua cho con trai một chiếc xe way, sau đó không bao lâu đứa con chạy xe bị tai nạn chấn thương não nằm một chỗ, còn anh thời gian sau đi làm bị tường nhà ngã đổ anh cũng bị gãy hai đôi chân, mãi thời gian mới bình phục. Đây là câu chuyện có thật, với đồng tiền không trong sạch, dùng vào việc gì nó sẽ trở thành tai họa cho mình và người thân mình. Trong đạo Phật, Phật dạy người Phật tử nên sống với chánh nghiệp để nuôi chánh mạng, đừng sống với tà nghiệp tà mạng, cuộc đời không an lạc và xã hội không bình yên. Sống mưu mô xảo quyệt, luồn lách trá trở để có tiền là thuộc tà mạng tà nghiệp, tuy hiện tại có sung sướng tiện nghi, nhưng mai sau một nọ phải chịu quả báo đau khổ khó thoát, lúc đó có ăn năn hối lỗi chuyện đã muộn màng. Đời vô thường vô ngã, mạng sống con người quá ngắn, nên làm phước thiện, nên tu tập những hạnh lành thì tốt hơn lo kiếm tiền và địa vị. Tiền bạc và danh vọng không giúp gì cho ta sau cái chết mà nó là gánh nặng lúc sống và sau cái chết. Tiền tài danh vọng càng nhiều hiện tại sống không an chết không siêu, nếu những ai không biết tu tập thì quả là một sự khổ là một sự bất hạnh./.

NĂM ĐIỂM TÔN GIÁO CÓ ĐƯỢC

1/ Nhờ có tôn giáo mà xã hội có sự đoàn kết

Tuy không có tôn giáo xã hội cũng vẫn đoàn kết nhưng đoàn kết trong sự nhỏ lẻ, trong phạm vi giới hạn. Có tôn giáo xã hội đoàn kết mạnh hơn nhiều hơn và rộng hơn. Phật giáo đã giúp nhiều xã hội gặp gỡ nhau trong tình hữu nghị yêu thương và chia sẻ thân thiện trong tình đồng đạo. Đơn cử lễ Phật Đản Vesak năm 2008, được tổ chức tại Hà Nội đã quy tụ nhiều đoàn đại biểu 74 quốc gia trên thế giới về tại Việt Nam tham dự, sau lễ Phật Đản đã để lại trong lòng những người anh em các nước bạn những điều tốt đẹp về đất nước và dân tộc Việt Nam. Khiến cho nhiều người kính nể và tôn trọng thân thiện với con người và đất nước Việt Nam.

2/ Tôn giáo làm cho tâm con người thanh thản.

Trong xã hội phân đông con người hằng ngày người ta chỉ lo chạy theo tiền tài danh vọng, miếng cơm manh áo khiến họ đánh mất cái tâm thanh tịnh của mình. Chính những thứ tiền tài danh vọng làm cho con người khốn khổ không yên, tâm trí quay cuồng. Những người khi đã có duyên với Phật pháp nói riêng tôn giáo nói chung, chính tôn giáo đã giúp họ an tâm trong cuộc sống đầy lo toan khổ lụy. Có nhiều người nhờ tôn giáo mà vượt qua được những khúc eo trong cuộc sống, thấy đời đáng sống hơn là đi tìm con đường tuyệt mệnh quyền sinh. Ở đời những người không có duyên với tôn giáo với sự tu tập, thì họ chỉ biết hơn thua tranh cạnh, họ chỉ biết sống để làm việc, làm sao cho được nhiều tiền nhiều của để hưởng thụ. Họ càng có nhiều tiền tâm lý họ càng dao động khủng hoảng, nhiều người phải tìm con đường tự tử để trốn thoát khổ đau. Nước Nhật là nước có tỷ lệ những người thanh niên hằng năm quyền sinh nhiều nhất, những người quyền sinh đều là những người trí thức và giàu có. Như vậy người có tôn giáo, có tín ngưỡng họ sẽ có phương pháp trị liệu tâm dao động khủng hoảng khi

xảy ra, nhờ vậy họ vượt qua được sự đau khổ và họ lấy lại được sự cân bằng trong cuộc sống, và họ đứng lên sau khi bị thất bại. Tôn giáo giúp cho con người cân bằng thể chất và tâm lý trong cuộc sống, nhờ thế xã hội giảm đi những bất hạnh đau thương.

3/ Có tôn giáo giúp con người dễ thực thi pháp luật tốt hơn.

Một khi con người không có tôn giáo hay một tín ngưỡng thường thường họ không tin vào tội phước hay nhân quả, vì thế họ không biết sợ biết lo. Họ không tin có quả báo, không tin có địa ngục thiên đường, cho nên họ không e dè, không ngần ngại khi làm các việc ác. Đối với các việc ác họ không có một chút thương tâm, vì thế không có việc ác nào họ không làm, họ quan niệm chết là hết, không đời sau không quả báo không tội phước. Chính vì quan niệm này mà xã hội thường xảy ra nhiều sự việc bất hạnh thương tâm. Tuy rằng có quả báo trần gian, có địa ngục trần gian, có công an cảnh sát luôn theo dõi họ, nhưng một khi đã bị vào tù trở ra họ cũng không chừa bỏ thói hư tật xấu. Pháp luật thế gian nếu có ngăn chặn những điều ác trên thân và khẩu của con người chứ không sao ngăn chặn và chấm dứt những điều ác trong tâm đã xảy ra và sẽ xảy ra với mỗi con người được. Trái lại tôn giáo hướng dẫn con người biết có đời này đời sau, quả báo nhân quả, tội và phước họ ý thức được, họ không bao giờ làm những điều sai trái tổn hại đến người và của mọi người, vì thế những người có tín ngưỡng tôn giáo dễ thực thi pháp luật một cách tốt nhất. Như vậy giáo luật tôn giáo cao hơn và giá trị hơn pháp luật .

4/ Tôn giáo tạo nên sự kiên nhẫn và tính quyết tâm để đạt mục đích.

Những người có đức tin tôn giáo, tin vào tội phước, đời này đời sau, vì thế họ có cái nhìn sâu xa, họ có sự hy vọng cao lớn cho nên dù gian nan nguy hiểm đối với họ là việc bình thường không khó. Con người mỗi một khi có một mục đích đề ra trước mắt thì họ luôn luôn phấn

đầu làm cho kỳ được , nếu chưa đạt họ không dừng nghỉ, chính vì thế đã tạo cho họ sự quyết tâm và sự kiên nhẫn bền bỉ . Mục đích của đạo Phật là đạt đến giải thoát thành Phật, mà thành Phật không phải đơn thuần ngày một ngày hai, vì thế con đường tiến đến chỗ thành Phật vừa dài vừa xa, con người đệ tử Phật nguyện đi đến chỗ thành Phật, vì thế sự kiên nhẫn và tính quyết tâm là bí quyết để đạt mục đích là vậy.

5/ Tôn giáo thúc đẩy con người vươn lên tiến tới không ngừng nghỉ.

Tinh thần của tôn giáo là loại tinh thần cầu tiến không được lùi. Đạo Phật dạy con người rằng, đời là bể khổ, là nhà cháy không an, là lao ngục v.v Chính những tinh thần này không cho phép con người học Phật lười biếng cầu an, mà phải vươn lên cho kịp, đời như một sự nguy hiểm đang đuổi theo thân mạng con người thì làm sao mà không tiến lên được. Ví như một con voi say, một con cọp dữ đang đuổi bắt tính mạng mình thì mình không thể ngồi yên được, phải chạy gấp để bảo toàn tính mạng. Cơ hội làm thân người rất hiếm, mà mạng sống thì mong manh, cho nên không cho phép người tu học chậm trễ được. Hơn nữa mục đích giải thoát và thành Phật là một hạnh phúc tối thượng duy nhất có một không hai, không có một thứ cao quý nào trần gian sánh bằng, vì thế tôn giáo thúc đẩy con người vươn lên tiến tới không ngừng là vậy./.

**NĂM ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO KHÁC BIỆT
VỚI CÁC TÔN GIÁO KHÁC**

1/ **Tính tự do** : Đạo Phật là một tín ngưỡng tự do, không ép buộc ai phải theo và phải tin. Khi Đức Phật còn tại thế có một người Bà la môn đến hỏi Ngài, Thưa ngài Cù Đàm : Tôi thấy các đạo, đạo nào cũng nói đạo của mình hay, đạo của mình đúng. Vậy tôi phải tin

vào cái đạo nào cho phải ? Đức Phật trả lời câu hỏi thắc mắc và phân vân của người Bà la môn rằng: Nầy người Bà la môn, người chứ vội tin vào những truyền thống, dù đó là truyền thống lâu đời được nhiều người ca ngợi. Nầy Bà la môn người chớ vội tin vào một điều gì, dù đó là điều của một bậc thầy, một đạo sư khả kính có nhiều uy tín được nhiều người ca ngợi tin tưởng. Nầy Bà la môn, người chớ vội tin, mà người hãy tin vào những gì người thấy điều đó đúng có lợi ích cho mình cho mọi người, cho đời này và cho đời sau, thì người hãy tin.

Chúng ta thấy Phật đang đi thuyết giảng cái đường lối của mình, cái tư tưởng của mình thế mà có người đến hỏi, Ngài lại bảo hãy xem xét kỹ trước khi tin. Ngài bảo họ đừng tin vội đừng nghe theo, mà Ngài bảo phải lựa chọn xem xét hợp với sự suy nghĩ của mình với khả năng của mình thì hãy tin. Trong khi đó các tôn giáo khác chủ trương bắt buộc mọi người phải tin theo chủ thuyết của mình, nếu không tin theo, làm theo coi như người đó là kẻ phản bội, cần được đem ra khai trừ, triệt tiêu. Nhà bác học Galile đã bị xử tử vì cái tội nói trái đất là tròn, vì chúa nói trái đất hình vuông. Và từ xưa đến nay nhiều người nhiều dân tộc đã chết oan vì nói trái lại lời chúa phán. Từ xưa cho đến ngày nay có nhiều cuộc chiến xảy ra, không phải vì quyền lợi đất đai và tài nguyên mà là liên quan đến sự xúc phạm sai lời chúa dạy. Ví dụ sự xung đột ở các nước phương Tây giữa hai giáo hội Công Giáo và Tin Lành họ có cùng chung một gốc là Đức Chúa, thế mà hai giáo hội không khoan nhượng nhau cũng vì hai quan điểm khác nhau về lời chúa, dẫn đến ruột thịt trở thành thù địch tương tàn. Trái lại Phật giáo có hai phái Đại thừa và Tiểu thừa (tức phái thủ cựu và phái phát triển), trong hai phái lại chia nhiều tông môn, như Phật giáo Trung Quốc chia làm 10 tông phái. Thế mà trong Phật giáo từ xưa đến nay chưa có cuộc chiến nào xảy ra giữa tông phái này với tông phái kia, mà các tông phái cùng nhau sinh hoạt chung thành một giáo hội. Việt Nam là

nước duy nhất trên thế giới có một giáo hội gồm nhiều các tông phái sinh hoạt chung cùng một giáo hội, không có riêng tư. Trong khi các nước Phật giáo trên thế giới chưa làm được, tuy chưa làm được nhưng không có nghĩa không hoà hợp mà kình chống nhau.

Qua những minh chứng trên ta thấy đạo Phật thực sự là tự do, trên mọi thứ tự do mà người đời đặt ra. Vậy đến với đạo Phật là đến với sự tự do cao quý nhất, siêu việt nhất mà không có sự tự do nào qua nổi. Sự tự do của thế gian nếu có chẳng phải đánh đổi bằng mồ hôi nước mắt, xương và máu của nhiều thế hệ hoạn nạn mới có được. Ví dụ hiện nay nói đất nước Việt Nam có tự do, phải trải qua 1000 năm tranh đấu với giặc Tàu, 100 năm chống giặc Pháp, 30 năm chống giặc Mỹ mới có được tự do như ngày hôm nay. Trong đạo Phật sự tự do đã có sẵn trong mỗi người, tự do này là Phật tánh chân tâm ai cũng có, nếu ai cũng biết phát huy sự tự do sẵn có của mình thì xã hội loài người không có chiến tranh giặc dã xảy ra.

2/ **Tính bình đẳng** : Khi thái tử Tất Đạt Đa đến tuổi trưởng thành Ngài đã nhận thấy trong cuộc đời giữa con người với con người, giữa loài vật với loài vật không có sự bình đẳng, khiến Ngài phải xót xa đau khổ. Xã hội con người ở Ấn Độ chia làm bốn giai cấp 1/ Giai cấp vua chúa 2/ Giai cấp tu sĩ . 3/ Giai cấp công thương, 4/ Giai cấp nô lệ. Hai giai cấp trước không chế và áp đặt trên hai giai cấp sau. Hai giai cấp sau chỉ biết cúi đầu phục vụ chứ không được kêu ca đòi hỏi dù phải khổ thân mất mạng cũng phải chịu. Họ quan niệm rằng, hai giai cấp trên được sinh ra từ miệng và trán của Phạm thiên còn hai giai cấp sau thì sinh ra từ hai tay và hai chân của Phạm thiên, vì thế phải có nhiệm vụ, phục vụ cho cái đầu và cái miệng. Còn ngài nhìn thấy loài thú vật cũng thế, con lớn thì ăn con nhỏ, con mạnh thì ăn con yếu, ngài nhìn thấy con chim bồ câu ăn côn trùng, rồi con bồ câu bị con dều hâu bắt ăn thịt, con dều hâu lại bị người thợ săn rình bắn v.v

Những hình ảnh giữa người với người, giữa vật với vật khiến cho lòng ngài không yên suy nghĩ không màng những hạnh phúc xa hoa đang chờ đón bên Ngài. Ngài nói " Là cùng đing không phải do sinh trở, là Bà la môn không phải do sinh trở. Do hành động ngời này là cùng đing, do hành động ngời kia là Bà la môn ".

Không có giai cấp cao hay thấp, chỉ có hành động ý nghĩ của con người cao hay thấp. Ngài lại nói không có giai cấp khi máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn, mọi người như nhau, ai cũng muốn sống ai cũng có quyền được sống, mọi người cần được bình đẳng. Có một sự bình đẳng nữa cao quý nhất mà loài người nói chung và các tôn giáo khác nói riêng chưa bao giờ khám phá ra được đó là sự bình đẳng trên chơn tâm Phật tánh ai ai cũng có. Sau khi Đức Phật thành đạo dưới gốc cây, lời đầu tiên Ngài nói : “ Lạ thay tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng chơn tâm sáng suốt. Ta là Phật đã thành, tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành ”. Đây là câu nói chân thật, bình đẳng nhất mà cũng là táo bạo nhất chưa có vị giáo chủ nào nói được câu này. Tất cả con người ai cũng muốn cái ghế cao quý của mình chỉ một mình được ngồi, chứ đâu chia sẻ mọi người được ngồi, ấy thế Đức Phật tuyên bố cái địa vị làm Phật của Ngài ai cũng sẽ làm được. Đây là lời nói chân thật mà Phật đã nói, chính lời nói chân thật này đã mở ra cho nhân loại con đường mới, mà chưa có ai tìm ra.

Trong giáo hội Công giáo các Mục sư, Linh mục gọi giáo dân của mình là “ con chiên ” con chiên theo nghĩa của người Tây phương là con cừu. Còn các vị chức sắc trong giáo hội, mục sư, linh mục gọi là chủ chăn. Sự cách biệt giữa ông chủ và con cừu ta thấy có một khoảng cách rất xa. Trong khi đạo Phật những người theo đạo Phật sau khi làm lễ quy y được gọi là đệ tử, là người Phật tử. Đệ tử hay Phật tử có nghĩa gần giống nhau. Đệ là em, tử là con. Người theo Phật, tin theo Phật là người vừa là em vừa là con của Phật. Như vậy con và

em là hai vị trí rất gần và có tính “ người ” rất thiết thực, rất thân thiện, rất bình đẳng. Lại đệ tử Phật chia hai thành phần xuất gia và tại gia. Xuất và tại gia lại chia thành bốn thành phần gọi là tứ chúng , là Tỳ kheo , tỳ kheo ny, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Là Tu sĩ nam, Tu sĩ nữ, Cư sĩ nam và cư sĩ nữ. Gọi là tứ chúng đồng tu, tuy gọi tứ chúng nhưng sự sinh hoạt tu tập đều cùng hướng về một mục đích là giải thoát giác ngộ và thành Phật như nhau.

Xã hội Trung Quốc theo quan niệm Khổng Giáo thì con người có hai thành phần là tiểu nhân và quân tử, trong gia đình và xã hội thì có tam cương ngũ thường, phân chia ranh giới giữa con người nam và nữ, giữa người có chức việc và người không chức việc, giữa người sang trọng và người hèn mọn khác nhau.

Qua sự nêu ra tính bình đẳng của các tôn giáo và xã hội loài người chúng ta thấy sự khác biệt giữa các tôn giáo và các quan điểm xã hội hoàn toàn so với Phật giáo một trời một vực. Cái tính bình đẳng của Phật chỉ cho ta thấy không ai là không làm được, không ai là không có. Cái bình đẳng thượng đẳng này mà các tôn giáo và xã hội không tìm ra và không thấy được ngoài trừ tin theo Phật hiểu theo Phật mới thấy mới làm được, cho nên nói cái bình đẳng này ra mọi người khó tin khó làm theo.

Mọi người nếu tin và hiểu được cái sự bình đẳng của đức Phật nói ra, thì cả thế giới này không có giặc giả chiến tranh xảy ra. Vì mọi người nhìn nhau bằng con mắt kính trọng, anh, chị, ông bà sẽ là Phật tương lai. Đã là Phật sẽ là Phật thì ai có tâm hãm hại, vì thế không có sự cạnh tranh nhau, thì thế giới loài người hoà bình an lạc.

3/ Tinh thần từ bi : Từ bi là tinh thần cao quý then chốt trong đạo Phật. Ý nghĩa từ bi trong đạo Phật rất rộng rãi con người bình thường khó mà làm theo hết được. Từ bi của Phật gọi là “ vô duyên từ ” còn từ bi của con người nếu có cũng chỉ là “ hữu duyên từ ”.

Thế nào là từ bi trong đạo Phật ? Từ là cứu khổ , bi là ban vui. Chỉ có tinh thần cứu khổ ban vui của đạo Phật chúng sanh mới chấm dứt được khổ. Khổ con người gồm hai lãnh vực, khổ thể xác và khổ tâm hồn. Ở thế gian người ta có thể giúp cho bớt khổ về thể xác, còn về tinh thần thì không thể hoàn toàn làm cho hết khổ được. Và ở thế gian nếu có giúp nhau hết khổ cũng chỉ trong một đời còn nhiều đời sau nữa không ai biết được. Cái quan niệm khổ của người đời chỉ nhắm đến cái khổ trước mắt, chứ không ai biết cái khổ sâu xa trong nhiều đời kiếp luân chuyển sanh tử luân hồi. Khổ mà đạo Phật muốn nói là cái khổ sanh tử, sanh già bệnh chết. Như vậy đạo Phật cứu cái khổ nào ? Ban cái vui gì ? Đạo Phật cứu cái khổ sanh tử luân hồi cho chúng sanh, và ban cái vui Niết bàn vĩnh viễn không sanh không diệt, tự tại vô ngại cho họ.

Thế nào là vô duyên từ ? Từ bi của Phật gọi là vô duyên từ, vô duyên từ là lòng thương không giới hạn, lòng thương không có điều kiện. Cái vô duyên từ này khác với hữu duyên từ. Hữu duyên từ là lòng thương có điều kiện có giới hạn. Người đời thương nhau, giúp nhau vì họ có mối liên hệ thân thiết với nhau nên họ thương, trái lại không thương không giúp. Ví như chúng ta giúp đỡ những người thân quen, đồng một chí hướng thì ta giúp đỡ ngược lại thì không. Như vậy hữu duyên từ còn trong giới hạn, còn trong sự so sánh. Người thực hiện vô duyên từ người đó bản ngã được tiêu trừ thì mới có khả năng thực hiện được.

Có người nói bát ái rộng hơn lòng từ bi, hoặc từ bi giống như bát ái của tôn giáo khác chủ trương. Ở đây không thể lý luận trên ngôn ngữ mà nói cái này hơn cái kia, hoặc bằng nhau, mà nhìn cái tính thực tế chúng ta mới định vị được giá trị của một chủ thuyết. Từ bi của đạo Phật không chỉ con người với con người mà phổ cập hết tất cả chúng sanh từ hữu tình đến vô tình. Chúng sanh ở đời này và đời sau, ở mặt

đất, ở trên không, ở dưới nước, ở địa ngục, ở thiên đường v.v. Trong khi chủ thuyết bát ái chỉ trong phạm vi con người mà thôi, đã con người mà phải là con người có tin đức Chúa thì mới được ân sủng của bác ái mà thôi.

4/ Trí tuệ rộng lớn của đạo Phật. Với tuệ nhãn của Phật, Ngài nhìn thấy không gian rất xa và thời gian rất rộng. Đối với không gian Ngài thấy muôn ngàn thế giới cách xa hàng triệu triệu, ức ức ngàn cây số như nhìn trái cam trên lòng bàn tay, biết rất rõ đời sống sinh hoạt và sự hình thành của các thế giới. Đối với thời gian, Ngài thấy được những sự việc xa xưa về quá khứ hàng triệu ức năm Ngài đều nói lại. Ở thời xa xưa đó, Ngài, chúng sanh và thế giới như thế nào, như thế nào ngài kể lại rất rành mạch. Ví như cuộn phim được quay cách đây 80, 100 năm nay được chiếu lại, giống như trận đánh Pháp ở Điện Biên Phủ, hay trận không kích B52 thời chống Mỹ ở Hà Nội trải qua gần 40 năm mà nay thấy như hiện trước mắt. Và những điều vị lai hàng trăm triệu năm sắp đến Ngài cũng nói những sự kiện sẽ diễn ra như thế nào rất rõ không sai. Trạng trình kể chuyện 300 sau có người phá ngôi mộ của ông là người gì tên gì, năm nào thì việc ấy ông đã nói trước, và việc ấy xảy ra như thật. Để chúng ta thấy, Trạng trình là người phạm tục mà còn có cái tuệ nhãn nhìn thấy sự việc ở thời gian sau 300 năm, Đức Phật là vị Đại thánh thì không việc gì Ngài không thấy và không biết.

Trong kinh Phật gọi là nhưt thiết trí, là người có sự hiểu biết tất cả mọi sự mọi vật trong vũ trụ từ thời gian đến không gian một cách tường tận không sai lạc. Vừa là nhà khoa học vừa là nhà Vật lý nổi tiếng thế kỷ 20 là Enstems, ông nói : “ Nơi kết thúc của khoa học là nơi bắt đầu của Phật giáo ”. Khoa học đã phát triển cách nay đã 300 năm mà ông nói mới bắt đầu của Phật giáo là thế nào? Vì Đức Phật nói về con người, về vũ trụ cách nay 2600 năm. Bây giờ khoa học mới đi tìm

dò từng bước mà cũng chưa xong. Ví dụ Đức Phật nói từ đây qua phương Tây cách cõi nước Ta bà phải trải qua mười muôn ức cõi nước các đức Phật thì có cõi nước của Đức Phật A Di Đà, cõi nước ấy con người và đất đai đều thanh tịnh an lạc v.v. Ngày nay ta thấy các nhà khoa học dùng phi thuyền lên mặt trăng, sao hoả ta cũng khá khâm phục rồi, thế mà cự ly quả đất và mặt trăng, sao hoả so với sự thấy biết của Phật ở các thế giới 10 phương, thì trí con người chúng ta không thể nào so lường được. Nếu đem ra so sánh trí của các nhà khoa học, bác học mà so với trí của Phật, thì như nước đái con muỗi mà so với nước biển đại dương vậy.

Đức Phật nói mọi sự mọi vật đều do nhân duyên sanh và do nhân duyên diệt, không có cái gì tự nó sanh ra, không có cái gì mất hẳn. Ngày nay khoa học chứng minh: Luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng đã chứng tỏ lý nhân duyên là đúng. Đạo Phật nói ngoài sự sống của chúng ta có vô số đời sống khác nhau, vô số thế giới. Khoa học đã tìm ra thiên hà và vũ trụ. Vũ trụ lại có hệ thống vũ trụ và hệ thống thiên hà v.v Trong thế giới con người, từ đời sống ăn lông ở lỗ, tiến đến biết dùng máy bay, phi thuyền đi khám phá các hành tinh, chúng ta cho là quá văn minh. Nhưng trong vũ trụ thỉnh thoảng lại có các giống người ở các hành tinh khác ngoài trái đất họ đến trái đất chúng ta bằng một cái đĩa bay . Như vậy lời Phật nói không sai, ngoài cái văn minh loài người chúng ta, còn có nhiều chúng sinh các hành tinh khác lại văn minh hơn chúng ta, mà các nhà khoa học biết mà chưa tìm ra. Ví dụ cái thế giới quỷ thần họ ở bên ta, chung quanh ta nhưng khoa học không thể dùng máy móc mà để nhìn thấy được. Trái lại đối với Phật và các bậc thánh thì thấy rõ như ban ngày. Gần đây các nhà ngoại cảm đã chứng minh các linh thức con người tồn tại sau khi chết, không phải một người nói và có nhiều người nói. Trên thế giới Việt Nam là nước duy nhất có nhiều nhà ngoại cảm nhất, trên 100 nhà

trong đó đáng tin cậy và chính xác nhất có 6 vị, và đặc biệt nhất là nhà ngoại cảm Phan Thị Bích Hằng, vì cô ta có được cả hai mặt, tức là có thể nhìn thấy hình dáng khuôn mặt người đã chết một cách tường tận như ta nhìn người đang sống, và cô ta còn nghe giọng nói và sự mong muốn, hoặc ý nghĩ của người chết nữa. Còn số nhà ngoại cảm có vị thấy mà không nghe, có vị lại có khả năng nghe mà không thấy. Do cái ưu điểm đặc biệt đó mà cô Bích Hằng đã tìm ra trên 10.000 ngôi mộ thất lạc. Cô còn có thể gặp nói chuyện với những người đã mất trên 300 năm v.v.

Điều này càng chứng tỏ lời Phật nói không sai, thế giới có vô số thế giới, chúng sanh có vô số chúng sanh. Thế giới có thế giới hữu hình, thế giới vô hình. Chúng sanh có chúng sanh hữu hình và chúng sanh vô hình. Đối với con người nói chung và các nhà khoa học nói riêng, với các thế giới vô hình và chúng sanh vô hình thì không sao nhìn thấy được. Một khi không thấy người ta ra sức phản đối chống trả những người có lòng tin thế giới vô hình. Trong kinh Phật có câu chuyện kể rằng: Có con rùa sống dưới nước với con cá, thỉnh thoảng rùa lại lên trên khô kiếm ăn rong chơi rồi lại về dưới nước, kể lại những cảnh vật, con người trên khô, con cá cực lực phản đối, làm gì có con người và cảnh vật trên khỏi mặt nước, con rùa suốt cả đời dùng hết lời lẽ nói thế nào cá cũng không thể tin được. Cũng vậy cá là dụ cho loài người, rùa là dụ cho các bậc thánh. Cái sự hiểu biết của cá chỉ giới hạn trong nước, còn sự hiểu biết và khả năng đi lại của rùa cả dưới nước lẫn trên khô.

Qua những minh chứng cụ thể ta biết rằng trí tuệ của đạo Phật là rộng lớn.

5/ Phật giáo là khoa học và vượt trên khoa học.

Vì sao nói Phật giáo là khoa học và vượt trên khoa học ? Vì những điều Phật nói không những không phù hợp với khoa học mà không chống trái với sự sống con người và các loài sinh vật.

Khi Đức Phật còn tại thế, mỗi lần chúng tăng dùng nước để sinh hoạt hằng ngày, đức Phật khuyên chúng tăng nên dùng cái đũa lọc nước trước khi dùng. Ngài nói : “ Trong một bát nước có đến tám vạn bốn ngàn côn trùng, nếu không trì chú, không lọc nước mà dùng thì đồng như ăn thịt chúng sanh”. Hoặc trong kinh A Di Đà Phật nói : “ Từ đây qua phương Tây phải trải qua 10 vạn ức cõi Phật, có một thế giới gọi là Cực Lạc, thế giới ấy có Phật A Di Đà hiện nay đang nói Pháp ”.

Nêu sơ qua hai điều trong kinh Phật nói, chúng ta thấy ngày xưa chưa có kính hiển vi, chưa có viễn vọng kính, con người không thể thấy những sinh vật vi trùng quá nhỏ, những thế giới quá xa. Thế mà Đức Phật đã nói như ngày hôm nay khoa học đã chứng minh là sự thật. Thời gian đức Phật ra đời cách nay 2600 năm, khoa học mới phát triển gần 300 năm điều Phật nói đúng khoa học và trên khoa học là điều không chối cãi.

Khoa học cũng dựa theo lời Phật dạy mà khám phá và phát minh ra những dụng cụ điện tử để phục vụ cho con người mỗi ngày một cách thông dụng, tiện lợi và nhanh chóng. Như điện thoại di động, máy tính v.v. Trong kinh Hoa Nghiêm Phật nói : “ một là tất cả, tất cả là một ”. hoặc “ Ba ngàn thế giới nằm trên đầu sợi lông, hoặc đầu sợi lông chứa ba ngàn thế giới ”. Nếu khoa học không phát triển và phát minh, con người phạm tục không hiểu được câu nói trên của Phật là sự thật. Máy tính có khả năng thu nhập tất cả dữ liệu và hình ảnh của mọi sự kiện vào trong một ổ đĩa, dù có nhiều bao nhiêu nó cũng có khả năng dung chứa. Dữ liệu nếu đem in ra hoặc cất chứa phải một gian phòng, hoặc nhiều nhà kho mới chứa hết, thế nhưng đưa dữ liệu

vào một ổ đĩa chỉ vón vện trên bàn tay mà nó chứa tất cả. Chúng tỏ rằng “ Tất cả ở trong MỘT, và MỘT nằm trong tất cả ”. Và dữ liệu được đưa vào trong ổ đĩa rồi, khi muốn đưa dữ liệu ra, thì phải qua con mắt điện tử rất nhỏ như mũi kim. Mũi kim như đầu sợi lông, và tất cả hình ảnh phát ra đều từ con mắt điện tử này, muốn to muốn nhỏ, muốn ra vào đều từ cái điểm nhỏ xíu này.

Qua 5 tính chất : Tự do, Bình đẳng, Từ bi, Trí tuệ và khoa học đã trình bày ở trên. Chúng ta thấy không có một chủ thuyết nào có đủ năm điều, không có nhân vật nào có đủ 5 điều, duy chỉ có Đức Phật có đủ 5 điều trên.

Cho nên Đức Phật có 10 danh hiệu tôn xưng để nói lên hết 10 cái khả năng siêu việt mà con người không có. Mười danh xưng gọi là 10 đức hiệu như sau : Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

TOÀN CẢNH TÔN GIÁO CÓ MẶT TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Đảng và nhà nước Việt Nam đã khẳng định rằng : Tôn giáo là một hệ thống tín ngưỡng, là một nhu cầu cần thiết không thể thiếu gắn liền với đời sống nhân dân. Cho nên cần phải được bảo vệ và duy trì. Trong các tôn giáo có nhiều điều phù hợp với chủ trương và chính sách nhà nước. Tôn giáo có hai loại, tôn giáo bản địa hay tôn giáo nội sinh và tôn giáo ngoại lai. Tôn giáo bản địa là tôn giáo phát sinh và có mặt tại đất nước Việt Nam. Tôn giáo ngoại lai là tôn giáo được du nhập từ ngoài nước Việt Nam . Trên đất nước Việt Nam hiện nay tổng cộng có 12 thứ tôn giáo được nhà nước Việt Nam công nhận và cho phép hoạt động.

Có 5 tôn giáo ngoại lai :

- 1- Phật giáo truyền vào Việt Nam cách nay trên 2000 năm.
- 2- Công giáo truyền vào Việt Nam cách nay 500 năm (1533)
- 3- Tin Lành giáo truyền vào Việt Nam cách nay 100 năm.
- 4- Hồi giáo truyền vào Việt Nam cách nay 200 năm
- 5- Bà hai giáo truyền vào Việt Nam cách nay 60 năm.

Có 7 tôn giáo nội sinh :

- 1- Tứ Ân Hiếu Nghĩa : Nội dung giáo lý gần như đạo Phật.
- 2- Tịnh độ sư sĩ : Phát nguồn từ đạo Phật (giáo lý bằng thơ hoá)
- 3- Hoà Hảo : còn gọi Phật giáo Hoà Hảo, khai sáng do Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ ở làng Hoà Hảo. Nội dung giống in như pháp môn tịnh độ của Phật giáo Bắc Tông. Chủ yếu niệm Phật Di Đà làm lành lánh dữ, cầu nguyện cho cửu huyền thất tổ siêu sanh tịnh độ.
- 4- Cao Đài Giáo : Nội dung giáo lý gần giống giáo lý đạo Phật, nhưng chủ đích tôn thờ Ngọc Hoàng thượng đế. Cao Đài dung nạp các đạo Phật, Khổng, Lão, Chúa, thánh thần. Ăn chay và tụng kinh gần như đạo Phật.
- 5- Minh Sư 6- Minh Lý . 7- Bửu Sơn Kỳ Hương. Ba đạo này chưa có tài liệu để hiểu rõ.

Nếu kể thêm một đạo nữa nội sinh là Phái Phật giáo Khất sĩ do Ngài Minh Đăng Quang khai sáng. Nội dung giáo lý dung hoà giữa hai phái Bắc Tông và Nam tông. Giáo lý cũng dùng thơ kệ để tụng đọc. Hệ phái này khéo léo sát nhập và sinh hoạt chung với giáo hội Phật giáo nên không để họ ra ngoài. Trong các tôn giáo nội sinh chỉ có hệ phái này có nhân sự chức sắc và tín đồ và cơ sở đông nhất, cả trong và ngoài nước. Họ còn được giáo hội Phật giáo và các hệ Phật giáo Nam, Bắc ủng hộ và giúp đỡ, vì thế họ dễ phát triển và đứng vững.

CƠ SỞ - NHÂN SỰ - TÍN ĐỒ - CÁC TÔN GIÁO TẠI VIỆT NAM

Cơ sở thờ tự: Trên toàn nước Việt Nam tổng cộng có 22.000 cơ sở thờ tự các tín ngưỡng tôn giáo. Trong đó Phật giáo có 17.000 cơ sở : Gồm thiền viện, tu viện, chùa, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường. Còn lại 5.000 cơ sở thuộc 11 nhóm tôn giáo kia.

Chức sắc : Toàn nước VN có trên 65.000 chức sắc tôn giáo. Trong đó Phật giáo có 45.000 chức sắc : Chức sắc là những vị tu sĩ trong tôn giáo, có nhiệm vụ quản lý cơ sở thờ tự và hướng dẫn tín đồ sinh hoạt theo nội quy , hiến chương và pháp luật nhà nước. Còn lại 20.000 chức sắc của 11 tôn giáo kia.

Tín đồ : Toàn nước VN có trên 22 triệu tín đồ các tôn giáo. Trong đó theo sự thống kê năm 1999, Phật giáo có 10 triệu tín đồ. Trong các tín đồ, tín đồ Phật giáo khó thống kê nhất. Vì người tin theo Phật giáo có hai hạng, hạng thuần tuý và hạng không thuần tuý. Hạng không thuần tuý khó mà kiểm chứng được họ. Ngoài ra các tôn giáo khác sự quản lý tín đồ và theo dõi tín hữu rất chặt chẽ.

Một tôn giáo hình thành phải có ba điều kiện : 1/ **Giáo chủ** : Là người đứng đầu khai sáng ra đạo 2/ **Giáo thuyết** : Là giáo lý, chủ trương, đường lối tu tập, gọi là giáo pháp 3/ **Giáo dân** : Là những người hưởng ứng tin theo tôn giáo đó. Đầy đủ ba tiêu chuẩn này mới thành lập được một tôn giáo./.

Bài này dựa theo đề tài thuyết trình : Chính phủ VN và Phật Giáo của Ô Bùi Hữu Dược Vụ Trưởng Vụ Phật giáo chính Phủ. Nói tại BTS tỉnh hội PG Bình Dương năm 2010.

NGŨ PHÚC LÂM MÔN (5 phước vào cửa)

- Năm phúc là gì ? 1/ Trường thọ, 2/ Phú quý, 3/ Khang ninh, 4/ Hảo đức,

5/ Thiện chung. “ Thọ, Phú, Khang ninh, du hảo đức, khảo chung mệnh ”.

- Trường thọ : Mạng không chết yếu mà phước thọ lâu dài.
- Phú quý : Cửa cải giàu có, địa vị tôn quý.
- Khang ninh: Thân thể tráng kiện, tâm trí an ổn.(sự bình an)
- Hảo đức: Thường làm việc thiện rộng chứa âm đức.(hiếu đức,hiếu dưỡng v.v)
- Thiện chung : Có thể biết trước giờ chết của mình, khi chết không gặp tai họa bất ngờ, thân thể không chịu đau đớn của bệnh tật, không chỉ an lành thanh thản mà còn tự tại rời bỏ cõi trần.

Ngũ phúc lâm môn là người có phúc phần mỹ mãn. Ngoài ra các tình huống khác đều gọi là “ Mỹ trung bất túc ”, cái đẹp không trọn vẹn, nghĩa là phước còn thiếu khuyết vậy.

Trong 5 phước quan trọng nhất là hảo đức, bởi vì đức là nguyên nhân vừa là căn bản của phước. Phước vừa là kết quả vừa là sự biểu hiện của đức. Chỉ cầu phước mà không tu đức, thì hóa ra chẳng phải chúng ta bỏ gốc mà theo ngọn ư ?

Sau đây một trong các cách tạo phước và đức :

THÍ THỰC ĐƯỢC 5 LOẠI PHƯỚC BÁO.

Kinh Thí thực nói “ Người đem đồ ăn thức uống bố thí sẽ nhận được 5 loại phước báo trong đời này hoặc đời sau là : Thọ, an, sắc, lực và biện.

★**Thọ** là thọ mạng lâu dài: Vì con người và động vật đều nương vào sự ăn uống mà duy trì mạng sống, mà bố thí thức ăn là gián tiếp kéo dài sự sống cho chúng sanh cho nên được quả báo sống lâu.

★**An** là thân tâm được bình an : Vì thiếu ăn thì thân tâm đều bức rút, bần thần đau khổ và bất an, có ăn uống rồi thì thân tâm được an

ôn, vui vẻ. Vì thế, người đem đồ ăn thức uống bố thí thì nhất định được phước báo thân tâm an lạc.

★ **Sắc** là thân hình và dung mạo đẹp đẽ: Vì lúc đói khát thì thân thể khô gầy, dung mạo tiêu tụy, cho nên người bố thí đồ ăn thức uống thì nhất định sẽ được phước báo thân hình và dung mạo đẹp đẽ.

★ **Lực** là thân thể có khí lực mạnh mẽ : Vì lúc thiếu ăn khát uống thì tứ chi rã rời. Bố thí thức ăn là gián tiếp bổ sung khí lực cho họ, nên đời này hoặc đời sau sẽ được phước báo khí lực dồi dào.

★ **Biện** là có tài biện luận: Vì con người và động vật đều cần có ăn uống đầy đủ mới đủ sức để nói năng hay kêu hót, nếu thiếu ăn thì bụng đói miệng khô, dù có miệng lưỡi cũng không có sức mở miệng. Bố thí thức ăn uống là gián tiếp giúp đỡ miệng lưỡi người khác phát huy khả năng, cho nên người bố thí thức ăn thì đời này hoặc đời sau sẽ có tài biện luận vô ngại.

Ngoài ra bố thí còn được phước báo phú quý, vì đem tâm cung kính thành khẩn, không kiêu ngạo mà bố thí nên đời này và đời sau sẽ được báo ứng sanh vào nhà tôn quý.

Lại nữa thức ăn là thứ có giá trị khi tế nên phải dùng tiền bạc để mua, vì thế bố thí thức ăn cũng chính là xả thí tài vật. Người xả thí tài vật thì đời này hoặc đời sau nhất định sẽ giàu có, cho nên bố thí đồ ăn thức uống cũng sẽ được phước báo giàu sang.

Phúc báo của việc bố thí thức ăn nước uống rất nhiều, 5 thứ phước nói trên chỉ nêu ra đại khái mà thôi. Cho nên trong kinh nói đem đồ ăn thức uống và thuốc men bố thí cho chúng sanh sẽ được công đức vô lượng.

Chúng ta mời mọi người dùng bữa hoặc bố thí thức ăn cho động vật, chắc chắn chúng ta sẽ đạt được 5 loại phước báo trên. Nhưng phải có hai điều kiện :

- Không được sát sanh để mời khách.

- Tiền và thức ăn được sử dụng đó phải có nguồn gốc chính đáng.

Vì những đồng tiền, dùng những mảnh khoe không trong sạch mà có được như: Trộm cắp, sát sanh, tà dâm, dối trá hay bán rượu, thuốc độc, các chất sinh nghiện ngập v.v đều là những đồng tiền bẩn thỉu, không trong sạch. Sử dụng đồng tiền như thế để bố thí cầu phước thì kết quả chẳng những thiếu tốt đẹp mà ngược lại có tác dụng phụ.

Lại nữa, việc giết gà vịt, sát sanh hại vật để lấy thịt đãi khách chẳng những mình mất phước báo sống lâu mà ngược lại còn bị đoản mạng. Đó chính là “ Đắc bất thường thất ” vậy (cái được không bù đắp được cái mất). Chỉ ngon miệng một chút mà tổn thất rất nhiều đó mà điều mà chúng ta gặt hái được ! Cho nên vào đời Minh, Đạo sư Liên Trì khuyên chúng ta khi có các việc như: Mừng thọ, sanh con, cúng tế tổ tiên, đính hôn, kết hôn, đãi khách, lễ cầu phước, cầu an . . . đều không nên sát sanh. Đức Phật dạy : “ Vạn nhất nếu lúc không thể tránh không ăn thịt thì nên tự coi như là đang ăn thịt con cái của mình, như thế sẽ không nhẫn tâm mà nuốt vậy.

Trần Châm một hôm gặp Trương Quả Lão Tiên nhơn cho biết rằng chỉ còn một tháng nữa là hết hạn sống. Nghe thế ông lo sợ, đem hỏi ý kiến với người em là Trí Giả Đại Sư. Trí Giả Đại sư khuyên nên tu tập thiền định. Trần Châm rất chí thành thực hành theo phương pháp ngài Trí Giả dạy. Qua năm sau Trần Châm gặp lại Trương Lão Tiên rất ngạc nhiên hỏi rằng : “ Ông sao có thể sống được đến ngày hôm nay ? Lễ nào ông đã uống thuốc trường sinh bất tử ư ? ”.

Trần Châm trả lời: Em tôi là Trí Giả Đại Sư bày cho phương pháp tu tập . . . Trương Quả Lão nghe nói xong liền tán thán rằng : “ Phật pháp thật bất khả tư nghì, có thể giúp người chết được sống lại, thật là kỳ diệu ”.

Hai năm sau, một hôm Trần Châm mộng thấy một cung điện ở cõi trời, trước cung điện có ghi “ Đây là cung điện của Trần Châm, 15 năm sau ông sẽ về đây ”. Quả nhiên 15 năm sau Trần Châm biết trước giờ chết của mình, nên trước khi lâm chung ông đi thăm bạn bè thân hữu rồi ngồi kiết già nhẹ nhàng qua đời.

Thật ra, sống lâu và sinh lên trời, chẳng qua chỉ là lợi ích bên ngoài của pháp thiền định trong Phật giáo mà thôi, chứ chẳng phải là mục đích cuối cùng. Mục tiêu tối hậu đó là liễu sanh thoát tử, thành tựu trí tuệ vô thượng, cứu độ hết thảy chúng sanh.

PHÚ QUÝ

I/ Nguyên nhân của sự giàu sang: “sanh tử hữu mạng, phú quý tại thiên”

(sống chết có số, phú quý tại trời).

Nếu chỉ có trường thọ mà thiếu phước thì cũng khó sống qua mỗi ngày . Tại sao có người sống thọ mà lại thiếu phúc phú quý, còn có người thì đầy đủ cả hai.

Câu sanh tử hữu mạng, phú quý tại thiên là muốn nhắc nhở chúng ta phạm làm việc gì cũng nên mở lòng mình ra một chút, không nên quá chú trọng vào việc truy cầu phú quý và trường thọ. Bởi vì phú quý và trường thọ không phải miễn cưỡng mà có. Chúng ta chớ nên quan niệm rằng thọ mạng là có số, có một vị thần vận mạng nào đó đang nắm trong tay hoàn toàn quyền sanh sát và tùy ý thao túng số mạng của chúng ta.

Thật ra, tuổi thọ của con người dài hay ngắn được quyết định bởi tâm từ bi và ác nghiệp đã tạo của người đó ở đời quá khứ và ở đời hiện tại. Đã rõ như thế thì chúng ta vẫn có thể vận dụng tâm từ bi và phương thức phóng sanh để thay đổi số của mình.

Cho nên câu “ Sanh tử hữu mạng” là nên giải thích theo mối quan hệ nhân quả, nó sẽ xác đáng hơn, sẽ tốt đẹp hơn là giải thích theo kiểu định số.

Nói cách khác, thọ mạng dài hay ngắn tùy thuộc vào mối quan hệ nhân quả chứ chẳng phải do từ không mà sinh có. Cũng như thế “ phú quý tại thiên ” không nên giải thích là “ phú quý từ trên trời rơi xuống ” hay phú quý thật sự ở trên trời, nên hướng lên trời mà tìm cầu. Phú quý là do tâm cung kính và bố thí của chúng ta ở hiện tại và quá khứ giao cảm mà có. Vì ở đời này, chúng ta vẫn sẵn sàng bố thí, tâm khiêm hạ và cung kính để gieo trồng hạt giống phú quý. Có nhân tốt rồi cộng thêm sự nỗ lực của bản thân làm trợ duyên, thì sẽ kết xuất thành “ quả ” phú quý. Cho nên chữ “ thiên ” của “ phú quý tại thiên ” giải thích là thuận ứng thiên lý (tức gieo trồng nhân lành) thì sẽ xác đáng và thâm thúy hơn là giải thích chữ “ thiên ” theo nghĩa “ tự nhiên ” hoặc “ ông trời ”.

Có hai loại phú quý

1/ Phú quý tương đối : “ Phú giáp thiên hạ vị liệt vương hầu ” (Giàu trùm thiên hạ, địa vị như vương hầu) là phú quý tương đối

2/ Phú quý tuyệt đối : “ Thân tâm tự tại thanh tịnh ”.

Loại thứ nhất là cái vui có sở đắc, loại thứ hai là niềm vui vô sở cầu. Cái vui thứ nhất là cái vui hỗn tạp và ngắn ngủi. Cái vui thứ hai là niềm vui thuần túy và lâu dài.

Phú quý là phước báo của việc dùng tâm cung kính bố thí tài vật. Nhưng phước báo lớn hay nhỏ là hoàn toàn được quyết định bởi bốn yếu tố sau : Một là vật bố thí, hai là đối tượng bố thí, ba là tâm bố thí, bốn là thời gian bố thí.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói : “ Bần cùng mà phát tâm bố thí là khó ”.

Bần cùng có hai cách giải thích:

1/ Người thiếu phước báo gọi là “bần”. Thiếu trí tuệ gọi là “cùng”. Không có phước báu thì không thể có tiền của mà bố thí, không có trí tuệ thì rất khó bố thí đúng cách.

2/ Không có tài sản gọi là “bần”. Không có y phục và thức ăn uống gọi là “cùng”.

TRƯỜNG THỌ

1/ **Thọ mạng là gì ?** Từ xưa đến nay, thọ mạng vẫn là một vấn đề rất thần bí, trừ những người tu tập có công phu thiền định cao ra, không ai có thể biết được thần chết đến viếng mình lúc nào cả ? Có thể 20 năm sau hoặc 5 năm sau, cũng có thể là hôm nay hoặc là một tiếng đồng hồ sau v. v bất cứ lúc nào cũng có thể bị tai nạn, như xe cộ, động đất, bệnh tật ngặt nghèo, gặp tai họa ngoài ý muốn. Thật là đáng sợ vì chúng ta không có khả năng biết trước giờ chết của mình nên mới có câu thành ngữ “Triều bất bảo tịch” (bảo đảm buổi sáng chưa chắc bảo đảm được buổi chiều) câu này dùng để cảnh tỉnh tự thân, tỏ ra vô cùng xác đáng.

Trong kinh Đức Phật dạy “ mạng người chỉ trong hơi thở ” ý nói rằng, hơi thở ra không trở vào là đã qua đời khác. Không ai trong chúng ta dám tuyên bố chắc rằng sẽ luôn luôn thuận lợi như những gì đang có, cho nên chúng ta cần phải khéo vận dụng những năm tháng còn sống mạnh khỏe, nắm chắc những khoảnh khắc thời gian quý báu đó mà tụng kinh bái sám, niệm Phật, tham thiền, làm các việc công đức, các việc từ thiện. Nỗ lực tu tập để lúc mạng chung tránh được sự hoảng hốt như con cua bị nhúng vào nước sôi.

Giác ngộ rõ ràng về sự thật “mạng người vô thường ” đối với chúng ta rất có ích lợi. Vì người nào đã thấu đáo mạng sống là vô thường thì không còn tâm phóng túng và tham dục nữa. Cho nên ai

thức tỉnh được sinh mạng vô thường là đã khai mở được giếng mối của trí tuệ, cũng là bước đầu đi trên lộ trình thoát ly khổ ải. Cho nên Phật luôn nhắc nhở chúng ta rằng: “ thị nhật dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc ? ”.. Nghĩa là một ngày đã qua là mạng sống con người sẽ giảm dần, như cá trong hồ nước cạn dần, nào có vui chi ? Vì thế mọi người phải siêng năng tinh tấn tu tập như cứu lửa cháy đầu, luôn nhớ nghĩ con vô thường đến, cẩn thận chớ có buông lung.

2/ Sự thành đạt ở thế gian không liên quan đến việc sanh tử.

Tiền tài địa vị, học thức, bằng cấp, sắc đẹp, phần nhiều không có liên quan đến việc sanh tử. Cho dù sang giàu như vương hầu quý tộc, học thức uyên bác như biển cả, địa vị cao tột công khanh, dung mạo đẹp tột Tây Thi mà một khi đại nạn của đời người đến thì không ai tránh khỏi sự bần loạn cả. Giả như cho rằng giai nhân tài tử trường thọ thì làm gì có câu “ Tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh ”, Vì vậy, không thể vì dung mạo đẹp dễ mà kiêu ngạo được.

Không nên bảo rằng chúng ta còn nhỏ mà cho rằng Diêm Vương còn đang trong giấc ngủ chưa vội tìm đến. Phải biết những người nằm trong quan tài không nhất định là người già, trên cõi nhân sinh đi chưa đến điểm cuối cùng vẫn có nhiều người trẻ. Cho nên người xưa cảnh giác chúng ta rằng “ Chớ đợi tuổi già mới học đạo, mồ hoang lắm kẻ tuổi còn xanh ”. Giờ chết của con người rất khó dự đoán. Có trẻ chưa sanh ra đời đã chết trong bào thai, có trẻ vừa sinh ra thì bị viêm gan, bệnh loãng máu v.v. nên phải lìa đời, có đứa lên 3,4,5 tuổi lại bị tai nạn mà chết, có kẻ vừa lớn lên lại bị thương vong ngoài ý muốn v.v.

Con người không thể ỷ vào sự thông minh tài trí của mình mà khinh mạn người khác, vì người thông minh mà chết yếu cũng nhiều. Có tiền tài, địa vị cũng không đáng gì để tự hào cả. Chúng ta biết tuổi

thọ trung bình của các vị hoàng đế xưa nay trung bình khoảng 30, 40 tuổi. Tổng thống Hoa Kỳ Kennedy là người có địa vị, có tài năng có phí phách, nhưng không ai ngờ ông lại chết sớm. Miêu Vương Phổ Lý là ca sĩ nổi danh, có máy bay riêng, có kịch viện có người hộ tống bảo vệ lại chết bất ngờ.

Có niềm tin về tôn giáo cũng chưa chắc được sống lâu 100 tuổi. Có người chí thành chí kính tin vào tôn giáo nhưng lại chết sớm, hoặc bệnh hoạn hoặc tai nạn. Đây chẳng phải là Phật pháp không linh, mà do công phu tu tập của mình chưa đến nơi đến chốn, học Phật chưa tinh thâm nên mới không có phương pháp để chuyển hóa nghiệp báo.

Sự thật những vấn đề nêu trên, mục đích để chứng minh rằng học vấn và các kỹ năng ở đời chỉ có thể giải quyết những vấn đề nhỏ trong cuộc sống chứ không thể giải quyết được việc lớn sanh tử. Tất cả các tôn giáo ra sức đi tìm lời giải đáp cho vấn đề sanh tử, duy chỉ có Phật giáo mới có phương pháp triệt để nhất. Niềm tin về Thiên chúa giáo, Cơ đốc giáo, Bà la môn giáo là chỉ sanh về thiên đường nhưng không thể thoát khỏi luân hồi sanh tử trong lục đạo. Phương pháp giáo dục và nghĩa lý của Phật giáo tuy là tối thiện tối mỹ, nhưng không chỉ có niềm tin là xong việc, mà phải hiểu và thực hành thì mới có thể thật sự thoát ly sanh tử, thể nhập chân lý. Chúng ta không nên nhất nhất cho rằng đã có niềm tin vào tôn giáo rồi, thì Diêm Vương sẽ không tìm đến gõ cửa mà lơ là trong việc hành trì. Chúng ta nên biết rằng “ Định nghiệp nan chuyển ” (nghiệp đã định thì khó có thể chuyển) trừ phi chúng ta tận lực gia tâm tu tập thật sự mới có thể tự tại thông dong trong sanh tử được. Phải chắc chắn rằng, chúng ta đã ra ngoài vòng sanh tử rồi, còn nếu không thì phải cắm đầu nỗ lực dụng công, một phút giây giải đãi cũng không được.

3/ Vấn đề dinh dưỡng và vận động với thọ mạng.

Không nên cho rằng, chỉ cần ăn nhiều chất bổ và vận động cơ thể thì chắc chắn được sống lâu. Chất dinh dưỡng và sự vận động chỉ là trợ duyên của thọ mạng chứ chẳng phải là yếu tố chính. Vì có rất nhiều người có dinh dưỡng tốt lại thường vận động mà lại chết sớm. Ví như nhiều người con của nhà giàu ăn ngon mặc đẹp, ham chơi lêu lổng, nhưng thọ mạng thì không được dài, như minh tinh màn bạc Lý Tiểu Long, ngày nào cũng luyện tập võ nghệ nhưng lại chết sớm.

Sự dài hay ngắn của thọ mạng cùng với trình độ cao hay thấp của trí thức và đạo đức không phải lúc nào cũng tỷ lệ thuận với nhau. Ví như Đạo chích có chín ngàn tùy tùng hoành hành khắp thiên hạ, chuyên làm chuyện xằng bậy mà thọ mạng tương đối dài. Hạng Thác 7 tuổi đã làm thầy Khổng Tử nhưng lại chết sớm.

Chúng ta không thể nhìn thọ mạng dài hay ngắn để định đoạt phẩm hạnh đạo đức của người đó. Nhan Hồi là đệ tử đặc ý nhất của Khổng Tử, tâm ông rong ba tháng không rời khỏi chữ nhân. Ông đã phạm lỗi gì thì tuyệt đối không phạm lần thứ hai, không bao giờ khoe khoang việc lành và chỗ tốt ưu của mình, nhưng mà lại chết yểu.

Đoản mạng không phải là vì do thiếu dinh dưỡng. Nhưng nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của nghiệp lực ở quá khứ hoặc không thì do đã tự tại trong sanh tử, thị hiện du hý ở cõi đời để cảnh tỉnh thể nhân về đạo lý “sinh mạng vô thường” nên phải mau “tinh tấn tu hành” vậy.

Nếu mà thiếu cơm thiếu nước mà thọ mạng ngắn đi, thì cũng chưa đúng hết. Đức Phật khi tu khổ hạnh mỗi ngày chỉ ăn một hột mè mà vẫn sống được sao? Có vị nhập định hàng mấy tháng trời không ăn không uống mà vẫn sống bình thường đó sao?

Các nhà khoa học thí nghiệm vấn đề ẩm thực và sức khỏe ở hai nhóm chuột A và B. Nhóm chuột A mỗi ngày ăn uống đầy đủ, nhóm

chuột B chỉ được ăn uống một ít thực vật. Kết quả nhóm chuột B tuổi thọ và sức khỏe dài hơn và tốt hơn nhóm chuột A.

Rồi người ta cũng thí nghiệm hai nhóm chuột tương tự như thế về tâm lý học. Người ta cho nhóm chuột A hằng ngày sau khi ăn no bắt ngừng điện châm vào nó. Còn nhóm chuột B thì cho nó nhịn đói. Kết quả tỷ lệ bệnh viêm dạ dày của nhóm A nhiều hơn nhóm B. Điều này chứng tỏ rằng nguyên nhân chủ yếu của bệnh viêm dạ dày là do tinh thần căng thẳng, lo âu chứ chẳng phải do đói khát.

Trong thế giới tự nhiên, chúng ta dễ dàng có những chứng cứ về việc ăn uống mà sống lâu. Như loài rùa mỗi ngày ăn ít cỏ rong mà tuổi thọ có thể sống đến hơn 100 năm. Còn loài cạp sừng ăn rất nhiều loại thịt mà mạng sống thì ngắn ngủi. Thực tế cho ta thấy trong xã hội loài người cũng vậy, tuyệt đối không có hạng người phàm ăn tạp uống mà được sống lâu. Chúng ta thấy rất nhiều ông già bà cụ ở thôn quê hoặc nơi sơn dã, mỗi ngày họ chỉ ăn đạm bạc rau quả mà có thể sống đến 80, 90 tuổi, việc ấy có kỳ lạ không chứ ?

4/ Nhân và quả của trường thọ :

Sống lâu hay chết yểu chẳng có liên quan gì đến giàu có. Địa vị, học thức hay sự đẹp xấu . . . nhưng lại liên quan mật thiết với tâm từ bi. Tục ngữ có câu “ Nhân giả thọ ” (người có lòng nhân từ thì sống lâu) con người có lòng nhân hậu, có tâm khoan dung với mọi người thì nhất định có quả báo tốt. Người nào đời nay được trường thọ là do đời quá khứ hoặc hiện tại có tâm thương yêu động vật, tôn trọng sự sống, người nào đời nay bệnh hoạn, chết yểu tất nhiên do đời này hoặc đời quá khứ sát hại sinh mạng sống người khác hoặc động vật.

NĂM PHÁP KHÓ TÌM ĐƯỢC Ở ĐỜI

Thế nào là năm pháp khó tìm được ở đời ? Đó là : 1-Tuổi thọ 2-Nhan sắc . 3- An lạc. 4- Tiếng tốt. 5 - Chư thiên (chết sanh thiên).

Năm pháp này ở đời ai cũng hằng mong ước nguyện, nhưng khó có ai đủ cả 5 điều. Có kẻ được một được hai hoặc ba ít có ai đủ 5 điều nên gọi là khó được. Theo lời Phật dạy 5 pháp này không phải do cầu xin mà được, không phải do tán thán mà được. Mà phải thực hành con đường đưa đến tuổi thọ, nhan sắc, an lạc, tiếng tốt và sanh thiên. Chúng ta phải gieo nhân mới gặt được quả. Nếu chúng ta ước nguyện điều gì thì ta phải thực hành con đường đưa đến mong ước đó.

Mong ước tuổi thọ đồng nghĩa với an lạc, mạnh khỏe, gia đình hạnh phúc, thuận vợ thuận chồng, trong ấm ngoài êm, trên thuận dưới hòa, con cháu thuận thảo, tất cả những sự tốt đẹp hạnh phúc. Những sự hưởng thụ trên cuộc sống đời này đều có từ trên cái thân của ta.. Ta có cái thân mới hưởng thụ được những hạnh phúc ấy. Cho nên sự sống là một sự cao quý nhất của con người.

Trong Trung Bộ kinh có một thanh niên hỏi Phật rằng : Do nhân gì duyên gì, trên đời có người sống lâu, lại có người đoản mạng, có người khỏe mạnh, lại có người ốm đau ? Có người giàu sang có người hèn mọn v.v.

Phật trả lời : Này thanh niên, Ở đây có người đàn ông hay đàn bà chuyên tâm làm việc sát sanh, tâm không từ bi, tàn nhẫn hãm hại, đả thương chúng sanh, tay luôn lâm máu không một chút thương tâm, không lòng từ bi với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy sau khi mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú. Nếu được tái sanh làm người, người ấy phải bị trả quả báo đoản mạng, đau ốm, tai nạn v.v Nhưng ở đây có người đàn ông hay đàn bà hay từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ dao bỏ kiếm, bỏ gậy gộc, biết hổ thẹn biết tầm quý, biết thương xót đến hạnh phúc tất cả các loài chúng sanh, có tâm từ bi, biết tha thứ

mạng sống cho chúng sanh. .. Do nghiệp ấy, sau khi mạng chung sanh vào thiện thú thiên giới . Nếu tái sanh trong loài người, kẻ ấy được trường thọ, mạnh khỏe không tật bệnh tai ương ..

1/ Trường thọ: là sống lâu khỏe mạnh:

Có 5 pháp làm gia tăng tuổi thọ : 1- Làm việc thích đáng. 2- Biết vừa phải trong việc thích đáng. 3- Ăn các đồ ăn tiêu hóa. 4- Du hành phải thời. 5- Biết sống phạm hạnh.

Sống lâu đồng nghĩa với an vui khỏe mạnh các người thân trong gia đình đều hòa thuận. Nếu ta sống lâu mà nghèo đói, bệnh tật, con cháu hắt hủi, gia đình không hạnh phúc thì thọ ấy không có ý nghĩa mà gọi là “ đa thọ đa nhục ” thì không có hạnh phúc.

-Thế nào là làm việc thích đáng ? Là làm công việc phải vừa với sức của mình, phải thích ứng với hoàn cảnh của mình, không trái với tâm nguyện của mình.

-Thế nào biết vừa phải trong việc thích đáng ? Là làm việc phải có giờ giấc, có thời giờ nghỉ ngơi để dưỡng sức, không làm quá sức. Ngày làm không đủ tranh thủ ban đêm.

-Thế nào là ăn các đồ ăn tiêu hóa ? Là ăn uống đúng thời, không ăn uống những thứ có hại cho cơ thể. Nếu ăn thức ăn không lợi cho cơ thể gọi là “ Bệnh từ khẩu nhập, họa từ khẩu xuất” . Ăn uống không dinh dưỡng cho cơ thể là một tai họa, dẫn đến bệnh hoạn và chết sớm.

-Thế nào là biết thời tiết ? Khi đi phải biết thời tiết lạnh hay nóng, mưa hay bão, ban ngày hay ban đêm. Nếu đi trong thời tiết không tốt, thời gian không thích hợp ta không thể bảo quản được cơ thể của ta.

-Thế nào là biết sống phạm hạnh ? Là phải biết điều độ trong vấn đề nam nữ, sắc dục. Con người có ba yếu tố để được sống lâu và mạnh khỏe là tinh, khí và thần. Tinh là thành phần giúp cho khí và thần được ổn định điều hòa. Nếu tinh yếu và thiếu hai phần còn lại sẽ

mất cân bằng dễ sanh ra bệnh tật. Tình giống như nhựa của cây, cây bị lấy nhựa nó sẽ khô dần rồi héo chết. Con người cũng vậy, không tiết chế vấn đề sắc dục thì nhiều bệnh sẽ sanh ra.

Đó là năm yếu tố giúp tăng cường cho tuổi thọ của con người. Ngoài việc không sát sanh hại vật muốn sống an ổn mạnh khỏe, hạnh phúc trên thuận dưới hòa phải hực hiện 5 điều kiện trên thì mới bảo đảm được sự trường thọ.

2/Nhan sắc hay dung nhan. Sắc đẹp của một người nam hay người nữ có được là một sự hạnh phúc hiếm có. Nhưng sắc đẹp phải tương xứng hài hòa mới được gọi là đẹp. Ví như cao quá, lùn quá, mập quá hoặc ốm quá. Dù là có khuôn mặt dễ coi, nước da trắng mịn thì không thể gọi là dung nhan được. Lại dung nhan của người nam khác, dung nhan của người nữ khác. Nam thì phải vạm vỡ, khỏe khoắn, cứng cáp. Trái lại dung nhan người nữ phải yếu điệu dịu dàng, thon gọn v.v

Có người Bà la môn hỏi Phật , do nhân gì duyên gì mà có số người phụ nữ sắc đẹp ưu việt, ưa nhìn, tịnh tín với nhan sắc thù thắng, giàu sang, tài sản lớn, danh tiếng lớn, sở hữu lớn, uy tín lớn, ảnh hưởng lớn ?

Phật đáp: Này Bà la môn . Ở đây có hạng người nữ nhơn không phần nộ, không giận dữ, náo hại không nhiều. Tuy bị nói nhiều không có lòng nổi giận, nổi nóng nổi sân, không biểu lộ sự sân hận, không bất mãn, không giận hờn không trả thù v.v người này bố thí cho Sa môn, bà la môn thức ăn đèn đuốc, tánh tình không keo kiệt, thấy người khác được lợi dưỡng, tâm không ganh tỵ, tâm cung kính, trân trọng khiêm hạ. Không tức tối, không bị trói buộc bởi ganh tỵ, tâm hoan hỷ . Người ấy sau khi chết, sanh lại đây, dung mạo đẹp đẽ, uy tín lớn, tài sản lớn giàu sang . .

3/ An ổn Có bốn điều đưa đến an ổn :

- Phương tiện đầy đủ : Tức là phải có nghề nghiệp ổn định, để làm ra của cải nuôi thân mình và gia đình.

- Thủ hộ đầy đủ : Phải biết phòng hộ của cải làm ra bằng mồ hôi nước mắt của mình, phải khéo giữ gìn không để, nước trôi lửa cháy, trộm cướp lấy mất v.v

- Thiện tri thức đầy đủ : Ta có phương tiện như nhà cửa tài sản. địa vị đầy đủ mà ta không có thiện tri thức chỉ dẫn, cho ta đi đúng đường, xử dụng có hiệu quả. Nhiều lúc ta biến phước thành họa, biến công thành tội v.v

- Chánh mạng đầy đủ : Của cải vật chất làm ra phải bằng chính nước mắt mồ hôi của mình một cách chân chánh, nuôi thân mạng bằng nghề chân chánh. Tiền của làm ra phải biết cân đối thu chi, không tiêu xài quá mức, không keo kiệt. Trong kinh Phật dạy của cải làm ra phân làm 4 loại: a/ Một phần để làm vốn b/ Một phần nuôi nấng gia đình c/ Một phần làm phước thiện d/ Một phần phòng ngừa khi bất trắc. Được như vậy gọi là cân đối thu chi.

Nếu tiền bạc ta làm ra mà đem tiêu xài vào các việc không đem lại lợi ích cho gia đình, bản thân và xã hội thì sự yên ổn không có, như đem tiền vui vào các việc như đánh bài, cá độ, vũ trường, ăn nhậu, đua xe, xì ke ma túy ... thì hiện tại không an ổn, sự sống không kéo dài.

4/ Tiếng tốt: Người muốn mình có tiếng tốt phải thực hành hạnh khiêm hạ, biết kính trên nhường dưới, biết nhẫn chịu trong mọi hoàn cảnh, không nóng nảy, không ganh tỵ với kẻ hơn mình

5/ Sinh thiên: Được sinh về cõi trời không phải cầu xin mà được, mà phải thực hành con đường đưa đến cánh giới chư thiên.

Phật dạy muốn sanh vào cõi trời phải thực hành 10 điều thiện: Thân ba là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Khẩu có bốn là Không nói lời ác độc, không nói lưỡi đôi chiều, không nói thêu

thừa thêm bớt, không nói lời sai sự thật. Ý không tham, sân, si. Thực hành đủ 10 thiện nghiệp này là con đường đưa đến cõi chư thiên.

Trong kinh Thiên chủ nói rằng thực hành 7 cấm giới túc thì sanh được cõi trời. Thế nào là 7 pháp ?

1/ Trọn đời hiếu kính cha mẹ . - 2- Trọn đời kính trọng các bậc trưởng thượng

3- Trọn đời nói lời nhu hòa . 3- Trọn đời không nói lời hai lưỡi.

5- Trọn đời giữ tâm xa lìa cầu uế, xan tham, 6-Sống với tâm hoan hỷ, thí xả nhiệt tình.

7- Trọn đời không phẫn nộ, không sân hận, tránh ác làm lành, tu nhân tích đức.

Trên đây là các pháp giúp cho con người mơ ước đem lại sự thật như ý muốn. Mơ ước không có cơ sở thực hiện điều mình mơ ước nhiều lúc chỉ là mơ ước suông.

LỜI NÓI DỐI CHÂN THÀNH.

Câu chuyện kể rằng: có một anh chàng nọ, trong bữa tiệc tình cờ gặp một người đẹp. Vì cô ta quá đẹp nên anh ta ngại ngùng không dám làm quen. Tuy nhiên gần cuối buổi tiệc, không nhịn được, anh lấy hết can đảm mời cô ta đi uống cà phê. Người đẹp ngạc nhiên, nhưng cũng nhận lời anh. Đến quán cà phê, ngồi rất lâu chẳng biết chuyện gì để nói, vì anh quá bối rối nên cô gái cũng chán nản, định đứng dậy ra về. Bất ngờ anh gọi bồi bàn và nói khá lớn: Em cho tôi một ly cà phê và cho ít muối. Mọi người ngồi gần bàn anh ngạc nhiên, và nhất là cô gái. Cô hỏi anh : Anh thường uống cà phê với muối ? Anh đáp: “ Vâng . Nhà tôi ở gần vùng biển, nên tôi rất quen thuộc với cái vị mặn mặn của nước biển. Hôm nay ngồi đây với cô, bỗng nhiên tôi nhớ đến mẹ. Mỗi lần như thế, tôi đều uống cà phê với muối, và tôi rất thương

nhớ mẹ nên tôi uống cà phê với muối riết đâm ra ghiền. Tôi xin lỗi nếu làm cô phiền lòng”. Cô gái đáp không sao, và không những như thế, cô lại cảm động: Nghĩ rằng anh ta là một người con có hiếu, có nghĩa, có tình với những nơi chôn nhau cắt rốn. Và cô có cảm tình với anh. Sau nhiều lần hẹn hò gặp nhau, hai người yêu nhau, lấy nhau thành vợ chồng và ăn ở với nhau rất hạnh phúc. Mấy chục năm sau thì anh qua đời. Cô gái bây giờ là một bà già, vô cùng thương tiếc chồng. Sau khi đám tang xong, cô ta ngồi sắp lại những kỷ vật của vợ chồng, cô tìm thấy một bức thư. Viết rằng: “ Trong suốt cả cuộc đời yêu em, anh có một lỗi rất lớn là đã một lần nói dối em, và không bao giờ dám thổ lộ với em. Đó là lần đầu tiên ngồi với em trong quán cà phê, lúc thấy em sắp sửa đứng dậy ra về, anh bối rối và gọi bồi bàn chỉ để trấn an, nhưng vì quá bối rối, anh đã xin muối vào cà phê thay vì đường. Lúc em hỏi, anh đành phải bịa ra câu chuyện để trả lời em. Sau đó, lúc nào đi với em, anh cũng đều phải uống cà phê với muối, và suốt mấy chục năm chung sống với em, ngày nào cũng được em pha cà phê muối cho anh, anh quen dần với cái hương vị đậm đà đó cho đến lúc phải từ giả em vĩnh viễn...”.

Câu chuyện thật cảm động và dễ thương, khiến ta phải suy nghĩ hai chữ chân và giả. Ở đời chân và giả khó phân biệt. Hàng giả hàng thật khó mà phân biệt. Tuy nhiên một món hàng giả nếu dùng mà không có hại, suốt đời không có ai phát giác thì nó có thể tương đương với món hàng thật. Câu chuyện cà phê muối trên của anh chàng nọ, giữ một lời nói dối suốt cả cuộc đời, và không bao giờ có biểu hiện nào đi ngược lại lời nói dối đó, thì lời nói dối đó thật hay dối. Trong câu chuyện cà phê muối, nếu anh chàng kia không để lại bức thư cho vợ, thì câu chuyện cà phê muối của anh thật hay giả ?

Ở đời thật giả khó phân. Có những lời nói dối cho qua chuyện, không đem hậu quả xấu tai hại cho ai, thì lời nói dối đó cũng là lời nói

dối tốt. Trong cuộc đời này chắc chắn ai cũng đã từng nói dối, nhưng nói dối không làm hại ai mà còn đem lại an tâm vui lòng cho kẻ khác thì cũng nên.

Một lời khen, một nụ cười, một câu cảm ơn không mất tiền mua. Dù không thật lòng thì những điều đó chắc chắn là có lợi chứ không có hại, vì làm cho người khác vui lòng vậy.

(Trích VHPG - 1-4-2011 số : 126) Hoàng Tá Thích

THƯ VIẾT VỀ CHO VỢ

Có một anh chàng thanh niên, văn hay chữ tốt, có vợ hai con. Sống vùng quê nghèo thiếu, quanh năm muôn vượn lên cũng không nổi nghèo thiếu vẫn nghèo thiếu. Thương vợ thương con cũng đành chịu. Một hôm anh trốn vợ trốn con đi vong biển biệt, không nói trước một lời một chữ với ai. Khiến người vợ đảo điên khi không thấy chồng đi đâu, cho người kiếm sông kiếm suối, hỏi làng thôn xóm dưới, nhẩn xa hỏi gần cũng không hơi không tăm. Bà con cùng nhau chia nhau đi tìm chẳng thấy đâu. Tìm mãi chẳng thấy, mấy người cùng người vợ lục xem đồ vật trong nhà thì thấy chỉ mất đi vài bộ đồ và cuốn truyện kiều, đó là “tài sản ” của anh ta đem đi.

Mười lăm năm sau bất ngờ một ngày gần tết, có một người từ Sài Gòn về trao cho người vợ anh ta một bức thư và số tiền để tiêu tết và trả nợ. Bức thư gửi vợ như sau:

Tạm bút tả đôi hàng quốc ngữ
Gởi về thăm thê tử chốn quê nhà
Kể từ ngày dời gót bước chân ra
Tìmặng việc mưu sinh nơi đất khách
Thiên lý lộ bao sông ngăn núi cách
Nhớ con thơ vợ khổ lệ tuôn hàng

Đêm khuya nằm nghe tiếng vạc bay ngang
Vạc có bạn còn “qua” thì lẽ bạn !
Thương nhà mình chỉ vài sào ruộng cạn
Mưa được nhờ, nắng hạn chịu tai ương
Hai ầu nhi dẫu đói cũng tới trường,
Nhờ từ mẫu thay phụ thân dưỡng dục,
Sông còn có hồi trong hồi đục
Còn nhà ta chịu riết cảnh long đong !
Thương hiền thê cơ khổ lụy chung vòng
Phận nam tử “qua” đành lòng rằng được ?
Trai Trung Phước mà chưa thấy “phước”
Gái Đông Yên vẫn chẳng được “yên”
Ráng chờ “qua” cho trọn đạo vợ hiền
“Qua” cũng giữ chữ tào khang chung thủy
Giấy ngấn tình dài, chứa chan giọt lụy
Chúc hiền thê mãi mãi được an khang . . .

(Trích VHPG 1-4-2011- số 126) Tường Linh

QUẢ THẬT LÀ KHÓ, QUẢ THẬT LÀ KHỔ

Ngày xưa có hai vợ chồng nọ sống trong một ngôi làng xa xôi hẻo lánh. Hai người cực khổ làm ăn, dành dụm tài sản rất nhiều, nhưng tuổi đã lớn mà hiếm con. Họ đi cầu cúng mọi nơi, xin Phật trời ban cho đứa con, mà mãi vẫn không được như nguyện. Hai vợ chồng già tha thiết muốn biết rõ nguyên nhân vì sao mình hiếm muộn, nhưng không biết hỏi ai, vì trong làng không có người đức hạnh. Một ngày kia có một vị xuất gia đi du phương ghé ngang qua ngôi làng chỗ hai vợ chồng ở. Hai vợ chồng vừa trông thấy mừng rỡ, mời vị ấy về nhà thiết cơm cúng dường. Thọ cơm xong, hai vợ chồng trình trọng cung thỉnh vị thầy ấy thuyết pháp cho nghe, khai thị về nguyên nhân không

có con nối dõi. Vị sư này vì mới xuất gia, chưa học được những gì, chưa biết thuyết pháp, nên rất bối rối không biết nói như thế nào đây mới phải ! Hai vợ chồng thành tâm thành ý quỳ trước ghế, phủ phục sát đất không ngược đầu lên. Vị sư thấy vậy ruột nóng như thiêu, nghĩ rằng mình là người xuất gia không lẽ lại bảo không hiểu Phật pháp, không biết nói pháp hay sao ? Lúc ấy vị thầy mới cảm thấy làm người xuất gia quả thật rất khó, bất giác buột miệng thốt lên “ quả thật là khó ”.

Hai vợ chồng quỳ dưới đất nghe câu ấy, thấy nói đúng tâm trạng của vợ chồng mình quá. Họ cảm thấy câu khai thị này thật là danh ngôn chí lý, cả hai người cầu xin chút con mà làm cách nào cũng cầu không được, quả thật là khó ! Hai người vô cùng cảm động vội dập đầu lễ bái không ngừng !

Ngồi ở trên thấy vợ chồng đó chí thành như thế, vị này thêm bối rối, tiến thoái lưỡng nan, thấp thỏm như ngồi trên bàn chông, mồ hôi ướt đầm cả người, buột miệng than rằng : Quả thật là khổ !

Câu này vừa thốt ra, cả hai vợ chồng như nghe được tiếng chuông cảnh tỉnh, thấy rõ chân lý. Mình cao tuổi như thế này mà ngay một đứa con cũng không có, quả thật là khổ ! Cuộc đời quả thật là khổ. Hai vợ chồng xuvs động sâu xa vừa quỳ vừa khóc nước mắt đầm đìa. Vị sư thấy vậy không biết tính sao bây giờ ? 36 kế, rút lui là thượng sách !

Hai vợ chồng khóc hồi lâu, lại lắng tai nghe chờ khai thị tiếp, nhưng không thấy nói gì cả, vội ngược lên nhìn thì vị sư ấy đã đi mất tự bao giờ ? Hai vợ chồng cho rằng đây chính là Phật, Bồ Tát thị hiện, chỉ cho họ biết cuộc đời là khổ đau, từ đó họ trở nên người Phật tử thuần thành, tin sâu Phật pháp, tinh tấn tu học, cuối cùng được giải thoát phiền não./.

LỢI HẠI CỦA CÁI LƯỠI

Cái lưỡi có bốn chức năng trợ giúp cho cái miệng : nếm, nhai, nuốt, nói.

Thời xưa ở trong một nước nọ, có ông vua bị bệnh, mọi danh y đều chữa trị không lành. Hôm nọ có một danh y trình với vua, là anh có thể chữa trị bệnh nhà vua hết bệnh, với điều kiện phải có sữa của con sư tử kết hợp để bào chế với thuốc thì bệnh vua mới lành được. Sự yêu cầu của danh y, triều đình đưa tin cho dân chúng trong nước ai lấy được sữa sư tử đem về dâng vua để làm thuốc thì người ấy được trọng thưởng. Lệnh triều đình ban ra đã lâu nhưng không có ai làm được. Một ngày nọ có một anh chàng thanh niên nghĩ ra cái cách lấy được sữa sư tử. Anh ta tìm được chỗ ở của sư tử, vừa lúc sư tử mẹ sinh con, anh ta mỗi ngày đem một con dê, con cừu để tại miệng hang con sư tử mẹ. Sư tử mỗi ngày có được con mồi để ăn khỏi phải đi tìm mồi vất vả gặp lúc đang sinh con. Lần hồi anh thanh niên làm quen được con sư tử và anh lấy được sữa của con sư tử.

Đến lúc đem sữa về dâng vua để được trọng thưởng, thì đôi chân nó lên tiếng kể lể, nhờ đôi chân mà mới có sữa ngày hôm nay. Lúc ấy lỗ tai, đôi mắt và hai tay cũng đồng một lúc lên tiếng : Ừa nếu đôi chân anh đi mà không có con mắt tôi anh làm sao thấy ? Lỗ tai cũng vậy, nếu không có tôi nghe ngóng thì anh làm sao tìm được chỗ sư tử ở . . . Đôi tay cũng không kém phần tranh luận, không có tôi anh làm sao lấy sữa đem về. Chỉ có anh lưỡi là thẳng vô tích sự, từ lúc đi cho đến lúc về nó im phăng phắc có làm được gì đâu ? Anh lưỡi nghe các anh, chân tay, mắt mũi, tranh luận bí thế chẳng biện luận được gì. Anh lưỡi bèn nói thôi các anh nói tôi là đồ vô dụng từ nay về sau tôi không hợp tác với các anh trong những công việc gì cả, mà có việc các anh đừng kêu và trách tôi nhé .

Khi anh chàng thanh niên đem sữa về cung , vua mừng rỡ hỏi sữa gì đây ? Anh lười không chịu nói im lặng không trả lời, vua tức giận quát lớn, sao ngươi đến đây mà hỏi không nói ? Ngươi mắc tội khi quân. Anh lười liền nói : Là sữa lừa ! Vua nổi giận cho là tội khi quân, đem ra chém đầu ! Lúc này anh chân, anh tay bủn rủn, anh mắt anh tai như mơ màng hoảng hốt, năn nỉ van xin anh lười đánh chính lại. Nhưng ôi thôi không kịp

Khó như vào hang sư tử mà không chết, dễ sống trong loài người mà phải mất mạng là do cái lười đặt không đúng chỗ, hại mình và hại bà con thân thuộc của mình, có ân hận là chuyện qua rồi, nước đổ xuống đất không lấy lại được.

Trong kinh Sa Di Thập giới “ Cái lười như con dao trong miệng, hại mình hại người mà không hay” .



NGŨ PHẢN KHẢO

Phàm người tu hành ai ai cũng bị ngũ phản khảo này . Kẻ thượng căn đại trí thì lướt qua khỏi còn kẻ nào thiếu căn độn trí ắt là rơi rớt trở lại.

Vậy người tu hành cần phải thẩm xét về điều này.Tu mà nghiệp không khảo đảo là quả đạo còn rất xa, còn tu mà nghiệp lực dòn dập khảo đảo là đạo quả rất gần .Nên trong kinh có nói :

Vô ma khảo đảo bất thành Phật đạo

Thập ma thập nạn thành tiên tử

Bất ma bất nạn bất thành nhân.

Nghĩa là không ma khảo đảo chẳng thành Phật đạo .Mười ma khảo đảo mười nghiệp dập dòn mà có chí lướt qua cho được thì tiên tử mới thành.

Bằng chẳng ma khảo đảo, chẳng tai nạn chi thì cũng chẳng trở nên người mình đức .

Ta nên biết rằng, các bậc Phật Tiên, hiền thánh Minh triết từ thuở xưa đều có sự thử thách và khảo đảo trải qua .Các Ngài đạo quả càng cao bao nhiêu là sự khảo đảo càng nhiều bấy nhiêu .Khi khảo đảo hết rồi thì bọn chúng ma quân mới hàng đầu quy phục .Trong kinh có nói :

“ Đạo cao nhất xích , ma cao nhất trượng

Đạt quả đầu thượng, ma nhượng đầu sư”

Nghĩa là : Đạo cao một thước, ma cao 1 trượng . Đạo cao hơn 1 trượng nữa, Ma chường quy hàng .(chường ấy,chường ma mới quy đầu kính phục đạo làm thầy)

Tóm lượt đại cương ngũ phần khảo :

1/ Minh Khảo 2/ Âm khảo 3/ Trường khảo 4/ Thuận khảo
5/ Nghịch khảo .

1/ Minh Khảo : Nghĩa là khảo đảo bằng cách sáng suốt mình bạch trước mắt mà mình không hay biết, lại làm cho mình là phước trọng đức lớn, tài hay, cao thượng hơn người, vì vậy mà dễ bề té ngã rơi rớt trở lại .

Ví như người tán thán ca tụng khen ngợi những việc làm của mình, điều này cũng ngụ ý thúc giục đưa mình vào hố sâu của tật đố cống cao, ngã mạn, ý lại mình hay ... hoặc đưa đến cho mình danh cao lộc cả, lợi nhiều, sắc xinh đủ thứ ,muốn gì được nấy làm cho mình sanh tâm ái nhiễm mà không hay biết, lại cho việc làm của mình là phải đúng . Ấy gọi là minh khảo vậy.

2/ Âm Khảo : nghĩa là sự khảo đạo bằng cách này rất kín đáo tinh vi khó nhận biết được, làm cho mình lu mờ tâm trí, nhận giả làm chân . Nó ám thị mình bằng một cách khéo léo để phủ qua các điều chính đáng, chôn mắt tánh linh chẳng còn tự chủ, xu hướng mê tín, dị

đoan, ỷ lại thần quyền, ấy cũng gọi là màn lưới của vô minh hay mây bất giác che mờ tâm trí, khuất mắt huệ tâm, nhằm đường lạc lối nghiệp tội càng sanh gây nhiều quả báo . Đó gọi là ám khảo .

3/ Trừng khổ :Nghĩa là sự khảo đảo nầy bằng hình thức cường quyền áp bức, thế lực lấn tranh, hình phạt, khảo tra, vu khống, cáo oan, hiếp đáp bắt buộc phải chịu dưới một định luật nào đó, bằng không thì bị tù tội, phạt vạ, giết hại vv. ấy gọi là trừng khảo .

4/ Thuận khảo : Khảo cách nầy khó ai tìm hiểu được (phần nhiều các bậc chân tu rơi rớt là bởi vì thuận khảo này)

Bởi nó khảo đảo cách này còn khéo léo hơn trước nữa . Mỗi mỗi đều thuận hợp theo ý muốn của ta, nên nó dễ bề kéo lôi quyền rũ hơn cách nào hết. Bởi chữ “thuận” là xuôi thuận, êm thuận, hòa thuận, thuận hợp, thuận chiều vv.. Cái gì cũng êm xuôi, hòa thuận, hợp chiều theo ý muốn . Muốn chi có nầy hoặc muốn có một đến 3, 4, 5...ấy là chuyện ngăn đạo (người tu hành rất sợ khảo này) Ví như người tu giải thoát chân không nhẹ nhàng khoan thái tự tại thông dong. Bấy giờ thuận khảo đưa đến, người niệm tưởng muốn có cây viết tốt, đôi giày xinh, đồng hồ đẹp, liền có người đem tới viết tốt, đôi giày xinh , đồng hồ thật quý đến dâng cho . Kế nữa người niệm tưởng muốn có máy ảnh, ti vi, Ra dio , điện thoại, lần lần môn có xe cộ, tàu bè, nhà cao cửa rộng vv. Mỗi mỗi tưởng ước điều chi, đều được như ý . Người tu thấp bị khảo theo thấp, tu cao bị khảo theo cao. Đó phải chăng thuận theo ý mình muốn dễ bề lôi cuốn đưa mình xa lần cửa đạo, khi đến chỗ buộc ràng sanh tâm ái nhiễm, thì nó hất hủi làm ngã té , ấy gọi là thuận khảo

5/ Nghịch khảo : là sự khảo đảo bằng cách này hay cách khác, trái ngược theo ý định của mình .Ví như việc làm như vậy là được việc làm như thế là không nhưng hoàn cảnh bắt buộc phải làm Chỗ tu được mà tu không an, chỗ ở được mà ở không tiện .Như ăn chay

người ta càng không cho, đi chùa người ta bảo mê tín, tu hiền người ta bảo tiêu cực, yếm thế chán đời, người ta quyết định không chịu, mình trì giới người ta tìm cách phá hoại, mình nhẫn nhục người ta tìm cách khinh chê vv.

Tóm lại bao nhiêu chuyên trái tai, gai mắt nghịch ý, phiền lòng mà nó cứ dồn dập cho mình, làm cho mình quá đau khổ bỏ tu sa ngã ..ấy gọi là nghịch khảo .

Vậy năm phần khảo trên đây, chỉ nói đại cương, nếu giải rộng ra sẽ còn nhiều phương pháp khác. Nhưng ngoài sự khảo đảo để quấy rối, kéo lôi bằng nhiều hình thức cách này cách khác chung quy là làm cho con người đi sai đường lạc lối, lầm nẻo vậy tà, quên mất chân tâm , xa rời bản tánh mà phải chịu sanh tử luân hồi khổ đau .

Nay ta muốn thoát sanh liễu tử, dứt khổ não luân hồi thì cần phải thực hành theo pháp môn Giới , Định, Huệ xem đó như một đường lối căn bản cho bước đường tu tiến và giải thoát của mình.

SỐNG VÀ CHẾT

Sống cũng là chủng bị cho cái chết, mà chết cũng tức chủng bị cho cái sống .

Đạo Phật dạy chúng ta sống trong khi sống mà cũng dạy người ta sống sau khi chết .

Đạo Phật dạy chúng ta tất cả những gì chúng ta có ở kiếp người hiện tại là do chúng ta tạo được ở trong những kiếp quá khứ. Và những gì chúng ta sẽ có ở trong tương lai thì cũng chính do chúng ta tu tạo trong kiếp này.

Giá trị của một cuộc sống một kiếp người là đặt ở trên căn bản suy nghĩ và hành động của chúng ta .

Cuộc sống đã trải qua mỗi người có một kinh nghiệm riêng, cái gì đáng quý ở trong cuộc sống chúng ta, những gì đã thất bại trong cuộc sống, cho chúng ta một kinh nghiệm .

Phần đông chúng ta đều muốn có một cuộc sống an lạc, và muốn có một cái chết an ổn, nhưng một điều hiển nhiên nữa là ta không thể hy vọng chết một cách thanh bình, nếu đời sống của ta đầy những bạo hànhhoặc nếu tâm ta thường dao động vì những cảm xúc mạnh như giận dữ, ái luyến, lo âu hay sợ hãi .

Bởi thế, nếu ta muốn chết tốt, ta phải học cách sống tốt . Nếu ta mong có được một cái chết an lành, thì ta phải đào luyện sự bình an trong tâm ta và trong lối sống của ta .

Ngoài sự chuẩn bị cái chết của riêng ta, một việc khác không kém phần quan trọng là giúp cho người khác có một cái chết tốt đẹp .

Khi mới sanh ra đời, chúng ta đều là những hài nhi yếu đuối, nếu không có sự săn sóc tử tế mà chúng ta đã nhận được, thì chúng ta sẽ không sống còn . Sắp chết cũng thế, không thể tự túc được, nên ta phải giúp họ thoát khỏi những bất tiện và lo âu và cố hết sức để giúp họ có một cái chết thanh thản.

Điều quan trọng nhất là tránh làm những điều gì khiến cho tâm người sắp chết thêm rối loạn. Mục đích trước nhất của chúng ta giúp người sắp chết là làm cho họ được thỏa mái, có nhiều cách làm việc này. Với người đã quen tu tập, nếu khi họ sắp chết mà ta nhắc nhở chuyện tu hành, tinh thần họ có thể thêm phấn chấn. Một lời trấn an đầy từ ái của ta có thể gợi cho người sắp chết một thái độ bình an thỏa mái. Sau khi chết họ thác sinh nơi tịnh xứ.

CHỮ NHẪN TRONG KINH PHẬT

Chữ nhẫn từ ngàn xưa trong văn hóa phương Đông vẫn luôn được ca ngợi là phương châm thần diệu trong việc đối nhân xử thế, là cánh cửa dẫn đến mọi đức hạnh. Dân ta thường nói : “ Một câu nhịn là chín câu lành ” hay “ Chữ nhẫn là : “ chữ tương vàng, ai mà nhẫn được thì càng sống lâu ”. Người Trung Quốc có rất nhiều câu thơ ca ngợi diệu dụng của chữ nhẫn.

“ Nhẫn nhất thời phong bình lãng tĩnh

Thoái nhất bộ hải khoát thiên không.”

(Nhịn được cái nóng nhất thời thì gió lặng sóng yên – Lùi lại một bước nhường người thì biển trời bát ngát) . hay .

“Nhẫn đắc đắc nhất thời chi khí

Miền đắc bách nhật chi ưu ”.

(Nhịn được cơn giận một lúc , tránh được lo lắng trăm ngày).

Vì sao chữ nhẫn lại có giá trị đến vậy ? .

Trong đời sống thường ngày chữ nhẫn được hiểu là “ nhịn ” và “ nhường” chịu đựng nghịch cảnh, chấp nhận phần thua thiệt, mất mát về mình. Trong đời sống tôn giáo, chữ nhẫn thường được hiểu là sự tự chủ về tinh thần, đối với những sự sỉ nhục mà trong lòng không hề giận cũng không khởi tâm niệm trả thù. Chính vì vậy trong nhiều trường hợp, người ta thường hay lầm lẫn nó với sự nhu nhược, cam chịu một cách thụ động, hiểu nó là sự tự chủ với cảm giác cố gắng, đè nén, kiềm chế để tu tập.

Nếu chỉ có thế thì chữ nhẫn không thể có vị trí cực cao trong đời sống tinh thần của người phương Đông được. Cũng như bao đức tính khác, nếu không được hiểu đúng thì chữ nhẫn sẽ trở thành cái vỏ bọc hoa mỹ cho sự vô minh, cho lòng tham, hoặc là thái độ tự dối lừa mình. Có khi ta nhẫn vì tình thế, có khi chúng ta nhẫn vì lòng có sở cầu. Nhẫn vì tình thế là nhu nhược, nhẫn vì sở cầu là tham lam.

Những cái nhẫn của kẻ ôm hoài bảo lớn hoặc trong lòng có sở cầu mà chúng ta thấy rất nhiều trong lịch sử. Hàn Tín chấp nhận cái nhục lòn tròn giữa chợ để sau này đem tài năng thi thố với đời. Trương Tử Phòng chấp nhận để một ông lão xa lạ mắng chửi, sai bảo như một kẻ tôi đòi. Để rồi được truyền thụ binh pháp. Câu Tiên nhẫn nhục nằm gai nếm mật để mong đến ngày tiêu diệt nước Ngô. Những cái nhẫn đó dù được ca ngợi như những tấm gương đáng để học hỏi, đều là những cái nhẫn hoàn toàn vì tư lợi, vì chính bản thân mình.

Có nhiều khi ta buộc phải chấp nhận một cách nhu nhược những tình huống bất khả vãng hồi, nhưng ta lại dùng đến vũ khí “ thắng lợi tinh thần ” theo kiểu nhân vật của Lão Tấn để an ủi mình, để tự lừa mình bằng những hoan tượng. Như một kẻ bất tài vô tướng, sống bằng nghề làm thuê, làm mướn trong làng, nhưng lại luôn luôn tự xem mình giỏi giang hơn thiên hạ. Bị người ta đánh đập, chửi mắng, thì anh ta dùng thái độ khinh bỉ đối phương để đỡ đau, và tự nhủ “ nó đánh mình như đánh bố nó ” “ nó chửi mình như nó chửi anh nó, chú nó ” . Đó là sự bạc nhược đê hèn, không thể gọi là nhẫn, chúng ta thường tự lừa mình bằng những suy nghĩ cao đạo kiểu đó, và cho đó là nhẫn.

Trong kinh Phật chữ nhẫn lại mang thêm một ý nghĩa thâm áo khác. Nó hoàn toàn khác với chữ nhẫn của những người mang tham vọng hay lòng có sở cầu. Ta thường quen với khái niệm chữ nhẫn trong nhẫn nhục Ba La Mật, một trong lục độ, có nghĩa là cam chịu mọi nghịch cảnh để tu tập với thân nhẫn, khẩu nhẫn, ý nhẫn. Thế nhưng trong chương Thập nhẫn của kinh Hoa Nghiêm . Đức Phật lại nêu ra mười loại nhẫn xem như là cảnh giới chứng đắc thâm diệu của Đại Bồ Tát, đó là : Âm thanh nhẫn, Thuận nhẫn, vô sanh pháp nhẫn, như huyễn nhẫn, như diệm, như mộng nhẫn, như hương nhẫn, như ảnh nhẫn, như hóa nhẫn, như không nhẫn. Một điều rõ ràng là ta không

thể hiệu chữ nhẫn trong nhẫn nhục Ba La Mật giống như chữ nhẫn trong thập nhẫn được.

Thông thường chúng ta hiểu chữ nhẫn trong kinh Phật theo nghĩa “ kiên nhẫn, nhẫn nhục, nhẫn nại ”.

Tinh hoa chữ nhẫn của đạo Phật nằm trong chữ Tuệ để hóa giải tam độc, tham , sân, si.

Trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân loại, đỉnh cao của chữ nhẫn của đạo Phật kết tinh trong tinh thần đấu tranh bất bạo động của thánh Gandhi . Đây là cuộc đấu tranh mang tính nhân bản vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại, có thể dùng bạo lực để đối kháng nhưng không đối kháng, vì muốn dùng tình thương để cảm hóa cái ác. . . đó là bi trong nhẫn . Thản nhiên cam chịu bao nghịch cảnh, đó là dũng trong nhẫn. Hiểu rằng nếu chỉ có đấu tranh theo tinh thần bất bạo động, lấy “ tình thương xóa bỏ hận thù ” của đạo Phật mới có thể thực sự giải phóng được tâm thức nhân gian ra khỏi vòng lẩn quẩn của vô minh và thù hận, đó là Tuệ trong nhẫn.

Khi còn thơ bé, chúng ta có thể từng đánh nhau u đầu sứt trán để giành cho được con dê. Đến lúc trưởng thành khi hồi tưởng lại, ta sẽ xem chuyện tranh chấp những con dê ngày xưa là vớ vẩn trẻ con. Thế nhưng trong cuộc sống, ta vẫn cứ tiếp tục tranh chấp để giành giật không chịu nhường bước trước bất kỳ ai, chỉ khác một điều là chúng ta thay con dê của tuổi thơ bằng những “ con dê ” khác mang tên : tình yêu, sự nghiệp, danh vọng, địa vị, tiền tài . . . đến lúc đứng tuổi, về già, ta lại thấy chuyện tranh chấp thời trai trẻ không đáng để bận tâm nữa. Nếu như tại thời điểm tranh chấp của thời thơ ấu mà chúng ta có được cái nhìn của người trưởng thành, hay tại thời điểm tranh chấp của thời trưởng thành mà chúng ta có được cái nhìn của bậc lão niên thông tuệ, thì hẳn ngay lúc tranh chấp đó ta sẽ thấy mọi chuyện đều vụn vặt buồn cười, và ta dễ dàng bỏ qua với nụ cười khoan dung, hỷ xả, và vui vẻ

nhường người. Vậy chữ nhẫn của Phật giáo là phương châm giúp ta tránh được sự tranh chấp, không phải chỉ vì muốn nhường nhịn theo kiểu “ dĩ hòa vi quý ” hay nhẫn nhục để tu hành, mà vì ta có được cái nhìn sâu thẳm vào bản chất “ như huyễn, như diêm, như mộng, như hưởng, như ảnh, như hóa, như không, của vấn đề mà ta đang đối mặt, cái nhẫn dùng để đối trị với si theo cách đó mới chính là nhẫn theo tinh thần Phật giáo. Nó là kết quả của trí tuệ. Vì kẻ trí quán sát được vấn đề y như thực, một điều mà ta phải mất đến mười năm, hoặc vài mươi năm sau. Khi hồi tưởng lại mới có thể nhận ra, nếu may mắn gặp được cơ duyên.

Thông thường, nhẫn dùng để đối trị với sân trong quá trình tu học. Nóng giận là một cảm xúc rất dễ bộc phát, nhưng lại rất khó kiềm chế. Nhan Hồi một cao đệ yếu mệnh của Đức Khổng Tử, được hậu Nho ca ngợi, tôn xưng là á thánh cũng nhờ vào ba chữ “bất thiên nộ”, có nghĩa là “ không giận lây ” theo kiểu “ giận cá chém thớt ”. Khi ta dùng nhẫn để kiềm chế được sân, thì đó là sự dũng mãnh tự thắng được mình. Nó đòi hỏi đến công phu hàm dưỡng cực kỳ thâm sâu. Nhẫn được như vậy là dũng, nhưng vẫn còn cảm giác tự kiềm chế, thì chưa phải là nhẫn theo tinh thần Phật giáo.

Mỗi khi nổi giận ta luôn tìm cách trút giận vào bất cứ đối tượng nào, ta muốn đập phá cho hả hê, cho “ đả nư ” thì thực chất đó là tham vì muốn thỏa mãn chính mình. Trong đời sống thường ngày, ta hay nổi giận khi cái tôi của ta bị xúc phạm. Thực chất cái sân đó cũng là biến tướng của tham, do vì mong muốn được người ta kính trọng mà không được như ý nên nổi giận. Tự ngã lớn dần theo tính sân một cách vô hình, và được củng cố bởi nhu cầu muốn được thỏa mãn tính tham trong cơn giận. Nếu chúng ta sống không có ngã tướng thì lấy đâu ra sân để mà đối trị bằng nhẫn ? Vậy nhẫn đó chính là Tuệ.

Trong phẩm Thập nhĩn, chữ nhĩn hoàn toàn mang nội hàm của trí tuệ, có nghĩa là dùng trí tuệ để trực nhận được các bản tính như thực của vạn pháp, và hành trì theo kiến giải đó. Trực nhận được bản tính như huyền của vạn pháp thì được như huyền nhĩn, trực nhận được bản tính vô sanh của vạn pháp thì được gọi là vô sanh nhĩn, trực nhận được bản tính như hưởng của vạn pháp thì được như hưởng nhĩn . . . Nhĩn đây là Tuệ, chứng được bản tính của vạn pháp là vô sanh, là như huyền, là như diệm, như mộng, như hưởng, như ảnh . . . mà không kinh hải, đó là dừng trong nhĩn.

Chính vì nhĩn và tuệ, cho nên đức Phật mới dạy “ Chư phật tử ! Đại Bồ tát có mười thứ nhĩn, nếu được nhĩn này thời được đến nơi vô ngại nhĩn địa của tất cả Bồ Tát, tất cả Phật pháp vô ngại vô tận”.

Từ lời dạy này, Phật tử chúng ta có thể sẽ đạt đến một tầm nhìn khác rộng hơn, khi hành trì nhĩn nhục.

(Trích từ bài chữ Nhĩn trong kinh Phật NS giác Ngộ số 159-6-2009 _ Huỳnh Ngọc Chiển)



LY VÀ TÀN

Việc xác lập quan điểm sống đúng tinh thần chánh pháp trở thành một trong những ưu tư thường trực của các bậc tu học tâm huyết. Mỗi khi đối mặt những tình huống nan giải, họ thường viện dẫn câu nói quen thuộc trên để vừa an ủi mình vừa sách tấn đệ tử, như một bài học kinh nghiệm giáo dục tinh thần sống, một kết luận đánh thép, một lời răn đe, cảnh cáo nghiêm khắc, và ngầm diễn tả đời sống thực tế, vạch lối đi cho những kẻ cùng đường và khấn định sức mạnh của Tăng.

Hai danh từ Tăng và Hổ cùng hiện diện với một động từ “Ly ” được nhắc đi nhắc lại hai lần. Thật ý vị khi hai danh từ Tăng và Hổ tính từ “ tàn ” và “ hại ” có nghĩa nghĩa khá tương đương nhau.

Chữ Tăng ở đây nghĩa gốc là một tập thể những người xuất gia tu hành sống chung với nhau trong một trụ xứ. Giới luật Phật giáo quy định ít nhất bốn vị Tỳ kheo sống với nhau thanh tịnh hòa hiệp gọi là Tăng, nói đúng là Tăng già, Sangha. Bản chất của Tăng là thanh tịnh và hòa hiệp. Theo dòng thời gian, danh từ chung chỉ cho tập thể này được sử dụng lần lần và trở thành một danh từ riêng cho cá nhân. Một tu sĩ nam Phật giáo thường được gọi là Tăng. Dù chung hay riêng, bao giờ Tăng cũng là một trong ba ngôi báu, và được tôn xưng là Chúng trung tôn, những bậc đáng tôn kính trong loài người.

Hồ, loài động vật dữ mạnh, sống bầy đàn, nổi tiếng hung dữ, nhân gian thường gán cho biệt danh “ chúa tể sơn lâm”. Chúng trong câu Tăng ly chúng Tăng tàn là một danh từ chỉ cho một tập thể nhiều người xuất gia cùng sống chung trong một trụ xứ. Bao gồm các sư trưởng, huynh đệ, pháp hữu, Phật tử tại gia hộ trì của một tự viện, đạo tràng tu học.

Chúng còn được hiểu là tập hợp những gì gọi là môi trường sinh hoạt của Tăng. Môi trường ấy có hai: - Môi trường vật chất và môi trường tâm linh.

1/ Môi trường:

a-Môi trường sinh sống , cư trú, môi trường vật chất, là tu viện, chùa chiền, tịnh thất.

b-Môi trường tâm linh là toàn bộ hệ thống giáo lý: Giới, Định, Huệ Phật giáo. Do đó, chúng là tịnh giới là sự thanh tịnh hòa hợp của Tăng. Danh từ Chúng có cùng nghĩa với Sơn, đều chỉ chung về môi trường sinh sống của tập thể lẫn cá thể, con người hay động vật.

Tách ly, ly khai, từ bỏ, xa rời là các giới nghĩa cơ bản của ly. Tách mình ra khỏi tổ chức, lìa bỏ tập thể để sinh hoạt ở một nơi khác gọi là ly. Khoảng cách địa lý không gian và sự khác biệt quan điểm tư tưởng làm con người ly khai nhau. Ly có hai : Tách ly hành động và

tách ly lý tưởng. Tàn : suy mòn, hư héo, hết sức sống như tàn rụi, tàn phế, tàn tạ. Nghĩa bóng của nó là sự suy thoái tư cách đạo đức. Bại, thua, liệt, không cử động được, hư hỏng, đòi bại, mất trắng, thất bại. Nguyên nghĩa chữ Hán : Ly, Tàn và Bại có thêm một số nghĩa rất phù hợp với bối cảnh câu đối trên. Ly : a- Xa cách, lìa tan b- thiếu c- dính, bám, d- không tuân theo, làm trái. Tàn : a- giết hại, bị làm hại, b- hung ác, tàn ác c- hư hỏng, hư hại, rách nát, sức mẻ, d- thiếu khuyết, tàn tật, đồ bỏ đi. Bại : a- thua, thất bại, b- hỏng, đổ nát, c- tàn rụi, nghiêng đổ. Ta thấy Tàn và Bại có cùng nghĩa khá tương đồng nhau. Vậy, Tăng ly chúng Tăng tàn nghĩa là khi người xuất gia sống tách rời khỏi đoàn thể sinh hoạt của mình, giới pháp Phật chế, không chống thì chầy cũng trở nên hư hỏng, sa đọa, mất mạng giống như cọp một khi ra khỏi rừng sẽ bị giết chết. Hồ ly sơn hồ bại.

Hai câu đối trên muốn truyền đạt đến chúng ta điều gì ? Đầu tiên, nó là một lời dạy mang tính cách khuyên răn, răn đe, giáo dục, sách tấn, cảnh cáo. Nó khuyên Tăng ni tôn trọng nếp sống tập thể, tuân theo đời sống giới luật tu viện. Nó giáo dục tinh thần, ý thức sống khép mình vào mọi sinh hoạt cộng đồng Tăng chúng. Biệt chúng là con đường đi vào nẻo tối tăm của tội lỗi. Nó cảnh báo trước rằng, sự tách mình ra khỏi sự bảo vệ của đoàn thể không bao giờ đem lại kết quả tốt đẹp. Hậu quả thường xảy ra khi vị tu sĩ trẻ từ bỏ đời sống tu viện là dễ sa ngã, đọa lạc vào dục lạc thấp hèn của thế gian, mất hướng đi thánh thiện, thậm chí rơi vào những tiêu cực, khiếm khuyết về phẩm hạnh đạo đức.

Kế đến Tăng ly chúng Tăng tàn, Hồ ly sơn hồ bại cung cấp cho chúng ta các bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là kinh nghiệm về sự an toàn về đạo hạnh của mỗi tu sĩ nếu họ biết an tâm sống theo các quy chế của tu viện. Càng xa cách giới luật chúng bao nhiêu, người tu hành càng dễ bị thế tục hóa bấy nhiêu. Từ chối sự bảo bọc của tập thể

Tăng là tự rước họa vào thân. Có kẻ cho rằng sống độc lập để dễ dàng làm công tác Phật sự. Họ lầm, họ cần suy ngẫm hình ảnh con hổ bị phanh xác bởi bầy chó rừng để phản tỉnh bản thân. Há đây không phải bài học xương máu trải qua bao thăng trầm lịch sử của liệt tổ sư chúng ta dặn dò hay sao ?

Tiếp theo, câu trên gián tiếp trình bày một yêu cầu có tầm vóc quan trọng trong việc duy trì chánh pháp. Đó là yêu cầu mỗi cá nhân tu sĩ, cần sở hữu những nhận thức sinh hoạt đúng đắn. Họ biết rằng đoàn kết mang lại an toàn và sức mạnh trong suốt lộ trình tu học của mình. Họ cần ý thức thường trực vai trò và địa vị của mình để tránh phát sinh những tư tưởng và hành động đi ngược lại lợi ích của giới luật và đoàn thể nơi mình sinh ra và trưởng thành Tăng.

Từ yêu cầu này, cho phép chúng ta thấy rằng nó trực tiếp diễn tả một thực tế sinh động đã đang và sẽ mãi diễn ra trong nội bộ đời sống Tăng già. Thực tế bản chất của Tăng vốn hòa hợp nhưng bản tính con người ưa chia rẽ. Tăng ly chúng nghĩa là nội bộ Tăng đã hiện hữu sự thiếu thanh tịnh và hòa hợp. Đức Phật thường nhấn mạnh ý nghĩa và mục đích hòa hợp và thanh tịnh của đoàn thể Tăng già nhưng mỗi cá nhân cũng như tập thể Tăng không phải bao giờ cũng trung thành với tinh thần lục hòa. Sự kiện ly khai giáo đoàn của Đề Bà Đạt Đa là minh chứng đau buồn nhất cho thực tế ấy. Sự chọn lọc để duy trì và phát triển trong lòng xã hội đầy biến thiên đòi hỏi giáo đoàn phải trải qua nhiều lần phân hóa nhằm tuyên truyền cũng như thích ứng sâu rộng chánh pháp vào cuộc đời. Mái chùa bao giờ cũng mở rộng đón nhận những ai phát tâm tu hành, song vẫn thường xuyên khép cổng đưa tiễn các đệ tử xuất gia trở về với trần gian ràng buộc. Không thể thống kê có bao nhiêu người cởi áo nâu sòng để khoác áo tục nhân. Giáo hội cũng chẳng thể nào biết được hằng năm có bao nhiêu Tăng ni hoàn tục. Từ thực tế ấy, câu trên rõ ràng đã vạch lối sống cho Tăng. Đó là

sống cùng nhau thành những tập thể hòa hợp thanh tịnh, đoàn kết và vững mạnh, phải giảm thiểu tối đa sự chia ly, bất kể chia ly lớn, phân hóa giáo đoàn, hay nhỏ. Vị Tỳ kheo rời chúng ở riêng một mình đều làm suy yếu sức mạnh của tập thể Tăng.

2/Hai vòng nhân quả : Hai câu trên đối nhau hoàn chỉnh xuyên qua các hình ảnh đắt giá tương xứng. Việc điệp từ : Tăng, Hồ, Ly đều hai lần, có tác dụng nhấn mạnh ý nghĩa cần thiết. Ngôn ngữ gãy gọn, cô đọng, hàm súc. Nếu “ly” là nhân thì “tàn” là quả . Chính các hành động và tư tưởng của mỗi cá nhân tu sĩ trực ra khỏi đường rây sinh hoạt của Tăng chúng dẫn đến việc từ bỏ nếp sống thanh quy: - Ly. Do sự từ bỏ sự che chở của Tăng, cá nhân tu sĩ khó chống chọi với bát phong thường xuyên thổi mạnh. Vì vậy, việc bị cuốn theo dục lạc thế tục là kết quả hiển nhiên. Đó là vòng nhân quả thứ nhất. Vòng nhân quả thứ hai “ tàn ” là nhân “ ly ” là quả. Vì tu sĩ sống trong tập thể Tăng nhưng không tuân thủ các quy định của Tăng tức là “tàn”, thì trước sau gì cũng bị Tăng loại trừ ra khỏi tập thể : “ ly ”. Thậm chí không cần Tăng trục xuất mà họ đã tự ý tìm cách thoát ly trước. Thật ra, vòng nhân quả thứ nhất là nói xuôi, vòng nhân quả thứ hai là nói ngược lại cho trọn vẹn vấn đề mà thôi. Thế là ly = tàn .

3/ Suy luận : Điều làm chúng ta suy tư đầu tiên. Vì sao ly ? Nói cách khác, đâu là lý do dẫn đến sự ly ? Bất đồng quan điểm về giáo lý, giới luật và những gì phát sinh trong quá trình sinh hoạt được xem là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc Tăng ly chúng. Điều này bao gồm cả những sự bất mãn, xung đột cạnh tranh lẫn sự ganh ghét ty hiềm, tật đố giữa các thành viên trong tập thể. Nếu cá nhân không tuân thủ các luật lệ thành văn và bất thành văn của đời sống tự viện thì có nhiên bị tách ly khỏi tập thể. Bản thể Tăng thanh tịnh nhưng người là Tăng không phải ai cũng thanh tịnh. Nhìn chung có hai lý do tổng quát. Một, chủ quan, nghĩa là do ước muốn cá nhân. Chính sự bất mãn

hoặc sự sụp đổ lý tưởng xuất gia đã khiến cá nhân tu sĩ rời bỏ đoàn thể. Con người ai mà không cố gắng tìm kiếm “tự do” cho chính mình ? Bị thôi thúc bởi những vọng tưởng, ý tưởng riêng tư, cá nhân luôn muốn thoát ly khỏi sự kiểm tỏa của tập thể. Hai, khách quan, hoàn cảnh đưa đẩy. Hoàn cảnh ở đây chỉ chung cho toàn bộ những gì bên ngoài cá thể. Mâu thuẫn nội bộ trong mỗi tự viện, sự đổ vỡ tương thông giữa các thành viên thường là những lý do chính của các cuộc chia ly, chia rẽ. Chúng bao gồm tất cả những phiền phức, rắc rối, bất cập phát sinh trong quá trình sinh hoạt cộng đồng giữa thầy và trò, giữa huynh đệ với nhau, thậm chí có cả trường hợp giữa tu sĩ và cư sĩ. Lý do thứ hai này còn gồm các yếu tố xã hội, chính trị, kinh tế, tôn giáo tác động gián tiếp hoặc trực tiếp lên đời sống cá nhân tu sĩ và khiến họ phải xa rời tổ ấm của mình. Dưới áp lực mở rộng ảnh hưởng của tập thể, nhiều tu sĩ phải rời bỏ khỏi tu viện để sống một mình ở một vùng đất mới, xa xôi hẻo lánh. Nhìn chung, dù chủ quan hay khách quan, việc tu sĩ rời khỏi tổ chức thì trách nhiệm được quy cho Tăng già.

Tiếp theo, ta tự hỏi tại sao hễ ly chúng là Tăng tàn, tại sao hỏ rời khỏi rừng núi là chết ? Hỏ : thú dữ ăn thịt, mạnh bạo, hung dữ, chúa tể sơn lâm, thế mà khi từ bỏ môi trường sinh hoạt của mình. Ly – sơn còn bị bại, thua các loài khác, hưởng gì vị Tăng sĩ vốn hiền lành chất phát ? Một khi rời khỏi môi trường kháng nhiễm của Tăng chúng, cá nhân tu sĩ dễ dàng bị thâm nhiễm sự ô nhiễm của thế gian. Thiếu sự bảo vệ, kiểm soát, dạy dỗ, sách tấn khuyên can của sư trưởng, không có sự chia sẻ, nhắc nhở của bạn đồng tu, cộng với nội lực chưa đủ mạnh để chống chọi với sự cuốn hút của ngoại duyên, tất cả các điều này trở thành tăng thượng duyên cho chúng ta hư hỏng. “Chí đạo nan văn, vọng tình dị tập”. Đi ngược lại bản chất, sống trong môi trường độc hại, nguy hiểm, không nơi nương tựa, không người chở che, thì

hư hỏng- tàn là điều chắc chắn. Thay đổi môi trường là chết, dù Tăng hay Hồ không những vì môi trường mới độc địa hiểm ác, mà còn chết bởi chẳng có khả năng thích ứng với môi trường ấy. Cho nên mới khẳng định kết luận. Tăng ly chúng Tăng tàn. Hồ ly sơn hồ bại, ly là tàn, ly là bại, bất kể Tăng hay hồ, người hay vật , mạnh hay yếu.

Thứ đến xét tiến trình ly và tàn. Trật tự ly rồi sẽ tàn đôi khi có thể hoán đổi, nghĩa là tàn thì chắc chắn phải ly. Song câu châm ngôn trên có vẻ nhấn mạnh ý nghĩa thứ nhất: Tăng ly chúng thì Tăng sẽ hư hỏng – tàn . Tuy nhiên, thực tế không phải không có trường hợp Tăng ly chúng mà không tàn, Tăng không ly mà vẫn tàn. Ly mà không tàn là do cá nhân có ý thức trách nhiệm cao, ly với lý do chính đáng chuyên tu, hoằng pháp vùng sâu vùng xa. Chúng ta không cần ca ngợi nhiều những vị Tăng ly chúng mà không tàn nhưng phải đặt biệt chú ý tình trạng Tăng không ly chúng mà vẫn tàn. Việc sống chung với chúng không phải nhân tố độc nhất quyết định sự hư hỏng hay thành công của cá nhân tu sĩ. Tuy nhiên, ngôi chùa cần đào tạo những Tăng sĩ đủ tư cách và loại trừ các tu sĩ không xứng đáng. Chính những cá nhân hư hỏng cộng trụ trong đoàn thể Tăng là những con sâu làm rầu nồi canh, là sư tử trùng thực sư tử nhục. Nếu giáo hội không phát hiện, không quyết tâm loại trừ, thậm chí còn dung dưỡng, thì những con sâu và trùng này sẽ phá hoại bản chất thanh tịnh hòa hợp của Tăng, làm suy giảm đạo tâm tôn kính của tín đồ đối với Tam Bảo, đặc biệt, lũng đoạn, gây chia rẽ sức mạnh đoàn kết trong nội bộ Tăng đoàn.

4/ Liên quan: Ngoài ra , Tăng ly chúng Tăng tàn trực tiếp bàn đến vấn đề quan hệ giữa cá nhân và tập thể, vấn đề đạo đức cá nhân, vấn đề chất lượng giáo dục và sinh hoạt Phật giáo trong các tự viện, vấn đề tồn tại, phát triển và suy vong của cá nhân trong mối tương quan với cộng đồng. Việc một tu sĩ biệt chúng - ly – hoặc hư hỏng- tàn, không chỉ là trách nhiệm riêng của họ mà toàn thể thành viên

trong tự viện mà vị ấy cư trú đều có bốn phận. Luôn luôn có sự tương quan, liên đới về trách nhiệm và nghĩa vụ giữa thành viên Tăng và toàn bộ Tăng đoàn. Cá nhân tốt, vị Tăng tài đức hiển nhiên sẽ mang lại uy tín cho tu viện nơi mà vị ấy cư ngụ, cũng vậy khi cá nhân hư hỏng, sa đọa đạo đức, chắc chắn tập thể cư mang cá nhân ấy bị liên lụy những ảnh hưởng xấu. Chất lượng giáo dục trong mỗi tự viện thường quy định khả năng , tài đức của mỗi vị Tăng. Do đó, tu sĩ muốn hành đạo yên ổn, muốn có điều kiện tốt nuôi dưỡng thánh thai, phát triển đạo nghiệp, cần lựa chọn và sống trong ngôi chùa có môi trường giáo dục và sinh hoạt ổn định theo đúng thanh quy giáo pháp. Ở bầu thì tròn ở ống thì dài, chúng ta ghi nhớ điều này để ý thức tầm quan trọng của nơi ăn chốn ở.

Tăng tàn không phải do ly hay hợp mà do Tăng không sống trọn vẹn với bản chất thiêng liêng cao quý vốn có của mình. Vấn đề không phải ở chỗ ly hay hợp mà ở chỗ đời sống của Tăng , môi trường giáo dục tự viện như thế nào, có giữ đúng thanh quy giới luật không, có lục hòa, quan tâm và có trách nhiệm với nhau không ? Cọp chết thảm vì không có đồng loại bảo vệ, tự bỏ núi rừng, đơn thân độc mã đối mặt với hiểm nguy, không biết lượng sức mình. Cũng thế , trần gian hiểm ác, Tăng tàn vì không mặc áo giáp giới luật, khô nước thiền định, thiếu gươm trí tuệ, xa thiện tri thức, sống môi trường xấu. Cọp bại chỉ phí một đời nhưng Tăng tàn sẽ oan uổng nhiều kiếp. Tăng tàn thì đạo suy, đó là điều chắc chắn. Khi con người sa sút đạo đức thì họ xem thường đời sống thánh thiện. Cho nên, vạn bất đắc dĩ mới ly. Nếu thái nhân tình bắt buộc phải ly, thì chúng ta tùy duyên ly trong hòa hợp và thanh tịnh, thống nhất ý chí và thắt chặt đôi tay. Nghĩa là, chấp nhận có khoảng cách vật lý nhưng luôn luôn gắng bó trên quan điểm tư tưởng và hành động. Song nếu hợp trái nghĩa với ly, có tính cách bè phái, tôn phái, đảng phái, môn phái chống báng nhau thì đó là đại ly,

là hai đạo tập thể, là đàn sâu là bầy sư tử trùng. Bởi vì, chia rẽ là dấu hiệu của suy tàn, đổ vỡ, thống nhất là biểu hiện của sức mạnh và trường tồn. Dù ly hay không ly, bản chất của Tăng mãi mãi là thanh tịnh và hòa hợp. Thuận với bản chất ấy thì sống, sống xứng đáng với địa vị Chúng Trung Tôn . Nghịch bản chất ấy thì sống cũng coi như đã chết, chết trong sự nguyên rủa vì hại đạo hại đời, hại mình hại người.

Tình hình chính trị, bối cảnh chế độ lịch sử, thực tế xã hội không ngừng thúc đẩy chúng ta đi từ sự phân ly này đến sự phân ly khác. Cá nhân luôn có xu hướng xoay theo vòng xoay ly tâm của những ràng buộc của tập thể. Đó là tổng thể đời sống vô cùng phức tạp mà Tăng già cần tỉnh táo nhìn ngắm lại bản thân mình, nội bộ tổ chức mình. Nhìn ngắm quan sát kỹ để Tăng già biết trong nội canh có bao nhiêu con sâu, biết trên lưng sư tử có mấy con bọ chét, nhằm vạch ra hướng đi nhất quán với chánh pháp. Biết chấp nhận chia ly với cái đầu thông minh và đôi tay nhất thống thì không sợ tàn, không nao núng bại. Bao giờ Phật giáo cũng chủ trương nếp sống tập thể song song với việc phát triển cá nhân cho Tăng ni Phật tử trong môi trường Giới, Định, Huệ.

(Trích từ Tập San Pháp Luân số 57 11- 2008 Chánh Trí)

THƯỜNG NIỆM TRI TÚC

Vì sao phải thường niệm tri túc ? Tri túc có nghĩa là biết đủ. Nhưng biết thế nào là đủ ? Kẻ có một trăm thì muốn có một ngàn, kẻ có một ngàn thì muốn có một vạn, kẻ có một vạn muốn có một muôn . . . Biên giới của đủ là đâu ? Lòng tham của con người không bao giờ có biên giới. Loài thú có thể lười biếng đi săn khi đã ăn no. Nhưng con người không bao giờ ngưng được tư tưởng chiếm hữu, dù đã sống trong điều kiện vật chất vượt quá nhu cầu sống hàng ngày. Trong chữ “dục” (ham muốn) có chữ “ khiếm ” có nghĩa là “ thiếu ”. Quả là sâu sắc. Đối với người có lòng tham dục thì lúc nào cũng thấy thiếu,

nên phải bươn chải theo lòng dục. Muốn ngừng thì cần phải tri túc. Tất cả tâm quan trọng nằm ở chữ Tri. Nguyễn Công Trứ nói: “ Tri túc tiện túc, dãi túc hà thời túc ”. Hễ biết đủ là thấy đủ, chờ cho đủ thì biết đến khi nào mới biết đủ ? Cái khó nhất là biết đủ. Khi đã biết đủ thì những cái thêm vào đều là thừa.

Chúng ta quên rằng chúng ta chỉ có thể đáp ứng được tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân (1- Vô thường 2-Tham dục 3- Tri túc 4- Tinh tấn 5-Trí Tuệ 6- Bồ thí 7- Trì giới 8- Phát Bồ đề Tâm). Mọi nhu cầu bằng cách biết tiết chế chứ không phải bằng cách thỏa mãn nó. Ta không thể nào tiêu trừ một tham vọng bằng cách làm thỏa mãn nó, Vì tham vọng không bao giờ thấy đủ. Chỉ có tinh thần “Tri túc ” mới đem lại cho ta sự thanh thản trong tâm hồn.

Vì sao cần phải “an bản thủ đạo ”.

An bản thủ đạo cũng như người xưa nói “ an bản lạc đạo ” (yên cùng cảnh nghèo mà vui với đạo). Nhưng phải có Đạo để lạc thì mới thấy an trong cảnh bản được. Muốn sống yên vui trong cảnh nghèo thì phải có một đời sống nội tâm thực sự hoặc phải mang một tâm hồn thuần phát như người nông dân chân chất. Đối với người tu hành hoặc người đọc sách, trong tâm phải có sở đắc thì mới có thể yên vui với cảnh nghèo, nếu không thì sự an bản đó chỉ còn là hình thức. Đó là sự đè nén đầy mặc cảm của những tham vọng không thành. Có người cho rằng những vị tướng hảo, chùa to, nhà lớn là do phước báo đời trước ? Như vậy những vị tu ở thâm sơn cùng cốc, những bậc chân tu khổ hạnh, như thánh Gandhi đều là những người gánh chịu nghiệp báo ? ở đời, hễ đã nhận một món quà, dù là vật phẩm cúng dường, là đã thiết lập nên một sự ràng buộc vô hình trong mối quan hệ xã giao. Món quà càng có giá trị cao, thì sự lệ thuộc càng nhiều, và sự nhiễu loạn của tâm càng lớn.

Chúng ta thường tỏ thái độ hành diện với những tiện nghi cao cấp đang sử dụng như xe cộ, nhà cửa v.v . . . như là cách để khẳng định mình, mà quên mất rằng hễ đời sống tinh thần càng hời hợt thì con người Tăng cũng như tục, càng lo bù đắp và che lấp bằng những thứ trang sức phù phiếm bên ngoài. Người tu nếu cứ mãi bận lo thù tạc xa giao với các người thí chủ bên ngoài thường xuyên thì thời gian đâu mà để nghiên cứu hay quán tưởng thiền tư ? Ta có thể gọi đó là phước báo được chăng ? hay là họa ? Nói về hảo tướng và hưởng thụ vật chất trần gian có ai bằng đức Phật ? Có chùa nào đẹp bằng cung vàng, điện ngọc của nhà vua, thế thì tại sao ngài vẫn từ bỏ cảnh lầu son gác tía để đi tìm chánh pháp ?

Đối với người tu học thì phước báo phải hiểu là phước báo về mặt tâm linh. Trước mọi phong ba biến động của cuộc đời mà giữ tâm yên lặng được như mặt nước hồ thu, thì đó mới thật sự là phước báo .

Trước khi muốn cứu đời, trước khi muốn hoằng pháp thì chúng ta phải đủ sức mạnh nội tâm để bước đi một cách cô đơn trong cuộc đời và trong tư tưởng, để nghe ra tiếng nói của TÂM . Tâm không tĩnh lặng được trước vật còn để vật sai sử thì lấy gì để bàn về cội Đạo mệnh mông vi diệu của Phật giáo.

Đối với hầu hết chúng ta, tu tập trong điều kiện khó khăn về vật chất chưa phải là điều hay, nhưng nếu cứ bận tâm mãi những tiện nghi vật chất thì tự cắt bỏ con đường đi vào cội Đạo. Cho nên an bản thủ đạo với một tâm thái ung dung là điều cực khó.

Vì sao phải “ Duy tuệ thị nghiệp ” ?

Toàn bộ tư tưởng của Phật giáo đều được thiết lập trên hai yếu tố là Trí và Bi. Đã theo chân Phật dù là tại gia hay xuất gia, đều phải tìm cầu giải thoát. Mà giải thoát chỉ có thể tìm thấy trong ánh sáng của Tuệ giác, chứ không phải trong việc tích lũy kiến thức hay công đức. Không cần phải đem thân gởi chốn am mây mới gọi là Tu , mà hễ một

khi Tuệ kiểm vung lên là trần duyên đứt đoạn, để mở đường đi vào cõi giác. Cùng đích của đạo Phật dù với vô vàng phương tiện thiện xảo hay với vô lượng pháp môn tu học, cũng chỉ nỗ lực khai mở được con mắt Tuệ giác của chúng sanh.

Người ta thường có thói quen đánh giá các tu sĩ qua ngôi chùa họ đang cư trú, làm như ngôi chùa là nơi đảm bảo cho trí tuệ hay công phu đạo hạnh ? Cách đánh giá đó đã vô tình biến tư tưởng “ Duy Tuệ thị nghiệp ” của đạo Phật thành “ Duy Tự thị nghiệp ” (Lấy cái chùa làm sự nghiệp) mất ! Chính trí tuệ đạt từ kinh điển hay sự thực chứng mới đảm bảo cho sự tồn vong của đạo Phật, dù có trải qua muôn ngàn cơn pháp nạn, nhưng hễ một khi hạt giống Tuệ giác còn nảy mầm thì nó vẫn phát triển thành khu rừng tư tưởng Phật giáo.

Câu kinh gồm ba mục: “ thường niệm tri túc, an bản thủ đạo, duy tuệ thị nghiệp ”, nhưng thực ra “ Thường niệm Tri túc ” và “ An bản thủ đạo ” là hệ quả tất yếu của “ Duy Tuệ thị nghiệp ”. Một khi đã xác định được “ Duy Tuệ thị nghiệp ” thì tự nhiên tâm dân sẽ tĩnh, sẽ dần bớt đi tham chấp vào của cải trần gian.

Đạo Phật chủ trương thập loại chúng sanh đều bình đẳng trước Phật pháp, nên luôn luôn mở rộng cửa cho mọi người, chúng sanh vô lượng, căn cơ vô lượng, nên phải có vô vàng con đường dẫn đến cửa thiền. Chư pháp, do đó, không thể có hình tướng nhất định mà chư Phật cứ tùy theo căn cơ để hóa độ chúng sanh.

Không ít người, do không hiểu được những yếu tố sơ đẳng trong Phật học, cho rằng đạo Phật chỉ đưa con người đến chỗ bế tắc! Họ quên rằng có quá nhiều kẻ trốn vào thiền môn chỉ vì một lý do đơn giản là bị bế tắc khi đối diện với cõi đời. Bế tắc trong tư tưởng, trong tình cảm, thậm chí trong cơm áo. Thuở còn tại thế, Đức Phật đã từng cảnh báo có những kẻ quy y theo Phật, gia nhập Tăng đoàn chỉ để kiếm cơm ! Thuở đó còn vậy, huống gì đến thời mạt pháp hiện nay.

Đối với những kẻ bế tắc đó thì Phật pháp, dù có quảng đại và nhiệm mầu đến mấy, cũng chỉ là một loại “ cần câu cơm ” giúp cho họ tạm thời ổn định những cơn quây phá của cái bao tử rỗng, hoặc một loại “ si rô an thần ” giúp họ làm dịu đi những cơn khủng hoảng thần kinh.

Hàng mấy ngàn năm qua, tinh thần bao dung của Phật giáo luôn mở rộng bàn tay để đón nhận bao nhiêu bậc lợi căn pháp khí, xả thân cầu pháp thì đồng thời cũng đón nhận không ít bụi bặm bay vào chốn thiền môn. Xong một khi tư tưởng “ Duy Tuệ thị nghiệp ” còn sống thì tư tưởng Đức Phật vẫn còn mãi ngời sáng, và đạo Phật vẫn mãi mãi tồn tại và phát triển.

(Trích NS Giác Ngộ số 156 - 03- 2009 - Huỳnh Ngọc Chiến)



TRỤ TRÌ HOẰNG DƯƠNG CHÁNH PHÁP

Trụ trì là người quản lý cơ sở của giáo hội và hướng dẫn tín đồ tu học theo chánh pháp. Đó là mục tiêu chính của vị trụ trì. Vì vậy , vai trò của vị trụ trì rất quan trọng, nếu vị trụ trì không hiểu giáo pháp của đức Phật một cách sâu sắc và không thể hiện đúng chánh pháp trên bước đường hành đạo, thì chẳng những không cảm hóa được tín đồ mà còn làm cho nhiều người thối tâm từ bỏ đạo Phật.

Có thể khẳng định rằng, chính đạo lực của vị trụ trì thu hút được quần chúng đến với đạo Phật và họ phát tâm thực hành giáo pháp trong cuộc sống, mới là việc hoằng pháp thiết thực nhất của vị trụ trì, chứ không phải hoằng pháp là thuyết giảng giáo lý. Và xây dựng trên nền tảng cảm hóa được quần chúng sống theo pháp Phật. Công tác hoằng pháp đòi hỏi người trụ trì phải có chí kiên nhẫn vững mạnh mà kinh Pháp Hoa dạy rằng : “ Vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai ”.

Thật vậy, vị trụ trì thiếu tâm từ bi đối với mọi người thì làm sao quần chúng tìm đến nương tựa Phật, Pháp, Tăng cho được. Là người quản lý già lam thanh tịnh, tất yếu vị trụ trì phải có tâm bao dung rộng lượng để dung nhiếp được những người khổ đau trên cuộc đời này tìm đến cửa thiền. Và phát xuất từ tâm từ bi độ lượng vị tha, cuộc sống của vị trụ trì sẽ toát lên tinh thần nhu hòa nhẫn nhục, từ lời nói đến thái độ kham nhẫn với hoàn cảnh xung quanh, khiến cho mọi người nhận thấy được nếp sống cao thượng của vị trụ trì mà họ phát tâm tu theo đạo Phật. Ngoài ra, sống với tâm hỷ xả, vị trụ trì luôn luôn sẵn sàng tha thứ và giúp đỡ những người vô tình hay cố ý xúc phạm, hoặc gây khó khăn, phá hại, chắc chắn sẽ chuyển hóa được tâm họ trở về với chánh đạo.

Trên bước đường hành đạo, thành tựu được tâm từ bi, hạnh nhu hòa nhẫn nhục, và đức hỷ xả như vậy, vị trụ trì đã hoàn thành một cách tốt đẹp và thiết thực nhất, sự nghiệp hoằng pháp độ sanh mà không cần lên tòa thuyết pháp. Thật vậy, vị trụ trì thể hiện ba điều cốt lõi này theo Phật dạy, chính là thành tựu tam chuyển pháp luân. Khẩu chuyển pháp luân tức là lời nói đúng chánh pháp, nhẫn nhục bao dung được mọi người, mọi việc là thân chuyển pháp luân. Trên thực tế có nhiều vị trụ trì không giảng kinh thuyết pháp mà có nhiều tín đồ kính trọng tu theo, vì đã thể hiện được nếp sống đạo hạnh nhu hòa nhẫn nhục.

Tóm lại, với thân, khẩu, ý chuyển pháp luân theo tinh thần từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả như vậy, vị trụ trì chẳng những phát triển được cơ sở vật chất mà còn cảm hóa được nhiều người sống an lạc trong chánh pháp, và thành tựu được sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh.

(Trích NS Giác Ngộ số 135-/ 12- 2008 : HT Thích Trí Quảng)



VAI TRÒ NGƯỜI TRỤ TRÌ TRONG THỜI HIỆN ĐẠI

Vai trò người trụ trì trở thành trung tâm của mọi vận động Phật sự và chuyển tải nội dung Phật pháp vào xã hội. Ngôi chùa cần được coi như là một cơ quan truyền bá Phật pháp chứ không phải chỉ thuần túy đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng như người ta thường nghĩ. Vị trụ trì có nhiều ưu thế, vì họ hoàn toàn chủ động trong sứ mệnh hoằng pháp. Một ngôi chùa có một vị trụ trì giỏi là niềm hạnh phúc cho tín đồ và tăng cường sức mạnh cho giáo hội.

Ngày xưa địa vị của trụ trì có giới hạn trong một phạm vi nào đó. Ngày nay mọi chuyện không đơn giản, con người thời đại đòi hỏi nhiều hơn, người trụ trì cần phải năng động và đa diện hơn, phải sáng tạo nhiều mô hình sinh hoạt, phải giải quyết nhiều chuyện thị phi. Người trụ trì có ba việc đừng làm là : 1/ Việc nhiều đừng sợ, 2/ Không có việc đừng bày ra việc, 3/ Đừng nói việc thị phi. (Trụ trì hữu tam mặc : sự phồn mặc cụ, vô sự mặc tâm, thị phi mặc biện).

Khi đất nước mở cửa giao lưu với thế giới, đỉnh cao là thời điểm gia nhập WTO, tức tổ chức thương mại thế giới. Xã hội VN không còn bị cô lập và sống riêng được nữa. Kinh tế phát triển, văn hóa xã hội đa dạng . . . chúng ta không thể bảo thủ nền kinh tế, chính trị, văn hóa độc lập được. Chúng ta phải tiếp nhận những truyền thống văn hóa của kẻ khác dù muốn hay không. Mọi giá trị văn hóa của ta đang bị thách thức, thậm chí một số lãnh vực bị đánh bạt ra khỏi gốc rễ của nó. Đất nước VN hôm nay đang bước vào thời kỳ đổi mới, hòa nhập với ba làng sống: Kỹ nghệ hóa, tin học hóa và toàn cầu hóa.

Những tác động tích cực lẫn tiêu cực của sự hội nhập này đã quá rõ. Đời sống kinh tế khá hơn, có nhiều điều kiện thuận lợi để hưởng thụ hơn. . .nhưng xã hội cũng phức tạp hơn, tội phạm tăng hơn, tệ nạn

xã hội khó kiểm soát hơn, đạo đức xuống cấp hơn, chất lượng sống không cao.

Những đặc điểm của thời hiện đại bao gồm nhiều mặt như:

- **Công nghệ giải trí** : Thời hiện đại người ta được hưởng thụ tối đa, con người sẽ được thỏa mãn dễ dàng những thú vui, được kích thích những ham muốn tiềm ẩn bằng những phương tiện hiện đại, những trò chơi cảm giác mạnh, và những thứ xa xỉ khác . . con người bị cuốn hút bởi những ca nhạc kích động, phim ảnh bạo lực, đồi trụy, đam mê những chất kích thích gây nghiện và ảo giác. Họ ít quan tâm đến những hoạt động văn hóa đạo đức, môi trường văn hóa tinh thần bị xem nhẹ.

- **Phương tiện thông tin** : Thời hiện đại, thời gian và không gian không có ý nghĩa gì lắm. Mọi thông tin, hình ảnh, sự kiện.. . đều nhanh chóng loan truyền và tác động tức thời. Con người thời đại nhanh nhạy, nóng nảy, vội vàng và hời hợt.

-**Internet** là một sản phẩm đem nhiều tiện ích cho con người thời đại, đồng thời cũng đem đến sự băng hoại các giá trị văn hóa đạo đức của xã hội. Nó làm cho con người mất dần khả năng tiếp xúc với thế giới sinh động chung quanh nó, làm cho con người lười biếng và bạc nhược.

- **Điện thoại di động** tạo nên một phép lạ, có thể truyền thông nói kết con người lại với nhau giữa hai cực của địa cầu trong vài giây, nhưng nó cũng làm cho con người trở nên ích kỷ, khép kín khó hiểu, hiểu lầm nhau.

- **Giá trị vật chất là tối thượng** : Con người thời đại có nhu cầu thủ đắc mọi phương tiện hiện đại, có nhu cầu hưởng thụ và thỏa mãn mọi ước vọng mà kỹ thuật hiện đại có thể đáp ứng. Giải pháp là kiếm tiền. Giá trị đồng tiền được khẳng định bởi lý lẽ sống của toàn xã hội, có tiền

là có mọi thứ. Người ta lao vào công cuộc kiếm tiền như điên dại, bất chấp đạo lý.

Phật giáo thời hiện đại phải đối mặt với những thách thức và cơ hội của xã hội hiện đại. Vai trò của vị trụ trì trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, bởi lẽ: Một là, sự chuyển đổi cơ chế Giáo hội sẽ diễn ra rất chậm, và tùy thuộc vào sự thúc đẩy của tình hình thực tiễn là những hoạt động, những yêu cầu của quần chúng Phật tử và đơn vị cơ sở. Ở đây chính là ngôi chùa và vị trụ trì. Hai là sự cảm nhận nhu cầu thực tiễn ở nơi vị trụ trì rất cao, do sinh hoạt trực tiếp với người Phật tử và cộng đồng xã hội. Vị trụ trì có quyền hạn tối cao đối với một ngôi chùa, vì vậy có tính chủ động rất lớn, có thể chuyển đổi cơ chế sinh hoạt rất triệt để và kịp thời.

Do đó, trụ trì cần biết vai trò quan trọng của mình và bối cảnh xã hội, nhu cầu của tín đồ và sự vận động bánh xe chánh pháp thời hiện đại. Theo thống kê, vào năm 1900, tín đồ Phật giáo trên toàn thế giới ngang bằng tín đồ Thiên chúa giáo, hơn hẳn tín đồ Hồi giáo. Nhưng nay (sau 100 năm), tín đồ Phật giáo trên dưới 400 triệu. Trong khi đó Thiên Chúa giáo 2.000.000.000. Hồi giáo 1.300.000.000. Ấn Độ giáo 830.000.000. Phật giáo xuống hàng thứ tư. Thiên chúa giáo và Tin lành, Hồi giáo đều có một đội ngũ truyền giáo hùng mạnh mà không phải là các Linh mục, Mục sư. Họ là những tín đồ bình thường, nhưng được đào tạo chuyên môn để thực hiện vai trò truyền giáo rất hiệu quả. Trong khi đó Phật giáo chỉ đào tạo tu sĩ mà thôi.

Mặc dù các tôn giáo thần quyền đều nói đến quyền uy của Thượng đế và chuyên thờ phụng các Đấng trên trời, nhưng tất cả những hoạt động của họ đều ở dưới đất và nhắm đến những nhu cầu của con người, và tâm lý của con người một cách hệ thống và khoa học. Vấn đề cạnh tranh, tranh thủ tín đồ của tôn giáo khác là một trong những sách lược quan trọng của các tôn giáo bạn.

Mặt khác, thời hiện đại vấn đề kinh tế và giá trị vật chất chi phối mỗi quan tâm của con người chiếm gần hết tâm trí của họ. Vì vậy, những giá trị tinh thần, văn hóa, đạo đức, ý nghĩa chân lý. . . muốn có chỗ đứng trong lòng người cần phải quảng bá, đôi mới và phải có sức hấp dẫn để thu hút tín đồ, chứ không còn theo quan điểm “ hữu xạ tự nhiên hương ” nữa, nhất là tầng lớp trẻ.

Như vậy, người trụ trì cần phải làm gì ?

Thật khó để trả lời một cách toàn diện, nhưng những điều cần thiết nổi bật thì khá rõ. Người trụ trì cần được trang bị kiến thức chuyên môn về Phật học và phổ thông về thế học, nếu được kiến thức như một học giả thì càng tốt. Công tác tổ chức quần chúng, Phật tử phải được quan tâm hàng đầu. Phật tử có tổ chức sẽ có sức mạnh để cùng thực hiện các Phật sự. Nhờ tổ chức mà tình cảm thầy trò được gắn bó, đạo hữu thương nhau, có chung một cảm xúc đạo lý và chí hướng giải thoát, nhất là tập hợp được tín đồ và tăng trưởng số lượng qua công tác tổ chức.

Tổ chức lễ hội văn hóa, văn nghệ, thông qua các lễ vía, chuyển tải những đạo lý cao đẹp cho cộng đồng Phật tử. Tổ chức một lễ hội có chất lượng, sẽ tạo ảnh hưởng mạnh lên cảm xúc của mọi người, nhất là đối với thanh thiếu niên cảm thấy vui khi đi dự lễ, tự hào về tôn giáo của mình.

Giáo dục và đào tạo người cư sĩ nòng cốt : Cần có đội ngũ cư sĩ có khả năng và tâm huyết cộng tác với vị trụ trì, họ sẽ mang những thông điệp của Phật giáo vào trong xã hội, đồng thời họ thực hiện vai trò xã hội trong tinh thần Phật giáo có hiệu quả hơn quý thầy nhiều.

Thiết lập những mô hình tu học qua hình thức các đạo tràng để rèn luyện đời sống đạo, nhất là những phương pháp thực tập có lợi ích thiết thực cho sức khỏe, cho sự bình an tâm lý. Đó là những điều mà con người thời đại quan tâm.

Nâng cấp cơ sở vật chất : cần phải có cơ sở phòng ốc, điện, nước. . . .để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt đa dạng như hội họp, sinh hoạt vui chơi, không gian tu tập, thuyết pháp, văn nghệ . . .

Học hỏi và cải cách phương pháp hoằng pháp: Cần tìm hiểu các tổ chức tôn giáo bạn, các đoàn thể xã hội và các chùa chiền những mô hình sinh hoạt phù hợp với tâm lý con người. Cần mạnh dạng cải cách những sinh hoạt xơ cứng, thiếu sinh lực, những tín ngưỡng mang màu sắc mê tín dị đoan.

Tóm lại, làm người trụ trì thời hiện đại không đơn giản như thời xưa. Những điều dở, điều sai trước đây không có ảnh hưởng mấy, nhưng nay thì tác hại vô cùng. Một điều sai lầm sẽ lan tỏa rất nhanh và rất rộng, bởi mạng thông tin hiện đại. Một sự chậm chân, lạc hậu sẽ làm tụt hậu chương trình hoằng pháp rất xa, vì mọi tổ chức đoàn thể xã hội đều luôn tăng tốc, đến nỗi đưa ra khẩu hiệu : Đổi mới hay là chết ? .

Sức mạnh của đạo Phật ở nơi đạo lý Phật dạy và nơi sự hành trì của người Phật tử. Sức mạnh đó có thể không phát huy nổi nếu không có phương pháp tiếp cận thích hợp, không có tổ chức khoa học và đồng bộ thì vẻ đẹp cũng như tác dụng tích cực của đạo lý ấy không cao.

Để có được sự ứng biến nhanh nhạy và sinh động vị trụ trì luôn đặt mình trong tư thế sẵn sàng, trong tinh thần trách nhiệm cao, luôn vì sự nghiệp chung, vì lý tưởng phụng sự đạo pháp và dân tộc của người trưởng tử Như Lai. /.

(Trích NS Giác Ngộ số 153 tháng 12-2008 – Thích Viên Giác)

HIẾU ĐẠO

Tam Bảo là Phật Pháp Tăng. Phật là đấng Đạo sư trong Tam giới, Pháp là hoằng quy xuất thế gian. Tăng là đệ tử của Như Lai, thay thế Phật tuyên dương chánh pháp lợi ích quần sanh. Phật Pháp Tăng Tam Bảo là phước điền tốt của muôn loài, là cha lành của tứ sanh, có công năng thành tựu huệ mạng cho chúng ta. Huệ mạng hoàn toàn nương nhờ sức huân tu trong ngôi Tam Bảo mà thành, nếu không có sự huân tu trong ngôi Tam Bảo, thì chúng ta nhờ đâu mà được huệ mạng, cho đến chứng quả vô thượng Bồ Đề. Vì thế thâm ân trọng đức của Tam Bảo đối với chúng ta thật vĩ đại vô cùng không gì để hình dung. Là Phật tử đối với Tam Bảo ơn sâu dường bể cả, phải khéo léo cung kính phụng dưỡng, hết lòng tôn trọng hiếu thuận không được trái nghịch mới có thể đền đáp thâm ân trong muôn một. Không như thế thì không xứng đáng gọi là người đệ tử trong Tam Bảo.

Tóm lại cha mẹ có ân sanh thành dưỡng dục, sư tăng có ân giáo huấn dẫn dắt. Tam Bảo có ân cứu hộ, thế nên chúng ta cần phải mỗi mỗi hiếu thuận. Hiếu thuận với cha mẹ Sư Tăng Tam Bảo, là đồng với vâng giữ giới cấm của Như Lai, nên nói hiếu thuận là cương lĩnh của giới pháp, đây là một giá trị đặt biệt, chúng ta cần phải thừa hưởng, nghiên ngẫm và quý trọng.

Thông thường, người đời vì không hiểu giới pháp với hiếu thuận là dị danh mà đồng thể, nên thấy người xuất gia cắt ái từ thân, bỏ cha mẹ không nuôi dưỡng, cạo bỏ râu tóc, đem thân giam hãm nơi thiền môn thanh tịnh, liền cho hành động ấy là bất hiếu và ngộ nhận rằng Phật giáo là một tôn giáo hoàn toàn không xem trọng hiếu đạo. Quan niệm ấy thật vô cùng sai lầm! phải biết giới pháp của Phật là hiếu đạo, bao dung tất cả, đâu được cho Phật pháp là quên đạo hiếu thuận, Phật pháp chẳng những không quên hiếu đạo mà còn rất xem trọng hiếu đạo. Trong quyển Tây Quy Trục Chỉ có bài văn ngắn tựa là

“Đại hiếu nhân bất nguyện nhập thai ”(người đại hiếu nguyện không vào thai mẹ)

Vì sao? Vì thần thức con người sau khi gá vào thai mẹ, chẳng những tự mình thọ khổ, mà cũng làm cho mẫu thân bị đại khổ, từ còn trong thai cho đến ra ngoài thai, đến khi khôn lớn mẹ cũng chưa hết khổ vì con . Trong thai cũng chịu nhiều nỗi khổ nên trong kinh gọi là thai ngục. Khi đủ tháng hài nhi lộn ngược đầu hướng xuống sản môn, hình chất dần dần to lớn, muốn ra cũng không biết làm sao ! con đường tự tử cũng chính giờ phút này, cái duyên giết mẹ cũng ở nơi đây. Lúc bà mẹ lôi ra hài nhi bị thống khổ dường như xe cán, nên vừa ra khỏi thai không trẻ nào chẳng cất tiếng khóc lớn : khổ a ! khổ a ! cho đến ra ngoài lòng mẹ cũng chịu nhiều thống khổ nóng lạnh, đói khát, đau ốm bệnh tật buồn vui...Hài nhi thống khổ đã đành mà người mẹ cũng chịu muôn vàn thống khổ, nỗi lo nỗi sợ khó dùng lời tả xiết, khổ về tinh thần lẫn thể xác, vừa sinh con xong thì hao mòn tinh huyết, sức lực kém suy, nỗi khổ của người mẹ sinh một đứa con kể sao cho xiết. Xưa có thầy Sa di bảy tuổi tu hành đắc đạo, Ngài dùng túc mạng thông tự biết mình đời trước.Thầy than rằng “chỉ một thân ta làm khổ không biết bao nhiêu bà mẹ ”. Ngài đã trải qua năm lần vào thai mẹ, lần một vừa sanh thì chết, lần thứ hai được một tuổi rồi chết, lần thứ ba mười tuổi đã qua đời, lần thứ tư sắp định kết hôn thì chết, đến lần thứ năm, lên bảy tuổi Ngài đi xuất gia. Trải qua năm bà mẹ đều nhớ con mà sầu khổ. Chao ôi chúng sanh trong vòng sanh tử luân hồi còn gì vui thú? Mỗi lần thọ sanh làm khổ lụy mẹ như thế, chỉ có con đường tu học chuyên tu đạt đạo quả viên thành mới không làm khổ lụy cho cha mẹ.

Hiện nay khắp trên các nẻo đường biết bao lũ hành, kẻ qua người lại tấp nập như thoi đưa, tất cả những người ấy phần nhiều đều làm khổ lụy cha mẹ, có được mấy ai biết báo đáp ơn dưỡng dục sanh

thành? Suy ngẫm cho kỹ, thác thai một đời làm lụy cha mẹ một đời, thác thai trăm nghìn muôn ức đời chẳng đáng buồn lắm hay sao? Thế nên đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai thương xót thế gian, dạy người nhứt tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Tịnh độ hóa sanh nơi hoa sen, tự mình tránh khỏi hoạn nạn về sanh khổ với cha mẹ vĩnh viễn không làm khổ lụy.

Thế người tu theo Phật chẳng phải là bậc đại hiếu trong đại hiếu hay sao?

Nhưng mà đời nay, những kẻ không tin Phật trở lại phỉ báng Phật cho rằng người xuất gia là đại bất hiếu, ấy là họ cam lòng thường ở trong ngục thai và cũng làm khổ lụy cho mẫu thân!

Ở đây những Phật giáo đồ thuần chánh sẽ sanh nghi vấn như vậy: “Ý nghĩa giới pháp trong Phật pháp nói rất rộng lớn còn hiếu thuận thông thường của thế tục nói đâu có thể cùng tốt với ý nghĩa giới pháp của Phật? Nên biết hiếu thuận trong Phật pháp nói không phải là thứ hiếu thuận của thế tục, dù thực hành được cũng chỉ được tiểu quả nhơn thiên mà thôi. Ngược lại hiếu thuận của Phật pháp rộng lớn như hư không, nếu thực hành được thì đắc quả vô thượng Bồ đề, nên kinh văn đây nói “Hiếu thuận là pháp chí đạo”. Không phải là thứ hiếu thuận phục lao phục dưỡng thông thường. Trong Vu Lan Bồn Sớ thuyết minh:

Khê thủ tam giới chủ

Đại hiếu Thích Ca Tôn

Lụy kiếp báo thâm ân

Tích nhơn thành chánh giác

dịch: Cúi đầu đánh lễ tam giới chủ

Thích Ca Mâu Ni đại hiếu Tôn

Nhiều kiếp đáp đền ơn cha mẹ

Chứa nhóm nhơn lành thành chánh giác

Cực quả vô thượng phật đạo do báo đáp thâm ân của song thân mà thành thì đâu phải là hiếu thuận của thế gian mà so sánh kịp. Vì thế những ai bất hiếu với song thân tự nhiên phải bị khổ quả. Thế nên quả báo khổ vui của thế gian, xuất thế gian có thể nói đều do hiếu và bất hiếu chiêu cảm nên cũng tức là do trì giới hay không trì giới mà được vậy.

Trên đã giải thích câu “ hiếu thuận chí đạo chí pháp ”(hiếu thuận là pháp chí đạo) chúng ta thấy rõ “ hiếu thuận ”cùng “giới pháp ” di danh mà đồng thể, nên tiếp theo phật dạy:Hiếu danh vi giới”(Hiếu gọi là giới). Nhắm vào thời gian mà giảng, hiếu thuận trong phật pháp nói chẳng những ở đời hiện tại, bốn phận làm con phải biết hết lòng hầu hạ phụng dưỡng cúng dường cha mẹ cho là hiếu thuận và đền đáp được thâm ân của cha mẹ, mà phải tiến lên một bước nữa là làm sao khiến cha mẹ đối với ngôi Tam Bảo sanh tâm tin kính, từ trong Tam Bảo tu học để thâm tâm được giải thoát, đó mới là đại hiếu hạnh của phật pháp nói.Trên thế gian này phải suy tôn đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật thật là bậc Đại Hiếu. Sau khi thành đạo Ngài chẳng những vì cha mẹ hiện đời thuyết pháp khiến được giải thoát mà còn đền đáp thâm ân của cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp. Cho nên đức, phật giáo hóa chúng sanh, Ngài dạy với cha mẹ hiện đời phải hiếu thuận như thế nào, rồi còn muốn chúng ta phải hiếu thuận với cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp. Kinh phạm võng này nói: “Nhứt thiết nam tử thị ngã phụ, nhứt thiết nữ nhơn thị ngã mẫu” (tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhơn là mẹ của ta) mà còn đến tất cả chúng sanh, không một chúng sanh nào chẳng phải là cha mẹ của chúng ta. Vì từ vô thủy kiếp trở lại cho đến ngày nay, chúng ta trôi lặn trong sanh tử, không có chúng sanh nào chẳng từng làm cha mẹ của chúng ta. Chẳng qua sau khi thay hình đổi dạng không phân biệt được là ai, chỉ trong thời hiện tại mới biết cha mẹ hiện đời là cha mẹ của mình, còn tất cả người khác

không cho là cha mẹ mình. Vì không biết tác cả chúng sanh đều là cha mẹ của mình, nên tâm lượng của chúng sanh đều nhỏ hẹp phi thường. Đức phật vì muốn mở rộng lòng dạ của chúng ta, Ngài nhiều lần đặc biệt khai thị rằng: “ Nhứt thiết chúng sanh giai thị phụ mẫu ” Như thế chúng ta đối với tác cả chúng sanh nếu thực hành không sát sanh , không trộm cắp...tức là nghiêm trì tịnh giới, lại đối với mỗi mỗi chúng sanh đã xem là cha mẹ mình cần phải cung kính tôn trọng, không chút giải đãi, ấy chính là hiếu thuận, cho nên hiếu thuận chính là giới hạnh đầy đủ vậy. Vì thế văn sau giảng mười đức phật giảng đến tâm hiếu thuận, tâm cung kính, tâm từ bi- Nhưng tâm cung kính và tâm từ bi là tâm hiếu thuận lưu lộ ra, tác cả đều lấy tâm hiếu thuận làm cơ bản, do đó càng thấy rõ hiếu thuận tức là giới pháp. Vì thế, bất luận hành giả xuất gia hay tại gia nếu không chân thật thực hành hiếu đạo tức không phải là chơn tâm học phật, cũng không được thọ dụng pháp vị trong phật pháp. Như thế là phật tử (nói riêng) và tất cả nhơn loại (nói chung). Thấy rõ hiếu đạo trong Phật pháp chẳng những không nên khinh thường bỏ qua, mà cần phải hết sức xem trọng.

(Trích Kinh Phạm Võng Giảng luận).



TẠI SAO PHẢI QUY Y TAM BẢO ?

Đời sống chúng ta khác gì khách bộ hành đang lạc lõng giữa rừng đời đen tối, mãi xoay quanh trước muôn vạn nẻo đường, mà không tìm được lối ra. Bên tai vang dội những tiếng thét gầm rung rợn của đàn hồ lang ác thú. Trước mắt dàn trải khắp mặt đường những hầm hố, chông gai. Trong cuộc sống đầy kinh khủng hãi hùng này, ta chỉ khát khao tìm thấy một lối đi thẳng tắp, được một ngọn đuốc sáng cầm tay, và gặp người chỉ lối đưa đường, nếu được như nguyện, thì còn vinh hạnh nào hơn nữa .

Đức Phật là một hướng Đạo sư đã nhọc nhằn khổ sở, phí bao nhiêu công lực mới sang phẳng, dọn sạch một con đường thênh thang thẳng tắp, đi từ đau khổ trầm luân đến nơi an vui giải thoát. Giáo lý của Ngài là những ngọn đuốc sáng phá tan màn hắc ám của đêm đen, khiến bọn hồ lang ác thú trông thấy đều lao mình vào bụi rậm. Chư Tăng là những người cầm đuốc soi đường để dắt dìu những ai đang khùng khiếp trong đêm đen, đang bồi hồi trước muôn vạn nẻo, trở về nơi xóm làng an lạc dưới ánh sáng trong ngần của mặt trời trí tuệ .

Đã là người lạc lõng trong rừng đêm, ai mà chẳng reo mừng, khi tìm được lối đi, thấy ngọn đuốc sáng và gặp người dẫn đạo. Quyết định những ngày sống an lành sẽ trở về với họ, thôi rồi đâu còn hồi hộp lo âu với những đêm trường đầy kinh khủng. Chúng ta cũng thế, đã lạc lõng trong rừng si mê đen tối và đang bị bọn hồ lang tham lam, sân hận đe dọa, bỗng gặp được Tam Bảo thì còn vui mừng nào hơn, nên quyết định quy y .

Lại nữa chúng ta thấy mình đang đắm chìm trong vũng bùn tội lỗi, trông mong gặp người cứu vớt, và ước ao được những gáo nước trong để tẩy sạch bùn nhờn. Thì đây, Phật là người đã thoát khỏi vũng bùn trần khổ, Ngài sẵn sàng đưa tay cứu vớt chúng sanh. Giáo pháp là những tịnh thủy tẩy sạch tất cả cấu trần tội lỗi. Chư Tăng là người đang mang những tịnh thủy ấy ban bố cho chúng sanh. Vì mong dứt sạch tội lỗi, nên chúng ta phải quy y Tam Bảo .

Đời sống chúng ta khác nào chiếc thuyền con bấp bênh trôi gạt giữa bể cả trần gian, bao cơn sóng dập, gió dòi, làm khuynh đảo cả tâm hồn. Đức Phật là ngọn hải đăng làm mục tiêu cho chúng ta nhắm hướng. Giáo pháp là cánh buồm bọc gió lôi con thuyền vượt qua những lượn sóng dữ. Chư Tăng là người cầm tay lái, lái con thuyền thẳng đến bờ an lạc, vì thế quy y Tam Bảo là một bảo đảm cho chiếc thuyền đời chúng ta về đến bến an tịnh

Hơn thế nữa, quy y Tam Bảo là một sức mạnh vô biên đưa ta vượt mọi hiểm trở của hầm hố tội lỗi, thẳng đến bến bờ an lạc. Vì khi phát tâm quy y, ta tự hứa, tự nguyện dưới Phật đài, trước chư Tăng rằng : “ Con nguyện suốt đời tiến theo chiều giác ngộ, giải thoát mà đức Phật đã qua, con hứa tránh mọi điều tội lỗi, làm tất cả việc lành, để trọn nhân cách con người .

Do những lời hứa nguyện này tạo thành một năng lực hùng dũng, khiến ta tinh tấn không dừng trên đường tự giác, giác tha. Ngày xưa, Trần Hưng Đạo kéo quân đi đánh giặc Mông Cổ, khi qua sông Hoá, Ngài chỉ con sông thề rằng : “ Nếu không giết được giặc, thề không về thấy sông này ”.

Do lời thề giữa ba quân ấy, tạo thành một sức mạnh phi thường, khiến Ngài thắng được giặc, với tỷ số một chống mười. Chính Đức Thích Ca, Ngài cũng đã chỉ cội cây Bồ Đề mà thề rằng : “ Nếu ngồi dưới cội cây này, mà tìm không được Đạo, thì dù xương tan thịt nát, ta quyết không rời khỏi chỗ ngồi này ”.

Bởi chí khí quả cảm ấy, mà 49 ngày đêm, Ngài đắc đạo. Trần Hưng Đạo thề giữa ba quân, Đức Thích Ca thề với mình mà thành một nghị lực phi thường như vậy, huống chi chúng ta quỳ dưới Phật đài, đối trước chư Tăng ba lần phát nguyện, thì sức mạnh ấy còn gì sánh kịp .

Thế mà, có một số người nghe đến quy y, đã mỉm cười chế nhạo. Họ bảo rằng: “ Tôi không cần nương nhờ ai cả, tôi đủ khả năng tiến đến giải thoát, vì còn nương nhờ là còn ỷ lại, đời tôi không có tội lỗi, chính tôi thấy thế ” . Vừa nghe qua câu ấy, chúng ta tưởng chừng như họ đã là bậc thánh nhân, tự coi mình là thánh nhân, ôi ! còn gì đáng thương hại bằng. Phàm ở đời những người tự thấy mình xấu, biết lỗi. . là hạng người tiến bộ, ngược lại kẻ quấy không biết, lỗi không hay, một bề ngạo nghễ tự cao thì mong gì phục thiện, và những kẻ tự coi

mình là hiền, là thánh ấy, ôm tâm ngã mạn to bằng quả địa cầu, thì trên đời này họ còn biết kính trọng ai ? Chúng ta là những kẻ cầu tiến luôn luôn biết phục thiện, sẵn sàng cải hối, thành kính học đòi gương thánh hiền, nên thành tâm hướng về Tam Bảo .

Quy y Tam Bảo là nương tựa với Phật, Pháp ,Tăng. Không những Phật pháp , Tăng ở ngoài và chính ở tự tâm ta nữa. Mỗi khi làm quấy, nói sai, lòng ta thấy hổ thẹn, lương tâm bị dày vò cắn rứt cái biết khiến trách điều quấy, khen ngợi việc lành là tánh sáng suốt của ta, là Phật vậy. Trông thấy người đau khổ, ta nghe lòng nao nao thương xót, muốn cứu giúp họ, là tâm từ bi sẵn có của ta, nó chính là giáo pháp. Thấy cảnh thuận hoà êm ấm của gia đình người, lòng ta khởi mến chuộng, nghe những việc nhồi da xáo thịt, ta cảm thấy bất mãn, ấy là lòng thuận hoà sẵn có của ta, Nó là Tăng vậy. Chính ta trở về với tánh sáng suốt, với tâm từ bi, với lòng thuận hoà của ta tức là quy y Tam Bảo. Vì Phật là sáng suốt, Pháp là từ bi, Tăng là hoà thuận. Trở về với tánh sáng suốt ta sẽ sa thải bọn quỷ si mê. Trở về với tâm từ bi ta quyết thanh trừng bọn ma tham lam. Trở về với lòng thuận hoà, ta cố diệt trừ con yêu nóng giận, vì thế quy y Tam Bảo không có nghĩa là hoàn toàn ỷ lại, mà chính là phương pháp bỏ xấu về tốt, dứt khổ cầu vui rất tốt vậy .

Tóm lại, chúng ta quy y Tam Bảo là quyết định một hướng đi, tạo cho mình một nghị lực hùng dũng, bỏ ác theo lành, quyết tiến thủ trên con đường từ phàm đến thánh. Quy y Tam Bảo là một ý chí quyết tiến không lùi, là gây dựng một cuộc sống vững chãi, an tịnh giữa biển đời ba đào chuyển động. Con người sống mà không định hướng, không lối đi, thì khác nào cánh bèo linh đình phiêu giạt giữa biển khơi, thật còn gì đau khổ bằng .



QUY Y TAM BẢO

Mở đề: Kiếp người chẳng khác nào con thuyền đang linh đình ngoài biển cả, ai không khát khao tìm một chỗ nương tựa, một hướng đi để con thuyền đời đỡ chòng chênh và chóng vượt khỏi trùng dương nguy hiểm ? Chỗ nương tựa vững chắc nhất không đâu bằng ngôi Tam Bảo. Hướng đi nhanh chóng và an lạc chỉ có Đạo Phật.

Người đã nhận đạo Phật làm một hướng đi, bước đầu tiên phải quy y Tam Bảo. Quy y là nấc thang đầu tiên của cây thang giải thoát, là cửa ngõ đi vào nhà giác ngộ. Vì thế ai đã hướng về với Đạo Phật mà thiếu quy y khác nào kẻ vào nhà mà không từ nơi cửa. Quy y có tính cách hệ trọng như vậy, nên chúng ta cần phải hiểu rõ ý nghĩa của nó .

Định nghĩa : Kiếp sống của con người mong manh yếu ớt khác nào cánh bèo đang bị gió giập sóng dôi ngoài bể cả. Nếu không có nơi vững chắc để nương tựa, e một ngày kia phải tàn rữa và chìm lìm dưới đáy biển. Vậy nên phải quy y, nghĩa là đem thân mạng nương gởi nơi ngôi Tam Bảo. Tam Bảo là quả đất lành muôn hoa cỏ thiện đều từ nơi đó mà sanh . Tam Bảo là con thuyền cứu vớt chúng sanh đang đắm chìm trong biển luân hồi, đưa đến bờ giải thoát. Do đó, người phát tâm tu theo Đạo Phật phải thành kính đem gởi cả thân mạng này về ngôi Tam Bảo

Tam Bảo là ba ngôi quý báu: Phật quý báu, Pháp quý báu, Tăng quý báu . Tại sao Phật, Pháp ,Tăng là quý báu ?- Phàm vật gì khó tìm gặp, mà khi gặp được, có công dụng giúp người giải khổ, ấy là vật quý báu. Như vàng, bạc, ngọc ngà rất khó được. Nhưng một khi được là nó giải quyết được mọi vấn đề, nghèo khổ, đói rách ... cho con người. Tam Bảo cũng thế. Dễ gì gặp Phật ra đời, dễ gì thấu đạt pháp giải thoát, dễ gì gặp một vị sư chơn chánh ? Nhưng một phen gặp được Tam Bảo, chắc chắn giải thoát được mọi khổ não, và tạo cho con

người một cảnh giới an tịnh chơn thật. Vì thế, Phật, Pháp, Tăng gọi là quý báu. Tam Bảo có công dụng vô biên, nên phải giải thích riêng từng phần. Phật là đấng giác ngộ hoàn toàn và từ bi vô hạn, lúc nào cũng chực hướng dẫn chúng sanh đến chỗ giác ngộ như Ngài, nên người đời gọi Phật là đấng tự giác, giác tha viên mãn, là ông cha lành của tất cả chúng sanh, vị Đạo sư của mười pháp giới.

Pháp là những phương pháp tu hành do đức Phật dạy. Người thực hành theo những phương pháp ấy sẽ diệt sạch mọi phiền não, mê mờ, đến nơi an vui giải thoát. Nói một cách khác, Pháp là những phương thuốc trị bệnh chúng sanh. Chúng sanh là những bệnh nhân nằm rên siết trên giường bệnh, Pháp của Phật là diệu dược, nếu ai biết chọn uống thì lành được bệnh ngay, Pháp ấy đã rất nhiều nhưng đều nằm trọn trong ba tạng Kinh, Luật, Luận.

Tăng là một số đệ tử Phật, ly khai gia đình, hiến trọn đời mình cho đạo pháp. Những vị hăng ở chung nhau để tu hành, để học hỏi và luôn luôn giữ theo giới luật của Phật, bằng hoà thuận thân mến nhau. Các ngài thay đức Phật hoằng truyền chánh pháp, cứu độ chúng sanh.

Nói chung, quy y Phật là hướng thẳng đời mình theo đấng giác ngộ học theo gương từ bi của Ngài, thương yêu cứu vớt tất cả chúng sanh và cuối cùng thoát khỏi vòng mê muội của một phàm phu. Quy y pháp là y theo giáo pháp Phật dạy tu hành lần lần dứt sạch các phiền não, giải thoát mọi khổ đau. Người bệnh nhờ thuốc trị được lành, chúng sanh đau khổ nhờ giáo pháp cứu được an vui. Quy y Tăng là theo sự hướng dẫn của những vị sư chân chính mà tu tập. Vì các ngài đã dày công nghiên cứu và thực hành giáo pháp Phật dạy, tùy theo căn cơ trình độ mỗi người, các ngài cho những pháp môn thích hợp để trên đường tu khỏi phải lầm lạc.

Tóm lại, quy y Phật là mong được sáng suốt, quy y pháp là mong được hết khổ, quy y Tăng là nhờ sự hướng dẫn đúng lối giải thoát.

Quy y Tam Bảo chẳng những có thể, mà còn chia ra sự, lý khác nhau .

Sự Quy y Tam Bảo : Quy y Phật là quỳ dưới chân Phật phát nguyện trọn đời y cứ nơi Ngài, cầu mong Ngài hướng dẫn dắt dìu đến chỗ giác ngộ, nếu Phật còn tại thế. Trường hợp Phật đã nhập Niết bàn, quy y Phật là đến chùa quỳ trước Phật đài chí thành tưởng niệm như Phật hiện ngự trên đài sen, phát nguyện trọn đời theo gương sáng của Ngài. Phật sẽ chứng minh tấm lòng thành kính của đời tu hành không lui sụt .

Quy y pháp là y cứ theo kinh luật, luận của Phật mà đọc tụng tu trì. Những quyển kinh luật ấy ghi chép lời vàng ngọc mà Phật đã dạy. Học hỏi tu tập theo dần dần sẽ đủ sức ngự trị tâm mình, diệt tận phiền não.

Quy y Tăng là chọn lựa những vị sư đầy đủ đức hạnh có khả năng hướng dẫn ta trên con đường giải thoát, thỉnh cầu những vị đại diện chư Tăng truyền trao quy giới cho ta. Từ đó về sau tôn kính những vị ấy là thầy, chẳng riêng gì mấy vị ấy, mà tất cả những vị sư chân chính đều là bậc thầy của ta cả. Vị nào có khả năng hướng dẫn, đức hạnh gương mẫu đều là người đáng cho ta nương theo học hỏi .

Lý quy y Tam Bảo : Lý quy y Tam Bảo là trở về nương tựa với Phật, Pháp, Tăng sẵn có trong mỗi chúng ta .

Kinh chép : “ Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ”. Phật tánh là gì ? Tức là trí giác sáng suốt của mỗi người. Mặc dù chúng sanh sẵn có trí giác, nhưng đã lâu bị si mê phiền não che lấp không hiển lộ ra được, như mây mù che mặt nguyệt, như bụi phủ dày đặc trên mặt gương. Giờ đây quy y Phật là tự diệt trừ phiền não, phá si mê để trí

giác hiện bày, như vạch mây mù cho thấy ánh sáng của trăng, lau sạch bụi để lộ mặt gương.

Muôn vật ở giữa đời này thiên hình vạn trạng, nhưng đều cùng chung một bản thể. Như nhìn vào tiệm vàng thấy bao nhiêu món đồ trang sức bằng vàng hình thức khác nhau, nhưng chung quy vẫn là một chất, chất vàng. Đã đồng một chất vàng thì giá trị bình đẳng như nhau, nếu đồng cân lượng. Hình thức vàng : Vòng, dây chuyền, xuyên, cà rá v.v..luôn luôn thay đổi, nhưng chất vàng không bao giờ thay đổi. Hình thể sự vật là biến thiên, bản thể của nó là chân thật. Hình thể có lớn nhỏ, tốt xấu khác nhau, nhưng bản thể thì bình đẳng. Bản thể ấy gọi là pháp tánh. Người lóng tâm an tịnh để khế hợp pháp tánh, gọi là quy y pháp .

Bản tâm của mỗi người vẫn bình đẳng thanh tịnh nhưng vì vọng thức quay cuồng nên thành ô nhiễm. Như nước tánh vẫn là trong, vì sóng gió cuồng loạn nên trở thành ngẫu đục. Giờ đây chúng ta chặn đứng vọng thức để tâm trở lại thanh tịnh, đó là quy y Tăng .

Tóm lại, lý quy y Phật là phát huy trí giác sẵn có của mình, lý quy y Pháp là nhận chân bản thể của các pháp, lý quy Tăng là dứt vọng để tâm được thanh tịnh .

Giáo lý nhà Phật lúc nào cũng giữ tánh cách trung đạo và viên dung. Người quy y Tam Bảo không phải hoàn toàn y lại nơi Phật, Pháp, Tăng bên ngoài, mà phải trực nhận Phật, Pháp, Tăng nơi sẵn có của mình, mà vẫn kính trọng tôn sùng Tam Bảo bên ngoài. Biết viên dung cả hai mới gọi là chân chính quy y. Tuy nhiên, lý bao giờ cũng tùy ở sự mà hiển, nên phải đặt sự trước, lý sau. Như đứa học trò trước phải nhờ ông thầy chỉ dạy sau đó mới hiểu biết, đành rằng nó sẵn trí khôn, Do đó, sự là vấn đề quan trọng cần hiểu đủ mọi mặt của nó.

Nghi thức quy y : Sự, lý quy y đã hiểu rõ, nên biết qua nghi thức quy y là buổi lễ quan trọng trên đường tu tập của mình, vì đó là bước

đầu đi đến giải thoát. Vì thế, trước khi quy y, những vị phát tâm quy y phải y phục chỉnh tề, sắm khay lễ thỉnh chư Tăng đến trai đường, đánh lễ thưa bạch cầu xin chư Tăng dũ lòng từ bi truyền trao quy giới cho mình. Đừng lầm tưởng quy y là một phương tiện để chư Tăng thu nhiều đệ tử, khởi tâm khinh mạn thì tổn đức .

Sống trong cuộc đời nhiễm ô này, có ai dám tự cho mình là hoàn toàn trong sạch, vì trước khi thọ lãnh quy giới, mỗi người phải ba phen sám hối cho ba nghiệp được thanh tịnh. Ngày quy y là ngày bắt đầu bước chân lên đường giải thoát, như một bộ hành bắt đầu leo núi, trước phải gỡ bỏ những thứ công kênh vô ích đang mang nặng trong mình, sau mới tiến lên đến đỉnh núi, người quy y cũng thế, trước phải gạt bỏ những tội lỗi xấu xa đã mang sẵn trong mình từ vô lượng kiếp, để thân nhận pháp thanh tịnh, quý báu của Phật, thì mới tiến đến chỗ giải thoát được .

Đến phút quy y, người xin quy y phải quỳ thẳng trang nghiêm theo lời hướng dẫn của chư Tăng chí thành phát nguyện :

Đệ tử xin suốt đời quy y Phật .

Đệ tử xin suốt đời quy y Pháp

Đệ tử xin suốt đời quy y Tăng

Ba phen phát nguyện rõ ràng trước Tam Bảo, như thế là đã thành pháp Tam Quy. Người thật tâm quy y Tam Bảo là đã gieo nhân giải thoát, quyết định sẽ gặt được kết quả tốt là thoát ly ba đường ác : Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Vì thế, người quy y nên giữ vững lòng tin của mình không bao giờ lui sụt. Để bảo tồn lý tưởng cao cả của mình trên đường tu giải thoát, người quy y lại phải tự phát nguyện:

Đệ tử quy y Phật rồi xin nguyện trọn đời không quy y thiên, thần, quỷ vật

Đệ tử quy y Pháp rồi, xin nguyện trọn đời không quy y ngoại đạo, tà giáo .

Đệ tử quy y Tăng rồi xin nguyện trọn đời không quy y tôn hữu, ác đảng .

Tại sao phải nguyện như vậy ? Nguyện như vậy phải chăng là bắt buộc chủ quan ? Không, người phát nguyện như thế là nói lên một sức mạnh quyết tiến. Vì trước kia đã chọn lựa kỹ càng chỉ có Tam Bảo mới đáng cho mình ký thác cả thân mạng, chỉ có Tam Bảo mới đưa mình đến chỗ giải thoát cứu kính, cho nên nguyện trọn đời mình hướng theo Tam Bảo. Như một bộ hành đi từ Sài Gòn đến Huế, quyết định thẳng theo quốc lộ I, chớ không đi đường nào khác. Nếu ông quyết định đi Huế, mà khi ra khỏi Sài Gòn gặp đường nào cũng đi, chắc ông khó đến Huế được, nếu có đến cũng phải tốn công gấp ba, gấp bảy lần đi thẳng. Người quy y cũng thế, đã phát nguyện quy y Tam Bảo, mà gặp đạo nào cũng theo, gặp đảng nào cũng thích, chắc chắn người ấy không khi nào được giải thoát.

Người quyết tâm xuống bể mò ngọc, đồng thời gặp ngọc, pha lê, sò, hến, sỏi ...quyết định người ấy chỉ lấy ngọc chớ không lượm thứ kia. Nếu kẻ tìm ngọc mà không chịu lấy ngọc lại lượm pha lê, sò, hến ... thì ôi còn gì si mê bằng. Được ngọc là thỏa mãn sự mong ước của người tìm ngọc và đem lại bao nhiêu sự lợi ích vui sướng cho họ. Cũng thế, quy y là đưa người ta đến chỗ an lành thật muôn vàng lợi ích.

Lợi ích quy y Tam Bảo: Có lạc đường mới biết cái khổ bơ vơ và cảm nỗi vui sướng khi được người chỉ lối. Có ý thức được sự đau khổ ở kiếp người mới vui mừng khi hướng về ngôi Tam Bảo. Giá trị Tam Bảo là giới thiệu một con đường thẳng tắp, thênh thang chạy suốt tới thành trì an lạc. Đi đến hay không tùy chỗ tin tưởng và khả năng của mỗi người. Dù sao người hướng về Tam Bảo vẫn khỏi bơ vơ bơ ngỡ, khỏi thấy con đường đời bít lối.

Tam Bảo không những đem lại cho tâm hồn ta một sự an ổn vững chải đức tin tưởng kiên cố hiện tại mà còn mở cho ta thấy một tương lai rực rỡ. Ai không tin rằng đường đi về Sài Gòn sẽ đến Sài Gòn, đường đi về Huế sẽ đến Huế? Cũng vậy người quy y Tam Bảo là đi đường giác ngộ, giải thoát và thanh tịnh, ắt hẳn sẽ đến ba nơi ấy.

Quyết nghị: Có một số người tự cao tự đại bảo: “ Giá trị tôi như vậy mà đi phục lạy mấy ông thầy cầu xin quy y thì hèn hạ quá ai làm được. Thôi ở nhà đến trước bàn Phật phát nguyện quy y cũng xong. Hoặc có người bảo : “ Tôi ăn hiền ở lành cần chi quy y cho nhọc ”. Hoặc có người nói Phật tại tâm cần chi đến chùa ? v.v...Nói thế là họ không nhận thấy sự quan trọng trong khi quy y. Giá có người định bụng hoặc nói thăm, mười giờ mai mình sẽ đi thăm ông A ở cuối xóm. Nhưng gần đến 10 giờ phải một trận mưa lớn, hoặc có khách đến nhà thăm. Thử hỏi người ấy có đi thăm ông A đúng giờ đã định không ? Chắc là không .Vì anh có hứa với ông A đâu mà sợ mà lo. Ngược lại, nếu anh đã hứa rõ ràng trước với ông A thì dù mưa gió, khách khứa gì anh cũng phải đến. Nếu anh không đến sẽ bị lương tâm quở phạt nặng nề. Như vậy ai cũng phải công nhận lời hứa được người nghe, người chứng nhận, có một giá trị sâu đậm trong tâm hồn, khó mà quên được. Càng đông người nghe nhất là những người ấy đều là bậc đáng kính, lời hứa càng tăng giá trị lên bội phần, vì thế trong khi quy y, mỗi người tự hứa rõ ràng ba phen trước Tam Bảo, nhờ đó mà suốt đời không quên và không dám làm sai lạc. Nếu lỡ làm sai, họ hết sức hối hận lo chữa cải. Hơn nữa, lời hứa ấy ghi sâu vào tàng thức, đời đời sanh ra là họ sớm thức tỉnh, trở về con đường đạo. Cho nên quy y là một điều quan trọng không thể thiếu .

Kết luận : Tóm lại quy y Tam Bảo là đem đời mình nương gởi nơi Phật, Pháp, Tăng. Không phải hoàn toàn ỷ lại Tam Bảo bên ngoài, mà cần phát huy Tam Bảo tự tâm mình nữa. Đã phát nguyện quy y là

đủ điều kiện để thành một phật tử chân chính. Nhưng chỉ biết phát nguyện quy y mà không theo gương sáng của Phật, không y giáo pháp rèn luyện tâm tánh và không vâng lời nhắc nhở của chư Tăng, là một khuyết điểm lớn lao. Bởi thế sau khi quy y, phật tử phải sống đúng theo đường lối của Tam Bảo, nhất định có ngày sẽ đạt được kết quả như nguyện .

Các đạo quả tốt đẹp, từ quả vị hiền thánh, thanh văn ,duyên giác, Bồ Tát, cho đến Phật quả cao tột đều bước từ cấp quy y mà lên. Quy y được coi là nguồn phát nguyên của con sông từ thiện, là nền tảng của người đạo pháp. Vì thế người tu theo đạo phật nhất định trước phải quy y Tam Bảo .



Bài đọc thêm : TƯ CÁCH NGƯỜI PHẬT TỬ

Trừ những người vì mục đích lợi dưỡng, lợi dụng danh nghĩa Phật giáo mà nguy trang làm người phật tử thì không kể. Tất cả những phật tử đều phải hướng đến mục đích cao thượng, đó là giải thoát và giác ngộ. Không phải tất cả đều có thể thành đạt mục đích ấy ngay trong đời này, nhưng cuộc sống thanh tú là nền tảng nâng cao phẩm giá của người phật tử. Một người phật tử tại gia dù đã chứng đạt các quả vị thánh giả, cố nhiên trừ quả vị La Hán, và có thể quả vị A Na Hàm, vẫn không bao giờ được đặt cao trên địa vị một Sa Di .

Người phật tử phải biết bồi dưỡng phẩm cách đạo đức cho chính mình và mọi người. Trong số nhiều đức tính đạo đức, tổng quát bao gồm hai khía cạnh: khía cạnh vật chất và khía cạnh tinh thần. Về khía cạnh vật chất người phật tử phải có khả năng cung cấp các phương tiện sống để lợi đạo ích đời, và sống theo tiêu chuẩn thiểu dục tri túc. Nhưng quan trọng hơn cả là những đức tính thuộc khía cạnh tinh

thần. Theo đó người phật tử có đủ khả năng tu tập và có thể hướng dẫn những người khác chưa tin đạo sẽ tin, chưa hiểu đạo sẽ hiểu. Phải có kinh nghiệm để giải quyết những tâm tư khúc mắc của những người mới nhập đạo hoặc chưa.

Tóm lại, là phật tử phải biết học hỏi và tu tập về các mặt Giới, Định, Tuệ đó là ba khoa mục mà người phật tử xuất gia cũng như tại gia đều phải theo đuổi trong quá trình tấn tu đạo nghiệp. Nếu tự thấy mình còn yếu kém trong ba khoa mục ấy, thì phải tự cố gắng để đạt đến trình độ khả quan, chứ không lơ là để thời gian trôi qua, vẫn không đạt được mục đích./.



TÍN NGƯỠNG PHẬT GIÁO CÓ NHẤT ĐỊNH PHẢI QUY Y TAM BẢO HAY KHÔNG

Đúng thế, Tín ngưỡng Phật giáo và tín ngưỡng nhân gian sùng bái quỷ thần rất không giống nhau, tín ngưỡng Phật giáo tất nhiên phải quy y Tam Bảo đầy đủ . Gọi là Tam Bảo là chỉ Phật, Pháp, Tăng, sở dĩ gọi là Bảo vì lấy mãi chẳng hết, dùng mãi chẳng cạn, một khi tiếp nhận thường theo mãi mãi, nước, lửa chẳng thể huỷ, trộm cướp chẳng thể đoạt, nhận dùng không hết, các thứ báu trong thế gian đều không thể nào sánh nổi .

Phật Bảo là chỉ người tu hành tới mức phúc đức, trí tuệ viên mãn cứu cánh, bất cứ chúng sanh nào cũng đều có khả năng thành Phật, bởi thế chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại ba đời mười phương đều là đối tượng để chúng ta quy y tôn kính. Song trong các nhân vật lịch sử của thế giới chúng ta hiện nay, bậc được thành phật vẫn mới chỉ có một mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Pháp bảo : Là chỉ cho đạo lý và phương pháp để tu hành thành Phật và pháp bảo mà chúng ta đang được biết là những điều do đức

Thích Ca Mâu Ni nói ra, vì thế gọi Ngài là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Pháp bảo được thấy hiện nay là chỉ ba tạng giáo điển Kinh, Luật, Luận cùng với các chú giải, ngữ lục của các Tổ sư, đó là chuẩn mực là căn cứ chỉ đạo chúng ta tu hành và cần phải tu hành như thế nào ?

Tăng Bảo là chỉ người đang tu học Phật pháp, và giúp đỡ người khác tu học Phật pháp, hộ trì chúng sanh tu học Phật pháp, bao gồm Bồ Tát, La Hán cùng Tăng Ni phàm phu. Thế như Bồ Tát, La Hán là bậc Thánh Tăng, phàm phu có nhìn thấy cũng chẳng biết được. Những vị mà phàm phu tiếp xúc quá nữa là phàm phu tăng. Vì thế phải lấy Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni của thế gian làm trung tâm của Tăng Bảo .

Tăng bảo là thầy giáo, pháp bảo là giáo trình, Phật bảo là người phát minh và phát hiện ra giáo trình đó. Chỉ có Tam Bảo đầy đủ mới là Phật giáo hoàn chỉnh. Nếu không, chỉ tin Phật bảo trong Tam Bảo, thì không khác gì mù quáng mê tín quỷ thần, chỉ tin Pháp bảo trong Tam Bảo, thì cũng chẳng khác gì người thừa nhận cha nuôi, mẹ nuôi. Đó chẳng phải là Phật giáo.

Bởi vậy việc quy y Tam Bảo giống hệt như việc học trò đến trường ghi tên nhập học, đó là bước đầu của việc tin Phật, học Phật. Chỉ sau khi ghi tên nhập học, có học tịch rồi, tự mình mới thừa nhận là học sinh của trường và nhà trường mới tiếp nhận bạn vào học tập. Học tập là nghĩa vụ của học sinh, dạy học là trách nhiệm của nhà trường, bởi thế nghi thức quy y rất quan trọng, hơn nữa giống như các cặp vợ chồng kết hôn, công nhân viên đến nhận việc đều phải trải qua các khâu tuyên thệ và giám thệ...Như vậy để tỏ rõ sự thận trọng và khẳng định.

Nếu không qua nghi thức quy y Tam Bảo, đương nhiên vẫn có thể học Phật, Phật giáo không hề coi người chưa quy y Tam Bảo là ma quỷ, thế nhưng người học chưa kinh qua nghi thức Tam Bảo, về mặt tâm lý, chắc chắn có sự thoái thác, trù trừ, do dự, đến khi gây cản họ sẽ

nói rằng : “ Tôi chẳng phải là tín đồ Phật giáo, tôi chẳng phải làm theo giới luật của phật giáo”. Đối với các nghiệp ác và thói xấu như lười biếng, phóng túng, tà dâm vọng ngữ, trộm cắp ... họ sẽ tự tha thứ cho mình, hơn nữa còn không tự phòng ngừa khi các thứ đó xảy ra. Nếu quy y Tam Bảo rồi thì bản thân sẽ tự kìm chế, cảnh giác, canh cánh đối với mình sẽ được các bậc thiện tri thức là các bạn đồng tu cùng các bậc sư tăng v.v... động viên, đốc thúc, khuyên răn, cho nên về mặt nhân cách thăng hoa, đạo tâm tăng trưởng, tu trì nỗ lực v.v... đều sẽ tiến vào quỹ đạo, đúng nề nếp.

Xin bạn chớ cho rằng việc quy y là không quan trọng hoặc hiểu lầm rằng chưa hiểu phật pháp và chưa tu trì thì không đủ tư cách quy y Tam Bảo, kỳ thực chính vì bạn vẫn chưa tu hành, không hiểu phật pháp mà đã biết phật pháp là đáng tin, đáng học, thế thì càng mau nên quy y Tam Bảo. Người ta cho rằng bản thân chưa đủ tư cách để làm tín đồ phật giáo càng cần phải quy y ngay từ bây giờ. Sau khi quy y, bất kể về phương diện nào, về tâm thái, sinh hoạt hoặc tập quán v.v... đều có thiện hữu, có chư Phật Bồ Tát đến giúp đỡ cho bạn, gia hộ cho bạn, nếu là người ý chí bạc nhược, tín tâm chẳng đủ mà quy y Tam Bảo thì sẽ được tăng cường ý chí, tăng thêm tín tâm.

Bài đọc thêm: Sự xuất hiện của đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong thế giới loài người là một vinh hiển cho con người và cuộc đời. Ngài là kết tinh của muôn ngàn hương hoa “Tâm Bi” và “Trí Tuệ” là hiện thân của chân lý, một điềm lành cho tất cả chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới. Nếu cõi đời không đau khổ tối tăm đức Phật đã không xuất hiện ở đời. Ngài ra đời vì mục đích trọng đại là “khai thị ngộ nhập Phật tri kiến” cho chúng sanh, nên dù chúng ta có là phật tử hay không, thiết tưởng cũng cần biết sơ lược về lịch sử những diễn

biển lớn của cuộc đời ngài là đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo chủ khai sáng đạo Phật./.



VỊ TRÍ NGƯỜI TẠI GIA TRONG PHẬT PHÁP .

Tại gia tức nam nữ cư sĩ phật tử. Người tại gia phải hiểu rõ vị trí của mình trong phật pháp để tránh ý nghĩ tự ti và vô trách nhiệm. Nghĩa là thấy mình thấp hèn có tu hành cũng chỉ được phước báo thế gian không bao giờ nghĩ đến việc tu hành là để giải thoát để tiến đến giác ngộ, và trong Phật pháp tự coi mình là người đứng ngoài chỉ biết quy y theo thầy, không có trách nhiệm tồn vong của đạo pháp.

Trong Phật pháp tại gia cũng như xuất gia là tổ chức cố hữu do đức Phật quy định. Người tại gia có trách nhiệm giúp đỡ người xuất gia đủ điều kiện truyền bá và thực hành chánh pháp.

Như vậy người tại gia sống trong dục lạc mà vẫn thấy được vết đạo lý và nhờ có sự hộ trì của người tại gia nên Pháp bảo và Tăng bảo được trường tồn.

Thành phần xuất gia hướng thiện, thăng đến quả vị Phật Đà, là Tăng bảo trong Tam Bảo và hoằng dương chánh pháp ở thế gian.

Tại gia thiệp thế, người có phát Bồ đề tâm làm xúc tác nhân đến người thế gian biết sống theo chánh pháp Phật, là người nhận nhiệm vụ “hộ pháp” là người tu Bồ Tát hạnh và sẽ thành quả vị Phật tương lai.

Như vậy, vị trí người tại gia vẫn quan trọng là đã thấy được ánh sáng chân lý đạo pháp và là người giúp đỡ đắc lực cho Tăng bảo không thể thiếu(đó là theo giáo lý Nam Tông). Còn theo nhận thức giáo lý Bắc Tông thì người tại gia càng quan trọng hơn, xác nhận mình có khả năng giác ngộ không phải là tùy thuộc trong Phật giáo và

phải hành động cùng với Tăng Bảo để bảo tồn duy trì ủng hộ chánh pháp trải rộng trong không gian và tồn tại với thời gian.- Nói cách khác phật pháp có hai phần: “ căn bản” và “ hướng thượng”.

-Căn bản lấy Tam quy và ngũ giới để hoàn thành tư cách một người phật tử đối với gia đình và xã hội, dân tộc, chúng sanh.

- Hướng thượng từ phần căn bản lên giải thoát giác ngộ thành phật.

Vậy hai phần này toàn bộ là phật pháp, nếu thiếu phần căn bản thì phật pháp không thể tồn tại. Nên trước hết phải chú ý nâng cao nhận thức phần căn bản và đại cương phần căn bản sẽ trình bày sau.

NGƯỜI TẠI GIA LÀ THỂ NÀO ?

Trước hết người tại gia phải hiểu từ ngữ của mình và từ ngữ này nói lên lý tưởng và cuộc sống của đời mình.

Tại gia tức không tách rời gia đình, không ngoài hình thức sinh hoạt của thế gian mà thực hiện phật pháp cơ bản ngay trong cuộc sống này. Nói như vậy chưa phải đã gói trọn điều phải biết và phải làm của người tại gia. Nhưng cũng có thể cho ta thấy được sự quan trọng của nó.

Chính hình thức sinh hoạt của người thế gian mới là vấn đề đức Phật chú ý, mà căn bản là con người. Sự sinh hoạt này đối với đức Phật chối bỏ hay ưa thích không thành vấn đề. Điểm chính là sự sinh hoạt có thể hoá cải được, mà người tại gia trực tiếp hoá cải nó.

Hình thức sinh hoạt của con người theo phật giáo có hai chiều:

1) Xuôi chiều theo dục vọng và bản năng, không có tí gì lương tâm và lương tri, chính nó là nguyên nhân phá hoại sự sinh tồn của con người.

2) Sống có ý thức, biết nghĩ hạnh phúc mình và nghĩ đến hạnh phúc chung của người khác. Đó chính là sự sinh hoạt đúng với nguyên lý của nó.

Sống theo chiều hướng thứ nhất, đầu có mang tên phật tử vào mình cũng vẫn là “người thế gian”.

Sống theo chiều hướng thứ hai, tức đem chánh pháp Phật áp dụng trong sự sinh hoạt đời người, sống như vậy là “người tại gia”. Khi chấp nhận làm người tại gia trong hàng phật tử là đã làm một cuộc tái sinh cho đời mình, tức là bỏ sống theo dục vọng và bản năng, mà sống đời sống có lý tưởng chân thật và hữu ích.

Trong phật pháp, người tại gia không kể tuổi tác giai cấp hay nam nữ đều phải hiểu rõ đời mình, hiểu được lý tưởng nào mình phải có và nhất là quyết chí sống theo lý tưởng đó, được như vậy là người tại gia. Bởi vậy trong tổ chức người tại gia đức Phật không hạn chế tuổi tác, nam nữ, giai cấp hay chủng tộc mà chỉ quy định có hai phân: đàn ông gọi là Ưu Bà Tắc, đàn bà gọi là Ưu Bà Di.



Bài đọc thêm: NHỮNG ĐIỀU TIẾN BỘ ĐẠO ĐỨC

Đây là 10 điều tăng thêm, phát triển đức nghiệp cho người phật tử tại gia. Người tại gia phải chí tâm thọ trì:

1. Quy y Tăng rồi, thì Tăng vui mình vui, Tăng khổ mình khổ.
2. Thân và khẩu thanh tịnh.
3. Lấy đạo làm gốc, nghĩa là mỗi khi làm việc gì phải noi theo đạo lý làm điều tối trọng hơn hết, không bao giờ quên.
4. Ưa thích bố thí, tùy sức mình, nghĩa là có ít cho ít, có nhiều cho nhiều, không để lòng bòn xén làm chủ.
5. Siêng năng trong việc học hỏi thấu rõ lý đạo của phật đã truyền dạy.

6. Có chánh kiến, nghĩa là có trí tuệ thấy biết điều phải lẽ thật.

7. Tránh xa những người không có ý quyết định, không tin kẻ tà thuật, cho mình hoá phước, chỉ tin lý nhơn quả, làm lành được vui làm ác phải khổ.

8. Không quên Tam Bảo, dầu gặp nạn đến nơi hại mình cũng chẳng hề xu hướng theo kẻ khác mà kính họ làm thầy, bảo họ hơn Tam Bảo.

9. Mến sự đồng ý cùng nhau.

10. Tu hành chính chắn theo Phật pháp.

Những người Phật tử tại gia hết lòng sống theo 10 điều ấy, thì mình mau có kết quả trong việc tu học, cũng là hạt giống lành gieo ở Niết Bàn.



ĐỨC PHẬT VÔ THƯỢNG- GIÁO PHÁP CỦA PHẬT VÔ THƯỢNG, ĐƯỢC VINH DỰ LÀM PHẬT TỬ, HẸM TỎ RA MÌNH LÀ PHẬT TỬ, ĐỂ XỨNG ĐÁNG VỚI VINH DỰ ẤY.

MỤC ĐÍCH NGƯỜI TẠI GIA.

- Không một lý tưởng nào mà không có mục đích, và người theo lý tưởng đó phải hiểu được mục đích của mình để hướng đến.

Vậy mục đích của người tại gia là thế nào?

Đại cương mục đích của người tại gia “ **HOÁ CẢI SỰ SINH HOẠT**”, sinh hoạt bản thân, gia đình và xã hội. Những sự sinh hoạt của con người như thế nào mà phải hoá cải?

Theo chánh pháp Phật, người tại gia cần nhận chân sự thật đời người là **khổ**, khổ vì không nhận biết được mọi sự vật đều vô thường,

nghĩa là tinh thần và vật chất luôn luôn thay đổi, đi mãi không bao giờ ngừng lại trong tích tắc. Mọi sự vật đã ở vào trạng thái vô thường đổi thay, thì không có bản ngã độc lập tự tồn. Nhưng thực tế không giờ phút nào con người sống được với lẽ vô thường, mà chỉ sống bằng bản ngã thường trực.

Để phục vụ cho bản ngã, nên tham lam, giận dữ và si mê nổi lên. Nó là ba yếu tố căn bản của sanh, già, bệnh, chết, ân ái xa lìa, oán thù gặp gỡ, mong cầu không thoả mãn v.v... làm cho ta khổ.

Theo nhận thức chung trước thực trạng khổ đau của con người có hai khuynh hướng:

1.Khuynh hướng thứ nhất, cho rằng: đời người khổ do thần linh quả phạt, do số mệnh đặt định hoặc do trời đất an bày ...

2. Khuynh hướng thứ hai, cho rằng: do thiếu thôn về vật chất, vì con người phân chia nhau không đồng đều và thiếu văn minh khoa học....

Theo pháp pháp người tại gia hiểu được nguyên nhân thực trạng này không trao quyền cho thần linh, hay đổ lỗi cho vật chất văn minh.

Người tại gia xác nhận rằng: khổ đau hay an vui của con người đều do con người tạo ra, khổ não của con người do hành động sai trái của con người mà có, cướp bóc, giết hại oán hận, trả thù ... nếu không phải con người thì ai nữa.

Vậy những gì con người với con người đã gây ra, thì cũng chỉ con người mới diệt sạch. Hiểu được như thế tức tự mình xác nhận cuộc sống khổ đau là do hành vi tội lỗi. Tội lỗi con người tạo ra thì con người có thể bỏ đi, thay thế bằng hành động đạo đức chân thật mà loài người mong muốn.

Nói gọn, hoá cái đời sống bằng cách loại bỏ nguyên nhân tạo ra khổ não. Đó là mục đích mà người tại gia đeo đuổi, làm cho đời sống

con người được hạnh phúc an lạc. Đồng thời, chiều cao của mục đích, làm cho đời sống giác ngộ, giải thoát, tiến lên vô thượng giác.



NGƯỜI TẠI GIA HIỂU ĐỨC PHẬT

Trong các tôn giáo, người tín đồ chỉ biết tin vào đấng giáo chủ, tuyệt đối không được tìm hiểu gì về đấng ấy, người tin đồ như vậy được gọi là thuần thành bậc nhất. Trái lại trong phật pháp, người tại gia phải hiểu rõ đức Phật, mới có thể bước theo dấu chân Ngài trên đường giác ngộ ý niệm làm tín đồ đức Phật, trước hết phải nhận chân rằng, Ngài là Phật đã thành, chúng ta là Phật sẽ thành. Lời nói này có táo bạo quá đang không?- Không, đây là lời tuyên bố của Phật tại cội Bồ Đề sau giờ thành đạo: “Lạ thay hết thấy chúng sanh đều có khả năng giác ngộ”, chúng ta cũng có khả năng đó, ta có thể phát huy đến chỗ tròn đầy như thật.

Vậy, người tại gia phải hiểu đức Phật là bậc đạo sư, là cha lành của muôn loài. Ngài không phải là chúa tể sinh muôn loài vạn vật, và không bao giờ coi địa vị phật của mình loài người không thể đạt được. Hiểu đức Phật như vậy, là để tôn thờ Ngài cho đúng : làm gương mẫu tối cao, làm mục đích tối hậu trong việc tu học và phục vụ đạo của đời mình.



ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA NHƯ SAU

Ngài giảng sinh năm 624 trước Tây lịch, tại nước Ca Tỳ La, ở miền Bắc xứ Ấn Độ, dưới chân núi Hy Mã Lạp nay thuộc lãnh thổ nước Nepal.

Khi mới sinh ra Ngài tên Tất Đạt Đa, phụ vương Ngài là Tịnh Phạn, vua thành Ca Tỳ La. Mẫu hậu Ngài là Ma Gia phu nhân, Ngài thuộc giòng họ Cù Đàm nên đời thường gọi Ngài là Tất Đạt Đa Cù Đàm .

Ngài xuất gia 29 tuổi, tu khổ hạnh 6 năm, thành đạo lúc 35 tuổi, thuyết pháp độ sanh 45 năm, nhập Niết bàn lúc 80 tuổi, tức trước Tây lịch 544 năm tại rừng Ta La Song Thọ, gần thành Câu Thi Na .

Lúc nhỏ Ngài đã đủ tài năng trí thức và đức hạnh. Nhiệm vụ đối với gia đình và dân tộc Ngài không thiếu. Điều cần nhận mạnh là đau cái đau của mọi người và cười cái cười của mọi người, nên Ngài đã khuếch đại nhiệm vụ mãnh liệt nhận lấy trách nhiệm giải phóng con người. Đó là lý do xuất gia tu tập mà Ngài đã thành công .

Nhưng đức Phật Thích Ca có những đặc tính gì và bằng cách nào để đạt đến thành công ? Trong kinh nói : Một đức Phật phải có ba điều :

1- **Đoạn đức** : Tức là người đã diệt hết những động lực tiềm tàng của tham, sân, si ba thứ độc căn bản gây ra tham tàn, giết hại và manifold động .

2- **Trí đức** : Tức là người đã giác ngộ tận cùng tất cả hiện tượng riêng rẽ và các đặc tính tương quan của vạn hữu, không mặt nào không chứng ngộ, nghĩa là thể nghiệm được tính chất của vạn hữu, biết rõ biến thái của hiện tượng và hoạt dụng được năng lực của các pháp .

3- **Ân đức** : Tức cứu độ bình đẳng và cùng khắp tất cả chúng sanh, nghĩa là “ làm cho chúng sanh chuyển mê khai ngộ, bỏ ác làm lành, hết khổ được vui ” .

Do ba đức tính này, cấu tạo thành một đức Phật, tức khả năng giác ngộ mà ai cũng sẵn có. Nhưng để phát huy trọn vẹn ba đức tính ấy nói trên phải có các năng lực : Dũng , Trí và Bi .

1- **Dũng** : Là năng lực thực hiện đoạn đức, tức phải có ý chí dũng mãnh quyết liệt, mới thực hiện được trọn vẹn phần đoạn đức.

2- **Trí** : Năng lực thực hiện Trí đức, tức xử dụng trí tuệ cao tột vượt ngoài trí tuệ bình thường để đoạn trừ các thứ xấu ác. Đồng thời lợi lạc chúng sanh, nghĩa là biểu hiện cụ thể phần trí đức.

3- **Bi** : Năng lực thực hiện ân đức, tức ứng dụng lòng từ bi rộng lớn bình đẳng thuyết pháp độ sanh. Công hạnh này vượt ngoài nhân ngã. Đây là hiện thật của phần ân đức .

Bi, Trí , Dũng là ba hành động cụ thể của Phật tánh được biểu hiện bên ngoài. Đức Phật đã phát huy đầy đủ tận cùng Bi, Trí, Dũng nên Ngài đạt đến quả vị Phật Đà. Chúng ta hàng tại gia vốn có Phật tánh quyết chí phát huy tánh đó để đạt đến quả vị như Phật.

Nhưng người tại gia thực hiện việc mong cầu Phật quả trong bước đầu tiên bằng cách nào ? . Công cuộc thực hiện đầu tiên là nhắm vào sự hoá cải nhân cách, gia đình và xã hội của mình, như trong mục đích người tại gia đã xác định.

Đây là cơ bản địa vị Phật Đà, cơ bản này mà thiếu, là thiếu tất cả ./.



Bài đọc thêm : Đức Phật là người hướng đạo, Ngài chỉ cho ta con đường giải thoát. Không có một công thức nào bí hiểm hay kỳ dị nào giúp ta thoát khổ. Mỗi một chúng ta phải tự thanh lọc tâm vì những luyến ái trong tâm đã làm cho ta đau khổ.

Trí tuệ là một sự hiểu biết không thể dùng lời để diễn đạt, là một loại trực giác có được qua kinh nghiệm thực hành . Không phải là sản phẩm của tư tưởng hay quan niệm . Nó là liễu ngộ tức thời chân tướng của sự vật **Vô thường, Khổ** và **Vô ngã** .



ĐẠI CƯƠNG GIÁO LÝ CỦA NGƯỜI TẠI GIA

Như bài trước đã nói, toàn bộ Phật pháp có hai phần : phần căn bản và phần hướng thượng. Hai phần này là đại cương toàn bộ giáo lý mà người tại gia cần phải hiểu :

1- Phần căn bản : Nội dung là ba quy y và năm giới cấm, vì hai lẽ mà gọi là căn bản :

a- Cơ bản sự tu hành cũng như mục tiêu mà Phật pháp nhắm vào đầu tiên là “ đối tượng con người ”. Bởi con người chưa được đổi mới thì không thể làm được những việc hữu ích lợi tha, chưa nói đến sự tu hành. Chính ba quy y và năm giới cấm chú trọng vào căn bản này .

b- Nguyên lý sự tu hành được thiết lập trên “ **Nghiệp quả** ”. Nghiệp nhân và quả báo, xác nhận cuộc sống của con người do chính hành vi của con người tác động. Nên muốn hoá cải đời sống, thì căn bản phải hoá cải hành vi và động lực của hành vi là tâm lý .

Tóm lại, vì hai lẽ nêu trên phần này gọi là căn bản, mà còn gọi là “ Nhân thừa ”(chánh pháp Phật chú trọng con người). Riêng phần hướng thượng có dịp sẽ nói đến.



Ý NGHĨA TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI

Phần căn bản là phần chính yếu của người tại gia, vì nguyên lý của nó là hoá cải hình thức sinh hoạt con người, bằng cách hoá cải hành động, Tam quy và ngũ giới là phương pháp để thực hiện việc đó .

Đại cương ý nghĩa Tam quy và Ngũ giới

- Một bên quy định tín ngưỡng minh chánh, một bên quy định hành động hợp lý. Con người là căn bản, nếu muốn hoá cải gia đình và xã

hội thì phải hoá cải con người. Nhưng con người xấu là do hành động xấu, hành động con người xấu là do tâm lý xấu, phương thức đổi bỏ tâm lý xấu con người là Tam quy và phương thức hoá cải hành động con người là ngũ giới .

Căn bản tín ngưỡng minh chánh theo Tam quy thiết lập trên sự thực hiển nhiên ; Con người và chỉ có con người mới có thể đổi mới đời mình. Nhận thức như vậy mới gọi là đức tự tín trong đạo Phật. Do đức tự tín này, con người tự thấy mình phải hoá cải theo con đường chánh, như thế là quy y pháp, theo người thiết lập con đường chánh là quy y Phật và theo người hướng dẫn đường chánh là quy y Tăng. Phật, Pháp, Tăng là ba ngôi vô thượng. Người tại gia vì muốn đổi mới đời mình, nên quay lại nương gởi vào đó, mà gọi là Tam quy.

Khi đã nguyện bỏ đường tà quay về nẻo chánh, quy định cho tâm trí cách tín ngưỡng tam quy như vậy, tự nhiên thấy mình phải tôn trọng sự sống, tôn trọng tài sản, tôn trọng sự trinh sạch và giữ đức thành thật, giữ tánh sáng suốt của mình. Đó là ý nghĩa của ngũ giới .Cho nên ngũ giới là phương pháp đổi mới con người, đào tạo một nhân cách xứng đáng làm người. Đồng thời, ngũ giới cũng là luật lệ bảo vệ hạnh phúc giữa người với người.

Nói hẹp, con người có hành động giết chóc, bóc lột, gian dâm, dối trá và say sưa thì không còn nhân cách con người nữa. Nói rộng một giải pháp hoà bình mà đem chiến tranh để loại bỏ chiến tranh thì sự phá hoại đảo điên và bạo động nổi lên, không còn gọi là hoà bình.

ý nghĩa tam quy và ngũ giới đại loại như vậy, người tại gia cũng đủ thấy nó cần thiết đến mức nào.



**KHUYÊN TU: Chẳng biết kết duyên lành, đạo diệu thâm
Lửa danh lợi đốt, khổ thẳng trầm.
Đâu hay nhà, ruộng, cùng tiền của**

Tạm mượn người coi ít chục năm.

★ ★ ★ ★ ★

TRÁCH NHIỆM NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA

1- Phần đông Phật tử quy y Tam Bảo nhưng chưa ý thức được nhiệm vụ của mình phải làm gì đối với mình, đối với mọi người, đối với đạo. Hoặc có ít người ý thức lại là ý thức sai lầm, mình lầm rồi hướng dẫn kẻ khác cùng theo con đường lầm của mình. Vì thế Phật giáo tín đồ số lượng đông, phẩm phần lại quá ít.

Hy vọng sự bỏ tức những khuyết điểm của Phật tử tại gia để đến trong mọi gia đình Phật tử những hình ảnh đẹp đẽ của Phật giáo. Hướng dẫn Phật tử lối đi cần thiết trong hiện tại: - Thấy đạo, hiểu đạo đúng, tránh tệ đoan quy y cầu độ rồi lúc lâm chung, - mà là Phật tử chân thành chánh tín.

2- Phật tử tại gia là người con Phật đem giáo lý Phật áp dụng cho bản thân và gia đình sinh hoạt theo đường lối Phật giáo. Trách nhiệm và công vụ của Phật tử là hoán cải nhân gian trở thành một xã hội Phật giáo thuần túy. Mục đích chuyển hoá Ta Bà thành cực lạc thanh lương. Sự phổ biến Phật giáo khắp mọi tầng lớp quần chúng đều do Phật tử thực hiện.

Quan niệm chung xưa nay, nói đến trách nhiệm truyền bá Phật giáo đều công nhận do Tăng già đảm nhiệm, - hoặc cả hai đều gánh vác. - Sự truyền bá Phật giáo linh động và hữu hiệu là do Phật tử tại gia thực hiện. Vì sao, vì những cái hay cái đẹp của Phật giáo sẽ thâm nhiễm từ gia đình này đến gia đình khác, bắt nguồn từ người Phật tử, dần dần nhân gian biến thành tịnh độ, còn nếp sống của người xuất gia cao siêu và cách biệt không ảnh hưởng. Vì vậy, Phật tử tại gia có trách nhiệm làm linh động và sống dậy tinh thần Phật giáo qua nếp sống cá nhân và gia đình.

Thường phật tử quan niệm sai; Nói đến phật sự là họ nghĩ đình ninh là cúng chùa, xây dựng chùa, trai tăng, cầu nguyện, công quả v.v. .mà lãng quên yếu tố căn bản là : “ **LÀM SÓNG DẠY LỜI PHẬT DẠY** ” - Phật giáo chỉ là lý thuyết suông thì không ích lợi gì cho quần chúng. Nếu căn cứ vào sự cầu nguyện, cúng chùa được phước thì huyền diệu và xa xôi quá không thể nhận tới được. Khó thấy khó tin, vì thế phật tử tại gia phải cố gắng thực hiện lấy gia đình, bản thân mình làm cứ điểm lợi ích thiết thực để trả lời sự nghi ngờ và sự phê bình của quần chúng .

Một vị Tăng giảng hạnh từ bi, nhẫn nhục v.v. . mọi người sẽ cho là một mớ lý thuyết khô khan không thể thực hiện được . . .Phật giáo hữu ích hay vô ích chính do sự thực hiện hay không của hàng Phật tử tại gia .

Tu tập : Muốn cho quần chúng thấy được cái hay cái đẹp của phật giáo, người phật tử trước lấy giáo lý điều luyện cá nhân mình, bản thân mình là phản ảnh trung thành của phật giáo. Sự kiện đầu tiên là Tam quy và ngũ giới. - Quy y là đặt cho mình một lý tưởng, vạch cho mình một lối đi. Phật là mục tiêu, Tăng là người hướng dẫn đi đúng mục tiêu đã nhắm, Pháp là đường lối tiến đến mục tiêu. Cho nên quy y là định hướng, vì thế người phật tử đã quy y rồi thì không còn cái khô phiêu bạc linh đình vô lý tưởng.

- Năm giới cấm là phần thiện, tự lợi lợi tha. - năm giới giữ trọn là nhân cách của con người được đầy đủ - xã hội bị đòi truy là do không thực hiện 5 giới này. - Người phật tử tôn trọng mạng sống, tài sản, lễ nghi, tín nhiệm, tránh nơi ăn chơi rượu chè cờ bạc . . .

Ngoài ra phật tử còn phải học 5 hạnh căn bản của phật dạy, áp dụng 5 hạnh vào đời sống thực tế để tạo cho mình nếp sống đẹp đẽ và đem lại sự an lạc. 5 hạnh là Từ bi, Hỷ xả, Tinh tấn và Trí huệ .

Từ Bi : Người Phật tử thể hiện lòng thương chân thành trong hành động và ngôn ngữ, chia vui sẻ khổ cho nhau không kể thân sơ. Tại gia đối tượng thực hiện lòng thương là cha mẹ, anh em bà con quyến thuộc, thứ đến là những người cùng làng cùng xóm . .. Tình thương chân thành là sợi dây luôn luôn siết chặt mọi người thành một khối, thiếu nó gia đình rời rạc. Chỉ có chiếc gàu tình thương chân thật mới tát vơi dòng sông đau khổ .

Nhẫn nhục : Đã thương nhau thì phải hoà thuận nhịn nhường, nhất là đối với cha mẹ anh em, không to tiếng nặng lời, trong những nỗi hăm oan bức tức , không để cơn giận nổi lên rồi tình cốt nhục chia lìa, nhịn người ngoài dễ hơn nhịn người trong gia đình. Nhẫn nhịn có ba cấp bậc: Trên , dưới và ngang mình. Nhẫn nhịn bậc thấp là đối với bậc quyền thế bề trên. Nhẫn nhục bậc trung là nhẫn với những người ngang mình. Nhẫn bậc thượng là nhẫn với những kẻ dưới mình .

Hỷ xả : Đã nhẫn nhịn được còn cần phải có hỷ xả mới thật sự đem lại sự an lạc thiết thực, nghĩa là khi đã nhẫn nhịn rồi mà trong lòng không ôm ấp buồn phiền trong tâm. Nhịn được cơn giận nhưng trong lòng còn cưu mang uất hận, thì chưa được, cần phải vui vẻ tha thứ, được như vậy mới có sự vui vẻ an lạc. -Tuy nhiên cần phải nhắc nhở cho nhau những điều sai quấy .

Tinh tấn : Chuyên cần tinh tấn là sự tất yếu của người hướng thượng. Người Phật tử sống trong trần tục cho nên luôn luôn cầu tiến. Phật tử chuyên cần chuyển hoá tâm niệm, hành động ngôn ngữ của mình trở nên tốt đẹp. Tập quán xấu xa lâu đời trong người không thể nhất thời sửa đổi được cho nên phải chuyên cần. Phật tử còn phải chuyên cần trên công việc tại gia, làm tròn bổn phận trong gia đình, nếu để vợ con thiếu hụt thì lý thuyết trở thành chất liệu chua cay khiến vợ con chán sợ .- Chuyên cần chuyển hoá mọi người trong gia đình chung thờ một lý tưởng, theo một chiều hướng vươn lên.

Trí tuệ : Đạo Phật chú trọng phần trí tuệ, có trí tuệ con người mới khỏi lạc lầm đau khổ, làm việc lành mà thiếu trí tuệ thì việc lành ấy chưa được toàn vẹn (Làm việc lành không có trí có thể biến việc lành trở thành ác; Ví dụ, biết thương người chết đuối nhưng ta không biết bơi, không những ta không cứu họ được mà ta cũng lụy với họ nữa . Hoặc giả thấy người đau bệnh, ta thương đem thuốc cho uống, nhưng không biết bệnh lý của họ, và không biết liều lượng phải cho uống bao nhiêu thuốc, ta cho uống nhiều thuốc, quá liều lượng, ta tưởng rằng càng nhiều thuốc càng mau hết bệnh, nhưng trái lại đã không hết bệnh mà con bệnh dễ đưa đến tử vong, thế thì không phải thiện trở nên ác đó ư !). Vả lại cái thiện trong Phật giáo được gọi là thiện, người hành thiện phải có cái tâm “ vô duyên từ ” trong công việc làm thiện thì mới thật sự là thiện. Có nghĩa rằng làm thiện với cái Tâm “ vô ngã ” thì mới đúng nghĩa của cái thiện Phật giáo . Là Phật tử thiếu trí tuệ thì không thể thành người Phật tử chân chánh. - Muốn có trí tuệ Phật tử phải phá bỏ những sai lầm mê tín dị đoan “ Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sanh . Hữu tướng vô tâm, tướng tùng tâm diệt ” Nghĩa là : Có tâm không tướng, tướng từ tâm sanh . Và có tướng mà không có tâm, thì tướng từ tâm diệt . Tức là không có tướng tốt mà có tâm tốt, thì từ cái tâm tốt đó sẽ sanh ra tướng tốt (mọi việc lành). Ngược lại có tướng tốt mà không có tâm tốt (tâm ác độc) thì từ cái tâm xấu ấy sẽ làm mất đi tướng tốt .

Để khai thông trí tuệ Phật tử phải học kinh điển Phật giáo, thấu hiểu giáo lý nhân quả. Khi đã có trí tuệ sẽ đem đến lợi ích như sau : 1- Can đảm : không oán trách trong mọi tình huống, 2- Dũng tiến tu thiện, 3- Cẩn thận khi sắp làm sắp nói , 4- Không ỷ lại, 5- Không kiêu căng, 6- Không ích kỷ, 7 Không chán ghét, 8- Tích cực lợi tha, 9- Không khổ đau khi vô thường đến, 10- Người Phật tử vững lòng tin

nơi phật pháp thì trong đời sống lúc ngủ được yên vui, thức được yên vui, sống yên vui, sau khi chết được thanh nhàn .

Tụng niệm : Ngoài những phương pháp tu học ở trên, còn có phương pháp tụng niệm mà mọi người phật tử không thể không thực hiện trong đời sống tu tập của mình. Phương pháp tụng niệm có công năng thêm sức mạnh cho sự cải hối bản thân. Người Phật tử trọn ngày lẫn lộn với cuộc sống nơi trần tục, mỗi ngày dành chút thời gian cho thời khoá tụng niệm. Tụng niệm sẽ có năng lực chuyển hoá ba nghiệp nơi thân khẩu ý được thanh tịnh. - Giờ phút tịnh niệm giúp cho chúng ta vững lòng tin, quên đi mọi buồn phiền gian khổ nơi cõi đời này .



Phật pháp cơ bản, biên soạn 10-9 năm Bính tý (1996) Tam Bảo Tự
Đại Đức Thích Thiện Phương - trình bày và hướng dẫn

Bài đọc thêm : Địa vị Phật giáo không áp đặt bằng thế lực, cho nên địa vị Phật giáo không bị không gian và thời gian ngăn cách chướng ngại, phai lạt, và chính nó đã nằm ngay trong tâm địa của mỗi người. Mỗi người và mọi người tự bảo vệ tự bồi đắp, trân trọng và phát triển, và tự mình đặt nó cho đúng chỗ đứng của địa vị giác ngộ, đặt sai tức tự mình hạ thấp giá trị của tự chính mình.

Tư tưởng Phật giáo chứa đựng tinh thần cải tiến cách mạng tiến bộ, với đặc tính dung hoà mọi tầng lớp nhân dân. Từ bi trong Phật giáo không phải là cầu an, rụt rè làm ngơ, yếu hèn tiêu cực. Trí tuệ trong đạo Phật không phải là thứ hiểu biết khôn ngoan xảo quyệt, lừa đảo, tráo trở. Hùng dũng trong đạo Phật không phải bằng sức mạnh vũ lực tào bạo, dùng để ý thế. **BI , TRÍ , DŨNG** trong phật giáo phải là thứ thần dược danh y tùy theo bệnh mà cho thuốc. Dù là thần dược linh thiêng nếu sa rớt vào tà sư ác quỷ, thần dược ấy không những sẽ trở thành vô hiệu quả mà càng tác hại thân nữa là khác .

** ** **

Đức Khổng Tử nói : “ Tri chi bất như hiếu chi , Hiếu chi bất như lạc chi ”.

Nghĩa là : *Biết đạo chưa bằng yêu đạo, Yêu đạo chưa bền vui đạo*

“ Thế gian vô nan sự , duy do tâm bất chuyên ”

Nghĩa là : *ở đời không có việc gì khó, duy tại do tâm không chuyên cần mà thôi !*



NHIỆM VỤ HỘ PHÁP CỦA NGƯỜI TẠI GIA

Phần dẫn nhập : Con người là căn bản của gia đình và xã hội loài người. Tất cả mọi vấn đề đều do con người phát sanh và đều phát sanh vì con người. Bởi vậy muốn đổi mới tất cả, căn bản là con người không thể không tự đổi mới trước hết bằng phật pháp. Đó là một kết luận, kết luận đó làm một lý do chắc chắn chứng minh kết luận. Như vậy con người tuyệt đối phải có trong gia đình và xã hội loài người, với con người ấy, Phật pháp tuyệt đối phải có và phải được bảo vệ. Vấn đề hộ pháp được nêu lên trong trường hợp này. Nó là vấn đề tự lợi, lợi tha mà muốn sống có ý nghĩa và muốn phổ biến ý nghĩa ấy trong mọi tầng lớp và mọi thế hệ, bốn phận chúng ta buộc chúng ta phải có .

Muốn hộ pháp, duy trì phật pháp thì người Phật tử tại gia phải làm gì ?

1- Phải áp dụng phật pháp vào trong đời sống của mình :

Đó là công việc căn bản. Vì phật pháp có tồn tại không, không phải còn ở ngoài chúng ta, mà nó ở chính trong con người của mình. Đó là chưa kể rằng muốn duy trì phật pháp thì phải phổ biến ra cho mọi tầng

lớp và cho tất cả thế hệ mai sau, mà muốn vậy thì vấn đề “ ***phải làm để gương mẫu*** ”, là một nguyên tắc không thể thiếu được, cái thành kiến quái gở cho rằng “ tôi phải hy sinh tự lợi của tôi cho sự lợi tha ” cũng sẽ phải tan ra vì nguyên tắc này, bởi vì không có sự lợi tha nào đúng nghĩa từ ngữ ấy mà thiếu tự lợi, tức sự tự áp dụng phạt pháp trước hết, hay đổi lại, cũng chẳng có một sự tự lợi nào đúng nghĩa của danh từ ấy mà không vì mục đích lợi tha, tức vì lợi ích chung mà áp dụng phạt pháp .

2- Phải luôn luôn tỏ ra mình là người phật tử :

Thật là một lỗi lầm đáng chê trách khi một người sống trong Phật pháp vô thượng mà không thẳng thắn bộc lộ ra. Họ bảo như thế để mọi người thấy mình không cố chấp tín ngưỡng của mình, nhưng họ có biết đâu rằng cố chấp là một việc mà thành thực là một việc khác. Không thành thực bộc lộ tư cách phật tử của mình ra thì làm sao cảm hoá được người khác. Họ lại còn đi hợp tác với ngoại đạo tà ma. Họ bảo để tỏ tư cách quảng đại của phật tử nhưng lời ấy chỉ là che đậy những lý do lấy đạo làm bàn đạp cho lợi lộc cá nhân của mình mà thôi, chứ phật tử sao lại đi hợp tác với ngoại đạo ? Như thế Tam quy mà họ đã thọ làm sao còn được ? Họ lại càng ngây ngô mà trở lại công kích trong nhà không biết tổ chức, trong khi đó họ đem năng lực đáng lý họ phải góp công việc tổ chức Phật giáo, mà hợp tác với tổ chức khác. Bởi vậy, khi đã xác nhận phạt pháp là vô thượng và chỉ hoạt động cho phạt pháp mà thôi, mới là công cuộc hữu ích cho con người đúng với cái nghĩa của danh từ ấy, thì phải luôn luôn tỏ ra mình là phật tử trong tất cả mọi trường hợp.

a-/ Thường nghĩ đến phạt pháp, kính trọng thân mến mọi người .

b-/ Thường phải ăn chay, mỗi tháng đi chùa 4 ngày, dầu gặp tiệc tùng hay lý do sinh sống cũng không được tạm bỏ .

c-/ Góp của góp sức vào trong các tổ chức của phật pháp để làm những công việc hữu ích .

d-/ Khước từ thực sự những sự hợp tác với ngoại đạo tà ma và từ bỏ những cử chỉ rụt rè, thái độ chạy trốn và thụ động.

Mọi người tại gia phải nhớ rằng; Xã hội nào, tôn giáo nào, đoàn thể nào người ta cũng dung chứa và cảm mến những người thành thực trong đoàn thể của mình. Trái lại không ai mà không khinh bỉ và nghi kỵ những kẻ kém thành thực, phải nhớ như vậy để mà từ bỏ đi những ý nghĩ vẩn vơ về những sự nguy hiểm tương tự. Tóm lại tỏ ra mình là phật tử, chính là duy trì phật pháp rồi đó. Ngược lại, sự tỏ ra đó thiếu đi thì ý thức phật tử đã không còn nữa, mà ý thức này không thì luôn theo đó, tất cả những gì của phật tử phải có họ sẽ quên mất hết .

3- Phải có tinh thần chịu trách nhiệm và từ bỏ sự tự ty mặc cảm

⋮

Tự ty mặc cảm là tự nghĩ mình thấp kém tùy thuộc chứ không phải chủ động. Nhưng trái lại, thực tế chứng tỏ sự duy trì phật pháp trong gia đình và xã hội, người tại gia là người chủ động mà là lại chủ động trực tiếp. Bởi vậy, phật pháp còn hay không, còn trong gia đình và xã hội là trách nhiệm trực tiếp của người tại gia. Thực tế này nó kêu gọi người tại gia hãy bỏ thành kiến cho rằng phật pháp quan trọng ở các chư Tăng chư Ni, và bắt buộc người tại gia phải có tinh thần chịu trách nhiệm. Cái trách nhiệm duy trì phật pháp để hoá cải bản thân, hoá cải gia đình, và xã hội. Cái trách nhiệm ấy, cũng không riêng gì đối với phật pháp, vì sự hoá cải cần phải có, nên mọi tầng lớp, mọi thế hệ đòi hỏi người tại gia cái tinh thần trách nhiệm ấy .

4-/ Phải hành động tích cực và thực tế :

Vấn đề hộ pháp quan trọng và hợp lý như vậy nó bắt buộc người tại gia phải có những hoạt động tích cực, thực tế, một cách tế nhị, phải chống trả với mọi mưu mô ở bên ngoài và mọi xu hướng ở bên trong,

nếu những mưu mô và xu hướng ấy không làm hại phật pháp trong hiện tại cũng sẽ làm hại về sau, và tự mình, mình phải thắng những gì ở mình mà chính nó có thể lôi kéo mình vào những hành động phản bội phật pháp, phải tự giác mãnh liệt và đừng loà mắt vì mỗi lợi nhân tiền hay lo sợ vu vơ cái hại trong tư tưởng, phải chống trả với những gì mà mình biết không trực tiếp cùng gián tiếp, không ngày nay cũng ngày mai, không có thiện ý với sự sinh tồn của phật pháp .

Tất cả những lý lẽ trên này nó thiết tha kêu gọi sự hoạt động tận lực của chúng ta, to từ việc bỏ tánh mạng nhỏ đến việc bỏ ra từng đồng xu, tất cả tiềm lực nào mình có, mình không từ. Do ý thức này, người tại gia hãy bỏ cái thành kiến hiện giờ vẫn còn vương trong tư tưởng một số đông, rằng việc đạo phải có tài năng và có sức. Nhưng cái tài hưởng ứng cũng cần thiết như cái tài hướng đạo, cái sức tuy hỷ lại cần hơn cái sức đồ sộ, bởi vì một bên chỉ có một thiếu số mà một bên là một hậu thuẫn hùng hậu. Cho nên những công việc vật, mới thật là quý giá, chúng nó là những tấm lòng thành thực và sẽ góp thành một lực lượng to lớn. Và chỉ có vậy mới thật là hoạt động thực tế của tín đồ và cổ nhiên cũng chỉ có vậy mới duy trì phật pháp được trong tất cả mọi tầng lớp .

nói tóm lại, vấn đề hộ pháp, nó quan trọng ở chỗ người tại gia thành thực bộc lộ tín ngưỡng của mình và có tinh thần gánh vác trách nhiệm, phối hợp với những hoạt động dù nhỏ nhưng thực tế dũng mãnh. Chính đó phật pháp sẽ càng ngày càng xán lạng huy hoàng không những với các hình thức đồ sộ, mà còn với những sự cải hoá tốt đẹp đối với toàn diện đời sống con người .



QUAN NIỆM PHẬT TỬ ĐỐI VỚI CÁI CHẾT

Chết là gì ? : Thông thường chúng ta thấy sống và chết là hai cái khác nhau và mâu thuẫn với nhau. Nhưng nếu chúng ta nhớ và hiểu rõ đạo lý “vô thường” của Phật dạy thì không thấy gì là lạ cả.

Theo lời Phật dạy, chúng ta thấy tất cả sự vật đời đời luôn luôn, không một cái gì ngừng lại được một phút nào, nói về tư tưởng thì ta thấy mỗi một tư tưởng phát sinh ra thì cũng diệt đi để tư tưởng khác tiếp tục phát hiện; Nói về thân thể thì các tế bào luôn luôn thay đổi, lớp trước diệt thì lớp sau sinh.

Chính sự sinh diệt này đã liên tiếp tạo thành cái chết. Và chết là gì? Chỉ là kết liễu một giai đoạn đã tàn và tiếp nối một giai đoạn mới mẽ khác.

Cho nên hằng ngày chúng ta luôn luôn sống chết và sự sống chết của thân thể chỉ như sự diệt đi để cho cái khác sinh ra của một tư tưởng hay một tế bào mà thôi.

Xét như vậy thì chúng ta thấy không những vì cái sống mới có cái chết, mà lại còn chính có cái chết mới có cái sống, nên không có chi đáng ngạc nhiên cả. Không những sống chết không đáng để ngạc nhiên mà chúng ta cũng nên biết rằng dù muốn dù không sống chết là lẽ tự nhiên của thân thể, làm sao mà tránh được.

Tại sao chết ? Như trên đã nói, chính sự sinh diệt của thân tâm tạo thành cái chết. Nay căn cứ trên kinh luận, chúng ta thấy cái chết của tất cả mọi loài có bốn nguyên nhân sau đây:

a - Nghiệp lực đã hết b)- Sắc thân suy đồi c)- Đồng thời nghiệp lực hết mà sắc thân cũng suy đồi, d- Do sức mạnh khác ở bên ngoài đến huỷ hoại.

Ta lấy cây đèn để ví dụ bốn nguyên nhân ấy. Một cây đèn có thể tắt vì:

a) Tim cháy hết, b) Dầu khô hết, c) Tim và dầu cùng hết , d) Một sức mạnh bên ngoài như gió thổi tắt.

Tuy cái chết là kết quả của những nguyên nhân như vậy song quan hệ nhất là “ **nghiệp lực đã hết**”. Bởi vì chúng như ta đã biết, nghiệp lực tạo ra cái thân, nghiệp lực gây ra sự sống, cho nên chết cũng do nghiệp quyết định.

Ta hãy lấy một ví dụ: Ta dùng tay ném quả bóng, quả bóng ấy lên được trên không là nhờ do sức ném, và nó lên được cao hay thấp là vì sức ném mạnh hay yếu.

Thân thể của chúng ta cũng vậy: Có ra là vì nghiệp lực và sống được lâu hay mau cũng là vì nghiệp lực đã tạo.

Theo cái ví dụ giản dị trên, chúng ta thấy rằng quả bóng mà rơi xuống chính vì sức ném đã hết. Còn ngoài ra vì quả bóng lủng bể mà rơi hay vì phải vấp cái gì ngăn trở mà rơi đều là lý do phụ. Cũng như vậy, thân thể chết, nguyên nhân chính là vì nghiệp lực hết, còn ngoài ra sắc thân suy đồi hay các sức mạnh ở ngoài đều là nguyên nhân phụ thuộc? Và ở đây chúng ta phải chú ý một điều nữa, những nguyên nhân phụ ấy gây ra cái chết cũng là do nghiệp lực tác động.

Sau khi chết thì sao ? Như trước đã nói thì sự sống của chúng ta đây chỉ là sự biểu hiện của sự sinh diệt, nhưng liên tục của tư tưởng và tế bào. Ta hãy chú ý lại chỗ này một chút. Tất cả tư tưởng và tế bào của chúng ta đều chuyển biến luôn luôn, trước diệt sau sinh. Và mỗi một tư tưởng thay đổi của thân thể, ví dụ như sự tuần hoàn của khí huyết (nghĩa là tâm lý liên hệ đến sinh lý). Như vậy sau mỗi một tư tưởng thay đổi thân thể của ta thiết không như trước nữa. Cho nên thân tâm của chúng ta hiện tiền luôn luôn sống và chết, chết rồi sống, lớp trước diệt lớp sau sinh. Tuy vậy mà tâm thức của chúng ta không bao giờ gián đoạn cả. Chẳng qua sau một lần thay đổi thì thân thể

cũng như tư tưởng của chúng ta lại tiếp qua một trạng thái có màu sắc khác trước mà thôi.

Sự sống chết từng phút chốc hiện tiền như vậy thì sự sống chết từng đời kiếp cũng như thế. Tâm tánh không bao gì đoạn diệt. Chỉ có một điều là, chết nghĩa là nghiệp lực hết, cho nên tâm thức thoát khỏi thân cũ mà thọ thân mới. Thật ra cái thân cũ cũng không mất hẳn đi đâu mà chỉ tan ra đất, nghĩa là và nghiệp lực hết, nó không liên hệ (không sống) với tâm thức nữa mà thôi. Cũng như vậy, cái thân mới không phải là vật tự nhiên có, mà nó chỉ là sự phối hợp của bốn đại chủng(thể cứng, thể lỏng, thể hơi và sức nóng; tức đất, nước, gió và lửa) là liên hệ (sống) với tâm thức vì tâm thức đã do nghiệp lực mà sống với nó.

Tóm lại, sau khi chết thì, cũng như sống chết trong từng phút chốc, tâm thức không tiêu mất mà chỉ đổi một màu sắc mới và thọ một cái thân khác tùy theo nghiệp lực mà mình đã gây.

Biết như vậy rồi, quan hệ nhất là không cần sợ chết mà chỉ lo sự sống. Sống làm sao cho hiền lương, tẩy sạch tâm tánh cho thanh khiết. Đó mới là điều quan hệ cho sự vui khổ ngày sau, bởi vì chúng ta đã biết, sự sống khổ não hay an vui hoàn toàn do nghiệp lực chi phối.

Khi sắp chết và khi chết thì làm thế nào ? Trước hết phải nói về Tâm phải như thế nào khi sắp chết và lúc chết.

Ví dụ có một cái nhà tối đã lâu ngày nhưng một phút cuối cùng có ánh sáng thì sáng hắt cả nhà, ngược lại cái nhà ấy dù sáng lâu ngày mà phút cuối cùng tối thì cũng tối tất cả. Tâm của người chết đến phút sắp chết cũng vậy. Nó vô cùng mạnh mẽ và thay đổi được hầu hết màu sắc của tâm thức. Như vậy lúc sắp chết, người chết nên giữ tâm cho sáng suốt : Coi cái chết là điều tự nhiên của lẽ vô thường, đừng nhớ hành vi tội ác đã làm, hãy cố nhớ và tự mãn những điều tốt mình đã

thi thố và nhất là đừng quyến luyến tài sản, gia đình vì ái niệm là gây muôn thuở buộc ta trong sinh tử.

Đó là tâm, bây giờ nói về cảnh. Khi một người sắp chết, ta nên sắp đặt để họ trong một cái phòng trống rỗng và sạch sẽ, dọn hết tất cả đồ đạc, vì những thứ ấy làm rộn ràng tâm trí người sắp chết và gọi cho người sắp chết nhiều ý niệm không hay. Đó là nói về tâm và cảnh của người chết. Bây giờ chúng ta chú ý đến điều này hệ trọng hơn, là gia quyến đối với người chết. Quý hơn hết là trong phòng người chết chỉ để một vị sư, một tượng Phật. (Nếu có, còn không thì một người mà sinh thời người chết kính mến) để luôn luôn đề tỉnh tinh thần người chết, khuyên họ giữ ý niệm tốt, khuyên họ niệm Phật và to tiếng niệm Phật cho họ nghe. Ngoài ra thì tất cả thân nhân nên lánh mặt, chỉ để một người bình tĩnh thường trực phòng cần dùng mà thôi. Tất cả thân nhân nên lánh mặt là vì sự có mặt của thân nhân thế nào cũng buồn rầu khóc lóc trước cảnh biệt ly. Như vậy có khác gì người sắp chết đi đến chỗ đẹp đẽ mà mình kéo lùi lại. Tai hại không phải ít. Nhưng nếu thân nhân cũng biết chết là lẽ vô thường, cần biệt ly nhau bằng sự giúp đỡ cho người chết hơn là khóc than để tác hại cho họ, thì sự có mặt thì rất nên.

Nếu khi sắp chết và lúc chết mà giữ được như vậy thì người chết thế nào cũng được nhiều phần lợi ích.

Sau khi chết, thân nhân nên làm gì ? Không nên ma chay cúng đám, tuần tự mà sát hại sinh linh. Thân nhân ta đã chết, ta lại giết hại sinh vật để cúng đám, thế có khác gì người đã ngã còn xô đạp thêm? thật là tai hại vô cùng và vô ý thức.

Có người phàn nàn rằng cúng chay phiền phức. Nhưng chẳng lẽ ta không cố vượt qua một chút phiền phức để báo hiếu người chết ?

Cho nên sau khi thân nhân chết ta nên giúp đỡ họ siêu thoát bằng cách tụng kinh, bái sám, thực hành những điều lợi ích để rồi hướng cho họ, không nên làm cho họ sa đoạ thêm vì sự sát sanh cúng tế.

Chết quả là điều hệ trọng. Để kết thúc về cái chết, ta có thể đề ý ghi nhận các điểm sau đây:

1. Chúng ta nên coi chết là một hiện tượng tất nhiên của luật vô thường.

2. Sau khi chết thân này, ta tiếp tục thọ thân khác.

3. Thân ấy tốt hay xấu, quả báo thân ấy chịu vui hay khổ là do hành động đời nay quyết định.

4. Vậy bây giờ ta hãy cố gắng làm các điều thiện, tẩy trừ các điều ác.

5. Khi sắp chết thì tâm phải bình tĩnh, đừng nhớ lỗi cũ, cố nhớ điều lành đã làm, nhất là đừng quyến luyến gia đình và tài sản.

6. Ta nên để người chết trong một căn phòng sạch sẽ với một vị sư, một tượng Phật để đề tĩnh tâm thần người chết và giúp đỡ cho họ tịnh niệm.

7. Tuyệt đối không được khóc than.

8. Sau khi thân nhân chết nên giúp họ siêu thoát bằng cách thực hành các điều thiện.

9. Không nên sát hại sinh linh cúng tế vì như vậy thì họ chưa đoạ lạc tất phải đoạ lạc mà nếu đã đoạ lạc thì càng đoạ lạc thêm.

10- Ta cũng nên đề ý các việc trong các tang gia thường có, mà là người phật tử khi chết không nhất thiết phải bắt chước làm theo những tập tục thế gian, đã không có lợi cho người chết mà còn phiền phức nữa như : Rước người khóc thuê khóc mướn để cho đám tan ra về ầm ầm - Đội kèn nhạc suốt cả ngày đêm , - Đoàn âm công múa hát kể lễ . . .những điều này không trợ niệm cho người chết mà còn

gọi cho người chết những ý niệm không tốt. Mà ta nên niệm Phật hoặc tụng kinh để an tịnh cho người chết, tốt hơn những việc kia .

Cuối cùng ta nên nhớ một câu mà đức Phật đã dạy: “ Người làm điều thiện thì thức an vui, ngủ an vui, sống an vui mà chết cũng an vui”. Vậy ta phải luôn luôn tu hành, làm mọi việc có ích để dọn cho một cái chết cao khiết và đẹp đẽ.



NHỮNG ĐIỀU BÊN KIA CỦA TỬ

Hiện tượng: “ *người chết hồi sinh nói về thế giới bên kia của tử*” là một đề tài đang được nhiều người nói đến. Các nhà thần học và khoa học đang tranh luận ráo riết, kẻ tin người ngờ nhưng càng ngày càng có nhiều bằng chứng xác nhận sau khi chết. Hầu như tất cả mọi người chết rồi hồi sinh đều có những kinh nghiệm như sau:

1. Không ai cảm thấy sợ hãi, đau đớn gì mà chỉ thấy nhẹ nhàng linh hoạt, thoải mái, ung dung và an lạc.
2. Ai cũng thấy mình tách khỏi thân xác và có thể quan sát được thân xác đã chết của mình.
3. Ai cũng kể rằng họ có thể di chuyển nhẹ nhàng, xuyên qua vật chất và đến bất cứ nơi nào theo ý muốn.
4. Ai cũng cho biết họ có thể đọc rõ được tư tưởng của người khác.
5. Ai cũng thuật lại những dữ kiện chung quanh một cách rõ rệt. Khi thoát khỏi thân xác họ vẫn theo dõi được câu nói của bác sĩ, y tá trong bệnh viện hay thân nhân họ hàng ở những nơi khác.
6. Ai cũng kể rằng họ gặp lại bạn bè, thân quyến, cha mẹ anh em đã từ trần và những người này thường an ủi, giúp đỡ họ.
7. Ai cũng nói về một đường hầm tăm tối, đen như mực có sức cuốn hút rất mạnh và một luồng ánh sáng rất đẹp ở cuối đường hầm.

8. Ai cũng kể về sự tiếp xúc với một “Người” toàn thân phát ra ánh sáng. Người đó nói là thiên thần, người cho rằng Thượng Đế, có người tin rằng đó là các đấng tiên Phật. Nhưng dù gọi bằng danh từ nào “Người” này thường được toả ra một luồng ánh sáng rất đẹp, và bất cứ ai đến gần cũng đều cảm nhận được một tình thương rộng lớn, thanh tịnh, vô biên khiến ai cũng thấy được an ủi, thoải mái, sung sướng dễ chịu vô cùng.

9. Ai cũng bày tỏ rằng họ không muốn trở về cõi trần nữa và khi phải trở về họ thường khóc suốt mướt.

Đối với những người đã kinh nghiệm về sự chết thì không còn là điều đáng sợ nữa. Nhưng với những người chưa có kinh nghiệm này thì chúng ta phải có thái độ như thế nào?

Ta hãy xác định rằng: mỗi người ai cũng phải chết, vấn đề chết là thời gian thôi, người chết sớm, người chết muộn, nhưng trước sau ai cũng phải chết. “ Khi người ta biết chấp nhận sự chết, người ta có thể thay đổi hẳn thái độ của họ đối với cuộc đời”.

Biết chấp nhận sự chết là một bước tiến quan trọng. Để có thể chấp nhận nó dễ dàng, ta cần biết rõ đặc tính của cuộc đời này là vô thường. Tất cả mọi sự vật đều thay đổi, không có gì thường trụ vững bền. Với con người thì sự thay đổi này là một kiếp người nhưng thật ra chúng ta đã sinh ra và chết đi trong từng giây phút, vì trong mỗi giây phút có biết bao nhiêu tế bào trong thân thể chúng ta sinh ra hay chết đi. Tất cả các sự vật trong trời đất đều đổi thay. Mỗi năm có bốn mùa, xuân qua Hạ đến Thu tàn Đông lại. Có ngày thì cũng có đêm, có sáng ắt có tối. Sự thay đổi biểu lộ trong vạn vật rõ rệt như vậy nhưng chúng ta đều vô tình hay mê muội vẫn chưa chịu chấp nhận nó. Đa số mọi người đều sống mà như chết, sống nhưng chẳng ý thức được sự sống bao nhiêu: sống hồ đồ và mơ hồ như một xác chết biết đi. Càng văn minh bao nhiêu, người ta càng sống vô ý thức bấy nhiêu. Tất cả

đường như theo đúng một khuôn mẫu đã vạch, một chương trình đã soạn sẵn. Khi nhỏ thì lo học hành, trưởng thành thì lo kiếm việc làm, rồi lo lập gia đình, sinh con đẻ cái, lo mua nhà xe cộ, đến trung niên thì lo đạt được chút danh vọng, tài sản, lo du lịch, giải trí với bạn bè, rồi trả nợ cho ngân hàng hình như ta chỉ biết “Lo” thôi chứ không biết “Sống”. Vì cứ mãi như thế lo như vậy nên để tự trấn an, họ dành tất cả năng lực, tâm huyết cuộc đời để tích trữ tài sản, vật dụng, tiện nghi vật chất hay một chút danh vọng hảo huyền. Nhưng đã có rồi thì sợ lại mất đi nên mục đích của cuộc đời chỉ là làm sao cho bảo đảm an toàn cho những thứ mà họ thu thập tích lũy được. Mỗi khi có chuyện gì xảy ra, họ vội vã tìm cách giải quyết thật nhanh, thật chóng để không phải giáp mặt với những gì bất trắc có thể vượt ra ngoài khỏi tầm kiểm soát của họ. Cuộc đời cứ thế trôi nổi với những nỗi lo lắng kéo dài cho đến khi một biến cố trọng đại nào đó xảy ra như bệnh tật- tai nạn hay tuổi già sức yếu thì người ta buông xuôi hai tay, bất lực. Người Tây phương vẫn được tiếng là “Thực tế”, phải chăng “Thực tế” là nhắm mắt làm ngơ, từ chối không dám giáp mặt với sự thật rằng cuộc đời vốn vô thường, kể cả tâm thân tứ đại này đã sinh ra ắt cũng phải chết đi. Người Tây phương không muốn nhắc đến sự chết hay đời sống bên kia cửa tử vì nó không phù hợp với xu hướng “lo toan” của họ. Chết là điều bất ngờ, mà họ không thể lo được. Đời sống ở cõi bên kia là một cái gì mơ hồ mà họ không thể tính toán trước.

Có lẽ vì thế khuynh hướng hiện nay của con người là náo động. Họ lẫn xả vào hết việc này đến việc khác, lý do nêu ra là để kiếm sống nhưng đủ sống rồi họ vẫn tiếp tục bận rộn với những hoạt động khác mà họ gọi là để giải trí. Thực ra rự náo động này chỉ là một hình thức để che dấu những bất an, những lo lắng mà họ không thể giải quyết được, để lấp đi những sự thật mà họ không muốn giáp mặt trước khi nó xảy đến. Nếu chúng ta biết dừng lại và nhận định thật kỹ những

hoạt động hằng ngày của chúng ta có bao nhiêu việc quan trọng chúng ta vẫn làm ? Chúng ta tự đặt cho nó những danh từ thật kêu như “bổn phận”, “trách nhiệm” rồi than không có đủ thời giờ cho việc khác. Hãy khoan nói đến những việc lớn lao to tát mà ngay cả đến những việc thông thường như việc nhà, cũng đủ làm cho chúng ta bận rộn quay cuồn rồi. Buổi sáng vừa thức dậy đã lo trăm thứ chuyện, làm công tác vệ sinh cá nhân, rửa chén bát ăn ngày hôm trước, làm bữa sáng cho gia đình, pha trà hay cà phê, thấy trong gia đình thiếu đường, muối hay gạo, củi ... lại lo chạy ra chợ mua, cho chó mèo ăn trước khi đi làm việc. Khi đi làm về lảng xă vào bếp lo nấu nướng, rồi giặt giũ quần áo, quét dọn nhà cửa ... sau đó dành chút thời giờ đọc báo xem phim ... và cứ như thế nhu cầu tăng lên theo đà quảng cáo. Đó là chưa kể việc phải nghe điện thoại khi người ta gọi đến, những chuyện ngồi lê đôi mách, những tin đồn to nhỏ về người này người nọ. Thật là biết bao nhiêu trách nhiệm “phải làm” phải chăng chính vì vậy mà chúng ta đã vô tình tỏ ra “vô trách nhiệm” đối với chính bản thân mình ? những bận rộn đó đã cuốn hút chúng ta vào một guồng máy phức tạp khiến chúng ta không còn kiểm soát được cuộc đời của mình nữa. Đôi khi chúng ta tự hỏi: Phải chăng đời sống chỉ là như vậy? Nhưng hỏi chỉ để mà hỏi, rồi chúng ta vẫn tiếp tục bận rộn, chạy đuổi, lo toan như thế cho đến giây phút cuối cùng của cuộc đời.

Phải chăng thảm kịch của nhân loại hiện nay là người ta cứ chạy đi tìm kiếm hạnh phúc qua những hình thức bận rộn, lảng xă và tin rằng mọi vật mà họ nhìn thấy không bao giờ thay đổi hay thường trụ vững bền. Biết bao nhiêu người đã để cho cái náo động của xã hội này chi phối và sự náo động này phải chăng là một quảng cáo chế độ của những vô minh lầm lạc từ căn bản? Người ta không còn biết sống thoải mái, sống cho đúng với ý nghĩa của sự sống nữa, mà chỉ biết lo lắng để sống thôi. Khi còn nhỏ đi học, họ tin rằng nếu tốt nghiệp có

bằng cấp cao thì họ sẽ sống cho ra sống. Lúc tốt nghiệp có bằng cấp thì họ tin rằng phải lo tìm việc làm tốt, lương cao thì sẽ sống thoải mái hơn. Rồi cứ thế, họ trì hoãn việc sống thoải mái lại, y như người khát nọ, hoặc bằng hình thức này hay bằng lý luận khác. Nào là phải có nhà cao cửa rộng, nào là phải có xe hơi sang trọng, nào là phải có gia đình, rồi phải có sự nghiệp địa vị, tài sản hay danh vọng ... cho đến giờ phút cuối đời, họ vẫn không biết rằng mình đã bị chính cái thái độ lo lắng kiếm sống kia đối gạt.

Rama Krishna một đạo sư nổi tiếng của Ấn Độ , đã nói: “ Nếu người ta chỉ bỏ một phần mười năng lực, công sức mà họ theo đuổi trong việc tìm kiếm danh vọng, tiền tài, sắc đẹp ... vào những việc tinh thần thì họ có thể đắc đạo ngay trong cuộc đời này”. Một phần mười không phải là một cố gắng quá lớn lao nhưng đã mấy ai làm được như vậy?

Milare Pa. một đạo sư kiêm thi sĩ nổi tiếng của Tây Tạng, đã làm một bài thơ như sau:” Hoạch định kế hoạch cho đời sống tương lai giống như người đi câu cá trên cạn, sẽ không bao giờ bắt được cá. Tốt hơn hãy sống trọn vẹn trong hiện tại, bỏ đi hoài niệm về quá khứ và dự phòng cho tương lai. Biết sống trọn vẹn thì khi chết sẽ được trọn vẹn. Giờ phút cuối đời sẽ là những giây phút an lạc, đẹp đẽ như vàng trắng sáng vằng vặc trên đỉnh Tuyết Sơn.



LY BIỆT KHÔNG DỪNG

Nghệp cha mới vừa bụng con bắt
Hết chỏu rồi kể chắt nói truyền
Cứ như thế đủ lưu lòn
Gỗ nòn một mối thăm dườn nhiều đời

Cha mẹ chết con rơi nước mắt
Con chết thờ chầu chắt khúc rừng
Vợ thờ chan chứa vỡ chồng
Chồng thờ vỡ vợ đui dưng lệ rơi
Nước mắt ấy từ đời vụ thủy
Bốn biển to đem vớ khụng cụng
Tử sinh sinh tử khụng ngần
Dỗ oan đồng sợ, nợ trần đồng ghờ .

★ ★ ★ ★ ★

(Trích Khoả tu Phật thất _ Thước Chôn Tánh - Chứa Hoàng Phỏp)

NHỮNG ĐIỀU NGƯỜI PHẬT TỬ CẦN BIẾT

Có đạo đức, con người mới có lòng từ bi, sáng suốt công bình, gia đình mới có hạnh phúc chân thật, xã hội mới thực sự văn minh cả về hai phương diện vật chất và tinh thần. Người muốn học hỏi đạo lý và đức hạnh của Phật thì trước phải quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới. Sau đó người phật tử phải tinh tấn trau dồi đức hạnh và học hỏi các phương pháp tu giải thoát bằng cách cải thiện mọi sinh hoạt trong đời sống hằng ngày như sau :

1-/ Hết lòng tôn kính Phật, Pháp, Tăng là những bậc thầy cao quý, hộ trì ngôi Tam Bảo để Phật pháp trường tồn, thường niệm Phật để tâm an tịnh .

2-/ Nghiêm trì giới luật mà mình đã thọ để khỏi gây tạo nghiệp ác, tránh quả báo về sau .

3-/ Tập ăn chay kỳ, chay trường để trưởng dưỡng lòng từ bi, vừa bớt tính hung hăng, hiếu sát và để bảo vệ sức khỏe, ít bệnh hoạn .

4-/ Dứt bỏ những tính hung dữ, gian tham, trộm cắp, dối trá, để trở nên con người hiền lành ngay thẳng chơn chính .

5-/ Loại bỏ các thói hư tật xấu như cờ bạc, hút sách, ăn chơi phung phí v.v... phải biết giữ tiết độ trong việc ăn mặc và ngủ nghỉ, tập theo lối sống đơn giản, giảm bớt những nhu cầu vật chất không cần thiết, không cầu kỳ, không lập dị, không xa hoa, không buông lung .

6-/ Không lười biếng ỷ lại mà phải siêng năng sốt sắng, đảm đang, tinh tấn tu học với ý chí tự lập tự cường, kiên nhẫn chịu đựng để vượt qua mọi gian lao trở ngại.

7-/ Làm việc phải có tinh thần trách nhiệm, việc làm phải nhẹ nhàng khéo léo, sạch sẽ gọn gàng.

8-/ Hành động, cử chỉ, lời nói phải luôn luôn ôn hoà nhẹ nhàng, khiêm tốn không cống cao ngã mạn khinh người .

9-/ Đối với mình thì khắc kỷ chế ngự vọng tâm, đối với người thì đại lượng bao dung và nhiệt tâm giúp đỡ. Khuyến mọi người chung quanh đều hướng về đường lành, trau dồi đạo đức, phát huy trí tuệ, dẹp bỏ các hủ tục mê tín dị đoan

10-/ Thường nghiên cứu kinh điển để có thể hiểu biết và thực hành đúng chánh pháp của Đức Như Lai .

11-/ Mỗi tháng nên đến chùa ít nhất phải hai ngày sám hối để sám trừ tội chướng, ăn năn hối lỗi trước, tránh chừa lỗi sau .

12-/ Học thuộc các nghi thức tụng niệm thông thường để hoà được chúng khi tụng chung. Ngoài ra nếu có hoàn cảnh thuận tiện, mỗi tuần hay mỗi tháng nên dành ra một ngày để về chùa thọ Bát Quan Trai, để học hỏi thêm những giáo lý cao siêu hơn và được gần gũi với chư Tăng trọn một ngày trong không khí trong lành thanh tịnh, khiến cho tâm hồn hưởng được những phút giây nhẹ nhàng an lạc, mà ở tại nhà thế tục không tìm thấy được .

Tu học và thực hành được những điều trên đây là người dám làm cuộc cách mạng bản thân, bỏ tà quy chánh, cải ác tùng thiện, mới

xứng đáng là người phật tử thuần thành và chân chính, để từng bước tiến lên hạnh xuất gia giải thoát .



(Trích Khoá tu Phật thất - Thích Chân Tính - Chùa Hoàng Pháp)

KHÁI NIỆM VỀ GIỚI LUẬT

Mục đích tối hậu của Thiền là chứng ngộ, là tuệ giác, đạt tới nhờ định lực. Tuệ giác là sự chứng nhập chân lý của thực hữu và sự sống .

Tình tự “ thấp sáng hiện hữu tạo nên định lực, đạt tới tuệ giác ” là Tam Vô Lậu Học . - Chữ Giới trong đạo Phật phải được hiểu theo nghĩa chánh niệm nó mới phù hợp với trình tự tu học. - Giới không thể chỉ là những điều luật lệ ngăn ngừa. - Chấp vào những luật lệ ngăn ngừa mà không thấy được công dụng của chúng rồi kẹt vào phương tiện mà cho là cứu cánh, điều này được gọi là Giới cầm thủ .

-Tại sao sự áp dụng những tư tưởng chánh niệm trong mọi cử động hành vi được gọi là “ điều thiết yếu nhất dụng ” của giới . Bởi vì, sự giữ gìn thân tâm trong chánh niệm là điều thiết yếu để đạt đến tuệ giác, chứ không phải là ý niệm tội phước, trong khi giữ gìn những điều răn cấm .

Ví dụ nhà khoa học ngồi trong phòng thí nghiệm, ông ta không hút thuốc, nhai kẹo hay nghe máy thu thanh - Không phải vì ông nghĩ rằng làm những điều ấy là phạm tội lỗi, nhưng vì ông nghĩ rằng nếu ông không giữ gìn như thế ông sẽ không có được sự chú tâm cần thiết cho sự nghiên cứu của ông. Cũng vậy những giới luật trong Thiền môn không phải để giúp tránh tội chiêu phước mà là để giúp người hành giả an trú trong chánh niệm .



Đạo Phật là một giáo lý nhằm hướng dẫn sự hiểu biết, tỉnh thức, giác ngộ. Sự hiểu biết này không phải là một sự hiểu biết qua công trình nghiên cứu, học hỏi và suy luận, mà là công trình tu chứng. Đặc điểm trong đạo Phật sự giải thoát hay cứu rỗi là một sự giải thoát được thực hiện bằng trí tuệ chứ không bằng công đức hay ân huệ.

★ ★ ★ ★ ★

GIỚI - ĐỊNH - HUỆ

Khi ta trồng một cây gì, công việc của ta có hai phần lớn : Bắt sâu bọ, trừ nước phèn hay nước mặn đó là tu hay sửa. Bốn phần tưới nước ngọt, cho nó thoáng khí và ánh nắng mặt trời đó là bổ hay dưỡng. Tu bổ một cái cây cho nó đơm bông kết quả là như thế. Công việc trồng cây Bồ đề trong mỗi chúng ta cũng như thế, nhưng tất nhiên phải tốn nhiều công phu hơn, vì nó rất khó trồng. Nó không chịu được “bóng rợp của si mê” của rừng “vô minh” và phải có ánh sáng của mặt trời “Trí tuệ”. Nó không chịu được nước phèn nước mặn của ao “sân hận” độc ác, mà phải có nước ngọt của suối “Tỳ bi”. Nó không chịu được xú khí của đồng rác “phiền não” “ô trược” mà phải có không khí trong sạch của bầu trời “thanh tịnh”. Nó không thể sống trên mảnh đất lồi lõm “bất bình đẳng” mà chỉ sống ở giữa đồng bằng “bình đẳng”. Nhưng ở đây chúng ta hãy coi chừng trâu bò của anh chàng trọc phú “tham lam” thường thả rông ăn phá, để ngăn ngừa chúng dẫm đạp, ta phải làm một hàng rào “trì giới” hay xây một cái thành “tự tại”. Ta còn phải tìm bắt những con sâu “ích kỷ, giải đãi, tiêu cực, nghi ngờ”. Trong công cuộc này ta cần phải có sự giúp đỡ của những con kiến lợi tha tích cực, nhẫn nhục, tinh tấn “để diệt trừ trong trứng những con sâu bọ kia. Muốn trau dồi trí tuệ cho có kết quả người Phật tử phải thực hành theo pháp Tam Vô Lậu Học.

★ ★ ★ ★ ★

VẤN ĐỀ DUY NHẤT

Vấn đề duy nhất là phải giải quyết là “ ***phải thành được Phật***” để cứu vớt tất cả mọi chúng sanh.

- Nếu là người hiến mình chân thật cho Đạo hãy từ bỏ tất cả mọi ý tưởng về danh vọng thế gian.

- Nếu không suy nghiệm về lời của đức Phật dạy, thì sự từ bỏ thế gian chẳng đem lại âm hiệu bao nhiêu.

- Nếu không chế ngự được những dục vọng xấu xa bằng tình thương thì lời khuyên dạy chỉ là những âm thanh trống rỗng.

- Nếu không tu hành để được giải thoát thì vẫn bị buộc vào bánh xe sanh tử.

- Nếu không từ bỏ tất cả những sở hữu thế gian để cầu chân lý thì dù thiên định rất nhiều nhưng chỉ được lợi ít.

- Nếu không có sự an lạc bên trong thì những lạc thú và tiện nghi của thế xác sẽ trở thành suối nguồn đau đớn.

- Hãy từ bỏ những mục đích thế gian rồi sẽ đạt được mục tiêu tối thượng.



VỊ TRÍ VÀ TƯ THẾ NGỒI TRONG CÔNG PHU TU THIỀN VÀ NIỆM PHẬT

1/ Trước hết , khi tọa thiền thì phải có vật cách điện để cách ly thân người với mặt đất, như chiếu hay ghế, sạp gỗ ... vì khi có dòng điện từ chạy trong thân mạch mà không có vật cách điện thì điện trong người sẽ bị hao tán xuống đất.

2/ Nếu có nhiều người cùng đồng công phu thì tốt. Vì trong khi công phu tu tập thể, điện sẽ trợ thêm cho nhau. Người mới tu ngồi

trước người tu lâu ngồi sau. Đàn bà ngồi trước đàn ông ngồi sau, vì người ngồi sau trợ điện cho người trước.

3/ Trái đất có từ trường mà đường sức đi từ Nam qua Bắc. Nếu ta biết lợi dụng theo thể ngồi thuận chiều theo chiều từ trường trái đất thì nó sẽ giúp ta khí lực điện từ trong thân mạch được mạnh thêm. Vậy ta nên ngồi mặt quay về hướng Nam còn lưng xoay về hướng Bắc.

4/ Vị trí tọa thiền phải chỗ thanh tịnh, thoáng khí trong lành, không nên ngồi nơi nghĩa địa, gần cầu tiêu nơi hôi thúi, không được tinh khiết bất lợi cho ta trong việc tạo luồng hỏa hâu. (khí lực)

5/ Để tránh muỗi mòng, ta có thể ngồi trong mùng. Trường hợp trong khi tĩnh tọa, có ngứa thì ngưng lại để gãi cho thoải mái rồi làm lại cũng không sao, vì nếu cố gắng chịu đựng thì căng cân não có hại cho dòng lưu khí lực điện trong thân mạch.

6/ Tĩnh tọa không nên ngồi ngay dưới quạt máy hoặc nơi trống gió vì dễ bị trúng gió. Nên ngồi nơi không quá nóng không quá lạnh.

7/ Chỗ ngồi không nên sáng quá và tối quá, có ánh sáng dịu dịu là được.

8/ Tư thế ngồi hoặc bán già hoặc kiết già. Khi ngồi ở tư thế nào đi nữa thì lưng phải thật thẳng đứng để cho luồng hỏa hâu lưu chuyển dễ dàng trong cột sống, không bị trở ngại vướng mắc. Hai bàn tay thì bắt ấn Tam Muội, hoặc lật ngửa hai bàn tay, để bàn tay mặt nằm trong lòng bàn tay trái, sao cho hai ngón cái giáp đầu nhau, và cũng để ấn sát ngay vào dưới rún, còn hai cánh tay cho cặp sát vào hai bên hông.

Tại sao phải đặt ấn Tam Muội ngay dưới chân rún ? Vì rún là huyết Thần khuyết, là huyết của thể vía, mà ấn Tam Muội có công năng diệt trừ tất cả cuồng loạn tà mị, vọng niệm, tạp nhiễm suy nghĩ.

9/ Mở mắt hi hí một phần ba nhìn vào sống mũi, hoặc nhìn về phía trước mặt cách một mét, hai hàm răng cắn sát vào nhau còn đầu

chót lưỡi tựa vào núu hàm răng trên ở huyết Ngân Giao, suốt trong thời gian tỉnh toạ không rời.

GIỜ GIÁC CÔNG PHU

Bình thường có thể ngồi tỉnh toạ 4 lần trong 24 tiếng đồng hồ (tức trong một ngày một đêm) thì rất tốt, và công phu tỉnh toạ vào các giờ khoảng cách đều nhau như : Giờ Tý từ 11 giờ đến 1 giờ đêm. Giờ Mão từ 6 giờ đến 8 giờ sáng. Giờ Ngọ từ 11 giờ đến 1 giờ trưa. Giờ Dậu từ 6 giờ đến 8 giờ tối.

- Khi ăn no tránh không nên ngồi, phải cách bữa ăn sau 2-3 giờ.
- Mỗi khi ngồi có thể từ 30 phút đến 45 phút về sau tăng dần lên tùy tiện.

ĐIỀU HÒA HƠI THỞ

Thân thể con người như một bộ phận của máy. Nhiên liệu cung cấp không đều thì bộ máy trục trặc. Ví như dầu bơm không đều thì máy chạy không thông và không êm. Vì vậy khi tỉnh toạ phải giữ hơi thở bằng mũi cho thật sâu, thật dài, thật nhẹ nhàng, chậm rãi đều đặn, thật êm nhẹ để duy trì đều đặn tăng số của dòng lưu khí lực điện từ trong thân mạch.

Tiết độ và nhịp độ của hơi thở càng phải tập cho quen từ trước, tự động một cách máy móc, để đến khi vào tỉnh toạ thì không còn bận tâm theo dõi nó nữa, mà làm cho đầu óc hoàn toàn vô niệm, ảnh hưởng tốt cho não bộ.

ĐIỀU HOÀ TÂM

Con người khi bức tức nóng giận thì đôi mắt đỏ lửa, cái đầu đau nhứt cuồng loạn. Khi buồn rầu hay suy nghĩ quá nhiều thì cái đầu căng thẳng, đôi mắt lơ đãng. Những điều đó có nghĩa là những sóng tâm thức hỗn loạn và chạm với sóng chân khí nguyên thần.

Mục đích tránh tạo nên những sóng tâm thức hỗn loạn tạp nhiễu chân khí nguyên thần khó phát sóng, nên cả đời người tu, ngay cả

trong sinh hoạt bình thường hằng ngày ta phải giữ cho cái tâm phẳng lặng êm ả, hằng giữ cho lòng yên tĩnh không bận rộn điều gì, không nghĩ đến điều ác điều thiện, tập tánh cho thật không, đừng ghen ghét giận hờn lo buồn sợ sệt, mừng vui chi hết, không mẫn, không tưởng, không hình, không lưu chuyển, không bị lôi cuốn bởi xúc cảm đến từ bên ngoài, không tùy thuộc ngoại cảnh. Và khi tĩnh toạ phải hoàn toàn vô niệm, vắng lặng, nghĩa là lìa bỏ sự suy nghĩ, dứt bậc lo toan về cuộc sống hằng ngày, phải ngưng mọi thứ.

Tĩnh toạ là sự yên lặng tuyệt đối mọi tư tưởng, là vô niệm, là thực nghiệm trí tuệ tối thượng làm cho chúng ta hoà hợp với vô tận.

CÁCH ĂN UỐNG TRỢ GIÚP TRONG VIỆC TU TẬP ĐƯỢC THUẬN LỢI

- Trong việc tu tập, ăn uống đóng vai trò qua trọng cho việc tu có kết quả tốt và mau, thức ăn uống được phân ra làm 3 loại: Động, Tĩnh và điều hoà.

- Tránh thức ăn động như thịt cá nó sẽ mang lại các rung động thô bạo khiến luồng nhân điện trong cơ thể loạn lên.

- Tránh không ăn uống các thức ăn thuộc về tĩnh như món đang lên men, các loại rượu, các thứ đồ khô. Khiến luồng nhân điện bị ngắt quãng không đều, có khi bị ngưng trệ.

- Chỉ ăn các thức ăn điều hoà như rau quả ngũ cốc không làm hại đến dòng lưu của nhân điện. Như vậy trong việc tu tập ăn chay trường là tốt hơn hết.

NHỮNG ĐIỀU CẦN PHẢI TRÁNH TRONG VIỆC TU TẬP

- Người tu tập tĩnh toạ đừng bao giờ tập trung đầu óc mà làm căng cân não.

- Người tu tập không nên sử dụng bùa phép tà đạo, chơi cầu cơ, đi xem đồng bóng, gọi hồn nhập xác. Khi công phu tu tập, nếu có vong

linh hoặc vị nào giả danh Tiên Phật, dụ dỗ quyến rũ xin mượn xác thì nhất định từ chối, vì sẽ khó đuổi đi. Nguyên thần cũng bao giờ làm chủ xác thân.

- Cố tránh dự đám tang được thì càng tốt. Trường hợp người tu thiên trình độ có điển, nếu đi thăm người bệnh thì có thể mất điển, nhưng có lợi cho người bệnh. Tuy nhiên, khi khuya công phu sẽ lấy thanh điển trở lại.

- Trong khi tọa thiền, dù có thấy bất kỳ cảnh giới nào chẳng nữa, cũng phải biết giữ tâm không vọng động, gặp Phật hiện ra cũng không mừng, gặp ma đến cũng không sợ.

Với người tu tập thì chứng đắc không phải là một nhãn hiệu, là một điều gì để đạt đến, để sở đắc, vì nếu còn thấy có quả vị để chứng đắc thì còn chấp trước, mà đã có chấp trước thì chưa hẳn là vô niệm, như thế rất có hại cho công cuộc tiếp tục tu tập. Cho nên khi thấy có kết quả tốt thì không nên mừng mà cứ an nhiên tự tại.

- Khi đã bước vào con đường tu tập, thì trong sinh hoạt hằng ngày nên làm các việc thiện, mở rộng lòng thương, quên mình để giúp đỡ mọi người. Như thế dần dần tâm linh sẽ được soi sáng và mở rộng.

- Khi công phu tu tập nếu thấy ánh sáng màu chói loà ngay trước mặt thì tin theo vì là chánh, còn ánh sáng mờ ở hai bên thì đừng tin và đừng nhìn vì đó là không phải chánh. Ánh sáng hào quang của chư Phật đều có màu sáng rực trong suốt, chói loà, khi thấy thì đừng sợ sệt.

- Đối với người tu tập, thời gian không còn là yếu tố quan trọng. Vì tùy tiện theo sức lực của mình, theo trình độ của mình có thể ngồi lâu bao nhiêu cũng được.

CẨM NIỆM VU LAN PL :2539 (1995)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát

Kính thưa quý đạo hữu cùng các Phật tử có hiện diện trong buổi cài hoa hồng hôm nay.

Theo truyền thống của đạo Phật, hằng năm đến ngày rằm tháng bảy âm lịch là ngày lễ Hội Vu Lan, ngày ấy đã trở thành ngày Hội Hiếu của dân tộc Việt. Lễ Vu Lan không chỉ thể hiện hiếu tâm, hiếu hạnh của người con Phật mà nó còn mang tính cách giáo dục con cái biết ơn và đền ơn đối với bậc sinh thành dưỡng dục.

Hôm nay toàn thể đạo hữu và Phật tử chùa . . . chúng ta tổ chức lễ cài Bông Hồng, để nói lên Hiếu đạo của người con Phật mang tính cách để nhớ Mẹ, để mừng Mẹ, để tôn vinh Mẹ còn đương tại thế và cũng để xót xa tưởng nhớ đến những người Mẹ đã qua đời.

Kính thưa quý vị, Hoa Hồng đẹp tuyệt vời, hoa Hồng thơm toả hương khắp nơi nơi, là tiêu biểu những nét đẹp dịu dàng của Mẹ và tình thương bao la của Mẹ.

Tí nữa đây quý vị sẽ lãnh phần thưởng đẹp nhất của đời mình là đoá hoa hồng có nơ xanh, biểu hiện cho cha mẹ song toàn. Với hoa Hồng có nơ trắng biểu hiện cho mẹ còn cha mất, với hoa Hồng trắng có nơ xanh biểu hiện cho mẹ mất cha còn, với hoa Hồng trắng nơ trắng, biểu hiện cho mẹ cha đều mất.

Và để tưởng nhớ Mẹ, tôn vinh Mẹ chúng tôi xin đọc bài thơ nói về Mẹ.

Khi con biết đòi ăn- Mẹ là người mớm cho con muống cháo-
Khi con biết đòi ngủ bằng tiết tấu - Mẹ là người thức hát ru con - Bầu trời trong mắt con một ngày xanh hơn - Là khi tóc Mẹ ngày thêm sợi bạc - Mẹ đã thánh hiền nhiên như trời đất - Như cuộc đời không thể thiếu trong con - Nếu có đi một vòng quả đất tròn- Người mong con

mỗi món cũng không ai ngoài Mẹ - Cái vòng tay mở ra từ tấm bé- Cứ rộng dần khi con trẻ lớn thêm - Mẹ là người đã đặt cho con cái tên riêng - Trước cả khi con biết bậc lên tiếng Mẹ - Mẹ- Cái tiếng gọi mà từ khi bập bẹ - Đến lúc trưởng thành con vẫn chưa hiểu hết chiều sâu - Mẹ- Có nghĩa là bắt đầu - Cho sự sống cho tình yêu, cho hạnh phúc - Mẹ -Có nghĩa là duy nhất - Một bầu trời, một mặt đất, một vầng trăng - Mẹ chưa sống đủ trăm năm - Nhưng đã cho con dư dả nụ cười và tiếng hát - Chỉ có một lần Mẹ không cho con khóc - Là khi mẹ không thể nào lau nước mắt cho con - Là khi mẹ không còn - Hoa Hồng đã từ đây hoá trắng- Rồi những đứa trẻ chào đời và lớn lên theo năm tháng - Biết bao người được làm mẹ trong ngày- Tiếng trẻ thơ gọi mẹ ngân nga trên quả đất này - Thành âm thanh không thể nào vắng lặng.

Mẹ có nghĩa là ánh sáng - Ngọn đèn thấp sáng máu con tim - Cái đám lửa thiêng liêng- Cháy trong bão bùng, cháy trong đêm tối - Mẹ - Có nghĩa là mãi mãi- Là cho đi không đòi lại bao giờ - Cổ tích của những ai còn mẹ là “ngày xưa có một công chúa hay một ông vua” - Cổ tích của tôi là “ Ngày xưa có Mẹ”

Và để xót xa tưởng nhớ những người mẹ đã qua đời với bài thơ mất Mẹ.

Năm xưa tôi còn nhỏ - Mẹ tôi đã qua đời - Lần đầu tiên tôi đã hiểu - Thân phận trẻ mồ côi - Xung quanh tôi ai cũng khóc - Im lặng tôi sầu thôi - Chỉ dòng nước mắt chảy - Là bết khổ đi rồi- Thuở nhỏ tôi không tin - Người thân yêu sẽ mất - Hôm nay tôi sững sờ và nghi ngờ trời đất - Từ nay tôi hết thấy - Trên trán mẹ hôn con - Những con khi phải đòn - Đau lòng mẹ la rầy - Kia nhà ai sung sướng- Mẹ con vỗ về nhau - Tìm mẹ con không có - Khi buồn biết trốn đâu - Hoàng hôn phủ trên mộ- Chuông chùa nhẹ rơi rơi - Tôi thấy tôi mất mẹ -Nhuất cả bầu trời.

Kính thưa quý vị: Vu Lan lại về với bao niềm sung sướng và thương nhớ những bậc sinh thành dưỡng dục thâm ân- Với trong ý nghĩa này chúng tôi xin nguyện cầu mười phương chư Phật vô lượng Thánh hiền tùy từ phóng quang mật hộ cho cửu hiền thất tổ, chư tiên linh quá cố tứ thân phụ mẫu lục thân quyến thuộc ông bà cha mẹ của quý vị đã quá vãng nương nhờ Phật lực Pháp lực chúng Tăng lực siêu sanh tịnh cảnh. Hiện tại cha mẹ bà con quyến thuộc thân tâm thường an lạc, đạo tâm kiên cố căn lành tăng trưởng mọi sự kiết tường như ý.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát Ma Ha Tát.

Mùa VU LAN PL 2539

PHÁP ỨNG XỬ

1 - THỔ LỘ CHÂN TÍNH :

Trong các cử động vô ý thức là hao tổn khí lực hơn hết, chỉ có sự thổ lộ chân tình là nên trừ khử trước nhất.

Bất kỳ ở chỗ nào, trong trường hợp nào, tốt hơn ta hãy lặng lẽ làm thinh. Ta phải gắng sức, vì đó là một sức mạnh, không phải dễ gì kiềm thúc. Ví như mỗi một lời nói, mỗi một cử động, mỗi cái múa tay, múa chân vô ích mà kiềm lại được là thêm cho mình khí lực đó. Đừng lãng phí khí lực của ta trong những câu chuyện vụn vặt bàn tán những câu chuyện hằng ngày, phê phán người kia người nọ, Đừng tưởng đó là mất vẻ giao thiệp, chính đó là cách bớt những cử động vô ích cho mình và cho người. Khi nào cần phải nói thì hãy nói, nói một cách có ý thức, lựa lọc từng lời, phải thay vào những câu ngớ ngẩn, bằng những câu có ý nghĩa. Đừng nên cãi lầy vô ích với ai cả. Nếu ta biết trước rằng không ích gì cho hai bên thì hãy nên làm thinh. Nhất là đừng bao giờ vô tình để người ta bắt buộc mình phải nói. Trong khi

nói đừng hấp tấp vội vàng, thùng thẳng mà nói, nói cho rõ ràng, quả quyết. Trong mỗi ngày phải thâm hút, kiểm soát lời nói lại. Đừng lẫn lộn sự nói nhiều và ít nói. Có người suốt đời nói mãi, mà vẫn như chưa từng nói. Có kẻ suốt đời ít nói nhưng mà nói nhiều nhất. Còn có kẻ suốt đời không nói một lời, mà hễ nói ra toàn là những lời vô ích, hoặc đi gieo sự nghi ngờ, sự tan rã, sự cừ thù giữa con người. Họ chính là kẻ nói rất nhiều. Nhưng cũng đừng sa vào thái quá. Những kẻ tâm trí sâu hiểm họ thấy hại cho kẻ khác cũng vẫn làm thính. Cái đó không phải thu nhập khí lực bằng cách giày vò của sự ghen ghét, của ác tâm . . . ở ngoài thấy hoà hoãn nhưng nơi bên trong là một sức phá hoại ghê gớm mà ta không dè, cái không nói của người điềm đạm không có ẩn một ác ý gì khác .

** ** **

HIẾU DANH : Chúng ta nói nhiều thường là do nơi tấm lòng tự đắc nó xúi ta như thế. Ta kiểm đủ cơ hội để tỏ cho chung quanh thấy ta là giỏi, là hay để thoả mãn cái lòng tự đắc, hiếu danh của mình. Không phải những sự phách lối, thô kệch của sự khoe khoang mình một cách tinh vi, ta thừa đủ cơ hội để khen người này, tặng người kia nhưng rốt lại người được khen ấy là bầu bạn, anh em, học trò hoặc con cháu ta.

Cứ quan sát kỹ chung quanh, ta sẽ thấy trong câu chuyện hằng ngày, ít có ai tránh khỏi cái tánh hiếu danh đó. Nhứt là mình , phải kiểm soát cho kỹ lời nói, đừng để sa vào hướng đó .

NÓNG NẤY : Bất kỳ là ở trường hợp nào, chúng ta đừng bao giờ biểu lộ ra sự nóng nảy, bực tức. Dầu phải đứng trước sự khiêu khích thậm tệ, hãy giữ thái độ trầm tĩnh. Nên tự nhủ “ nếu ta giận là ta mắc kế . Bởi ta không vừa ý họ, nên họ muốn trả thù ta bằng cách làm cho ta bực tức, đau đớn . . . nhất định ta không để cho ai lợi dụng và sai khiến ta như một con vật thụ động ”. Đó là những xúc cảm vô ích về tình cảm. Ta phải kiểm soát nó cho kỹ và dẹp trừ nó, đừng cho nó lộn

vào các hành động có ý thức của ta hằng ngày. Đây là một phương pháp đối trị sự nóng nảy.

SỰ XÚC ĐỘNG VỀ CẢM GIÁC : Tư tưởng của ta sở dĩ hoạt động là nhờ những nhận thức của ngũ giác quan. Dem những cảm giác ấy mà giải phẫu, lý luận là một điều rất hay cho sự tự chủ của ta .

Sau này về những xúc động do ngoại cảnh gây ra, ta nên biết hình thái của ngoại cảnh thường làm cho bên trong ta biến đổi. Giả sử ta đi vào trong một quán nước, một đền thờ, một cơ quan chính quyền. . . không phải tâm hồn ta có một cảm giác như nhau: ví dụ vách sơn, bàn ghế, hình ảnh v.v..gây nơi lòng ta một cảm giác trang nghiêm tôn kính mà ta không thể có được khi bước vào quán nước trong làng .

Nếu sự bất ngờ xui ta đến một đền thờ hay ta chứng kiến một cuộc cúng mạng ghê tởm nào tự nhiên ta xây mặt đi chỗ khác. Đó là một cử động ở dưới quyền của ý thức. Hoặc có khi cách ăn mặc, dáng đi đứng của người, khiến ta đối đãi với họ, có những cử chỉ như thế này hoặc như thế kia. Thí dụ : Trời sấm, khí lạnh bên ngoài làm cho tinh thần ta uể oải buồn chán. Nhiều vật sờ đến khiến ta khó chịu hay sợ sệt. Có người sợ da cóc, sợ sâu, sợ dế. . . một cách hết sức vô ý thức. Điều cốt yếu là không phải ta đi tìm nó, nhưng nếu ta gặp nó thì hãy trấn tĩnh lại ngó ngay vào nó và đừng sợ nó nữa. Dùng lý luận mà thắng những cử động vô ý thức đó. Ví dụ như sự náo nhiệt của xe chạy hay máy rô. . . làm cho thần kinh ta khó chịu. Đừng nhăn mặt nhíu mày tỏ vẻ bức bối khó chịu gì cả. Hãy lắng nghe từng tiếng động của nó, bạn sẽ thấy rồi cũng không có cái chi mà là khó nữa .

Nếu có một hơi nồng, hơi hám, hãy tìm cách ngay từ gốc làm cho hơi thúí ấy đi nơi khác, nếu ta biết nó có hại, thì đừng có sợ mà bịt mũi, nhăn mày. Hãy tự nhủ “ Ta không để cho cái vật vô nghĩa này làm náo động lòng ta”. ăn uống ta chê món này ưa món nọ. Nếu biết món ăn này có ích cho ta nhưng ta không thích thì hãy cứ ăn món ấy

mà tự nhủ : “ Ta nhất định không để thị dục ta ưa muốn cái điều ta biết là không có ích ta không nên để dục vọng làm chủ lấy ta nữa.

Đang lúc thêm thường, một món ăn ngon lành làm kích động sự nhiều dãi thế mà ta thắng được cũng không phải chuyện dễ dàng. Đây là một lỗi tự chủ lấy thị dục của mình. Toàn là những việc nhỏ nhất, tuy vậy các bạn cũng nên biết, một cục đá , một giọt nước nhỏ, nhưng nhiều cục đá, nhiều giọt nước mới làm nên trường sơn đại hải, một bước là ngắn, nhưng nhiều bước gộp lại thì ngàn dặm cũng không xa. Vậy các bạn nên lưu tâm đến từng sự xúc động và cảm giác của mình .

THÁI ĐỘ VÀ CỬ CHỈ : Trước hết ta phải nhất định gìn giữ kỷ cương không cho mặt lộ vẻ kinh ngạc, hay bực bội vì những khó chịu do giác quan ta nhận thức nghe một tiếng động to và bất ngờ đúng giựt mình hay la hoảng, hãy trấn tĩnh ngay và im lặng, thấy cái gì lạ đừng tỏ dấu ngạc nhiên, hay kinh khủng. Đi xem hát, những lúc nhiệt hứng đừng la lối om sòm, rủi có đụng chạm, hay té ngã, cũng cứ thản nhiên đừng nhăn mày, nhíu mặt tỏ dấu đau thương, đừng để ai tội nghiệp cho mình cả. Đi xem nếu chờ đợi, cứ thản nhiên đừng tỏ vẻ bực mình. Bất kỳ là ở chỗ nào, trường hợp nào khó chịu cũng phải khéo lợi dụng nó để luyện tập cử chỉ điềm tĩnh của mình.

Đừng tưởng làm như thế là tỏ ra mình nhu nhược, có một cử chỉ tiêu cực, thụ động. Trái lại, người như thế là người dũng mãnh nhất trên đời, đối với những xúc động về tinh thần, cũng nên lấy một cử chỉ ấy mà đối phó. Có ai nhục mạ mình, hoặc làm phật lòng mình, hãy điềm nhiên, đừng tỏ dấu chi khó chịu cả. Nếu cần phải trả lời, hãy ung dung tươi tỉnh mà trả lời, vẫn tắc và thản nhiên, đừng cho sắc mặt biến đổi theo mỗi cảm của tâm mình. Bất kỳ là một sự vật nào, bất kỳ là một người nào hãy tập ngó ngay thẳng bằng cặp mắt lạnh lùng quả quyết. Phản ứng lâu ngày rồi thì ta sẽ thấy chung quanh người hay vật, không còn có ảnh hưởng gì đối với ta như xưa nữa cả. Trí chí kiên

tâm, một ngày một chút dừng nản lòng, dừng gián đoạn. Một ngày kia không xa đây, các bạn sẽ thấy đời mình thay đổi mới lạ./.

LỄ ĐỘ : Dừng tưởng lắm, lễ phép đặt ra là để làm phiền rộn người đời. Mặc dầu nó kiềm thúc hành vi chúng ta, về mặt điều luyện, điềm đạm, trong bước đường đầu phải cần đến nó rất nhiều .

Tín đồ của điềm đạm, trước hết phải là một người lễ độ nhu nhã hết sức. Người lễ độ nhu nhã đúng mực là người khéo tự trị lấy những náo động nhất thời, những cử chỉ nóng nảy, những lời nói vụt chạc. Dầu giận tức đến đâu, lễ độ buộc ta phải nhẫn nại dừng tỏ vẻ thô tục cộc cằn. Kẻ thô lỗ, bất kỳ là trong thái độ nào hay lời nói, là kẻ còn sống trong thiên tính của loài vật, chưa biết tự chủ. Người xưa sở dĩ quá chú trọng về lễ, là vì muốn gìn giữ sự giao dịch giữa loài người, đừng có xô xát. Lễ là để kiềm chế tư dục. Đời càng văn minh chừng nào thì lễ càng tinh mật và đơn giản hơn chừng ấy.

Lễ phép tuy đối với kẻ điềm đạm là một điều trở ngại cho tinh thần tự do. Nhưng đối với những kẻ chưa điềm đạm, kẻ còn bị tính dục và ích kỷ thống trị nơi lòng, thì nó là một cương kỷ đầu tiên rất cần thiết.

Lễ phép đây tôi muốn nói những cách nhã nhặn, điềm đạm, dùng để kiềm thúc những cử chỉ náo động của tính dục như nóng nảy, vụt chạc v.v.. Dầu ở trong hoàn cảnh trái ngược đến đâu, cũng không quên lễ độ đó mới thật là lễ, quý vị đừng quên và hiểu lầm sự xả giao dùng những câu làm thuận lòng đẹp ý. Đó là sự nịnh hót, không phải là lễ độ thật sự cũng là những cử chỉ háo danh của người đời. Con người lễ độ theo tôi nghĩ là người không bao giờ vô lễ với ai cả, mặc dù người ta hết sức khiêm nhã với mình dù bị người khác làm nhục nhả mình mà tâm không nghĩ để trả thù. Dù cho người mắng nhiếc mình, mà mình mắng lại, người ta đánh mình mà mình đánh lại, rồi cứ cho rằng mình khôn và anh dũng, như vậy thì thật là sai lầm phải nghĩ rằng.

Nếu kẻ mắng ta là người không tự chủ, nếu ta phải đánh lại chứ không chịu thua thì vô tình ta là kẻ ngang hàng với người ấy hay sao ? Đó là cái dũng của phàm phu. Còn chúng ta nên nghĩ rằng, dù trong trường hợp này vẫn giữ lễ độ, không vì người ta nhục mình mà chịu khuất thân làm kẻ tiểu nhân như họ. Danh dự ở nơi giá trị của mình không phải ở nơi lời khen tặng của con người. Dù người ta khen hay chê cũng không phải là sự tăng giảm tâm mình .

** ** **

ẢNH HƯỞNG CỦA HOÀN CẢNH : Bản tính loài người, ham bắt chước cái gì mình tôn kính. Những điều ta mục kích chung quanh ta là những tấm gương khuyến lệ, kích thích lòng ham mộ, phấn khởi của ta. Khi còn nhỏ đi xem hát thấy Quan Công đánh cờ, Hoa Đà mức tên, tôi rất hết sức cảm phục cái thái độ điềm tĩnh của Quan Công, về nhà nằm nghĩ và lập nguyện trong tâm, nhất định không rên khóc khi phải bị vấp ngã hay thương tổn, dù trong hoàn cảnh bất hạnh của cuộc đời. Lớn lên có một dịp đi vào tiệm sách báo, chung quanh tôi, trong phòng treo những hình ảnh các bức anh hùng, dũng sĩ, những kẻ biết xem thường những náo động vô ích, những tình cảm nhỏ nhen của bản ngã. Do đó trong hoàn cảnh đã tạo cho mình một không khí đầy sức mạnh thiêng liêng, giúp cho tôi rất nhiều, trong bước đường đầu tiên trên con đường siêu thoát. Bởi vậy, hãy tránh xa những bạn ác, những kẻ nhút nhác, rụt rè, những kẻ háo thắng, nóng nảy, hay nói khoe khoang. Trái lại chúng ta tìm và làm bạn hay gần gũi với những người điềm đạm, quả quyết cử chỉ thuần hậu, ôn hoà. Lâu ngày gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Nhất định xa lánh những bạn ác có tính cách vụt chạc, lẳng lơ, náo động nhất thời, lao chao, liến khí, nếu bị hoàn cảnh bắt buộc phải sống chung thì hãy xem họ như cái gương xấu để giữ mình .

** ** **

ÁM THỊ : Am thị là dùng cách âm thầm mà chỉ thị để khiến người ta bất giác phải theo mình. Người bị ám thị là người mất tự chủ, chỉ làm theo kẻ khác làm, nói theo kẻ khác nói, mừng, giận, thương, vui cho đến tư tưởng cũng theo chỉ thị của kẻ khác .

Người điềm đạm, tức là người tự chủ, hết sức lưu tâm trong các hành động hay tư tưởng của mình, nhất định không để bị phải ám thị hay thôi miên vì một lẽ gì cả. Chỉ tin nơi sức mình, đừng bao giờ chịu sống nô lệ với những dẫn dụ, những kích thích bên ngoài là tự biến tâm hồn mình cho sức mạnh của ám thị

** ** **

(Nuốt được cái cay đắng trong cay đắng mới làm được hạng người trên loài người).

** ** **

- Nghe lời chê bai mà giận là làm ngòi cho người gièm pha, nghe câu khen ngợi mà mừng là làm môi cho lời nịnh hót .

- ở đời cái gì thung dung thì còn mà cấp bách thì mất, việc mà ung dung thì có ý vị, người mà ung dung thường hay sống lâu .

- Cần điều dưỡng cái khí lúc đang giận để phòng câu nói lúc sượng mồm, lưu tâm sự làm lúc bối rối, biết dùng đồng tiền lúc sẵn sàng .

- Nhịn điều người ta không thể nhịn được, dung đi điều người ta dung được chỉ có người kiến thức mới làm việc ấy ./.

Sao lục 5-11-1992 - 8-10- Nhâm thân .

PHỤ ĐỀ

Năm giới cấm phật dạy, nếu mọi người giữ trọn, thì hiện trong đời này ít nhất ra đối với bản thân của mình nó có rất nhiều an lạc một cách thiết thực, chứ không như những lời người ta rêu rao, sàm báng về sự giữ giới của phật là gò bó. cũ kỹ, lỗi thời.v.v...

Là người, ai không sợ già, sợ chết, sợ đau. Nhất là cái đau mỗi người trong đời không ai là không gặp. Trạng thái già nó diễn ra từ từ âm thầm còn trẻ thì chưa cảm nhận. Còn chết thì chưa đến, nhưng ai biết cũng sẽ đến mà không biết lúc nào. Còn đau thì già trẻ gì nó cũng không chừa. Vì thế cách tốt nhất tránh được đau bệnh ta nên thực tập theo giới phật dạy, thì có thể tránh được 70 , 80, 90, %.

Ta hãy thấy lợi ích của 5 giới phật dạy, nếu thực hiện được nó sẽ giúp thân ta yên ổn như sau : Trong cơ thể con người có 5 bộ phận chính yếu, là bộ máy hoạt động của cơ thể :

Tâm , Can , Tỳ , Phế , Thận , Tức là Tim, Gan, Ruột,(dạ dày, già, non), Phổi và thận.

Với 5 bộ phận này tương ứng với 5 giới . Nếu không sát sanh là bảo vệ tốt cho tim. Nếu không trộm cắp thì bảo vệ tốt cho gan. Nếu ăn chay trường, không ăn mặn thì bảo vệ tốt cho ruột, dạ dày. Nếu không nói dối, nói hung ác, nói thêu dệt thì bảo vệ tốt cho phổi. Nếu không dâm dục thì bảo vệ tốt cho thận.

Nếu không sát sanh thì không làm hại cho người và vật, người, vật không lo sợ thì gieo cái nhân không bệnh, không lo sợ . . .nên tim mình được tốt.

Nếu không trộm cắp thì gieo cái nhân không làm cho người ta buồn rầu, bức tức vì mất của . . .nên gan mình không bệnh hoạn .

Nếu không nói dối, nói lời độc ác, nói lưỡi hai chiều, nói lời thêu dệt, thì không gây cái nhơn thị phi, không to tiếng lớn lời, nên phổi không bị hao tổn

Nếu không dâm dục, thì thận được an toàn không bệnh hoạn, không dẫn đến các chứng bệnh đau lưng, mỏi mệt . . .

Nếu ăn chay trường, thì bảo đảm được dạ dày và đường ruột , không bị tác hại của thức ăn mặn có nhiều độc tố của thịt gây nên, ăn mặn khó tiêu hơn ăn chay.

Với 5 điều giới trên là sự bảo vệ thân thể con người một cách thiết thực, chứ không phải là những điều cấm đoán, mê tín như có một số người lầm tưởng. Năm giới này bất cứ ai thực hiện cũng được không cần phải là phật tử, nếu ai tin tưởng thực hành thì có lợi cho mình, chứ không phải phật hộ cho mình khỏi bệnh, đây là phương thuốc khoa học thực tế mà ít người tin, không tốn thời gian, không tốn tiền bạc, mà còn lợi cho kinh tế nữa. Thế mà ai cũng cho là những người giữ giới của Phật là kẻ khùng điên, cuộc đời đầy thú vui mà không hưởng, để chết rồi uổng cuộc đời. Con cá to, miếng thịt lớn không ăn lại ăn rau ăn củ, đại gì mà ngu thế ? Thử hỏi họ ăn ngon bằng rượu thịt sao họ chết sớm và bệnh hoạn đầy nhà thương thế ? . Nếu đại không hưởng vui sao nhiều người phải tự tử, không muốn sống ?

Ăn chay và ăn mặn, thức ăn nào có ưu thế hơn ?

Ăn chay không phải là ăn kham khổ, thiếu chất bổ, thiếu sức khỏe. Thử hỏi con voi, con trâu con bò, con ngựa nó ăn cỏ sao sức mạnh và thể xác nó lớn và mạnh hơn con người và các loài ăn thịt ?

Ta thử để một bó rau hai ba ngày thì nó bắt đầu héo và khô, nếu ta để cục thịt hoặc con cá hai ba ngày thì hôi thúi dẫn đến ruồi lặn kiến bu. Ta thử thả bó rau xuống nước thì bó rau nổi, còn thịt cá thả xuống nước thì chìm. Ta biết rằng thức ăn chay không những bảo đảm sự tinh sạch và còn làm cho sức khỏe và tinh thần mình mạnh hơn. Vì thế đừng cho những người ăn chay là những kẻ khùng điên ngu dại, mà là những người thông minh biết chọn cho mình cách sống an lạc và làm cho hoàn cảnh chung quanh yên ổn . . .

** ** **

Sanh : Chào đời bằng tiếng khóc u oa ,
Vừa thấy trần gian biết khổ a !
Nuôi miệng lây huây lo tráo chác
Gìn thân lẫn quần sợ oan gia

Bận thêm con, vợ, nghèo đau, đói ,
Còn nổi quốc gia lại địch nha
Mãn tháng cùng năm lòng nơm nớp
Lo còn lo mất khổ cho ta .

Bệnh : Hởi này phải chịu khổ cho ta ,
Mưa gió phong sương thể bất hoà
Đau ốm thanh niên đành bó gối
Liệt mê tuổi trẻ phải làm ra
Trẻ chơn sự nghiệp vì lâm bệnh
Lỡ bước công danh bởi sỏi da,
Đau nhứt nổi niêm ngồi rủ riệt
Nợ nần nghèo thiếu nghĩ không ra .

Già : Da nhăn đầu bạc tính không ra ,
Tứ hải non sông phải giữ nhà
Tai điếc mắt loà còn sợ chết
Lưng còm gối mỗi có như ma
Nghện ngào ăn uống ngon thành đắng
Lếu lếu rượu trà quý hoá nhoà,
Còn xác không hồn đèn trước gió
Thì ra biết khổ tuổi già nua .

Tử : Mong manh còn mất tuổi già nua
Xảy đến vô thường khổ quá ta
Như gỗ nằm trơ hồn vía đại
Khóc than van dỗi vợ con là
Quan tài một cỗ ghì neo sát
Tang chủ đẩy đang tiền xác ma

Dương thế âm ty đôi nẻo biệt
Đêm đen năm mộ tuyết sương pha.

** **

Khuyên chớ so đo đại với khôn
Có chi đại có chi khôn
Khôn trong việc ác là khôn đại
Đại biết làm lành ấy đại khôn
Nếu biết có khôn là có đại
Thế là đừng đại cũng đừng khôn .
Nhấn sao khỏi vương vòng khôn đại
Mới thoát ngoài vòng đại với khôn

** **

Khuyên chớ so đo khổ với vui
Có chi là khổ có chi vui
Vui trong tham dục vui là khổ
Khổ đề tu hành khổ hoá vui
Nếu biết có vui là có khổ
Thế là đừng khổ cũng đừng vui
Nhấn sao cho khỏi vòng vui khổ
Mới thoát ngoài vòng khổ với vui

** **

Vi tính xong chiều 3-5-Giáp thân (Hạ 20-6-2004)

NGHE PHÁP LÀ HẠNH LÀNH

Nghe pháp là một trong những hạnh lành, có 5 điều lợi ích :

1/ Nghe pháp chưa từng nghe . 2/ Thấm nhuần các pháp đã nghe
3/ Khi nghe pháp tâm được an vui. 4/ Khi nghe pháp đoạn nghi
sinh tâm.

5/- Khi nghe pháp thay đổi được tri kiến.

MƯỜI CÔNG ĐỨC KHI ĐẾN CHÙA

Khi đến chùa người phật tử có được 10 công đức như sau :

1/ Bồ thí (cúng dường) 2- Trì giới (không làm ác, giữ thân khẩu ý
thanh tịnh). 3- Tham thiền (Thiền chỉ, thiền quán, thiền định, thiền
tuệ, thiền niệm, thiền tụng) 4- Niệm Phật. 5- Lạy Phật. 6- Phục vụ (
làm công quả) . 7- Thính pháp (nghe giảng pháp) . 8 - Thuyết pháp (
nói chuyện đạo, không nói chuyện đời, thị phi v.v) 9- Tâm thanh tịnh.
(không phiền não) 10- Cải tạo tri kiến. 11 - Hồi hướng . 12- Làm
khích lệ cho nhiều người.

NGHIỆP VÀ NHÂN QUẢ

Nghiệp là hành động dữ lành.
Duyên sanh quả trở tái sanh vui buồn
Ai làm sanh chúng máu tuông,
Tái sanh phải chịu chết non thương thường
Còn ai sanh chúng mến thương.
Không làm đổ máu mạng trường chẳng sai
Ai không hại chúng bằng tay
Đời sau khỏe mạnh ngày ngày an vui
Nếu ai hại chúng bằng tay
Đời sau bệnh tật ngày ngày ốm đau.
Ai hay phản nộ gắt gao
Đời sau xấu xí làm người vô duyên

Còn ai ít giận ít phiền,
Tái sanh làm kẻ hữu duyên mỹ miều
Ai hay ganh tỵ người cao
Tái sanh bất cứ kiếp nào thế cô
Ai không ganh tỵ hồ đồ
Đòi sau sẽ đặng thế cao nhiều quyền,
Ai không bỏ thí của tiền
Đòi sau tài sản thường thường ít oi
Nếu ai bỏ thí của tiền,
Đòi sau tài sản trong ngoài thừa dư.
Ai hay kiêu ngạo Tăng sư
Tái sanh dòng giống bần cư thấp hèn
Nếu ai khiêm tốn kính nhường
Đòi sau ắt đặng cao sang uy quyền
Ai không truyền hối pháp duyên
Tái sanh làm kẻ thụy miên ngu đần
Còn ai tìm đến sa môn
Hỏi rằng các pháp đặng khôn nhiều đời
Thế Tôn giảng dạy đủ lời
Nghiep là tài sản là nơi trở về.



NGHIỆP : gồm có nghiệp lành và nghiệp dữ. Qua bài trên có các ý như sau 1/ Sát sanh : Giết, đánh đập => tái sanh : chết non, bệnh tật

2/ Phẫn nộ : =>Tái sanh => làm người xấu xí :trái lại: người có duyên, đẹp đẽ

3/ Ganh tỵ : => Tái sanh=> làm người thế cô : Trái lại: Người có quyền.

4/ Bỏ thí : => Tái sanh => Giàu có , Trái lại : Nghèo thiếu, bần cùng.

5/ Kiêu ngạo tăng: => tái sanh giòng họ thấp hèn.

6/ Khiêm tốn : => Tái sanh làm người cao sang, uy quyền.

7/ Học hỏi Phật pháp: => làm người thông minh. Trái lại làm người ngu đần.

***Nghiep duyên ở tại nơi mình
Sống sao phải đạo Phật trời mới chở che***

BA ĐIỀU KHIÊM KHUYẾT

Ở đời từ người nghèo đến người giàu ai ai cũng vất vả từ thể xác đến tinh thần mới làm ra miếng ăn, cái mặc và chỗ ở. Người nghèo thì lo toát mồ hôi mới có cái ăn đủ sống qua ngày, vất vả dành dụm mới có cái nhà để ở, tiết kiệm từng đồng mới có đủ cái mặc che thân. Ngược lại người giàu sang thì không phải lo vất vả như người nghèo, mà họ đủ cả ăn mặc ở dư thừa, nhưng họ cũng không tránh khỏi cái khổ lo sợ đau đầu trong lòng. Họ cũng phải tính toán, thức khuya dậy sớm, trăm mưu ngàn kế, phải đối phó với nhiều vấn đề trên thương trường làm ăn. Nếu sơ hở một chút thì sự nghiệp trở thành trắng tay. Việc làm ăn của người giàu càng khó khăn hơn việc tìm miếng ăn của người nghèo. Vì người càng giàu thì càng có nhiều đối thủ phải cạnh tranh, phải đối phó với nhiều việc nhiều hạng người công việc không đơn giản. Người nghèo không sợ thua lỗ, ít sự đối phó sự nguy hiểm không cao. Tóm lại ở đời nghèo cũng có cái khổ, người giàu cũng không thoát được khổ. Hoàn cảnh luôn luôn thay đổi từ cơ chế xã hội cho đến thời tiết bất thường, cho nên lo sợ mất còn về của cải, về thân mạng, địa vị danh lợi của thế giới con người rất bấp bênh. Ngày hôm nay là tỷ phú không ngờ ngày mai là kẻ bần cùng. Hôm nay là một

quan chức địa vị cao, ăn trên ngồi trước, có thể ngày mai là kẻ tù tội, là thường dân. Điều này Phật đã nhấn nhủ nhắc nhở từ ngàn xưa : “ Quốc độ nguy thúi, sanh tử bì lao, tứ đại khổ không . . .” Thế giới nói chung, các quốc độ nói riêng luôn luôn ở trong tình trạng nguy ngập nào là gió mưa bão lụt, động đất sóng thần, núi lửa, mưa đá gió xoáy, hạn hán thiên tai, dịch bệnh. Về thời tiết luôn thay đổi. Về con người luôn luôn đấu tranh không ngừng gây khổ cho nhau. Cho nên mạng sống con người luôn đe dọa, vì thế Phật gọi là bì lao, là khổ không của thế giới con người là vậy.

Ở đời vất vả cực nhọc mới có sự tồn tại, và thành công, thì thử hỏi vấn đề tu đạo của chúng ta cũng phải gia công tu tập, không thể dãn dãn nhõn nhõn bỏ trôi qua ngày tháng. Một ngày nóng mười ngày lạnh thì làm sao ta nắm chắc được sự thành công.

Tại sao ta tu hành lâu năm mà không đạt được một hiệu quả nào ? Đó là có ba lý do : 1/ Không gặp bậc minh sư 2/ Ta không lấy việc sanh tử làm tâm niệm hàng đầu 3/ Đối với danh lợi thế gian ta chưa thật sự buông bỏ.

1 / Không gặp được minh sư chân chánh.

Sở dĩ chúng ta tu không đạt được sự tiến bộ là do ta chưa gặp được minh sư dẫn dắt. Như vậy ở đời ô trược này, chánh tà lộn xộn ma Phật khó phân, thật giả xen nhau làm sao phân biệt, làm sao tìm ra minh sư ? Minh sư là thầy sáng suốt chọn chánh chỉ đường đưa lối cho ta đi đúng đích. Không có minh sư ta sẽ đi lạc đường, không có minh sư ta sẽ sa hầm sục hố. Vậy trong sự tu tập cần phải có minh sư. Như vậy làm sao tìm minh sư trong đời mạt pháp ? Ta đang tu tập theo Phật thì ta căn cứ vào Phật và tổ là minh sư của sự tu tập. Căn cứ vào Phật cái điểm nào để tu ?

Phật từ địa vị cao sang, con của vua sống cuộc đời đầy vinh hoa phú quý mà ngài từ giả ra đi không màng danh lợi thế gian. Sống đời

độc thân, tài sản chỉ có ba y một bát. Thức ăn nuôi thân là thức ăn đi xin, ăn trong một ngày một bữa không cất chứa ngày mai. Ngủ thì ngủ dưới gốc cây, không mền không chiếu thực hiện suốt cả cuộc đời. Còn tổ thì sao ? Tổ Huệ Khả chặt một cánh tay, đứng trong mưa tuyết, tuyết đọng đến đầu gối để chờ tổ khai thị mà cầu pháp. Tổ Huệ Năng, gia đình vốn vẹn một mẹ một con, nghèo khổ sống bằng nghề đón củi để nuôi mẹ, thế mà Ngài vẫn đi tu học được. Ở chùa được Ngũ tổ cho tu mà chưa được học, chỉ làm công quả dãi gạo ở dưới nhà trù. Vì thân mình nhỏ bé không đủ sức để đẩy nổi cần chày đập, nên phải cột thêm vào mình một cục đá mới đủ sức để chày đập cát lên cát xuống. Cục khổ như thế mà làm tổ kế thừa.

Ở đời vàng thau lẫn lộn, giả thật khó phân tìm ra minh sư thì rất khó, vì thế ta chỉ nương theo Phật, lấy Phật làm thầy chỉ đạo là tốt nhất, khỏi sợ phải lạc đường sụp hố. Muốn định vị sự thành công của một hành giả tu tập, ta không thể căn cứ vào người đó thành công trên các lãnh vực xây dựng và học vấn được. Chùa to Phật lớn, đồ chúng đông, bằng cấp cao thuyết giáo giỏi không liên quan đến việc sanh tử sự đại của con người. Mà ta chỉ căn cứ trên lãnh vực tu chứng của người đó, hành giả đó đã phá được vô minh phiền não chưa, đã tận trừ tham sân phiền não chưa đó là căn bản của người tu.

Chỗ thành công của người tu là chỗ tận trừ được phiền não, đồn phá vô minh. Tự mình phá phiền não giúp người khác phá trừ phiền não mới là chỗ thành công. Bằng cấp địa vị, danh lợi không phải là sự thành công của người tu. Làm vua, làm quan hay làm dân không quan trọng, làm chủ hay làm tớ không đặt thành vấn đề. Nhưng vấn đề là làm vua, làm quan, làm chủ hay làm tớ thật sự làm có được việc và thành công hay không là điều quan trọng. Tu ai cũng tu mà tu như thế nào phá được vô minh phiền não tận trừ nghiệp chướng thoát sanh liêu tử là điều quan trọng nhất của đời người tu.

2/ Vì ta không lấy việc lớn sanh tử làm tâm niệm:

Thế nào là sanh tử ? Sanh tức là sanh ra, tử là chết. Sống và chết là việc quan trọng nhất. Từ con người cho đến loài vật, ai cũng mưu cầu sự sống và sợ cái chết. Trong đạo Phật cho biết, chúng ta đây không phải chỉ sống có một lần này và chỉ có chết một lần thôi, mà đã từng sinh ra và đã từng chết trong nhiều đời nhiều kiếp qua rồi. Sự sống chết nó trôi lăn trong nhiều kiếp và đã trải qua rất nhiều trạng thái khác nhau, lúc làm người khi làm thú, lúc là quỷ thần v.v rất cực khổ nên gọi là sự đại. Một cuộc đi xa không chấm dứt không ngừng nghỉ. Mỗi lần sinh là mỗi lần đau khổ, mỗi lần chết là mỗi lần khổ đau vất vả vô cùng. Sự sợ chết là một bản năng sinh tồn của loài có sinh mạng, một khi mất sinh mạng là một sự đau khổ vô cùng, mà tìm lại được một sinh mạng mới như cũ cũng rất khó. Vì thế nên gọi là việc lớn của đời người. Phật dùng đạo nhãn nhìn khắp chúng sanh không một chúng sanh nào thoát khỏi cái vòng sanh rồi chết, chết để rồi sanh. Chết đây sanh kia, làm người làm thú, ngạ quỷ, súc sanh vô định. Vì thế ai cũng sợ chết ! Cái chết không ai có thể biết được thần chết đến viếng mình lúc nào ? có thể 20 năm sau, hoặc 5 năm sau cũng có thể hôm nay hoặc ngay mai hay một tiếng đồng hồ sau. Bất cứ lúc nào con người có thể bị tai nạn, như xe cộ động đất, sóng thần bệnh tật v.v gặp tai họa ngoài ý muốn. Thật là đáng sợ, vì chúng ta không có khả năng biết trước cái chết của mình nên lúc chết bất ngờ tâm lý bàng hoàng lo sợ bất an . . . Phật dạy “ mạng người trong hơi thở ” ý nói rằng thở ra không trở vào là đã qua đời khác. Không ai trong chúng ta dám tuyên bố sẽ luôn luôn thuận lợi những gì ta đang có. Cho nên chúng ta cần phải khéo léo vận dụng năm tháng còn sống mạnh khỏe, nắm chắc những khoảnh khắc thời gian quý báu đó mà dụng công tu tập, làm các việc phước thiện, nỗ lực tu tập để lúc mạng

chung tránh được sự hoảng hốt sợ hãi như cua bị đưa vào chảo nước sôi.

Giác ngộ rõ ràng về sự thật “ mạng người vô thường mau như nước dốc, ngày nay chẳng bảo đảm được ngày mai ” . Vì người nào thấu đáo được mạng người vô thường thì không còn tâm phóng túng tham lam nữa. Người nào đã thức tỉnh được sinh mạng vô thường là đã mở được cửa trí tuệ đi vào con đường vô sanh, bước trên lộ trình thoát ly sanh tử. Phật luôn nhắc ta “ Thị nhật dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc ? ” Nghĩa là một ngày đã qua, mạng sống theo đó mà giảm dần, như cá trong ao nước cạn dần, nào có vui chi, cần phải siêng năng tinh tấn tu hành, gấp như cứu lửa cháy đầu, cần trọng chớ có buông lung.

Tiền tài sắc đẹp, địa vị học thức danh cao lợi lớn, phần nhiều không có liên quan gì đến việc sanh tử. Cho dù sang giàu như vương hầu quý tộc, học thức uyên bác như biển cả, địa vị cao như công khanh, dung mạo đẹp như Tây Thi, mà một khi đại nạn của đời người đến thì không ai tránh khỏi sự bần loạn cả. Dù có giai nhân tài tử cũng không khỏi bạc mệnh, cũng không nên cho rằng tuổi còn trẻ, Diêm Vương đang còn ngủ chưa thức giấc nên chưa vội tìm đến. Mà sự thật cuộc đời cái chết nó bình đẳng không kiên chờ ai, phải biết rằng hằng ngày, từng giờ từng phút diễn ra trên trái đất loài người, những người nằm trong quan tài không nhất thiết là người già, mà là những người đi chưa đến điểm cuối cùng vẫn có nhiều người trẻ. Cho nên người xưa cảnh giác rằng : “ Chờ đợi già mới chịu tu, mồ hoang lắm kẻ tuổi còn xuân ”. Giờ chết con người không ai đoán định được, trừ những vị tu hành có đạo lực biết trước giờ chết, phần đông con người đều là sống say chết ngủ. Cái chết đến với con người có thể trong thai mẹ, một vài tuần, một vài tháng, 5,3 tháng v.v hoặc ra khỏi thai cho đến 80, 90 tuổi rất bình đẳng không thể từ chối mà được. Sống ngày nay

không bảo đảm được ngày mai, cho nên cần phải gấp tu để dự trữ tu lượng để lúc chết ra đi không lo sợ bấn loạn tâm can như cua vào chảo nước sôi, thật là đau khổ không thể tả xiết.

Nói tóm lại phần đông con người không thấy được lẽ vô thường cho nên không lo gấp rút tu tập, chỉ dần dà qua năm tháng, không thấy sanh tử là việc lớn nên không tha thiết tu tập. Tu một ngày nóng 10 ngày lạnh, nhớn như trôi qua ngày tháng, không khác thuyền neo cọc đóng mà ra sức chèo, làm sao rời khỏi bến ? . . Các cổ đức dạy rằng : “ Việc lớn chưa sáng như đưa đám ma mẹ (lo, buồn), việc lớn đã sáng cũng như đưa đám ma mẹ (lo, buồn, chưa về đến chốn, như mới tìm ra con đường còn phải đi)

3-Đối với danh lợi thế gian không buông bỏ được :

Danh và lợi ở thế gian, người đời xem như nứm ruột không bỏ được. Ở đời làm nên danh và lợi họ phải trải qua thời gian dài vất vả mới tạo nên , ít có người thành công trong thời gian ngắn. Ví như muốn ngồi cái ghế chủ tịch, họ phải đầu tư công sức, trí tuệ, thời gian, tiền bạc. Nào là ăn học từ cấp I, cấp II, cấp III, rồi đại học và các chuyên ngành, phải có bằng này bằng nọ và khóa trình công tác phục vụ cho xã hội. Phải có học vị có thành tích công trạng thì mới tạo nên cái danh rất là vất vả. Thế mà giữ cái ghế ngồi chủ tịch không đơn giản, vì có rất nhiều người muốn ngồi cái ghế đó, hơn nữa thời hạn cái ghế chỉ ngồi trong vòng thời gian năm năm thì hết. Tiền tài sự nghiệp cũng vậy, phải tốn công sức và thời gian mới có được, mà không phải ai làm cũng thành công, có người thành công lại có người thất bại. Mà thành công không phải luôn luôn mà là lúc được lúc thua, lúc huê vốn.

Danh lợi thế gian rất là hư ảo bấp bênh, nó luôn luôn thay đổi khó lường, hoặc do chủ quan hoặc khách quan. Về chủ quan, lúc mình còn phước thì làm ăn nên ra, địa vị tăng tiến, lúc phước hết thì mọi sự hoàn tay không. Chủ quan phước còn thì trí tuệ và sức khỏe đầy đủ,

phước hết thì trí tuệ lu mờ sức khỏe sa sút, nào là bệnh tật hay tai nạn, lúc đó dù là địa vị cao cũng không giữ được, tiền muôn bạc vạn cũng không thay thế bệnh tật được. Về khách quan, xã hội luôn thay đổi, thị trường mỗi ngày một khác, thời tiết khí hậu biến động kinh tế theo đó mà lên xuống bất thường. Sự vật luôn thay đổi vô thường mà tầm nhìn con người tưởng chừng như nó đứng yên mãi mãi, do đó một khi thay đổi sinh tâm hối tiếc sâu thương. Danh và lợi ràng buộc không buông bỏ được, danh và lợi che lấp chân tánh con người, dẫn dắt con người đi lạc đường, không đủ trí tuệ soi thấu cuộc đời. Duyên theo tình đời không cắt đứt được, không tháo gỡ được.

Tóm lại, sở dĩ người tu lâu mà không có đạt hiệu quả, do ba điều khiếm khuyết là :

a/ ***Không gặp minh sư, thiện hữu trí thức***, nên đi sai đường lạc lối, sa hầm sục hố.

b / ***Không lấy việc sinh tử là việc lớn***, nên dần dà nhờn nhờ để ngày tháng trôi qua, không siêng năng tinh tấn .

c/ ***Đối với danh lợi không buông bỏ được*** : Vì không thấu lẽ vô thường, do không soi thấu nên bị ràng buộc không buông bỏ , không cắt đứt.

Rốt cuộc tu chỉ dậm chân tại chỗ. Tổ Quy Sơn nói “ Chỗ đi năm trước, tất bước không dời ”. Tu học đã lâu, nhưng cái tập khí ban đầu vẫn còn nguyên chưa thay đổi, nên gọi chỗ đi năm trước tất bước không dời là vậy ./.



TÁI SANH LÀM NGƯỜI LÀ RẤT KHÓ

Đức Phật đã từng đưa ra nhiều ví dụ chỉ cái khó khi được làm người, như trong kinh Pháp Hoa Phật nói được làm người khó hơn con rùa mù ngoài biển khơi, 100 năm nổi lên một lần gặp được bọng cây có

cái lỗ mà trôi đầu lên là gặp ngay cái lỗ ấy còn dễ hơn khi làm được thân người. Hay phật lại đưa ra ví dụ, Phật lấy móng tay kêu một chút đất trên móng tay, kêu A Nan hỏi rằng, này A Nan đất trên móng tay Như Lai nhiều hay ít so với đất dưới đại địa ? A Nan trả lời, bạch Thế Tôn đất ở trên móng tay Như Lai quá ít so với đất ở đại địa. Phật lại bảo, này A Nan, từ xưa đến nay số người chết đi mà được tái sinh làm người thì rất ít như đất trên móng tay, còn số người chết chưa được tái sinh làm người thì rất nhiều như đất ở đại địa. Vì thế ở đây cho chúng ta biết vì sao khó được làm người đại khái có ba nguyên nhân như sau:

Khó vì nguyên nhân : Thiện nghiệp là nguyên nhân chủ yếu nhất để được tái sinh làm thân người, nhưng thiện nghiệp thật sự là hiếm. Vì sao thế ? Thiện nghiệp gồm có sự thực hành các giới như 5 giới, 10 giới thực hành hết thì đủ tiêu chuẩn tái sinh làm người. Nhưng ở đời mấy ai giữ được cho trọn vẹn. Cho nên nói khó về nguyên nhân là vậy.

Khó thứ hai là số lượng : Vì con người là số lượng quá nhỏ so với số lượng sanh linh trong sáu cõi. Chúng ta thấy trên quả đất nước biển chiếm hết 2/3 còn lại núi và sa mạc chiếm một phần, con người chỉ ở một góc so với số đất trên quả địa cầu. Trong nước, trong núi, trên sa mạc con người không thể sống được, chỉ có các loài động vật sống thôi. Rồi trên dải đất con người sống được cũng có xen lẫn nhiều sinh vật nữa vô số kể, như kiến dun, chim cá v.v so với con người chúng lại rất đông. Chỉ tính sơ ở cõi người chúng ta đã thấy súc vật sinh vật đã nhiều hơn con người rồi. Cho nên số lượng sanh linh nhiều như vậy nếu đầu thai vào con người thì không thể. Vì con người có khả năng sinh đẻ 1,2 hoặc 5,7 là cùng. Nhưng sinh vật một con mái có thể sinh đẻ cả mấy ngàn con, mấy ngàn trứng. Cái điều kiện làm người rất khó điều kiện làm súc sanh rất dễ. “Thân người khó được mà dễ mất, thân súc sanh dễ được mà khó ra ” , cũng như “ địa ngục dễ vào

mà khó thoát ”. Con người một năm có khả năng sinh con một lần, mỗi lần chỉ sinh được một bé, trong khi các loài súc vật sinh vật, một năm có khả năng sinh sản 2, đến 3 lần. Mỗi lần 10, 12 con, như heo, còn gà vịt thì mỗi lần đẻ 20, 30 trứng, mỗi ngày một trứng, chỉ ấp trong 21 ngày thì nở sinh con. Con lớn lên 2, 3 tháng sau có thể thay thế gà mẹ lại sinh con tiếp, trong khi con người phải mang thai 10 tháng mới sinh nở và 18 hoặc 20 năm sau mới có khả năng sinh nở. So ra số lượng sinh nở và thời gian trưởng thành con người và các sinh vật khác cách biệt rất xa. Đó cũng là vấn đề khó để con người có nơi đất đứng là cả một vấn đề.

Khó thứ ba là cơ hội. Phần đông con người không có cơ hội để hành trì chánh pháp. Vì hành trì chánh pháp là cơ hội để phát triển phẩm chất đạo đức, tinh thần và trí tuệ. Chính đạo đức và trí tuệ mà con người có được là cơ hội để thân phận con người bước ra khỏi ngưỡng cửa sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Điều cực kỳ quan trọng là có cơ hội là ta phải tận dụng nó ngay. Nếu chúng ta không tu tập chánh pháp trong đời này thì chẳng thể nào biết được ta sẽ tái sanh ở đâu trong lục đạo và khi nào mới được có cơ hội trở lại. Cho nên ngay từ bây giờ chúng ta phải cố gắng hết mình để thoát khỏi cái vòng tái sanh, bởi vì nếu không làm vậy chúng ta sẽ trôi lăn mãi trong lục đạo.

Chúng ta nên nhớ, chỉ có cõi người là cơ hội tốt để chúng ta phát huy phẩm chất đạo đức và nâng cao trí tuệ, ngoài ra ba cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh không bao giờ có được một giây một phút thực tập đạo đức và phát huy trí tuệ. Còn lại cõi trời và A tu là cũng vậy. Chỉ có loài người mới có thánh nhân lưu hành giáo hóa đạo đức mà thôi, và chỉ có con người có đủ điều kiện tu tập thực hành đạo đức mà thôi. Nhưng than ôi ! Trăm ngàn người có được mấy người tin Phật học hỏi chánh pháp. Cho nên đã có cơ hội mà chúng ta đã đánh mất để rồi trầm luân khổ thú thì khó tránh khỏi !

CÂU ĐỐI PHẬT ĐẢN

Đi bảy bước sen vàng nâng gót tịnh, Như lai hiện diện tướng khác thường khi xuất thế.

Nhìn bốn phương tay ngọc chỉ trời xanh, Pháp thể bày chân thân siêu việt lúc chào đời.

★ ★ ★

Xuất hiện thế gian đem ánh sáng, tình thương xóa tan vô minh thù hận.

Hiện bày chân thể, lấy vị tha vô ngã độ thoát phiền não tham si.

ĐIỀU KHÔNG THỂ

Nhiều khi cũng muốn về chùa

Còn tâm bất tịnh nên chưa định về

Dạo chơi trong cõi phù nề

Biết thẳng trầm, biết nhiều khô vẫn thèm.

Đường dài thân lún sâu thêm

Bước chân hụt hẫng bên thềm rủi may

Buồn vui đêm lấy làm ngày

Mượn câu giả tạm mà say giữa đời.

Bồng bênh thương hạt bụi trôi

Đôi khi thức tỉnh, thức rồi lại mê

Quẩn quanh giữa cuộc nặng nề

Mù tăm quên lối tìm về chân như.

Thân đầy tánh xấu tật hư

Nên lòng thẹn với tâm từ đại bi

Chưa ra khỏi được mê si

Mà mong giải thoát có kỳ lạ không.

(Trà Kim Long . T/p HCM). Nội san Hương Sen số 22 PL 2555

NGHĨ VỀ TU TÂM .

Nói đến TU là người ta nghĩ đến đạo. Đạo có nhiều thứ đạo, mỗi đạo tu mỗi cách. Phần đông các đạo thuộc về nhất thần giáo và đa thần giáo, sự tu học của tín đồ nặng về đấng giáo chủ của họ. Tức là mọi sự hên xui được mất họ đều quy do đấng giáo chủ của họ quyết định. Sự sống của họ do sự quyết định của chúa, sự chết của họ là sự trở về với chúa cũng do chúa quyết định. Ngược lại tu theo Phật, sự sống cũng như sự chết đều do con người quyết định. Đi lên hay đi xuống thăng hay trầm đều do con người chọn lấy Phật không thể làm khác đi được.

Ý nghĩa chữ tu trong đạo Phật, tu là sửa. Sửa sai thành đúng, sửa xấu thành tốt, sửa cong thành thẳng, sửa phàm thành thánh v.v . Chữ tu trong đạo Phật có ba phương diện: Tu thân, tu tâm, tu hoàn cảnh, tức là sửa thân cho trang nghiêm sạch sẽ, không bịnh hoạn, sửa tâm không tham sân ác độc tật đố, sửa hoàn cảnh sống trong sạch thông thoáng trang nhã. Sửa ba thứ thân, tâm, hoàn cảnh gọi là tu.

Khi có người rủ nhau đi chùa tu tập, người ta thường nói: Tu đâu cho bằng tu nhà thờ cha kính mẹ hơn là đi tu. Hay thứ nhất tu thị nhị tu gia thứ ba mới tu chùa. Những người chưa hiểu giáo lý Phật, họ lại nói tụng kinh niệm Phật làm chi, chủ yếu là tu tâm, đâu phải đợi đến chùa mới tu. Tu là tu tâm thôi ! Chay lạt làm chi cho phiền phức, nên tu tâm thì tốt hơn ! v.v Lại có người còn bảo : Lạy chi cái tượng xi măng ấy mà lạy hoài, cứ tu tâm có phải hơn không ?

Đúng vậy- Trong đạo Phật chủ yếu là tu tâm, nhưng khi hỏi thế nào là tu tâm thì kẻ nói thế này, người nói thế kia, xem ra chưa một ai kiến giải được gì về khái niệm tu tâm . Một khái niệm dường như rất đơn giản mà lại khó giải thích cho tường tận.

Thật ra tu tâm khó vô cùng, chính đức Phật cũng phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu tâm mới vượt được vị phàm phu thành bậc chánh đẳng chánh giác.

Tại sao tu tâm lại khó như vậy ? Khó có lẽ vì chúng ta chưa chịu khó tìm hiểu về tâm một cách cơ bản và chưa biết phải bắt đầu tu tâm từ đâu và như thế nào.

Muốn hiểu về tâm một cách cơ bản ta nên đọc các kinh Viên Giác, Niết Bàn, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Pháp Cú v.v. Chúng ta có thể tạm hiểu về tâm qua các nghĩa sau :

Tâm là chứa nhóm các tập khí chủng tử và sau đó cho các chủng tử phát khởi hiện hạnh.

Tâm là sự nhận xét đối tượng và khởi lên sự phán đoán phân biệt.

Tâm là những chủng tử tập khí sanh diệt tương tục, không gián đoạn.

Trong kinh thường nói tâm địa. Tâm như mặt đất, chứa nhóm tiềm tàng mọi chủng tử. Tập khí chủng tử là những thứ mà chúng ta đã và đang không ngừng huân tập, cày xới gieo trồng trên mảnh đất tâm thức của chúng ta. Đó là những tâm lý mừng, giận, thương ghét, buồn vui, kiêu căng, thù hận v.v 24 giờ trong mỗi ngày hầu như tất cả thời gian liên tục những ý niệm thiện ác luôn luôn sanh rồi diệt, diệt rồi sanh trong tâm ta, luân lưu ràng buộc chúng ta. Chúng luôn luôn thôi thúc chúng ta hành động, tạo tác để rồi cảm thấy bất an trong hiện tại, đồng thời gây nhân khổ vui ở mai sau.

Đức Phật dạy rằng những ý niệm tập khí chủng tử sanh diệt ấy là vọng tâm, là vô minh che lấp chân tính vốn có sẵn ở mỗi con người, như mây đen làm che khuất mặt trời vậy.

Biết đại khái như vậy về tâm rồi, việc tìm hiểu thế nào là tu tâm có thể dễ dàng hơn. Tu tâm là khóa trình tự mình từng bước gạt lọc, điều phục, tiêu trừ dần vọng niệm, tập khí xấu để trở nên an định, sáng suốt

thuần thiện, như một ly nước đục trở thành trong suốt là nhờ lắng hết mọi cấu bần tạp chất, hay như một tấm gương sáng vì được lau hết lớp bụi.

Nhưng nói thì dễ mà làm rất khó. Thật vậy, tu tâm là cả một việc thiên nan vạn nan, bởi vì tâm là một con ngựa bất kham chẳng dễ gì khuất phục được. Như vậy thì làm sao mà tu tâm ? Tu tâm sẽ là không tưởng nếu không huấn luyện thân, khuất phục nó không buông lung theo bản năng. Tu thân tức là tu giới .. .

Vậy rõ ràng, muốn thành tựu tu tâm trước hết phải tu thân, tức tu giới. Hàng Phật tử tại gia có 5 giới, 8 giới, 10 giới, 49 giới. Giới sẽ giúp ta huấn luyện thân. Những ai tu giới tốt tức đã đi đúng hướng trên lộ trình tu tâm, vì từ giới sanh định, từ định phát huệ . . .

Như vậy thì việc tụng kinh niệm Phật, đi chùa, ăn chay, tập tỉnh tọa có phải là giữ giới , tu tâm không ? Đó là những phương pháp điều phục thân, điều phục tâm, đó cũng chính là giới là định vậy.

Khi tụng kinh, niệm Phật lạy Phật hành giả tập trung tâm ý, duyên theo câu Hồng Danh Phật, và lời kinh tiếng kệ, tâm ý không chạy rong được, tâm dần dần được vắng lặng, tập nghiệp, ác niệm không có điều kiện phát sanh, Đó là giữ giới, là tu tâm. Đến chùa là nơi thanh tịnh, gặp được thầy hiền bạn tốt, sống trong môi trường trong lành ấy, lòng chúng ta trở nên trong sáng, niệm lành niệm tốt dễ huân tập hơn. Đó là giữ giới tu tâm. Lạy Phật là chúng ta trải lòng tỏ ý biết ơn đấng Từ tôn, dẹp bỏ trong ta ý niệm kiêu căng, ngã mạn, tỏ sự sám hối, ngăn không cho thân tâm làm điều tội lỗi. Ăn chay là để nuôi dưỡng tâm từ bi huân tập thiện nghiệp . . .Đó chính là giữ giới tu tâm. Tỉnh tọa thiền quán cũng không ngoài mục đích trên.

Ngoài ra, người tu tâm là người không ngừng cải tạo tưới tẩm tâm địa của mình trở nên một mảnh đất thuần lương bằng cách gieo trồng thiện nghiệp tạo lập phước điền, như ở thế gian người ta thường nói :

Tu nhân tích đức, ăn ở hiền lành v.v.. Tuy nhiên tất cả mọi thiện pháp ấy phải được soi đường bởi Bát Chánh Đạo, mới có thể tránh được những sai lầm.

Ngày nay con người thọ hưởng nhiều tiện nghi vật chất từ những thành tựu của văn minh khoa học, thế nhưng nỗi khổ niềm đau không giảm mà vẫn không hề vơi mà trái lại tăng lên gấp bội lần, mỗi ngày một nhiều hơn. Trong kinh nói : Tâm bình là thế giới bình, nếu nhân loại trên thế giới chỉ cần 1/2 dân số nhân loại có “ tâm bình ” thì thế giới này sẽ yên lành rồi.

Loài người đang phải gánh chịu vô vàn thảm họa từ môi trường, đến thiên nhiên, chiến tranh, xã hội . . .tất cả thảm họa đó đều phát xuất từ tâm của con người. Chính vì thế, một sự phản tỉnh tu tâm của lúc này là cần thiết hơn bao giờ hết. Chúng ta ai cũng đồng ý rằng tu tâm là một đại sự, đồng thời là một đại nguyện của mọi người. Với quan điểm của đạo Phật muốn cho đại sự ấy được thành tựu, thì việc phát nguyện thọ tam quy trì ngũ giới một cách nghiêm túc, trọn vẹn chính là điều kiện tiên quyết. Đó là hành trang không thể thiếu cho những ai dốc chí hướng thượng./.

Trích từ (bài của : Ngô Hiệu- Thăng Bình) Nội san Hương Sen 22 PL 2555)

PHÁT TÂM

Đại Sư Tịnh Am có tên là Thật Hiền khuyên mọi người tu học cần phải phát tâm. Ngài nói : “ Cửa yếu vào đạo lấy sự phát tâm đứng đầu, việc cấp thiết tu hành lấy sự lập nguyện làm bước trước. Nguyện có lập thì chúng sanh mới độ nổi, tâm có phát thì đạo mới tựu thành. Nếu tâm rộng lớn không phát, nguyện kiên cố không lập, thì dù trải qua trăm kiếp ngàn đời, vẫn cứ quanh quẩn trong vòng sanh tử luân hồi mãi mãi. Dù có gia công tu hành, cũng chỉ nhọc công vô ích, đắng cay

vẫn hoàn đấng cay. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói : “ Quên mất tâm Bồ đề mà tu hành các thiện pháp, gọi là hành động của ma ” . Quên mất mà còn như thế, hướng nữa là chưa phát ? cho nên biết rằng, muốn học đạo Như Lai trước hết phải phát nguyện bồ đề. Không thể hoãn đãi được.

Nhưng tâm nguyện người tu có nhiều tướng trạng khác nhau, nếu không phân tích trình bày, biết đâu mà hướng tới ? Nay vì đại chúng, xin nói tóm lược về tâm nguyện. Tướng trạng tâm nguyện có tám loại: Đó là Tà, Chánh, Chân, Ngụy, Đại, Tiểu, Thiên, Viên.

Những người tu trong đời, sau khi vào chùa tu chẳng xét tâm mình, chỉ chuyên lo ngoại vụ. Hoặc cầu sướng thân, hoặc ham nổi danh, hoặc ưa thích dục lạc thế gian. Hoặc cầu mong quả vui mai hậu. Phát tâm như thế, đích thị là tà.

Danh lợi không ham, quả vui chẳng thiết, chỉ mong giải thoát, đạt đạo Bồ đề. Phát tâm như thế được gọi là chánh.

Niệm niệm liên tục, ngược lên thì cầu Phật đạo, cúi xuống thì độ chúng sanh. Nghe Phật đạo cao siêu, không sanh sầu lo thối chí, thấy chúng sanh khó độ không sanh mỗi một sồn lòng. Như trèo lên núi cao muôn trượng quyết lên thấu tận đỉnh. Phát tâm như thế gọi là chân.

Có tội không sám hối, có lỗi không dứt trừ. Ngoài sạch trong dơ, trước siêng sau nhác. Tâm tuy tốt đấy nhưng phần lớn bị danh lợi giao xen, pháp tuy hay đấy, nhưng oan uổng bị vọng nghiệp nhuốm bẩn. Phát tâm như thế đích thị là ngụy.

Cõi chúng sanh hết, nguyện ta mới hết, đạo bồ đề thành, nguyện ta mới thành. Phát tâm như thế được gọi là đại.

Xem ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người. Phát tâm như thế đích thị là tiểu.

Ngoài tâm nếu thấy có chúng sanh cần độ, có phật đạo mong thành, công phu không xả, thấy biết không tan. Phát tâm như thế đích thị là thiên.

Nếu biết tự tánh là chúng sanh, nên nguyện độ thoát, tự tánh là Phật đạo, nên nguyện tu hành. Không thấy pháp nào ngoài tâm riêng có. Dem tâm hư không phát nguyện hư không, tu hạnh hư không, chứng quả hư không. Cũng không có tướng hư không, có thể chứng đắc. Phát tâm như thế được gọi là viên.

Biết được tám tướng khác nhau trên đây của tâm là biết cứu xét. Biết cứu xét là biết lấy bỏ. Biết lấy bỏ là biết phát tâm. Cứu xét như thế nào ? Cứu xét tâm mình phát ra so với tám tướng nói trên, là chánh, là tà, là chân, là ngụy, là đại, là tiểu, là thiên hay là viên. Lấy chánh, lấy chân, lấy đại, lấy viên. Phát tâm như thế mới gọi là chân chính phát tâm bồ đề.

Tâm bồ đề này là pháp lành hàng đầu trong các pháp lành. Phát khởi được tâm ấy hẳn phải có nhân duyên. Nhân duyên phát khởi tóm lược có mười. 1- là nhớ ơn nặng của Phật. 2- Nhớ nghĩ công ơn cha mẹ. 3- Nhớ nghĩ công ơn sư trưởng. 4- Nhớ nghĩ công ơn thí chủ. 5- Nhớ nghĩ công ơn chúng sanh. 6- Nhớ nghĩ khổ đau sanh tử. 7- Tôn trọng tánh linh của mình. 8- Là sám hối nghiệp chướng đã gây. 9- Là nguyện cầu vãng sanh tịnh độ. 10 là làm cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

TỘI TỔ TÔNG (phải chết)

Trong vườn Địa Đàng có hai nhân vật Adam và Eva cùng con rắn. Một hôm Adam và Eva cùng nhau ăn trái cấm trong vườn Địa Đàng. Tức đã vi phạm mệnh lệnh của Thượng đế nên bị đuổi ra khỏi vườn Địa Đàng. “Vì mắc tội lỗi này nên người đến từ bụi đất thì cũng phải

trở về với bụi đất ”. (Do Thái giáo và Ki Tô giáo đều tiếp nhận cách giải thích về khởi nguyên của cái chết).

Khi Thượng đế hỏi Adam: “ Người đang ở đâu ? Thì Adam thưa: “ Vì con không mặc y phục nên con không dám yết kiến Thượng đế. Thượng đế lại phán hỏi Adam. Vì sao người lại ăn trái cấm ? Adam thối thác rằng: “ Do Eva xúi bẩy ”. Thượng đế lại hỏi Eva : “ Vì sao người lại làm chuyện ấy ? Eva lại thoái thác: “ Vì con răn do Ngài sáng tạo xúi giục con ! ”. Rốt cuộc Thượng đế hỏi răn. Răn từ chối một hồi lâu và cuối cùng lại thối thác cho Thượng đế. Nếu dùng ngôn ngữ hiện đại để bàn luận thì sự kiện này chính là nhược điểm “ tranh công đổ tội ” cho nhau trong tính cách của con người. Do mắc tội tổ tông nên con người không hoàn hảo, do không hoàn hảo nên cuối cùng phải chết. Do đó, “ tội tổ tông ” trở thành nhân duyên khởi đầu mang tính căn bản để Ki tô giáo luận bàn về vấn đề sinh tử.

Ki tô giáo tin rằng, mỗi cá nhân đều là một phần trong cái thể chung tinh thần của đức Jesus Ky tô. Điều nhờ đặt trọn niềm tin vào Jesus Ki tô mà được đời sống vĩnh cửu, nên từ nay về sau mọi người sẽ gặp nhau trên nước trời. Vậy người thân chết không nên bi thương vì linh hồn họ sẽ về ngự trên cung điện của Thượng đế, gặp lại gia đình trong tổ ấm đoàn viên.

Hơn nữa thế giới của Thượng đế, thế giới ấy sẽ hạnh phúc hơn tốt đẹp sáng ngời hơn nhiều so với thế giới này. Chính vì thế khi đối diện với cái chết không đáng sợ. Chết là một sự bắt đầu của một cuộc sống vĩnh viễn, là sự mở đầu để bước lên cung điện của Thượng đế, không có cái chết thì không có sự sống vĩnh hằng. Vậy thì sợ gì khi đối diện với thân chết ?

PHÁP SÁM HỐI.

Là một con người phàm phu ở đời, không ai là không mất phải sự sai lầm, không có ai tự hào là hoàn toàn trong sạch. Vậy muốn được trong sạch cần phải sám hối.

Người ta nói : “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài ”, Vậy ở trong bụi tất phải lấm bụi. Bụi đời đã lâu đời lâu kiếp phủ lên thân chúng ta, vào trong tâm thức của chúng ta. Chúng nó làm cho ta mờ tâm mờ trí không thấy được đâu là nẻo chánh đường tà, nó làm cho chúng ta đục lòng, không thấy được chơn tâm sáng suốt

Nếu chúng ta muốn sống mãi trong cảnh bụi nhơ, muốn đắm mình trong tội lỗi, thì không nói làm gì. Nhưng chúng ta đã muốn được trong sạch, được an lạc thanh thoát, muốn trút bỏ tội lỗi cho lòng được nhẹ nhõm, thư thái, thì tất nhiên chúng ta phải tìm phương pháp để trừ hết những bụi bặm, tẩy trừ cho hết những tội lỗi. Trong đạo Phật, phương pháp tẩy trừ ấy gọi là Sám hối.

Chữ “ Sám ” nguyên gốc tiếng Phạn gọi là Samma Trung Hoa dịch là Hối quá. Ghép giữa tiếng Phạn và Trung Hoa Việt Nam đọc là Sám Hối. Kinh nói : “ Sám giả sám kỳ tiền khiên, Hối giả hối kỳ hậu quá ”. Nghĩa là Sám là ăn năn lỗi trước, còn Hối là chữa bỏ lỗi sau. Nếu dùng một chữ Sám hay một chữ Hối thì chưa đủ ý nghĩa. Nên các Tổ xưa ghép hai chữ lại thành danh từ “ Sám hối”, Tiếng Việt gọi là “ ăn năn chữa lỗi ”.

Từ sám hối hơi giống giống như từ “xin lỗi ” ở thế gian. Nghĩa sám hối có chiều sâu và thực tế hơn từ xin lỗi. Sám hối trong đạo Phật bao hàm các tội từ kiếp trước cho đến hiện tại và vị lai. Sám hối trong đạo Phật thể hiện trọn vẹn ba nghiệp, thân khẩu ý, còn xin lỗi chỉ thể hiện khẩu nghiệp còn thân và ý có thể chưa thể hiện hết. Có lúc người ta miệng nói xin lỗi nhưng tâm chưa chắc họ thay đổi. Sám hối trong đạo Phật có tính cách thiêng liêng chứng tri cho việc cải hối ăn năn

của hành giả thông qua các danh hiệu chư Phật Bồ tát hoặc có sự chứng minh của chư tôn đức tăng. Nó mang tính tích cực và có khả năng hóa giải nhiều tội chướng nghiệp chướng v.v. Còn xin lỗi nó mang tính cách biểu trưng cho những sự việc làm gây tổn hại về tâm lý vật lý của đối phương trong hiện. Nó chỉ giải quyết những sự bất hòa hay sự lỡ lầm trong giai đoạn hiện tại nào đó chứ nó không bao quát rộng rãi và sâu xa như phương pháp sám hối trong đạo Phật

Sám hối là một pháp tu tập trong đạo Phật. Sám hối có nhiều cách và tựu trung trong hai việc là sự sám hối và lý sám hối. Sám hối có nhiều cách cao thấp tùy theo trình độ căn cơ mà ứng dụng cho mình trong việc tu tập.

Các cách sám hối: Sám hối chưa toàn thiện:, và sám hối toàn thiện:

a/ ***Sám hối chưa toàn:*** Là sám hối theo ngoài thế gian và ngoại đạo. Người thế gian mỗi khi phạm phải sai lầm, họ cũng sám hối bằng cách dùng lễ vật, như trầu rượu, heo gà tiền bạc v.v.. để tạ tội, xin lỗi. Có khi người ta dùng hình thức “đoái công chuộc tội”, như khi phạm phải luật pháp nhà nước hay quân đội chẳng hạn. Hình thức này cũng có cái hay nhưng chưa hoàn hảo và còn thô thiển. Nó chỉ áp dụng để đối phó bên ngoài, chứ trong trường hợp những tội lỗi xảy ra trong nội tâm của chúng ta, những tội ấy rất vi tế sâu xa, thì khó có thể mà áp dụng được hình thức trên.

Trong ngoại đạo, người ta cũng dùng nhiều hình thức chuộc tội : như có đạo dùng máu thú vật, máu người để xin rửa tội với thần linh, có đạo chủ trương dùng nước để rửa tội, như xuống sông tắm mình dưới nước . người ta cho là linh thiêng hết tội, có đạo lại đem phẩm vật để xin Thánh thần xá tội, có đạo chủ trương khổ hạnh, chịu nóng chịu rét, nằm gai nệm mật để được giải thoát tội.

Những cách chuộc tội như thế đều sai lầm chưa toàn thiện. Tội lỗi thuộc về tâm lý, không có hình tướng. Vậy thì làm sao có thể lấy vật chất như nước, máu huyết, phẩm vật hay xác thân con người để làm cho sạch tội được.

b/ Sám hối toàn thiện :

Phật dạy : Tội lỗi do tâm con người tạo ra, không ai có quyền thưởng phạt được. Kẻ gieo giống xấu thì hưởng quả xấu, người trồng giống tốt thì nhận quả lành. Tội lỗi đã từ tâm tạo, thì cũng phải từ tâm mà sám. Vậy chúng ta muốn hết tội, thì phải y theo những pháp sám hối chân chính của đạo Phật mà thực hành. Trong đạo Phật có nhiều cách sám hối, bao gồm hai loại sự sám và lý sám.

Sau đây là các cách sám hối mà các kinh luật đã đề cập.

1/ **Chúng pháp sám hối** : Phải lập đàn tràng và thỉnh chứng minh của chư Tăng thanh tịnh, nên gọi là tác pháp. Đối trước chư tăng (4 người, 10 người hay 20 người) tùy theo trường hợp phạm tội nặng hay nhẹ. Hành giả phải thành thật nói lên hết sự sai quấy lầm lỗi của mình đã gây ra, nhờ chư tăng chứng minh cho lời khai thành thật của mình và nguyện từ nay về sau không tái phạm nữa. Một lòng thành kính sám hối như vậy, khi giới thể được thanh tịnh, tức là hết tội. .

2/ **Đối thủ sám hối** : Khi đã phạm lỗi lầm nào đó, hành giả đến gặp một vị Thầy, đối trước vị thầy đó xin sám hối tội đã lỡ lầm gây ra, tội này có tính cách nhẹ mới được, chứ tội lớn không thể dùng phương pháp đối thủ được.

3/ **Tâm niệm sám hối** : Khi phạm những tội nhỏ nhẹ, hành giả chỉ tâm niệm trong lòng xét rằng điều đó trái với oai nghi, trái với đạo hạnh của một hành giả tu tập, nguyện từ nay về sau không tái phạm. Ví dụ hôm nay là ngày ăn chay mà mình đã phát nguyện hằng tháng như vậy, nhưng không để ý quên mất, hoặc gặp vị thầy của mình hoặc chư tăng chúng ta không tỏ ra chào hỏi cung kính đón tiếp v.v Sau đó

ngẫm lại oai nghi của mình chưa hoàn chỉnh, ăn năng sám hối trong lòng nguyện từ nay về sau không như vậy nữa. Đó là pháp tâm niệm sám hối.

4/ **Chế giáo sám hối** : Là phương pháp dùng cho trường hợp phạm giới. Khi hành giả vi phạm phải điều giới cấm đã phát nguyện thọ, nay bị phá vỡ cần phải sám hối để đem lại sự thanh tịnh, thì dựa theo các phương pháp sám hối quy định trong luật tạng mà sám hối gọi là chế giáo sám hối.

5/ **Hóa giáo sám hối** : Là sám hối về các hành vi ác chung chung, là sám hối về bất thiện nghiệp, áp dụng chung cho cả xuất gia và tại gia.

Hóa giáo sám hối có nhiều loại. Đó là các phương pháp sám hối được kinh hoặc luận đề cập đến với mục đích giúp hành giả dần dần tiêu trừ các pháp chướng đạo, bao gồm tụng kinh, bái sám, quán tưởng v.v.. Như sám - 3 chương phiền não là : Phiền não chương, nghiệp chương và báo chương. 4 chương là cộng thêm Kiến chương. 5 chương là Nghiệp, phiền não, chúng sanh, pháp và chuyển hậu thế chương.

Trong hai cách này, chế giáo sám là sám hối theo Luật tạng, còn hóa giáo sám là sám hối theo kinh luận.

- Sám hối theo luật là sám hối tội phá giới.
- Sám hối theo kinh luận là sám hối hành vi phạm nghiệp đạo.

Về mặt từ nguyên sám hối có nghĩa là thuyết tội, tức nói lên sự lỗi lầm của mình, việc làm phi pháp của mình. Trong luật tạng gọi là phát lộ.

Bốn loại sám hối :

1/ **Tác pháp sám hối**; Là phương pháp sám hối vận dụng cả thân miệng ý. Thực hành pháp sám này, thì thân phải lễ lạy, miệng phải

tụng đọc, ý phải tư duy. Hải lập đàn tràng có sự chứng minh của chư tăng.

2/ **Thủ tướng sám hối** : tức lễ lạy sám hối trước tượng Phật Bồ tát chừng nào thấy hảo tướng xuất hiện, như thấy hào quang phóng ra, hoặc Phật Bồ tát đưa tay xoa đầu v.v thì lúc đó tội mới được gọi là tiêu trừ.

3/ **Vô sanh sám hối**: Là quán hết thấy các pháp vốn không thật có, tội từ tâm khởi, tâm ấy vốn đã không nên tánh tội không có, tánh tội không nên tội cũng không. Cách sám này áp dụng cho những vị có trình độ cao, trình độ thấp chứ lắm tướng áp dụng thì rất nguy hiểm.

4/ **Hồng danh sám hối** : Pháp sám này do Ngài Bất Động Pháp sư đời Tống Trung Hoa biên soạn. Ngài rút ra 53 danh hiệu Phật trong kinh “ Ngũ thập Tam Phật ” , và rút ra 35 hiệu Phật trong kinh “ Quán Dược Vương, Dược Thượng ” Với Pháp Thân Phật A Di Đà, sau thêm vào kệ Phổ Hiền đại nguyện, thành nghi sám hối này, tổng cộng 108 lạy, để ám chỉ trừ 108 phiền não.

Cách sám này đối trước tượng Phật, Bồ tát lễ lạy bày tỏ lỗi lầm của mình từ xưa đến nay. Như Thủy sám, Lương Hoàng sám, Ngũ Bách Danh, Hồng Danh, Mộc Liên Sám Pháp, Tam Thiên Phật Danh, Vạn Phật Danh v.v . Mỗi lần xưng danh một vị Phật lạy một lạy, tùy sự phát nguyện lạy nhiều hay ít tùy sức khỏe và thời gian. Lạy nhiều hay ít không đặt nặng vấn đề điều cần nhất là sự nhất tâm và thành kính của hành giả.

Sự sám hối và lý sám hối : Sự sám hối là nói tắt cả nghi thức sám hối của chế giáo cũng như hóa giáo, tức là sám hối có biểu hiện hình thức bên ngoài. Lý sám hối cao hơn một bậc, là dùng trí quán chiếu thật tướng của các pháp mà diệt trừ tội. Sự sám hối tương đương với với tác pháp sám hối và thủ tướng sám. Lý sám hối tương đương với vô sanh sám.

Sau khi làm lễ sám hối xong. Cần phải phát triển hạnh lành cho nhiều, để đem công đức hồi hướng tiêu trừ tội cũ,

Những tội lỗi của chúng ta từ xưa đến nay rất nhiều, có thể nói là vô số. Sự sống của chúng ta nối tiếp liên tục từ đời nọ đến đời kia, như một chuỗi dài vô tận. Rồi cứ mỗi đời từ sanh đến tử, từ tử đến sanh, chúng ta cứ tạo thêm tội mãi. Từ cái tệ này bắt qua cái dở khác, từ cái lỗi nhỏ đi tới cái lỗi lớn, cái đà ấy tăng dần mãi tạo thành một sức mạnh gọi là nghiệp lực, dắt dẫn chúng ta đi vào con đường khổ não, mê lầm, tức dòng sanh tử chúng ta đang thọ vậy.

Trong kinh nói : “ Nếu tội lỗi của chúng sanh có hình tướng, thì tất cả hư không cũng không thể chứa hết ”. Thật thế, tội lỗi của chúng sanh chất chồng muôn vạn kiếp, và truyền nối qua thời gian, bởi di truyền, phong tục, thói quen v.v Những tội lỗi ấy là những tánh xấu tiềm ẩn trong tâm chúng ta, như tham, sân, si, mạn v.v rất sâu sắc, khó dứt khó trừ. Trong kinh gọi chúng là “ câu sanh vô minh” hay “ Bốn hữu chủng tử ”, nghĩa là những hạt giống ấy đã có từ lâu. Những hạt giống này lại làm duyên sanh ra những tội lỗi khác, trong kinh luận gọi là “ Phân biệt phiền não ” hay “ thí khởi chủng tử ” nghĩa là hạt giống mới nẩy do ảnh hưởng thời đại, tập quán, phong tục chi phối. “Phân biệt phiền não” thì có thể dễ trừ, nhưng “ câu sanh vô minh” thì rất khó trừ.

Cho nên chúng ta không nên sám hối lấy lệ, lấy có được ! Chúng ta phải làm sao cho :

a/ Những tánh xấu kia yếu bớt dần dần, do sức mạnh của lòng thành khẩn và chí cương quyết.

b/Rồi dứt tuyệt chúng, mà nếu không có phương pháp thích hợp, thì chẳng khác gì lấy đá đè cỏ, nó bị đè tạm thời, nhưng khi dời đá đi nó mọc trở lại. Phương pháp thích hợp trong sự sám hối là : **Phát triển hạnh lành, để tiêu trừ tội cũ.**

Phát triển hạnh lành: Trong mỗi chúng ta không phải toàn chứa đựng những tánh xấu xa. Nếu tánh xấu đã có từ muôn thuở, thì tánh tốt cũng có từ vô thủy. Chúng ta mỗi người ai cũng đều có Phật tánh là cái mầm muôn hạnh lành, cái mầm ấy đã bị chôn vùi dưới bao lớp dục vọng thì chúng ta phải tạo điều kiện, cho cái mầm Phật tánh trở lá, lên hoa kết trái Bồ đề. Điều kiện làm cho mầm Bồ đề phát triển là những hạnh lành như Từ bi, Hỷ xả, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn v.v.. Nếu chúng ta phát triển những tánh tốt ấy, tất nhiên những tánh xấu không có đất để mọc lên nữa.

Sám hối có tác dụng tích cực như là một phương pháp tu tập xét trên bình diện tâm linh. Sám hối có tác dụng chữa trị thuộc lãnh vực tâm lý.

Về mặt tâm linh, sám hối đóng vai trò như một pháp môn tu tập giúp hành giả đạt được những bước tiến trên con đường giác ngộ giải thoát.

Ích lợi đầu tiên ở trong lãnh vực tu tập là khôi phục giới thể thanh tịnh cho người phạm giới. Nếu phạm các điều khoảng giới mà không phát lồ sám hối trước tăng, tức là sám hối theo chế giáo nghi, thì giới thể bị ô nhiễm. Kinh nói giới có thanh tịnh thì mới phát sinh thiện định, có thiện định mới có trí tuệ. Giới thể này là năng lực phòng phi chỉ ác được phát sanh trong quá trình cầu thọ giới, nó có chức năng ngăn không cho các pháp hữu lậu xâm nhập vào tâm. Chỉ có sám hối mới có khả năng khiến cho giới thể đã bị ô nhiễm trở lại thanh tịnh.

Lợi ích thứ hai trong lãnh vực tâm linh là tiêu trừ nghiệp. Xét hành vi phạm giới có hai yếu tố, đó là phạm giới đối với tăng- tức là đi ngược lại những giao ước sống chung của tăng và phạm nghiệp đạo. Yếu tố phạm giới thì trên đã nói, nó chỉ giới hạn ở hàng ngũ xuất gia. Yếu tố phạm nghiệp đạo thì bao quát cả tăng lẫn tục. Sám hối theo chế giáo nghi thì giới thể được thanh tịnh trở lại, nhưng nghiệp đạo đã phạm thì vẫn không mất, bởi vì chế giáo căn cứ trên tướng - Chỉ có

sám hối theo hóa giáo nghi thì nghiệp đạo mới tiêu trừ, do hóa giáo thuộc phạm trừ tánh. Vì vậy thực hành các phương pháp sám hối theo kinh luận như tụng kinh bái sám, quán tưởng sẽ giúp hành giả dần dần tịnh hóa nghiệp của mình.

Ngoài ra các phương pháp sám hối mà đức Phật nói trong kinh còn là thời khóa tu tập để tăng cường giới định huệ v.v. Trong khi tu tập pháp sám hối thân thể lễ bái, miệng tụng đọc tương đương với (tác pháp sám hối) Tâm ý chuyên chú vào đối tượng như Phật, Bồ Tát, đó là tương đương với định (Thủ tướng sám hối), nếu hành giả dùng tâm ý quán chiếu thật tánh của các pháp để diệt trừ vô minh thì sám hối ấy tương đương với tuệ (vô sanh sám hối). Sám hối vì thế trở thành trợ duyên cho ba môn giới định tuệ tăng trưởng.

Về mặt tâm lý, sám hối theo luật tạng có công năng như một biện pháp chữa trị, nuôi dưỡng một tâm hồn thanh cao.

Với đạo Phật, người sám hối là người đang cần sự giúp đỡ của tăng chứ không phải thú nhận tội lỗi để chịu tội hay được tha thứ (xá tội).

Thông thường trong các tôn giáo khác, khi nói đến sám hối thì mọi người đều nghĩ ngay đến ý niệm “tội” như là hành vi không vâng lời đối với đấng tối cao như chúa, Thượng đế. . .thế nhưng “tội” trong đạo Phật không phải như vậy. Với Do Thái giáo, tội là sự bỏ qua không vâng lời theo ý muốn của Thượng đế, với Cơ Đốc giáo, tội nói chung là những gì đã tách con người ra khỏi Thượng đế, trong đó tội Tổ tông là trường hợp điển hình, ngoài ra không tin chúa Jesus cũng được xem là một tội nặng. Với Hồi Giáo, tội chủ yếu là sự làm trái ý Thượng đế. Nói chung trong các tôn giáo nhất thần thì tội là vấn đề liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến vị thần linh được tin tưởng.

Phật giáo không quan niệm có một đấng toàn năng với quyền uy tuyệt đối và một chiều như là đấng “sáng tạo” để ban phước giáng tội

cho con người, cho nên không có khái niệm “ tội ” như là hành vi trái phạm đối với vị ấy. Chữ “tội ” mà chúng ta đang đề cập đến ở trong phần sám hối này, theo quan niệm của phật giáo, chỉ có nghĩa là những hành vi xấu ác, tánh xấu ác này là dựa trên tính chất căn bản của nghiệp được tạo. Chữ “tội ” theo nghĩa tiếng phạn là “ cái bị rơi ”. Như thế, người phạm tội là người không theo kịp mọi người, bị rơi từ chỗ cao xuống chỗ thấp do phạm phải các điều xấu ác. Đối với những người “ bị rơi ” như thế, tức là những người yếu đuối, sự giúp đỡ từ những người “ không bị rơi ” là điều rất cần thiết, cho nên họ phát lộ lỗi lầm của mình trước tăng (những người không bị rơi) để cầu xin năng lực nâng đỡ. Thông qua năng lực nâng đỡ từ những lời giáo giới cuat tăng và sự thánh thiện phát ra (khái niệm từ lực của những vị có giới đức tạo thành một lực trường có khả năng ảnh hưởng đến những người khác, giống như khái niệm từ trường trong vật lý học). Từ bản thân tăng thiện pháp (ý chí làm lành lánh dữ) ở trong con người lầm lỗi ấy sẽ tăng thêm. Đây chính là một ý nghĩa rất quan trọng mang tính chữa trị tâm lý của việc sám hối.

Lại nữa, xét về tâm lý người phạm tội luôn luôn mang cảm giác bức rứt, hối hận, gọi là cảm giác tội lỗi, khiến cho tâm họ không được yên ổn (đây chính là lý do mà luật nói những người phạm giới nặng mà không phát lồ sám hối thì nhập định không được). Hơn nữa, những cảm giác xấu ấy nếu trải qua lâu ngày mà không được giải tỏa sẽ chuyển thành trạng thái mặc cảm dưới dạng vô thức và tiếp tục ảnh hưởng đến tâm thái của người phạm tội. Theo phân tâm học thì chính mặc cảm vô thức này góp phần đưa đến những cảm xúc và hành xử có tính cách bất bình thường cần được chữa trị. Trong chừng mực nào đó, sám hối là cách giải tỏa cái tâm lý đang bị dồn nén ấy (phát lộ hay thuyết tội). Cũng như một người khi có điều muốn nói mà chưa nói ra

được, do vì e ngại hoặc không có đối tượng để tỏ bày thì trong lòng cứ thấy bồn chồn, tâm trạng cứ như “ ngồi trên lửa ”,

Cuối cùng sám hối là dùng hai tâm sở thiện tâm và quý để đối trị hai tâm sở bất thiện vô tâm và vô quý (tâm quý nghĩa là hổ và thẹn), tức lợi dụng tâm lý xấu hổ để không chế những hành vi xấu ác, đưa hành giả đến chỗ toàn thiện.

Kết luận : Đến đây, hẳn chúng ta thắc mắc một điều: Liệu sám hối rồi tội có hết không ? Để trả lời nghi vấn này chúng ta phải dựa vào tam tạng giáo điển. Nếu xét về yếu tố phạm giới, các bộ luật đều khẳng định sám hối như pháp thì giới thể trở lại thanh tịnh như cũ. Riêng yếu tố phạm nghiệp đạo thì rõ ràng là không đơn giản. Các kinh thường nói sám hối thì nghiệp được tiêu trừ, thế nhưng không phải sám hối là nghiệp mất hết, không còn phải chịu quả báo. Ngài Long Thọ khẳng định trong Thập Trụ Bà Sa luận rằng :

“ Ta không nói sám hối thì nghiệp tội diệt hết, không còn quả báo, ta chỉ nói sám hối thì tội giảm nhẹ, thời gian lãnh thọ ngắn hơn ”.

Nói tóm lại, sám hối là một phương pháp gột rửa tâm có vai trò rất quan trọng trong đạo Phật. Nhìn từ khía cạnh chế giáo, sám hối mang tính cưỡng bức và thuộc tác trì môn, mục đích của nó đem lại sự thanh tịnh và hòa hợp trong tăng theo tinh thần quy ước của giới luật. Người phạm giới sau khi sám hối đúng theo luật thì giới thể trở lại thanh tịnh như cũ. Tất nhiên với những tội luật cho sám hối. Lại nữa, bên cạnh yếu tố phạm giới còn có yếu tố phạm nghiệp đạo thì không thể sám hối theo luật mà hết được, phải sám hối theo kinh hoặc luận. Nhìn từ phương diện kinh luận, tức khía cạnh hóa giáo, sám hối mang tính tự nguyện và dựa trên tính chất căn bản của nghiệp đạo, mục đích của nó là tiêu trừ nghiệp, giúp hành giả thăng tiến trên con đường giải thoát .

Nếu thực hành sám hối đúng pháp thì đem lại những kết quả như sau :

- Làm phát triển tánh thành thật.
- Trau dồi đức tánh cương quyết trong sự diệt trừ tánh xấu.
- Dứt được tội, sanh phước.
- Mau thẳng đến chỗ giải thoát an vui.

Nhờ pháp sám hối của Đạo Phật, mà con người có thể cải hóa lòng mình tốt đẹp hơn. Nhờ pháp sám hối, con người có thể làm cho đời sống cá nhân được hạnh phúc, và đời sống xã hội được hòa bình an lạc.

Vậy ai là người muốn hết tội lỗi, ai là người muốn giải thoát sanh tử luân hồi, ai là người yêu chuộng chân lý, thì hãy cùng nhau nghiên cứu và thực hành các pháp sám hối của đạo Phật cho kỹ, để trước là cải thiện đời sống cá nhân, sau là đời sống của giống hữu tình được bớt đau khổ, và an vui./.

CÁC BÀI NHẠC ĐẠO

LỜI TẠ TỪ

Nhạc : theo nhạc : “ Những đời hoa sim ”

Lời : Thích nữ Giác Liên .

Tiễn biệt thầy đi, ôi ! Tiễn biệt thầy đi, cả đàn con đều buồn tê tái. Thầy về niềm vui ấm lòng bao lữ khách, chuông chùa ngân tiếng vang ! Tiếng pháp như ru vào cõi giác, như lạc vào cõi mộng. Thầy tạ từ ra đi, về nơi mái chùa xa tím đỏ, lòng trẻ sầu chan chứa, niềm vui tắt nụ cười.

Những lời Thầy khuyên, Ôi ! Những lời Thầy khuyên đóa hồng liên tuyệt vời. Dù một lần thôi niềm tin nghe chánh pháp, lắng lòng như suối trong, gió rít không gian dường hư im tiếng, chơn tình Thầy đã về, dù Thầy về nơi đâu, đừng quên nhé ! Chùa còn nơi đó , càng nhớ càng thêm nhớ, người cha của tinh thần . . .

Nay Thầy đã về, nhìn Thầy đi bóng dáng đầy thương nhớ, Ôi ! Lòng chan chứa cuộn theo gió, tiễn Thầy trong phút cuối, con chưa nói gì nên câu, nghẹn ngào lời tạ từ, tiễn Thầy cất bước ra đi, Ôi ! Cõi đời như sương khói, hiệp hòa rồi ly tan, chua xót sâu dằng dáy mắt.

Tiễn biệt Thầy đi, Ôi ! Tiễn biệt Thầy đi, cả đàn con đều buồn nhớ! Tạ từ biệt ly Thầy về nơi chốn cũ, nhờ Thầy con tiến tu. Giáo pháp Như Lai nghìn xưa ấy, như bầu trời mở rộng ! Lời Thầy dạy chơn kinh. Lòng con vẫn còn ghi nhớ mãi, nguyên kết đài sen trắng, đàn con kính dâng Thầy.

CUNG NGHINH HÀNH XỨ NHƯ LAI

Nhạc Hoài Linh- Mạnh Phát (nổi buồn gác trọ)

Lời : Thích nữ Giác Liên.

Kỷ niệm hân hoan con đón Thầy ! Bên đường sỏi đá cùng vui lây ! Tiếng chơn Thầy bước niềm ưu ái. Ánh đạo vàng Như Lai, tưởng như Thích Ca hạ thế. Lễ mừng cung nghinh con rước Thầy ! Thầy là ánh sáng vàng trắng khuya ! Xóa tan mờ tối đời đau khổ. Lái thuyền nhẹ nhẹ đưa, khách trần thoát qua luân hồi.

Hương bay nghi ngút chúng con thành tâm. Kính dâng vạn đài sen. Xin ban pháp - y vương cho quần sanh. Cõi đời thôi đừng oan trái, xóa tan mây mù, cho loài người hết khổ đau. Pháp Phật thâm sâu khó nghĩ bàn, Tạng là ánh sáng rọi trần gian. Vô minh là nỗi sâu vạn kiếp. Niết bàn là yên vui. Giác ngộ bước qua bể khổ.

Quyết tìn chơn kinh nương bóng từ ! Con đường Phật quốc là quê xưa. Dững tâm cầu tiến tầm chơn lý. Đức Phật đại từ bi, đuốc huệ sáng soi muôn đời.

MẾN THẦY.

Nam mô A Di Đà Phật. Nam mô A Di Đà Phật.

Hôm nay Thầy về đây chúng con xin kính chào Thầy, trong giờ phút vui này chúng con biết làm gì đây, chúng con nguyện tinh tấn, diệt tan tham sân hận, ánh đạo vàng hằng mong tiến đến dần. Dù bao nhiêu gian khổ, dù gặp điều nguy khó, lý tưởng chúng con vẫn tôn thờ. Thầy là bóng cây che mát chúng con, Thầy là ánh sáng dắt dìu lòng con, Thầy là con đường thanh lương đưa chúng con đến bờ thơm thương. Thầy theo hạnh nguyện Pháp Vương, theo gương tròn sáng soi mười phương.

MẸ TỪ BI

Nam mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát . . . (2 lần)

Chấp tay quỳ kính lạy người, thiết tha con xin nguyệncầu
Quê hương là giòng sôngmát trong trắng vàng soi sáng
Nam mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (2 lần).

Đóa hoa tươi . . .Sắc vô thường sớm khuya rơi rớt khôn lường
Nương thuyền từ vượt qua Bến mê đến nơi bờ giác . . .

Mẹ hiền Quán Thế ÂmGọt nước cành dương xoa dịu lầm than
Mẹ hiền Quan Thế Âm Đem đến an vui dứt sạch ưu phiền
Mẹ hiền Quan Thế ÂmNgàn mắt ngàn tay vô lượng vô biên
Mẹ hiền Quan Thế ÂmChiếu sáng yêu thương khắp nơi bình yên . . .

Nam mô Đại Từ Đại bi Quan Thế Âm Bồ Tát . . . (2 lần)

Chiến tranh đau đớn cuộc đời. Bão giông mây nước ngập trời

Con xin Mẹ từ bi Xót thương cứu độ trần gian

Điệp khúc
Mẹ hiền Quán Thế Âm
Giọt nước nhàn dương xoa dịu lằn than

SEN VẪN NỞ TRÊN MIỀN TÂY PHƯƠNG

1/ Sen vẫn nở trên miền Tây phương
Ôi ! Tây phương quê hương ta đó
Từng cánh sen xinh xinh đua nở
Từng cánh sen đua nhau khoe màu
Từng cánh sen, từng cánh sen
Sen vẫn nở Đức Phật yêu thương
Sen vẫn nở trên miền Tây phương
2/ Đường năm xưa ta đi trong giáo lý
Đường hôm nay ta đi trong Phật trí à á a. à á a
Quyết tu hành trực vãng Tây phương
Đường Tây phương hôm nay thấp sáng
Cùng Tăng Ni vui trong tứ chúng à á a. à á a.
Hãy niệm Phật cùng về Tây phương
3/ Sen vẫn nở trên miền Tây phương
Ôi ! Tây phương quê hương ta đó
Mười phương chúng sanh đua nhau niệm Phật
Mười phương chúng sanh đua nhau nguyện cầu
Cầu vãng sanh, cầu vãng sanh
Sen vẫn nở trên miền Tây phương
Sen vẫn nở đức Phật yêu thương.
4/ Sen vẫn nở trên miền Tây phương
Ôi ! Tây phương quê hương ta đó

Dù bé thơ nhưng biết niệm Phật
Dù tuổi cao cũng biết niệm Phật
Từng cánh sen, từng cánh sen
Thương chúng sanh tất cả mười phương
5/ Lời niệm Phật êm như tiếng suối
Lời trì kinh vang như thác núi
Nguyện vãng sanh, nguyện vãng sanh
Tín nguyện hạnh, phải hành tha thiết
Lời Phật Thích Ca năm xưa nhớ lấy
Nhờ Phật Quan Âm Từ bi chỉ lối
A Di Đà Phật tiếp dẫn về Tây phương
6/ Sen vẫn nở trên miền Tây phương
Ôi ! Tây phương quê hương ta đó
Từng phút giây gieo nhân niệm Phật
Từng cánh sen, từng cánh sen.
Sen vẫn nở trên miền Tây phương
Sen vẫn nở Đức Phật yêu thương

BÀI XUNG TÁN THẦN CHÚ ĐẠI BI

Kính lạy Ngàn mắt ngày tay sức lực thần
Đại bi Tâm chú giữa mùa xuân
Hồng liên đôi mắt niềm tin lớn
Oai đức Từ bi tỏa sáng ngàn.
Ta lên non cao, ta về biển sâu *****
Chờ đời tăm tối hãy mau nguyện cầu
Đại Bi tâm ơi ! Đại bi Tâm ơi !
Bệnh khổ do thân muôn kiếp nào
Quả nhân vay trả .. biết làm sao

Nương câu thần chú... Đại bi đó.
Tâm cảm chừ vui . . . nổi ghen ngào ***
Khổ đau kiếp đời . . . ***
Nhọc nhằn nơi nơi ***
Oai Thần chú nguyện . . .
Đại Bi Tâm ơi . . .
Ngàn mắt ngàn tay đẹp lối về
Đưa toàn sanh chúng . . dứt tình mê
Quan Âm Bồ tát Từ bi nguyện
Nguyện độ trần gian . . biết nẻo về . .